

NHỮNG TÁC PHẨM KINH ĐIỂN THẾ GIỚI



G. De Maupassant

Truyện ngắn chọn lọc

Viên mỡ bò



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

VIÊN MỠ BÒ



GUY DE MAUPASSANT

VIÊN MỠ BÒ

TẬP TRUYỆN

Nhiều người dịch

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

MÓN GIA TÀI

Tặng Catulle Mendès

Tuy chưa đến mười giờ nhưng nhân viên đã ào ào kéo tới trước cửa lớn của Bộ Hải quân, họ đi tấp nập từ khắp các ngã Pa-ri lại, vì đã gần đến ngày nguyên đán, thời kỳ công tác bận rộn và thăng quan tiến chức. Tiếng bước đi dồn dập vang lên trong toà nhà rộng lớn, ngoắt ngoéo, khúc khuỷu, với những đường hành lang chằng chịt, nhan nhản những cửa vào các phòng.

Ai nấy vào phòng mình, bắt tay bạn đồng sự đến trước, cởi áo khoác ngoài, mặc chiếc áo làm việc cũ kỹ và ngồi vào bàn chất đống những giấy tờ đang chờ đợi. Rồi người ta đi hỏi thăm tin tức ở các phòng bên cạnh. Thoạt tiên người ta dò hỏi xem ông sếp đã đến chưa, ngài có hi hỉ không, thư từ hôm nay có nhiều không.

Ông Xê-da Ca-sơ-lanh, tham biện quản trị "vật liệu chung", là một cựu hạ sĩ quan bộ binh hải quân, nhờ thâm niên mà được thăng chức tham biện thượng hạng, đang ghi vào sổ cái tất cả những giấy tờ mà viên thừa lại văn phòng mang tới. Trước mặt ông ta là lão Xa-vông, giữ việc chuyển đạt công văn, một lão già dần dộn, nổi tiếng vì

những chuyện xấu số về vợ con, lão đang chậm chạp sao lại một bức điện của ông chủ, chăm chú vào việc, người nghiêng về một bên, con mắt nhìn chéo, với một dáng điệu cứng nhắc của người sao chép tỉ mỉ.

Ông Ca-sơ-lanh, người to béo, tóc bạc và ngắn dựng lên thành bàn chải trên đỉnh đầu, vừa làm công việc hàng ngày vừa nói: "Ba mươi hai bức điện từ Tu-lông gửi về. Nguyên cái cẳng này công việc bằng bốn cẳng khác". Rồi ông ta hỏi lão Xa-vông một câu mà sáng nào ông cũng hỏi: "Thế nào, bác Xa-vông, bác gái nhà ta thế nào?".

Lão già, không ngừng công việc, trả lời: "Ông Ca-sơ-lanh ơi, ông thừa biết câu chuyện ấy làm cho tôi khổ tâm lắm rồi!".

Thế là viên tham biện quản trị lại ngả ra cười như mọi ngày, khi nghe câu trả lời quen tai ấy.

Cửa phòng mở, Ma-dơ bước vào. Đó là một anh chàng đẹp trai, tóc nâu, ăn mặc diện quá lối, hần thường vẫn lấy làm bất mãn vì tự cho rằng chức vụ hiện tại của hần không xứng đáng chút nào với tướng mạo và kiểu cách của hần. Hần đeo những chiếc nhẫn gộc, một chiếc dây đồng hồ to tướng, một chiếc kính một mắt, đeo cho keng, vì lúc làm việc thì hần bỏ kính ra, và hần có cái điệu luôn luôn vung vẩy cổ tay để phô bộ khuy tay kếch sù và óng ánh.

Thoạt bước vào cửa, anh chàng đã hỏi: "Hôm nay có làm việc không?". Ông Ca-sơ-lanh đáp: "Vẫn cái cẳng Tu-

lông nó dòn vè. Năm hết tết đến có khác; các tướng ở đây tích cực quá".

Nhưng Pi-tô-lê, một nhân viên khác, tính ba lơn và hóm hỉnh, bước vào vừa cười vừa hỏi: "Thế còn bọn ta mà lại không tích cực à?" .

Rồi, rút đồng hồ ra, hần tuyên bố: "Mười giờ kém bảy phút, thế mà mọi người đã có mặt ở sở! Chà! Các ngài bảo như thế là cái gì? Mà tôi đánh cuộc với các ngài rằng ông lớn Lơ-xáp đã tới từ chín giờ kia rồi, cùng lúc với quan sắp nhà ta".

Viên tham biện quản trị ngừng viết, gài bút lên tai, và tỳ khuỷu tay xuống giá viết, nói: "Ồ! Cái bố ấy à, nếu hần không được thắng thì chẳng phải vì không tích cực!".

Và Pi-tô-lê, ngồi trên góc bàn, chân đu đi đu lại, trả lời: "Rồi hần được thắng đấy, bác Ca-sơ-lanh ạ, cứ yên trí rằng hần sẽ được thắng. Tôi đánh cuộc với bác hai mươi quan ăn một rằng không đầy mười năm nữa hần sẽ lên làm chủ sự cho mà xem?"

Ma-dơ đang vừa hơ đuôi vào lửa vừa quán một điều thuốc lá, nói: "Thôi! Cứ như tớ, chả thà suốt đời lĩnh lương hai nghìn lẻ bốn còn hơn là long tóc gáy lên như hần".

Pi-tô-lê xoay tít người trên gót chân, nót xỏ: "Thế mà, cậu ơi, hôm nay là ngày 20 tháng chạp, không ai bảo cậu cũng đến trước mười giờ đấy".

Nhưng anh chàng kia nhún vai ra vẻ dửng dưng: “Đếch gì! tớ cũng chẳng muốn để cho ai cười lên lưng được. Vì các cậu mới bánh mắt ra đã đến đây thì tớ cũng phải theo, mặc dầu tớ không ưng cái lối sốt sắng của các cậu. Đến như làm theo kiểu Lơ-xáp, xưng với ông sếp thì thưa thưa bẩm bẩm, rồi sáu giờ rưỡi tối mới ở sở về, rồi mang theo công việc về nhà làm, thì tớ xin vãi. Vả lại, tớ ấy à, tớ phải giao du nhiều, tớ còn bận nhiều nhiệm vụ khác”.

Ông Ca-sơ-lanh đã ngừng ghi sổ và ngồi suy nghĩ, mắt nhắm chiêu nhìn phía trước. Cuối cùng ông hỏi: “Thế các bác chắc rằng năm nay hấn lại được thăng chức à?”.

Pi-tô-lê kêu lên: “Hấn sẽ lên, tôi cam chắc cả mười phần chứ không phải một. Hấn lấu lĩnh thế kia mà”.

Thế là người ta bàn tán đến câu chuyện muôn thuở thăng chức và tăng lương, từ một tháng nay làm xôn xao cả cái ổ quan liêu lớn kia, từ tầng sát đất lên đến tận nóc nhà.

Người ta tính toán may rủi, người ta đoán phỏng những con số, người ta cân nhắc các cấp bậc, người ta tức giận trước với những bất công dự đoán sẽ có. Người ta bàn đi tán lại không biết đến bao giờ những vấn đề đã bàn hôm trước, và chắc chắn sẽ trở lại ngày mai, vẫn ngần ấy lý do, ngần ấy chứng cứ và ngần ấy lời lẽ.

Một viên tham biện khác bước vào, bé nhỏ, xanh xao, vé ồm yếu, đó là Boát-xen, một người sống như trong một

tiểu thuyết của A-léc-dăng Duy-ma bố⁽¹⁾. Đối Với lão ta thì chuyện gì cũng biến thành chuyện phiêu lưu ly kỳ: sáng nào lão cũng kể cho bạn nổi khố là Pi-tô-lê nghe những cuộc gặp gỡ lạ lùng của lão đêm trước, những tấn kịch xảy ra đâu ở trong nhà lão, những tiếng thét lên trong đêm hôm ngoài phố làm cho lão phải mở toang cửa sổ vào lúc ba giờ hai mươi sáng. Ngày nào lão cũng đã can ngăn những kẻ đánh nhau, kìm hãm những con ngựa đang lồng, cứu giúp những phụ nữ lâm nguy, vả mặc dù thân hình còm cõi thảm hại, lão luôn luôn với giọng lè nhè và quá quyết kể lại những chiến công mà tay lão đã từng đạt được.

Vừa được biết người ta đang bàn về Lơ-xáp, thế là lão tuyên bố: "Rồi cũng có ngày tôi hỏi tội thằng nhãi con ấy: mà nếu vô phúc hấn lại định cười lên lưng tôi, thì tôi choảng cho hấn một mẻ, cứ là cạch đến già?".

Ma-dơ, vẫn đang hút thuốc, nhạo luôn: "Bác có giỏi thì cứ choảng ngay hôm nay, vì tôi biết rõ là năm nay bác bị gạt đi để nhường chỗ cho Lơ-xáp đấy".

Boát-xen vung tay lên: "Tôi thề rằng nếu..."

Cửa lại mở, và một người trẻ tuổi bước vào, thân bé nhỏ, để râu mép kiểu sĩ quan hải quân hay trạng sư, áo cổ cứng rất cao, anh ta bước vào hấp tấp, vẻ bận rộn lắm.

⁽¹⁾ A-léc-xang Duy-ma bố (Alexandre Dumas père) là một tiểu thuyết gia Pháp nổi tiếng, hay viết những truyện có tính chất phiêu lưu, ly kỳ (1803-1870) (N.D.)

mồm thì cứ liến đi, dường như lúc nào cũng vội không nói hết lời. Hấn chìa ra bắt tay mọi người, cập rập như kẻ không có thì giờ rồi để vớ vẩn, và bước lại gần viên tham biện quản trị nói: "Ông bạn Ca-sơ-lanh, ông làm ơn chuyển cho tôi tập hồ sơ Sa-pơ-lu, dây bện chảo, Tu-lông, A.T.V. 1875".

Viên tham biện đứng lên, với tay lấy một cặp các-tông ở trên đầu, rút lấy một tập tài liệu để trong một bìa xanh, và đưa ra: "Thưa ông Lơ-xáp đây, chắc ông biết rõ là hôm qua ông sếp đã lấy đi ba bức điện trong hồ sơ này?".

- Vâng. Tôi đang giữ những bức điện ấy, cảm ơn ông.

Rồi người trẻ tuổi vội vã bước ra.

Hấn vừa ra khỏi thì Ma-dơ tuyên bố: "Ái chà! Oai thật! Tưởng chừng như hấn đã làm ông sếp rồi đấy."

Pi-tô-lê đáp liền: "Yên trí! Yên trí! Hấn sẽ lên trước tất cả chúng ta".

Ông Ca-sơ-lanh vẫn chưa viết. Hình như một định kiến gì ám ảnh ông ta. Ông lại nói: "Anh chàng trẻ tuổi ấy có triển vọng lắm đấy!".

Tức thì Ma-dơ lẩm bẩm bằng một giọng khinh miệt: "Đối với kẻ nào lấy bộ này làm nơi ăn đời ở kiếp thì đúng đấy. Đối với người khác thì không hấn...".

Pi-tô-lê ngắt lời hấn: "Ý cậu muốn trở nên đại sứ chắc?".

Gã kia nguây nguẩy bực mình: "Không phải là chuyện tở. Tở thì tở đêch cần! Muốn thế nào thì chúc chủ sự cũng chẳng phải to gì với đời".

Lão Xa-vông, người chuyên đạt công văn, vẫn không ngừng sao chép. Nhưng từ lúc này lão cứ chấm liên hồi ngòi bút vào lọ mực, rồi lại hí hoáy chùi ngòi bút vào miếng bọt biển dầm nước chung quanh bình mực, mà vẫn chưa vạch được một chữ nào. Mực đen cứ trôi theo mũi nhọn ngòi bút và rỏ thành giọt tròn xuống giấy. Lão ta, hoảng hốt và ngao ngán, nhìn bản sao mà lão phải chép lại, cũng như bao nhiêu bản khác từ nãy đến giờ, và lão buồn bã lắm lắm:

"Lại mực hồng đây..."

Mọi người cười rầm lên. Ca-sơ-lanh đưa cái bụng rung chuyển cả chiếc bàn; Ma-dơ bẻ người làm hai như sắp thụt lùi vào lò sưởi; Pi-tô-lê giậm chân, ho hắng, vung vẩy bàn tay phải như đang ướt, và cả đến Boát-xen cũng phì cười, tuy lão ta thường vẫn nhìn sự vật bằng con mắt bi thảm chứ không khôi hài.

Nhưng lão Xa-vông, rút cục phải chùi ngòi bút vào vạt áo rơ-đanh-gốt⁽¹⁾, gất lên: "Cái gì mà cười. Người ta phải chép đi chép lại hai, ba lần đây này".

Lão rút trong tập giấy thấm ra một tờ giấy khác, lồng giấy phóng vào rồi viết lại tiêu đề: "Thưa tổng trưởng và

⁽¹⁾ *Redingote*: lễ phục của đàn ông (N.D.)

đồng nghiệp thân mến...". Bây giờ ngòi bút đã giữ mực và vạch từng chữ rõ ràng. Rồi lão già lại ngồi chéo người đi và tiếp tục sao chép.

Những người khác vẫn chưa hết cười. Họ cứ sặc sụa lên. Số là từ sáu tháng nay họ tiếp tục cái trò trêu chọc lão già mà lão chẳng hay gì cả. Họ rỏ mấy giọt dầu lên miếng bọt biển chùi ngòi bút. Ngòi bút thép nhồn dầu không bắt mực nữa; thế là lão già cứ mất hàng giờ vừa ngạc nhiên vừa bực mình, tốn hàng hộp ngòi bút và hàng chai mực, rút cục lão tuyên bố rằng đạo này chất lượng văn phòng phẩm kém quá.

Thế rồi trò đùa biến thành những nhiễu, làm tình làm tội. Người ta trộn thuốc súng vào thuốc lá của lão già, người ta đổ thuốc nước vào bình nước mà lão thỉnh thoảng vẫn uống một cốc, và người ta giải thích cho lão rằng từ ngày loạn Công xã đến giờ, bọn đảng xã hội thường làm giả nhiều vật dụng để đổ lỗi cho chính phủ và gây ra cách mạng.

Vì thế lão già đâm ra căm thù độc địa bọn vô chính phủ mà lão tưởng như ở chỗ nào chúng cũng mai phục, ẩn nấp, và lão lo sợ huyền hoặc những chuyện mật mù ghê gớm nào đó.

Nhưng một tiếng chuông đột ngột vang lên ngoài hành lang. Ai nấy đều nhận rõ cái tiếng chuông lỏng lộn ấy của ông sếp, ông Toóc-sơ-bốp, và ai nấy nhảy xổ ra cửa để về phòng mình.

Ca-sơ-lanh lại tiếp tục ghi sổ, rồi ông ta lại đặt bút xuống, hai tay bóp trán suy nghĩ.

Ông ta nung nấu một ý định nó day dứt ông từ ít lâu nay. Vốn là cựu hạ sĩ quan bộ binh hải quân được miễn dịch sau ba lần bị thương, một lần ở Xê-nê-gan và hai lần ở Nam-kỳ, và được đặc cách vào công tác ở bộ, ông đã từng chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ cực, nhọc nhã và cay đắng trong cuộc đời kéo dài làm một nhân viên tùy thuộc quèn; vì vậy ông coi quyền hành, quyền hành nhà nước, như cái gì đẹp nhất ở đời. Một viên chủ sự đối với ông tưởng như là một nhân vật đặc biệt, sống trong một thế giới cao quý nào; và những viên chức nào mà ông nghe người ta bàn tán: "Thằng cha ấy láu lỉnh, nó sẽ tiến nhanh", thì ông coi như họ thuộc một giống người khác, bản chất khác hẳn ông.

Vì thế, đối với người bạn đồng sự của ông là Lơ-xáp, ông rất coi trọng đến chỗ như tôn kính, và ông nuôi một ý muốn thâm kín, ý muốn khẳng khẳng là gả con gái cho anh ta.

Con gái ông một ngày kia sẽ giàu có, giàu lắm. Điều đó tất cả bộ ai cũng biết rõ, là vì chị ông ta, cô Ca-sơ-lanh, của có bạc triệu, một triệu đúng, cả của chìm lẫn của nổi, nghe đâu cô ta nhờ chuyện tình tứ mà nhặt nhạnh được, nhưng cuối châu cô đã sám hối trở thành ngoan đạo.

Cô gái già xưa kia trai lơ ấy, đã về vườn với cái vốn năm mươi vạn quan, mà trong vòng mười tám năm trời cô ta đã làm tăng lên gấp đôi, nhờ sự chắt bóp dè sẻn và

những thói sống keo kiệt. Từ lâu cô ta ở cùng với em trai goá vợ, có một đứa con gái nhỏ là Cô-ra-li; nhưng cô ta đóng góp vào sự chi tiêu trong nhà chẳng được mấy tí, chỉ kè kè giữ của và cốp nhặt, và luôn mồm bảo Ca-sơ-lanh: "Không lo đâu, chẳng qua rồi lại để cho con gái cậu, nhưng mau gả chồng cho nó sớm đi, tôi muốn được trông thấy các cháu. Chỉ còn có nó là sẽ làm cho tôi vui tuổi già được bế đứa cháu thuộc máu mủ nhà ta nữa thôi".

Câu chuyện đó khắp sở đều biết; và không thiếu gì kẻ ngấp nghé. Người ta kháo nhau là chính ngay Ma-dơ, anh chàng Ma-dơ đẹp trai, con mãnh hổ của cơ quan, cũng cứ là quân quýt lây bố Ca-sơ-lanh với một ý định lộ liễu. Nhưng lão đội cựa này, một tay tinh quái đã từng lăn lộn bốn phương trở về, thì chỉ muốn tìm một chàng trai có triển vọng, một chàng sẽ trở nên chủ sự và nhờ đó mà ông ta, Xa-da, cựu hạ sĩ quan, sẽ được thơm lây. Thì Lơ-xáp đáp đúng yêu cầu của ông ta một cách tuyệt diệu, và từ lâu ông nghĩ cách lôi kéo anh chàng đến nhà mình.

Bỗng chốc ông xoa tay ngẩng lên. Ông đã nghĩ ra.

Ông biết rõ nhược điểm của mỗi người. Chỉ có cách đánh vào cái tính hiếu thắng của Lơ-xáp, hiếu thắng về nghề nghiệp. Ông sẽ đến nhờ cậy hẳn che chở cho, cũng như người ta đến nhà các ngài thượng nghị sĩ hay hạ nghị sĩ, cũng như người ta đến nhà một nhân vật cao cấp nào đó.

Từ năm năm nay chưa được thăng chức cho nên Ca-sơ-lanh chắc mẩm năm nay sẽ được lên. Vậy ông sẽ giả

tặng như nhờ có Lo-xáp mà được, và ông sẽ mời anh ta đến ăn tiệc gọi là để tạ ơn.

Vừa nghĩ ra mưu kế, ông lập tức khởi sự. Ông lấy trong tủ ra chiếc áo đi phố, cởi áo cũ ra, và mang theo tất cả những tài liệu đã vào sổ thuộc bộ phận công tác của người bạn đồng sự, ông đến phòng mà anh này được đặc cách chiếm riêng một mình, do sự tích cực công tác và mức độ quyền hạn của anh ta.

Chàng trẻ tuổi đó đang ngồi viết trên một chiếc bàn rộng, giữa đồng hồ sơ để mở và giấy má bừa bộn, đánh số bằng mực xanh mực đỏ.

Vừa thấy viên tham biện vào, anh ta hỏi bằng một giọng thân mật trong đó có thoáng chút vì nề: "Thế nào, ông bạn, có nhiều việc lắm không đấy?".

- Thưa cũng khá. Và tôi cũng muốn thưa chuyện với ông.

- Mời ông bạn ngồi xuống đây, tôi xin nghe.

Ca-sơ-lanh ngồi xuống, húng hắng, làm ra vẻ luống cuống và nói bằng một giọng ấp úng: "Thưa ông, tôi đến đây vì việc này. Tôi không dám nói quanh co. Con nhà lính, tôi cứ xin nói thẳng. Tôi đến để nhờ cậy ông một việc".

- Việc gì thế?

Xin nói vắn tắt. Tôi cần được thăng bậc năm nay. Tôi thì tôi chẳng có ai che chở cả, cho nên tôi nghĩ đến ông".

Lơ-xáp đỏ mặt, ngạc nhiên, hài lòng, đẩy bên lên mà kiêu hãnh. Tuy nhiên anh ta trả lời:

"Kìa ông bạn, ở đây tôi có quyền hành gì đâu. Tôi còn kém ông xa, ông sắp lên tham biện thượng hạng rồi. Tôi chẳng làm gì được đâu. Ông tin rằng..."

Ca-sơ-lanh ngắt lời một cách đột ngột mà rất mực kính trọng: "Ấy chết, ông dạy quá lời. Ông được quan sắp tin cậy, ông chỉ nói một tiếng cho tôi là được... Ông xét cho, chỉ còn mười tám tháng nữa là tôi được về hưu, mà nếu mông một tháng giêng này tôi không được lên thì tôi thiệt đến năm trăm quan. Tôi vẫn biết người ta thường nói: "Ca-sơ-lanh không túng thiếu đâu, chị hán có bạc triệu". Kể ra thì cũng đúng. Chị tôi có một triệu, nhưng bà ấy còn để làm ra lời ra lãi, và chẳng đem cho ai. Đành rằng là để cho con gái tôi; nhưng con gái tôi với tôi, vẫn là hai người. Rồi đến nước con gái và chàng rể tôi nó lên xe xuống ngựa, còn tôi thì chẳng có lấy miếng mà nhai, bấy giờ tôi mới thật mát mặt!... Chắc ông thừa hiểu hoàn cảnh đó, phải không ạ?"

Lơ-xáp gập gù nói: "Ông nói đúng lắm, đúng lắm. Chàng rể ông có thể đối đãi với ông không tốt lắm. Và lại không phải nhờ vả ai vẫn là thành thói hơn. Thôi thì tôi hứa sẽ hết sức giúp ông, tôi sẽ nói với ông sếp, tôi sẽ trình bày trường hợp của ông, và nếu cần thì tôi nói gắng thêm. Ông cứ tin ở tôi!"

Ca-sơ-lanh đứng lên, nắm lấy hai tay người đồng sự mà lắc theo kiêu nhà binh; và ông ta nói lúng túng: "Đa tạ,

đa tạ, xin ông tin rằng nếu có dịp... Nếu tôi có thể...". Ông ta không nói hết, vì cũng không biết nói nốt cái gì, và ông bỏ đi, nện gót xuống đường hành lang vang lên theo nhịp bước của một cựu binh.

Nhưng bỗng ông nghe tiếng chuông réo lên lồng lộn, thế là ông cầm đầu chạy vì ông đã nhận ra tiếng chuông đó. Viên chủ sự. Ông Toóc-sơ-bớt, gọi viên tham biện quản trị của mình.

Tám hôm sau, một buổi sáng, Ca-sơ-lanh thấy trên bàn của mình một bức thư niêm phong, nội dung nói:

"Thưa bạn đồng sự thân mến, tôi rất sung sướng báo tin để ông biết rằng quan tổng trưởng, theo đề nghị của ngài giám đốc và ngài chủ sự của chúng ta, đã ký lệnh thăng chức thượng hạng tham biện cho ông hôm qua. Ngày mai ông sẽ nhận được thông báo chính thức. Từ nay đến lúc đó xin ông hãy cứ làm như chưa biết tin gì nhé!

Chúc ông mạnh giỏi

Lơ-xáp"

Lập tức Xê-da chạy tới phòng của người đồng sự trẻ tuổi cảm ơn, xin lỗi, hứa hết lòng trung thành, cuống cuồng lên vì ân nghĩa.

Quả nhiên, ngày hôm sau người ta được tin các ông Lơ-xáp và Ca-sơ-lanh đều được thăng chức. Các nhân viên khác thì lưu lại năm sau, và, để đền bù, họ được lĩnh tiền thưởng từ một trăm năm mươi đến ba trăm quan.

Lão Boát-xen tuyên bố một tối nào đó sẽ rình Lơ-xáp ở góc phố vào nửa đêm, và nện cho hắn một trận gục tại chỗ. Các nhân viên khác đều im lặng.

Thứ hai sau, Ca-sơ-lanh vừa tới sở đã đi đến phòng quan thầy, bước vào một cách trịnh trọng, giọng lễ phép:

"Nhân dịp lễ Ba Vua⁽¹⁾ tôi rất mong được hân hạnh ông đến dự bữa tiệc mọn ở nhà chúng tôi. Ngày giờ xin tùy ông quyết định".

Chàng trẻ tuổi, hơi ngạc nhiên, ngẩng đầu lên và nhìn chòng chọc vào mắt người đồng sự để dò la ý tứ, rồi anh ta trả lời: "Nhưng, thưa ông bạn, chẳng là trong thời gian tới, tối nào tôi cũng đã chót hẹn cả rồi".

Ca-sơ-lanh khấn khoản, bằng một giọng thật thà: "Thưa ông, ông đã giúp cho tôi như thế mà ông từ chối thì chúng tôi ân hận lắm. Nhân danh gia đình tôi và cá nhân tôi, tôi mong ông chấp nhận cho".

Lơ-xáp phân vân, ngần ngại. Anh ta đã hiểu ý, nhưng không biết trả lời thế nào, vì chưa kịp suy nghĩ và cân nhắc lợi hại. Cuối cùng anh nghĩ thầm: "Thì đi ăn một bữa cũng chẳng chết ai" và anh ta nhận lời với một vẻ hài lòng,

⁽¹⁾ *Lễ Ba Vua*: Theo lịch công giáo, trong những ngày lễ đó người ta thường tổ chức ăn uống mời khách. Trong bữa ăn dọn một món bánh ngọt đặc biệt, gọi là bánh Vua, trong bánh để giấu một hạt đậu, khi cắt bánh ăn) ai được hạt đậu thì được tôn là Vua và chọn một người dân bà trong bữa ăn làm hoàng hậu; cả hai người đều được coi trọng trong suốt bữa.

hẹn ngày thứ bảy tối. Anh lại mỉm cười nói thêm: "Nhu thể để hôm sau tôi không phải dậy sớm quá".

II

Ông Ca-sơ-lanh ở trên tầng cao phố Rô-sơ-soa, gác thứ năm, một gian nhà nhỏ có sân gác, từ đó nhìn được suốt cả Pa-ri. Nhà có ba buồng, một dành cho bà chị, một cho con gái, một cho ông ta, phòng ăn cũng dùng làm phòng khách.

Suốt cả tuần lễ ông ta loay hoay trù tính cho bữa tiệc mời khách. Thục đơn được bàn rất lâu để chuẩn bị một bữa ăn trường giả đặc biệt. Cuối cùng người ta ấn định như sau: một món xúp thịt hầm có trứng, đồ ăn nguội, tôm và dôi, tôm hùm, gà giò, đậu Hà-lan hộp, pa-tê gan mỡ, xà-lách, kem, và đồ nước.

Gan mỡ được đặt mua ở hiệu thịt bên cạnh, lấy đẳng thượng hảo hạng. Chỉ riêng chiếc liễn đựng đã đáng giá ba quan năm mươi. Còn rượu vang thì Ca-sơ-lanh hỏi mua của hàng rượu đầu phố, họ bán từng lít thứ rượu đỏ mà ông vẫn uống. Ông không muốn đến cửa hiệu lớn vì đã tính toán kỹ: "Những ty-rượu nhỏ ít dịp bán được rượu ngon, cho nên họ giữ được rượu rất lâu trong hầm và do đó họ có rượu thật ngon".

Chiều thứ bảy, ông ta về thật sớm để lo chuẩn bị sẵn sàng đón khách. Con ở ra mở cửa, mặt đỏ hơn cà chua, vì nó đốt lò ngay từ trưa, chỉ sợ muộn, thế là mặt nó cứ như chín rừ, và lại nó cũng rớt rít cảm động.

Ông vào phòng ăn để kiểm soát. Giữa gian phòng nhỏ, chiếc bàn tròn nổi lên thành một điểm trắng lớn, dưới ánh sáng rực rỡ của ngọn đèn có chụp một chao đèn xanh lá cây.

Bốn chiếc đĩa trên đế khăn ăn do bà cô Ca-sơ-lanh tết thành hình đuôi gà, hai bên là dao đĩa bằng kim loại trắng, và phía trước là hai chiếc cốc, một to, một nhỏ. Xê-da ngấm nghĩa thấy chưa được đẹp mắt liền gọi: "Sắc-lốt!".

Cửa bên trái mở, và một mụ loắt choắt hiện ra. Mụ ta hơn em đến mười tuổi, bộ mặt đét đóng khung trong mớ tóc bạc có những miếng giấy giữ cho quăn. Tiếng nói phều phào, yếu ớt quá so với thân người nhỏ lưng gù, và mụ hơi lê chân bước đi với những cử chỉ đồ đần.

Xưa kia, thời cô còn là con gái, người ta trầm trồ về cô nàng: "Cô ả xinh tẹt". Nhưng bây giờ nàng đã thành một mụ già gầy còm, rất sạch sẽ vì thói quen cũ, ngang ngạnh, bướng bình, đầu óc hẹp hòi, câu chấp, và để cái kính. Mụ sinh ra mộ đạo, dường như quên hết những chuyện ong bướm thời xưa.

Mụ hỏi: "Cậu hỏi gì?".

Ông em đáp: "Tôi thấy bày hai cốc nó lỏng chóng thế nào ấy. Hay ta nên đãi sâm banh... Bất quá ta tốn thêm

không đây ba bốn quan, thế mà lại bày thêm được cốc phễu. Phòng ăn trông sẽ nổi hẳn lên" .

Cô Sác-lốt nói: "Cứ ý tôi thì tiêu tốn thêm không cần thiết. Thôi thì tuy vậy, tốn là tốn cho cậu, chứ can gì đến tôi".

Ông ta ngập ngừng, tìm lý do để tự thuyết phục mình: "Tôi cho rằng như thế xôm hơn. Mà rồi có thể thì cái món bánh Vua mới nổi đình đám". Lý do đó làm ông ta quyết ý. Ông lấy mũ và trở xuống cầu thang, rồi năm phút sau quay về với một chai có dán nhãn hiệu trắng đỏ: "Rượu sâm-banh hảo hạng Sa-ten Rê-nô-vô".

Và Ca-sơ-lanh tuyên bố: "Chỉ tốn có ba quan, mà xem chúng ngon tuyệt".

Ông ta tự mở tủ lấy những chiếc cốc phễu và bày ra bàn.

Cửa bên phải mở ra. Cô con gái bước vào. Cô ta người cao lớn, mập mạp và hồng hào, một cô gái đẹp, tốt nòi, có bộ tóc hạt dẻ và đôi mắt xanh lơ. Một chiếc áo dài giản dị làm nổi lên thân hình tròn trĩnh và mềm mại; tiếng nói to, gần như tiếng đàn ông, với những âm điệu trầm trầm làm rung cả dây thần kinh con người ta. Cô ta vỗ tay kêu lên như trẻ con: "Trời ơi! sâm-banh! tuyệt quá!".

Ông bố bảo con: "Điều cốt yếu là con phải niềm nở đối với ông khách, ông ấy đã giúp ba nhiều việc".

Cô ta ngả ra cười, cái cười sang sảng như muốn nói: "Con biết rồi".

Tiếng chuông ngoài phòng đợi vang lên, cửa mở ra rồi đóng lại. Lơ-xáp bước vào. Anh chàng mặc bộ đồ đen, đeo ca-vát trắng và găng trắng. Hắn làm người ta choáng mắt. Ca-sơ-lanh đâm xỏ ra, cuống quýt và hoan hỉ: "Kìa ông bạn, chỗ người nhà cả ấy mà; ông xem tôi vẫn mặc áo vét-tông đây này".

Chàng trẻ tuổi đáp: "Vẫn hay rằng thế, ông cũng đã cho biết, nhưng tôi nó thành thói quen, ra đến ngoài là phải quần áo chỉnh tề". Anh ta cúi chào mọi người, chiếc mũ cấp ở tay, một chiếc hoa trên ve áo. Xê-da giới thiệu: "Đây là chị tôi, bà Sác-lốt, con gái tôi, Cô-ra-li, ở nhà quen gọi là Cô-ra".

Mọi người nghiêng mình. Ca-sơ-lanh lại nói: "Nhà không có phòng khách riêng. Kể cũng hơi phiền, nhưng rồi cũng quen đi". Lơ-xáp đáp: "Thế này là tuyệt lắm".

Rồi người ta đỡ lấy mũ hắn vẫn giữ ở tay. Hắn liền tháo găng ra.

Mọi người ngồi xuống; người ta nhìn nhau, qua chiếc bàn, và không ai nói gì hết. Ca-sơ-lanh hỏi: "Thế nào, hôm nay ông sếp có ở lại sở lâu không? Tôi, tôi phải về sớm để giúp mấy bà này một tay".

Lơ-xáp chậm rãi đáp: "Không. Chúng tôi cùng ra về sau khi bàn cách giải quyết vấn đề vải dầu ở Bơ-rét. Vấn đề rắc rối quá, làm chúng ta sẽ mệt với nó đấy".

Ca-sơ-lanh thấy cần phải giải thích cho chị biết, liền quay lại phía cô ta nói: "Bao nhiêu việc khó khăn ở sở đều

là do ông Lơ-xáp giải quyết hết. Có thể nói ông làm chẳng kém gì ông sếp".

Cô gái già lễ phép chào và tuyên bố: "Dạ! Tôi đã rõ ông có nhiều khả năng".

Con ở vào, lấy đầu gối đẩy cửa, hai tay giơ cao bụng một liễn xúp lớn. Thế là "chủ nhân" kêu lên: "Xin mời vào bàn! Ông Lơ-xáp, mời ông ngồi đây giữa bà chị tôi và cháu. Tôi chắc rằng ông không sợ phụ nữ". Và bữa ăn bắt đầu.

Lơ-xáp làm điệu niềm nở với một chút tự mãn, gần như hạ cố, và anh ta liếc nhìn cô thiếu nữ, ngạc nhiên thấy cô ta tươi tắn, khoẻ mạnh, đến là ngon mắt. Cô Sác-lốt, biết rõ thâm ý của ông em, cố làm duyên dáng, và cô ta gắng tiếp chuyện, chuyện nhạt nhẽo xoay quanh những vấn đề chung chung. Ca-sơ-lanh hớn hờ, nói to, pha trò, rót rượu vang mà ông ta mới mua một giờ trước ở hàng rượu đầu phố: "Ông Lơ-xáp, làm một cốc rượu Buốc-gô này. Tôi không dám nói nó là thượng hảo hạng, nhưng mà ngon, để hâm lâu và nguyên chất, cái đó thì xin đảm bảo. Rượu này là do mấy người bạn ở tận gốc đem cho đây".

Cô thiếu nữ không nói năng gì, hơi đỏ mặt, hơi bẽn lẽn, ngượng nghịu vì ngồi bên cạnh người đàn ông mà cô ta nghĩ là có ý tứ gì.

Đến món tôm hùm, Xê-da tuyên bố: "Đây là một nhân vật mà tôi ưng làm quen lắm đây". Lơ-xáp, tươi cười kể chuyện một nhà văn đã gọi tôm hùm là "hồng y giáo

chủ trên mặt bể", vì không biết rằng trước khi luộc thì con vật này lại đen. Ca-sơ-lanh phá ra cười và luôn mồm: "À hay! hay! Câu chuyện ngộ đấy". Nhưng cô Sác-lốt nghiêm mặt nói: "Tôi không hiểu họ liên hệ như thế nào. Cái ông ấy đùa là không phải chỗ. Tôi thì tôi thông cảm với tất cả mọi cách bông đùa, nhưng tôi phản đối việc người ta giễu cợt giới tu hành trước mặt tôi".

Chàng trẻ tuổi, muốn làm đẹp lòng cô gái già, liền tóm lấy cơ hội đó để phát biểu ý kiến về công giáo. Anh ta nói đến những kẻ vô ý thức coi nhẹ những chân lý vĩ đại. Rồi anh ta kết luận: "Tôi, tôi kính trọng và tôn sùng tín ngưỡng của ông cha, tôi đã được dạy dỗ trong khuôn phép đó, tôi sẽ trung thành cho đến lúc chết".

Ca-sơ-lanh không cười nữa. Ông ta vắn về những viên ruột bánh và lẩm bẩm: "Đúng đấy, đúng đấy". Rồi ông chuyển hướng câu chuyện làm ông phát ngán, và theo khuynh hướng tư tưởng tự nhiên của những người ngày nào cũng lăm mải một việc, ông ta hỏi: "Anh chàng Ma-dơ đẹp trai không được thăng chức, chắc là điên người lên đấy nhỉ?".

Lơ-xáp mỉm cười: "Làm thế nào được? Công nào thì của ấy chứ!". Và người ta nói sang chuyện cơ quan bộ, làm cho ai nấy đều chăm chú, là vì hai người đàn bà thông tỏ hết các nhân viên ở bộ chẳng kém gì Ca-sơ-lanh, tối nào mà hai người chẳng nghe nói đến họ. Cô Sác-lốt thì chú ý nhiều đến Boát-xen vì những câu chuyện phiêu lưu mà lão ta kể và cũng vì đầu óc tiểu thuyết của lão, còn cô

ả Cô-ra thì thâm vụng lưu ý đến anh chàng Ma-dơ đẹp trai. Nhưng thật ra họ chưa gặp những người ấy bao giờ.

Lơ-xáp bàn về nhân viên trong bộ với giọng trịnh thượng tưởng như một vị tổng trưởng phê phán nhân viên của mình.

Anh chàng nói: "Ma-dơ không phải không có chỗ ưu điểm; nhưng phàm muốn được đề bạt thì người ta phải siêng năng hơn hẳn. Hẳn thích giao du, chơi bời. Những cái đó chỉ làm rối óc người ta lên thôi. Không bao giờ hẳn tiến xa được, đó là lỗi tại hẳn. Có thể, nhờ thế lực mà hẳn ta leo lên được tới chức phó chủ sự, nhưng chỉ đến thế thôi. Còn Pi-tô-lê, phải thừa nhận rằng anh chàng này viết khá, hình thức có văn vẻ đấy, nhưng không có nội dung. Anh ta cái gì cũng là phiến diện. Không thể để cho hẳn đứng đầu một phòng quan trọng được, nhưng một ông sếp thông minh có thể sử dụng hẳn tốt, nếu chỉ bảo công việc cho hẳn".

Cô Sác-lốt hỏi: "Thế còn ông Boát-xen?"

Lơ-xáp nhún vai nói: "Đồ vô vị, vô vị. Lão ta chẳng nhìn được cái gì đúng mức cả. Toàn là tưởng tượng những chuyện hoang đường. Đối với chúng tôi lão ấy thật vô tích sự".

Ca-sơ-lanh cười và nói: "Khá nhất là lão Xa-vông". Mọi người đều cười. Rồi người ta bàn đến chuyện sân khấu và những vở diễn trong năm. Lơ-xáp cũng lại phê phán như người có thẩm quyền về văn học sân khấu, xếp

loại dứt khoát các tác giả, nhận định về ưu khuyết của mỗi người một cách quả quyết như những kẻ tự cho mình là cái gì cũng biết và không bao giờ lầm lẫn.

Người ta dùng xong món gà quay. Bấy giờ Xê-da mở liền pa-tê gan mỡ ra một cách hết sức thận trọng, làm cho người ta đánh giá được món ăn đựng bên trong. Ông ta nói: "Tôi không biết món này có thành công không. Nhưng nói chung, thường là nó vẫn tốt. Một người anh em họ ở Sơ-rát-sbua gửi cho đây".

Và ai nấy đều ăn thông thả trịnh trọng món pa-tê đựng trong chiếc liên đất vàng.

Đến món kem thì thật là tai hại. Nó như một thứ xốt, một thứ xúp, một thứ nước nhọt nhọt, lỏng bồng trong một chiếc đĩa có chân. Đây là cô ở trẻ, sợ không biết làm, đã phải nhờ cậu hàng bánh đơm ở cối ra cho, cậu ta đến thật sớm từ lúc bảy giờ.

Ca-sơ-lanh, thất vọng, định bắt đem đi, nhưng rồi ông cũng nguôi vì nghĩ đến món bánh Vua. Ông ta cắt bánh chia ra một cách bí hiểm, dường như bên trong có chuyện gì bí mật lắm. Ai nấy đều chăm chú nhìn vào chiếc bánh tượng trưng, và người ta đề nghị mỗi người phải nhắm mắt lại để lấy phần của mình.

Ai được hột đậu? Một nụ cười ngây thơ thoáng trên môi mọi người. Lơ-xáp khẽ thốt lên: "Ồ!" ngạc nhiên, và giơ lên giữa ngón tay trỏ và ngón cái một hột đậu trắng to

còn dính bột. Thế là Ca-sơ-lanh vỗ tay hoan hô, và kêu lên: "Chọn hoàng hậu đi. Chọn hoàng hậu đi?"

Vua ta ngập ngừng một tí. Có nên chọn cô Sác-lốt để "chính trị" một tí hay không? Cô ta sẽ khoái trí, và như thế là thu phục được, ăn đứt đi! Nhưng rồi anh chàng nghĩ rằng sự thực là vì nàng Cô-ra mà người ta mời mình đến, nếu lại chọn bà cô thì mình hoá ra là một thằng ngốc. Thế là anh ta quay về phía cô thiếu nữ ngồi bên, và đưa nàng hột đậu đế vương: "Thưa quý nương, xin cho phép tôi được tặng nàng?" Và lần đầu tiên họ nhìn tận mặt nhau. Cô nàng nói: "Xin cảm ơn ông!" và nhận lấy vật bảo chứng uy quyền kia.

Anh chàng nghĩ thầm: "Quả là cô gái này đẹp thật. Đôi mắt tuyệt. Mà người lại bạo dạn, khẩu thật!"

Một tiếng nổ làm hai người đàn bà giật bắn người. Ca-sơ-lanh vừa mở chai sâm-banh, rượu vọt ra và chảy xuống khăn giải bàn. Rồi người ta rót đầy bột vào các cốc, và chủ nhân tuyên bố: "Rượu hảo hạng, trông cũng biết". Nhưng Lơ-xáp vừa sắp uống để cho rượu khỏi tràn ra ngoài cốc, thì Xê-da kêu lên: "Kìa đức vua ngự tửu! Đức vua ngự tửu! Đức vua ngự tửu!". Cô Sác-lốt ta cũng vui lây, giọng the thé la lên: "Đức vua ngự tửu! Đức vua ngự tửu!".

Lơ-xáp uống cạn cốc một cách vững vàng, và đặt cốc xuống bàn: "Các vị xem tôi cứng lắm đấy chứ!" rồi, quay về phía Cô-ra: "Đến lượt quý nương, xin mời!"

Cô nàng định uống, nhưng vì mọi người kêu lên: "Hoàng hậu ngự tửu! Hoàng hậu ngự tửu!", cô ta đỏ mặt, ngả ra cười và đặt chiếc cốc phễu xuống trước mặt.

Bữa ăn về cuối thật là vui vẻ, vua tỏ ra ân cần và chiều chuộng hoàng hậu. Rồi, đến lúc dùng rượu mù, Ca-sơ-lanh nói: "Xin để người nhà dọn bàn cho rộng. Trời không mưa, ta có thể ra ngoài sân gác một phút, ông ta cố ý để mọi người ra ngắm cảnh bên ngoài, tuy trời đã tối.

Thế là người ta mở cửa kính ra vào. Một luồng gió ẩm lọt vào phòng. Bên ngoài trời ẩm, như tiết tháng tư; mọi người bước lên bậc từ phòng ăn ra ngoài hiên gác rộng. Người ta chỉ nhìn thấy một ánh sáng mờ là là trên thành phố lớn, như những vòng lửa quay trên đầu các thánh. Từng chỗ từng chỗ ánh sáng đó đậm hơn, và Ca-sơ-lanh giải thích: "Đây chỗ kia là khu Lạc-viên sáng như thế đấy. Đây là dãy đại lộ. Chà! nhìn rõ nhỉ! Ban ngày đứng đây mà nhìn toàn cảnh thì tuyệt đẹp. Dù ai đi du lịch tận đâu, cũng không thấy nơi nào đẹp hơn ở đây".

Lơ-xáp từ khuỷu tay xuống lan can sắt, bên cạnh Cô-ra, cô ta đang nhìn vào khoảng không, im lặng, lơ đãng, lòng bỗng nhiên sưng sờ vì một mối buồn vợ vắn. Cô Sác-lốt sợ lạnh trở vào phòng. Ca-sơ-lanh tiếp tục nói, tay chỉ về phía điện Anh-va-lít, Trô-ca-đê-rô, khải hoàn môn Ngôi Sao.

Lơ-xáp khẽ hỏi: "Thế nào, cô Cô-ra, cô có ưng nhìn Pa-ri từ nơi cao này không?"

Cô nàng khê giật mình, như sực tỉnh, và trả lời: "Tôi à?... có chứ, nhất là về chiều tối. Tôi nghĩ đến bao nhiêu điều đang diễn ra ở kia, trước mặt chúng ta. Biết bao nhiêu kẻ sung sướng và kẻ khổ sở trong những nhà kia! Nếu người ta được nhìn thấy hết thì người ta biết được bao nhiêu điều!".

Anh chàng sát lại gần cho tới khi đụng vai vào khuỷu tay nhau: "Những đêm trăng, chắc là huyền ảo lắm?".

Cô nàng rủ rỉ: "Thật thế đấy. Người ta tưởng như bức chạm của Guýt-ta-vơ Đơ-rê⁽¹⁾. Nếu có thể đi dạo chơi thật lâu trên các mái nhà thì thú vị biết bao".

Thế là chàng hỏi han về những sở thích, những ước vọng, những thú vui của nàng. Và nàng trả lời không bối rối, rõ ràng cô gái chín chắn, khôn ngoan, không quá mơ mộng. Chàng thấy nàng quả là có ý thức, và tự nhủ rằng thật là khoái trá nếu có thể quàng tay ôm lấy cái thân hình tròn trĩnh và chắc nịch kia, và hôn thật lâu từng chiếc hôn nhỏ nhẹ, như người ta nhấm nháp thứ rượu mạnh thật ngon, vào làn má tươi thắm kia, chỗ bên cạnh tai, có một ánh đèn rơi vào. Anh ta cảm thấy bị thu hút, xúc động bởi cái cảm giác ở sát bên người đàn bà, bởi sự thèm khát thứ xác thịt chín muồi và trong trắng, và bởi sự quyến rũ tế nhị của người thiếu nữ. Anh ta tưởng như có thể đứng đó

⁽¹⁾ *Guýt-ta-vơ Đơ-rê* (Gustave Doré): một nhà họa sĩ và điêu khắc Pháp (1833-1883). (N.D.)

hàng giờ, hàng đêm, hàng tuần, mãi mãi, tựa tay bên cạnh nàng, để cảm thấy nàng ở bên mình, để thấm vào mình cái khoái trá được gắn gũi nàng. Và có cái gì như một cảm xúc nên thơ nâng bổng lòng anh chàng lên trước cảnh đô thành Pa-ri to lớn bày ra trước mặt, rực rỡ ánh sáng, đang sống cuộc sống ban đêm, cuộc sống ăn chơi và hành lạc. Anh ta tưởng như mình khống chế cả thành phố đồ sộ, như mình bay lượn ở bên trên; và anh cảm thấy khoan khoái biết bao nhiêu nếu tối nào cũng được tựa tay trên hiên gác này bên một người đàn bà, và âu yếm nhau, hôn nhau, siết chặt lấy nhau ở bên trên đô thành rộng lớn, bên trên mọi ái ân mà nó chứa đựng, bên trên mọi thoả mãn phàm tục, bên trên mọi dục vọng tầm thường, liến sát ngay các vì sao. Có những buổi chiều mà cả những tâm hồn ít xúc động nhất cũng đắm ra mơ mộng, dường như họ mọc cánh. Có lẽ anh chàng hơi say rượu.

Ca-sơ-lanh, bỏ đi tìm điếu, rồi trở lại vừa châm thuốc hút vừa nói:

"Tôi biết ông không hút nên không mời. Không có gì thú hơn là đốt một môi thuốc ở đây. Tôi, nếu mà bắt tôi ở tầng dưới thì không chịu được. Sở dĩ ở trên này được, là vì toà nhà này là của bà chị tôi, cả hai toà nhà bên cạnh, bên phải và bên trái cũng thế. Bà chị tôi, vốn liếng cũng khá. Những nhà này, trước đây bà ấy tậu cũng không đắt". Và, quay vào phía phòng ăn, ông ta hỏi to: "Chị Sác-lốt, trước chị tậu những đất này mất bao nhiêu?"

Thế là có tiếng the thé của cô gái già trả lời. Lơ-xáp chỉ nghe được lờm bờm: "...Năm một nghìn tám trăm sáu ba... ba mươi nhăm quan... xây dựng sau... ba toà nhà... một chủ nhà băng... bán lại ít ra là năm mươi vạn quan..."

Cô ta kể lễ, khoe của dễ dãi như một anh lính già kể lại các trận đánh. Cô ta kể từng món tậu được, bao nhiêu người dám mua lại như thế nào, thặng giá là bao nhiêu, v.v...

Lơ-xáp rất chú ý, quay người lại, tựa lưng vào lan can. Nhưng vì chỉ nghe được từng mẩu, câu được câu chăng, nên đột nhiên anh ta bỏ rơi cô bạn trẻ để vào phòng nghe cho hết; và, ngồi bên cô Sác-lốt, anh ta bàn rất lâu với cô ta, nào giá cho thuê nhà có cơ tăng lên, nào lời lãi thu được nếu người ta biết đặt vốn, bằng tiền mặt hay của chìm.

Vào quãng nửa đêm anh ta ra về, hứa sẽ trở lại.

Một tháng sau, khắp cơ quan bộ chỗ nào cũng chỉ nghe nói đến đám cưới Giắc Lê-ô-pôn Lơ-xáp lấy cô Xê-lét Cô-ra-li Ca-sơ-lanh.

III

Đôi vợ chồng trẻ cùng ở một tầng với Ca-sơ-lanh và cô Sác-lốt trong một gian nhà giống như của họ, người

thuê nhà ở đó đã bị tổng đi nơi khác.

Nhưng một mối lo lắng day dứt tâm trí Lơ-xáp: bà cô không làm giấy dứt khoát cam đoan để lại gia tài cho Cô-ra. Tuy nhiên cô ta đã bằng lòng thể "trước Chúa" rằng chúc thư của cô ta đã làm rồi, đăng ký ở phòng giấy viên quản lý văn khố Ben-lom. Ngoài ra cô ta đã hứa rằng tất cả tài sản của cô sẽ về tay cháu gái, duy với một điều kiện. Người ta thúc cô nói rõ điều kiện ấy thế nào, thì cô từ chối không nói, nhưng cô lại mỉm cười ra vẻ hiền hậu mà cam đoan rằng điều kiện cũng dễ thực hiện thôi.

Trước những lời giải thích đó và tính ương ngạnh của cụ già mộ đạo, Lơ-xáp nghĩ cũng chẳng làm thế nào được hơn, vả lại anh chàng đã phải lòng cô thiếu nữ, nổi khát khao thắng mọi sự ngờ vực, cho nên anh ta đã ngá theo ý muốn khẳng khẳng của Ca-sơ-lanh.

Bây giờ thì anh ta lấy làm mãn nguyện, tuy vẫn còn luôn luôn bị mối ngờ vực kia ám ảnh. Anh ta thương yêu vợ, nàng không có điều gì trái với sự mong đợi của anh. Cuộc đời anh trôi qua, bình yên và bằng phẳng. Vả chăng, chỉ sau vài tuần lễ anh đã quen với hoàn cảnh mới của người có vợ, và anh tiếp tục tỏ ra là một viên chức mẫn cán như xưa.

Năm cũ trôi qua. Ngày đầu năm lại tới. Anh ta hết sức ngạc nhiên thấy mình không được thăng chức như đã dự tính. Chỉ có Ma-dơ và Pi-tô-lê là được lên một bậc, và Boát-xen tuyên bố riêng với Ca-sơ-lanh rằng lão ta dự định một buổi chiều nào đó sẽ choảng cho hai bạn đồng sự

kia một trận, ngay ở trước cửa lớn, lúc tan sở, trước mặt mọi người. Nhưng rồi lão ta chẳng làm gì hết.

Rõ ràng tám ngày liền, Lơ-xáp không sao ngủ được lòng thắc mắc vì thấy mình tích cực công tác đến thế mà không được thăng chức. Thật sự anh ta làm việc đầu tắt mặt tối, anh cứ phải làm thay hoài viên phó chủ sự Ra-bô, một năm thì ồm đến chín tháng, nằm ở nhà thương Van-đờ Gờ-rát; sáng nào anh cũng đến sở từ tám giờ rưỡi; chiều nào cũng tới sáu giờ rưỡi anh mới ở sở về. Người ta còn muốn thế nào nữa? Nếu người ta không biết đến công anh làm việc như thế và cố gắng như thế, thì anh sẽ làm như mọi người cho rảnh. Đãi ngộ thì phải tùy theo công lao chứ. Ông Toóc-sơ-bốp xưa nay vẫn đối đãi với anh như con, mà tại sao bây giờ có thể hy sinh anh như thế? Anh muốn biết rõ, Anh sẽ tìm đến ông sếp để trình bày.

Thế là một buổi sáng thứ hai, trước khi các bạn đồng sự tới sở, anh đến gõ cửa phòng lão sếp hống hách đó.

Một tiếng the the kêu lên: "Cứ vào!" Anh ta bước vào.

Ông Toóc-sơ-bốp đang ngồi viết trước một cái bàn lớn đầy những giấy má, người ông bé choắt mà cái đầu thì to, tướng như đặt ngay lên trên tờ giấy thấm. Nhìn thấy người viên chức trọng dụng của mình, ông nói: "Chào anh Lơ-xáp; thế nào có khoẻ không?"

Chàng trẻ tuổi đáp: "Bẩm chào ông sếp, tôi vẫn mạnh giỏi, thưa còn ông ra sao?".

Ông sắp ngừng viết và xoay chiếc ghế bành đi. Thân hình ông mảnh khảnh, gầy còm, bó trong một chiếc sơ-đanh-gót đen kiểu đứng đắn, trông thật không tương xứng với chiếc ghế to lớn chỗ tựa bằng da. Một tấm huy chương Bắc đẩu bội tinh hạng tư to tướng, chói lọi, to gấp nghìn lần so với thân hình người đeo, như một hòn than hồng rực rỡ trên bộ ngực lép, bị đè nặng dưới chiếc sọ kếp sù, dường như toàn thể con người chỉ phát triển ở trên ngọn, giống một cây nấm.

Cằm thì nhọn, má hóp, mắt lồi, và cái trán quá khổ, che mờ tóc bạc hất lại phía sau.

Ông Toóc-sơ-bốp nói: "Mời anh bạn ngồi xuống, và cho biết đến có việc gì".

Với tất cả các nhân viên khác ông ta đối xử một cách bóp chát kiểu nhà binh, tự coi mình như một thuyền trưởng trên tàu, là vì ông coi cơ quan bộ như một chiếc tàu lớn, chiếc tàu chỉ huy của toàn thể hạm đội Pháp.

Lơ-xáp, có phần bị xúc động, mặt hơi tái đi, ấp úng: "Bẩm ông sếp, tôi đến xin ông chỉ giáo cho rằng tôi có làm điều gì sai phạm chăng?"

- Kia, anh bạn, có chuyện gì đâu, tại sao anh lại hỏi tôi điều đó?

- Thưa vì tôi hơi thắc mắc tại sao năm nay tôi không được thăng chức như mọi năm. Bẩm ông, cho phép tôi được trình bày hết và xin ông tha cho tội đường đột của tôi. Tôi biết rằng tôi đã được ông chiếu cố nhiều và ban

cho nhiều đặc ân. Tôi biết rằng thường thường thì phải hai, ba năm mới được thăng chức một lần; nhưng cũng xin phép ông cho tôi được lưu ý ông một điều, là tôi làm việc cho cơ quan gần bằng bốn lần công việc của một nhân viên thường, nếu tính về số thì giờ thì ít ra cũng gấp đôi. Như vậy nếu đem mà bắc cân công việc tôi làm và đãi ngộ, thì quả là bên này kém xa bên kia!"

Anh chàng đã chuẩn bị rất cẩn thận câu nói mà anh cho là tuyệt diệu.

Ông Toóc-sơ-bốp ngạc nhiên, tìm câu trả lời. Cuối cùng. Ông ta nói bằng một giọng hơi lạnh nhạt: "Tuy rằng nguyên tắc không cho phép được bàn cãi về vấn đề này giữa thủ trưởng và nhân viên, nhưng lần này tôi cũng sẵn lòng trả lời anh, là vì chiếu cố đến những công lao rất xứng đáng của anh.

"Tôi đã có đề nghị cho anh được thăng chức như những năm trước. Nhưng ngài giám đốc đã gạch tên anh đi với lý do là cuộc hôn nhân của anh đã bảo đảm cho anh một tương lai tốt đẹp, quá phong lưu, một tài sản mà không bao giờ các bạn đồng sự nghèo của anh có thể ngẫm ngợi được. Tóm lại, có nên công bình mà chiếu cố một phần đến hoàn cảnh của mỗi người không? Anh sẽ trở nên giàu có, rất giàu. Tăng lên cho anh ba trăm quan một năm thì đối với anh có bổ bèn gì, nhưng món tiền nhỏ đó rất đáng kể so với túi những người khác. Anh bạn ạ, đó là lý do tại sao anh phải lưu lại năm nay".

Lơ-xáp, bẽ bàng và cău tiết, rút lui.

Buổi tối, trong bữa ăn, anh ta tỏ vẻ khó chịu với vợ. Chị ta thường ngày tính tình vui vẻ và khá hồn hậu, nhưng ương ngạnh, khi đã muốn cái gì thì không bao giờ nhượng bộ. Đối với chồng, chị ta không còn cái sức cảm dỗ xác thịt buổi đầu nữa, và tuy lửa lòng anh ta luôn luôn được khơi gợi vì, của đáng tội, chị ta cũng xinh tươi, nhưng cuộc sống chung giữa hai con người chẳng bao lâu làm cho anh ta lảm lức vỡ mộng, gần như chán ngấy. Hàng nghìn chi tiết tầm thường hay thô lậu của cuộc sống, phần sơn biếng nhác lúc buổi sáng, chiếc áo mặc trong nhà bằng thứ len tầm thường, cũ nát chiếc áo choàng bạc màu, là vì nhà cũng không dư dật, và tất cả những việc làm thiết thực, ở nhà nghèo thì nó bày ngay ra trước mắt, hết thầy đã làm bong lớp sơn hào nhoáng lúc cưới xin, làm tàn úa đoá hoa thơ mộng, từ xa, cảm thấy cặp tình nhân.

Bà cô Sác-lốt lại làm cho gia đình anh thêm khó thở, là vì mẹ ta bám lấy họ; mẹ xen vào tất cả mọi công việc, muốn chỉ huy hết thầy, việc gì cũng bắt bẻ, mà vì người ta lo sợ làm mẹ phật ý cho nên người ta đành cấn răng nhịn nhục, tuy nhiên lòng phần uất cứ ngấm ngấm và càng ngày càng tăng.

Mẹ ta lê bước già yếu đi lại khắp trong nhà; tiếng nói hỗn hển mà lời nhai: "Làm thế này này; làm thế kia kia".

Khi hai vợ chồng ngồi riêng với nhau, Lơ-xáp cúi kính gất: "Bà cô của chị quá quắt lắm. Tôi thì tôi xin vái. Chị biết chưa? Tôi xin vái". Nhưng Cô-ra bình thản trả lời: "Thì anh bảo tôi làm thế nào bây giờ?"

Thế là hấn phát khùng lên: "Có cái gia đình nào mà khổ ố như thế này!".

Nhưng chị ta vẫn bình thản đáp lại: "Phải, gia đình này thì khổ ố, nhưng món gia tài kia thì đáng yêu phải không? Thôi đừng làm trò khỉ? Nhịn nhục cô Sác-lốt chẳng lợi riêng gì cho tôi đâu".

Thế là anh chàng cứng họng, không biết trả lời ra sao.

Bây giờ thì bà cô luôn luôn thôi thúc họ, nhăm nhe cho có một đứa cháu. Mụ ta ấn Lơ-xáp vào góc tường và hà vào mặt: "Cháu tôi đâu, tôi truyền cho anh phải có con trước khi tôi chết. Tôi muốn trông thấy mặt đứa kế thừa của tôi. Anh đừng có đổ cho Cô-ra không sinh nở được. Cứ nhìn nó mà xem. Đây, ông cháu tôi ơi, lấy nhau là để có tông, có giống. Đức Mẹ không ưng những cặp vợ chồng không sinh đẻ đâu. Tôi vẫn biết anh chị không được phong lưu, để con ra thì thêm tốn kém. Nhưng tôi mà nhắm mắt đi thì anh chị chẳng thiếu thốn gì nữa. Tôi muốn có thằng Lơ-xáp con, tôi muốn thế, anh nghe chưa!".

Họ lấy nhau đã được mười lăm tháng rồi mà ước nguyện của mụ vẫn chưa đạt được, cho nên mụ sinh nghi và càng thúc bách; và mụ thâm mách Cô-ra đủ ngón, những ngón thực dụng, rõ ra một người đàn bà xưa kia thành thạo đủ nghề, bây giờ có dịp vẫn còn nhớ lại.

Nhưng rồi một buổi sáng, mụ ta giờ giờ không dậy được. Vì mụ xưa nay không ốm cho nên Ca-sơ-lanh rất

xúc động, đến gõ cửa buồng chàng rể: "Anh chạy mau tìm bác sĩ Bác-bét, và anh trình hộ với ông sếp rằng, vì hoàn cảnh, hôm nay tôi không đến sở được nhé".

Lơ-xáp qua một ngày thấp thỏm, không làm việc được, chẳng viết lách nghiên cứu được cái gì hết. Ông Toóc-sơ-bốp ngạc nhiên hỏi: "Thế nào anh Lơ-xáp, hôm nay anh mãi nghĩ chuyện gì thế Lơ-xáp, bực dọc, trả lời: "Bẩm ông sếp, tôi mệt lắm, cả đêm hôm qua tôi phải thức bên cạnh bà cô tôi ốm nặng".

Nhưng ông sếp lạnh lùng nói: "Đã có ông Ca-sơ-lanh ở bên cạnh bà ấy là đủ rồi. Tôi không thể để cho phòng tôi hỗn độn vì những lý do cá nhân của nhân viên".

Lơ-xáp đã để đồng hồ của mình lên trên bàn ở trước mặt và anh ta sốt lòng sốt ruột chờ cho đến năm giờ. Tiếng đồng hồ lớn ngoài sân vừa đánh, anh chạy liền, lần đầu tiên anh ở sở về đúng giờ quy định.

Anh ta lại đi xe ngựa về, vì lòng áy náy quá sức; và anh ta thoãn thoắt chạy lên cầu thang.

Con ở ra mở cửa, anh ấp úng hỏi: "Thế nào, bà ra sao?"

- Thầy thuốc bảo bà nguy kịch lắm.

Tim anh đập, anh ngẩn người xúc động: "À, ra thế thật".

Không biết chừng cô ta sắp chết chăng?

Anh ta bấy giờ không dám vào buồng người ốm, và cho mời Ca-sơ-lanh ra.

Liền đó ông bố vợ rón rén mở cửa bước ra. Ông ta mặc áo trong nhà và đội chiếc mũ nôi như những buổi tối ông ngồi bên lò sưởi êm ấm và ông nói thì thầm: "Nguy rồi, nguy kịch. Từ lúc bốn giờ cô ấy mê man đi. Quá trưa đã phải đổ thuốc".

Bấy giờ Lơ-xáp thấy mọi chân và ngồi xuống.

- Nhà tôi đâu?

- Chị ấy ở bên cạnh bà cô.

- Thật sự bác sĩ bảo thế nào?

- Ông ta bảo đây là một chứng đột phát. Có thể hồi lại, nhưng cũng có thể chết đêm nay.

- Ông có cần đến tôi không? Nếu không thì tôi khỏi phải vào. Tôi không lòng nào nhìn thấy cô như thế được.

- Thôi. Anh cứ về buồng bên ấy. Nếu có chuyện gì, tôi cho gọi anh ngay.

Thế là Lơ-xáp quay về buồng mình. Gian nhà như biến đổi hẳn, rộng hơn ra, sáng sủa hơn ra. Nhưng vì anh ta không thể ở yên một chỗ, anh liền bước ra ngoài hiên gác.

Bấy giờ vào những ngày cuối tháng bảy, mặt trời lộng lẫy, đang lúc khuất đằng sau hai ngọn tháp điện Trô-ca-đê-rô, trút ánh nắng xuống lớp lớp mái nhà.

Khoảng không đỏ rực dưới chân anh, đượm màu vàng nhạt ở quá trên, rồi ngả màu vàng thắm, rồi xanh lá cây, một màu xanh nhẹ sáng óng, rồi lên phía trên đầu thì biến thành màu xanh lơ, trong và tươi.

Những con chim nhạn vụt qua như những mũi tên, không nhìn rõ, vẽ lên nền trời đỏ nét cánh cong nhọn hoắt. Và trên đám nhà trùng điệp, trên vùng thôn dã xa xa, là là một đám mây hồng, một làn hơi lửa trong đó vươn lên, như trong hiển hiện, những mũi nhọn của tháp chuông, tất cả những nóc nhà mảnh dẻ của các đình thự. Khái hoàn môn Ngôi Sao đen lù lù và to lớn trong đám cháy ở chân trời, và mái tròn điện Anh-và-lít trông như một vùng dương khác từ trên trời rơi xuống úp lên một đình thự.

Lơ-xáp hai tay nắm lấy gióng sắt, hóp không khí như người uống rượu, chỉ những muốn nhảy lên, thét lên, vùng vẫy lên, vì lòng tràn ngập một niềm vui sâu xa và đặc thắng. Cuộc đời hiện ra với anh ta phơi phới, tương lai đầy hạnh phúc. Anh sẽ làm gì? Và anh ta mơ mộng.

Một tiếng động ở đằng sau làm anh chàng giật mình. Đó là chị vợ. Mắt chị ta đỏ, má húp lên, vẻ mệt mỏi. Chị ta đưa trán ra cho chồng hôn, rồi nói: "Ta sang ăn ở buồng bà để được gần cô. Con ở sẽ túc trực trong khi chúng ta ăn".

Và anh chàng theo vợ sang nhà bên.

Ca-sơ-lanh đã ngồi vào bàn, chờ con gái và chàng rể. Một món gà nướng, một món trộn khoai tây và một đĩa cao

chân đựng dậu tây đặt trên tủ bát, và xúp nghi ngút khói trong mấy chiếc đĩa.

Mọi người ngồi vào. Ca-sơ-lanh nói: "Tôi không mong có những ngày như thế này luôn. Chẳng vui tí nào". Ông ta nói với một giọng thản nhiên và trên mặt có vẻ hài lòng. Và ông ta hùng hục ăn rất ngon lành, khen món gà ngon tuyệt và món khoai trộn thật mát ruột.

Nhưng Lơ-xáp thì lòng bồn chồn thấp thỏm, ăn qua loa, tai vênh về phía buồng bên cạnh, bên đó im phăng phắc như không có ai cả. Cô-ra cũng không thấy đối, lòng xúc động, sụt sịt, thỉnh thoảng lại lấy góc khăn ăn lau mắt.

Ca-sơ-lanh hỏi: "Thế nào, ông sếp bảo sao?".

Thế là Lơ-xáp kể lại từng chi tiết, vì ông nhạc muốn biết cặn kẽ, bảo kể đi kể lại từng ly từng tí, làm như ông ta vắng sở đã hàng năm rồi.

"Ồ sở mà họ biết tin bà có ốm, chắc dư luận xôn xao lắm nhỉ?". Và ông ta nghĩ đến cái lúc bà chị đã chết rồi, ông ta sẽ hành diện tới sở, lên râu với các bạn đồng sự; tuy nhiên, dường như để phân bua vì một chút hối hận ngấm ngầm nào đó, ông ta nói: "Chẳng phải là tôi muốn điều không hay cho bà chị tôi đâu Chúa chứng mình rằng tôi hằng cầu mong cho bà chị ở lại mãi với tôi, nhưng dù sao, nếu có sự chẳng may thì chắc ảnh hưởng nhiều lắm. Lão Xa-vông cũng đến quên cả Công-xã".

Người ta vừa bắt đầu dùng món dậu tây thì cửa buồng người ốm hé mở. Như bị điện giật, cả ba người đang ăn

đứng phất dấy một lượt, ngơ ngác. Và con ở nhỏ bước ra, vẻ mặt vẫn bình thản và dấn độn như thường. Nó thản nhiên nói "Bà tắt thở rồi".

Thế là Ca-sơ-lanh, ném khăn xuống đĩa, nhảy xổ vào như một thằng điên; Cô-ra theo sau, tìm đập mạnh; duy Lơ-xáp đứng lại bên cạnh cửa, từ xa nhòm vào cái vệt nhờ nhờ của chiếc giường trong ánh chiều mờ nhạt. Anh ta nhìn thấy lưng ông nhac nghiêng về phía giường, không nhúc nhích, xem xét; và bỗng chốc anh nghe tiếng nói của ông ta như từ xa, xa lắm, từ bên kia thế giới đưa lại, một thứ tiếng nghe trong cơn mộng và nói lên những điều quái gở. Tiếng đó nói: "Thế là xong! Không còn nghe thấy gì nữa". Anh ta thấy vợ ngã khụy xuống, trán dề lên dệm và khóc nức nở. Thế là anh quyết định bước vào và vừa lúc Ca-sơ-lanh ngẩng lên thì anh ta trông thấy, trên nền gối trắng, mặt bà cô Sác-lốt, hai mắt nhắm nghiền, mặt hốc hác, cứng đờ, nhợt nhạt đến mức tưởng như một người bằng sáp.

Anh bắn khoản hỏi: "Đi thật rồi à?"

Ca-sơ-lanh, cũng đang ngấm bà chị, quay lại, và họ nhìn nhau. Ông ta đáp: "Ừ, mặt cố làm ra vẻ thiếu não, nhưng cả hai người chỉ một cái đưa mắt là thông cảm nhau ngay, và rất tự nhiên, không hiểu tại sao, họ đưa ra bắt tay nhau, như để cảm ơn lẫn nhau về những sự người này đã giúp người kia.

Thế là, không mất thì giờ, họ tích cực thu xếp mọi việc cần thiết cho một người chết.

Lơ-xáp tự nhận đi tìm thầy thuốc và, rất khẩn trương, chạy đi những nơi cần gấp.

Anh ta lấy mũ, chạy xuống cầu thang, mau cho ra đến ngoài phố để được một mình thở khoan khoái, suy nghĩ, một mình hưởng nỗi sung sướng của mình.

Sau khi làm xong mọi việc, anh không về nhà vội để đi ra phía đại lộ, ý muốn ngắm nhìn thiên hạ, hoà mình vào mọi hoạt động, vào cuộc sống vui nhộn buổi tối: Anh ta muốn thét vào tai mọi người qua lại: "Tớ có năm vạn livrơ lợi nhuận", và anh bước đi, hai tay đút túi, ngừng lại trước các cửa hàng, ngắm nghía những loại vải đắt tiền, những đồ tư trang, những đồ đạc sang trọng, với ý nghĩ vui vui: "Bây giờ ta có thể sắm những thứ này được rồi".

Bỗng anh đi qua một cửa hiệu bán đồ phúng viếng và một ý nghĩ đột nhiên thoáng qua óc: "Ngộ nhỡ bà cô chưa chết thì sao? Nhớ họ lắm thì sao?".

Thế là anh quay về nhà, đi vội vàng, với mối nghi ngờ pháp phông đó.

Về đến nhà, anh hỏi: "Bác sĩ đã đến chưa?"

Ca-sơ-lanh đáp: "Đến rồi. Ông ấy chứng nhận đã chết và nhận việc khai báo".

Họ trở vào buồng người chết. Cô-ra ngồi trên một chiếc ghế bành, vẫn khóc. Chị khóc rất dịu dàng, nhẹ nhõm, bây giờ gần như hết buồn rồi, với nước mắt dễ dàng của người đàn bà.

Khi cả ba người đều ở trong buồng, Ca-sơ-lanh khẽ nói: "Bây giờ con ở nó đi ngủ rồi, ta thử xem có cái gì giấu ở trong các đồ đạc không".

Thế là hai người đàn ông tiến hành công việc. Họ moi móc các ngăn kéo, lục lọi các túi, bất cứ một mảnh giấy nào cũng mở ra. Cho đến nửa đêm chẳng tìm thấy cái gì đáng chú ý. Cô-ra đã thiu thiu, chị ta khẽ ngáy, đều đều. Xê-da hỏi: "Ta có ở đây cho đến sáng không?" Lơ-xáp, phân vân, cho rằng như thế thì phải hơn. Tức thì ông bố vợ nảy ra ý kiến: "Nếu thế, ta khuân những ghế bành sang đây". Và họ sang buồng đôi vợ chồng trẻ, kiểm soát hai chiếc ghế đệm sang.

Một giờ sau, ba bố con đều ngủ, mỗi người ngáy theo một điệu, bên cạnh cái thi hài giá lạnh trong giấc ngủ ngàn năm.

Sáng ra họ sức tỉnh, lúc con ở vào buồng. Ca-sơ-lanh liền thú thật, tay còn dụi mắt: "Tôi vừa chợp mắt độ non nửa giờ".

Nhưng Lơ-xáp, trấn tĩnh được ngay, tuyên bố: "Đúng thế đấy. Còn tôi, thì chẳng thiếp đi được một giây; tôi chỉ nhắm mắt lại cho nó đỡ mệt".

Cô-ra trở về buồng mình.

Bấy giờ Lơ-xáp làm ra điệu dừng dừng hỏi: "Thế bao giờ ông định đến phòng quản lý văn khố xem chúc thư?".

- Thì... ngay sáng hôm nay có được không?

- Có cần để Cô-ra cùng đi không?

- Có lẽ thế thì hơn, đằng nào thì nó cũng là người thừa kế.

- Nếu thế thì tôi đi bảo nhà tôi sắm sửa.

Và Lơ-xáp nhanh nhẩu bước ra.

Phòng giấy của trường khế Ben-lom vừa mở cửa thì Ca-sơ-lanh, Lơ-xáp và vợ đã tới, mặc đồ đại tang, bộ mặt đau đớn.

Viên quản lý văn khế tiếp họ ngay, mời ngồi. Ca-sơ-lanh cất tiếng nói: "Thưa ngài, chắc ngài biết tôi: tôi là em bà Sác-lốt Ca-sơ-lanh. Đây là con gái và chàng rể tôi. Bà chị tôi xấu số vừa qua đời hôm qua; ngày mai thì chúng tôi làm lễ an táng. Vì ngài là người được ký thác chúc thư của chị tôi, cho nên tôi đến để hỏi xem chị tôi có dặn lại ý muốn gì về việc chôn cất không, hay ngài có điều gì thông báo cho chúng tôi chăng".

Viên quản lý văn khế mở một ngăn kéo, lấy ra một chiếc phong bì, xé ra, rút một tờ giấy, và nói: "Thưa ngài, đây là một bản kép của bức chúc thư ấy, mà tôi có thể để ngài biết nội dung ngay bây giờ".

"Bản kia, cũng y như hết bản này, tôi phải giữ". Và ông ta đọc:

"Tôi, tên là Víc-to-rin Sác-lốt Ca-sơ-lanh, bày tỏ ý muốn cuối cùng của tôi như sau:

"Tôi để lại toàn bộ tài sản của tôi, tổng số chừng một triệu mười hai vạn quan, cho những đứa con đẻ ra do cuộc hôn thú của cháu gái tôi là Xê-lét Cô-ra-li Ca-sơ-lanh, bố mẹ chúng được hưởng lợi tức cho đến khi đứa con lớn nhất trưởng thành.

"Những điều khoản nói sau đây quy định phần của cải chia cho mỗi đứa con và phần dành cho bố mẹ chúng cho đến ngày họ qua đời.

"Trong trường hợp tôi chết trước khi cháu gái tôi có con, tất cả tài sản của tôi vẫn sẽ đăng ký ở phòng viên quản lý văn khế của tôi trong ba năm, để cho ý muốn của tôi ghi trên được thực hiện, nếu một đứa con đẻ ra trong thời gian đó.

"Nhưng trường hợp trời không cho Cô-ra-li có con trong ba năm sau khi tôi chết, thì tài sản của tôi sẽ do viên quản lý văn khế của tôi chia cho người nghèo và các cơ quan từ thiện, danh sách kể sau đây".

Tiếp theo là một chuỗi dài những tên các đoàn thể, những con số, những khoản mệnh lệnh và những điều dặn dò.

Rồi trưởng khế Ben-lom trình trọng trao tờ giấy vào tay Ca-sơ-lanh, đang chết đững người.

Ông ta lại thấy cần phải giải thích thêm: "Cô Ca-sơ-lanh lần đầu tiên bày tỏ với tôi dự kiến làm chúc thư theo hướng đó, có ngổ ý thiết tha muốn được trông thấy mặt kẻ thừa kế cùng máu mủ của mình. Mặc dầu mọi lý lẽ can

ngăn của tôi, cô vẫn tỏ rõ ý muốn càng ngày càng dứt khoát của cô, dựa trên một cảm tính tôn giáo; theo cô thì mọi cuộc hôn phối không sinh nở đều là dấu hiệu Trời trừng phạt. Tôi không làm thế nào thay đổi được ý muốn của cô. Xin ngài hiểu cho rằng tôi rất lấy làm tiếc". Rồi ông ta lại quay về phía Cô-ra-li, mỉm cười và nói thêm: "Tôi tin chắc rằng điều mong mỏi của người đã khuất sẽ mau chóng thực hiện được".

Và cả ba bố con bỏ đi, tâm trí hoang mang chẳng còn nghĩ tới điều gì nữa.

Họ quay về nhà, đi bên cạnh nhau mà không nói một lời, vừa xấu hổ vừa tức giận, dường như họ đã đánh cắp lẫn nhau. Bao nhiêu nỗi đau đớn của Cô-ra bỗng bùng tiêu tan, sự bội bạc của bà cô miễn cho chị khỏi phải khóc lóc. Lơ-xáp, hai môi nhợt nhạt mím chặt lại vì hờn giận, cuối cùng nói với ông nhạc:

"Ông đưa tôi tờ chúc thư để tôi xem tận mắt ra thế nào". Ca-sơ-lanh trao cho anh ta tờ giấy, và anh chàng chăm chú đọc. Anh dừng lại trên bờ hè, và mặc cho người qua lại va phải, anh cứ đứng nguyên một chỗ, bằng con mắt sắc sảo và thiết thực tra soát lại từng chữ. Hai người kia đứng chờ, cách đó hai bước, vẫn im bất.

Rồi anh ta trả lại tờ chúc thư và tuyên bố: "Chẳng làm gì được nữa. Bà ấy chơi xỏ bọn mình một vố!".

Ca-sơ-lanh, cáu tiết vì bao nhiêu hy vọng tiêu tan, trả lời: "Cái đếch gì! Còn anh đấy, làm thế nào cho có con thì làm. Anh đã biết bà ấy mong muốn điều đó từ lâu rồi".

Lơ-xáp nhún vai không đáp lại.

8

Về đến nhà, họ thấy một đám đông người đang chờ họ, đó là những phu đám ma. Lơ-xáp vào thẳng buồng mình, chẳng thiết mớ đến việc gì nữa, còn Xê-da thì hục hặc với hết mọi người, kêu la xin để cho ông yên thân và yêu cầu họ làm thật mau tay cho cái xác chết kia khuất mắt đi.

Cô-ra chui vào buồng, chẳng thấy động tĩnh gì. Nhưng một giờ sau, Ca-sơ-lanh đến gõ cửa buồng con rề, và nói: "Này anh Lê-ô-pôn, tôi đến bày tỏ với anh vài ý kiến, vì đảng nào thì chúng ta cũng phải nhất trí với nhau. Tôi nghĩ rằng dù thế nào ta cũng phải chôn cất cho tươm tất, đừng để cho đảng bộ người ta nghi ngờ gì cả. Chúng ta thu xếp với nhau để trang trải mọi phí tổn. Vả lại, cũng chưa mất đi đâu. Anh chị lấy nhau cũng chưa lâu la gì, phải bất hạnh như thế nào thì mới không có con chứ. Rồi anh chị cứ cố gắng vào là được. Thôi mau lên. Lát nữa anh lại đảng bộ được không? Để tôi đi biên địa chỉ vào giấy báo tang".

Lơ-xáp cay đắng nhận thấy ông nhạc nói có lý, và hai người ra ngồi đối diện nhau ở hai đầu một chiếc bàn dài để ghi chữ vào những tờ thiệp có khung đen.

Rồi họ ăn cơm trưa. Cô-ra bước ra, dừng dừng với mọi việc không can gì đến mình, và chị ta ăn thật nhiều vì tối qua nhịn đói.

Ăn xong, chị lại trở về buồng. Lơ-xáp đi đến Bộ Hải quân còn Ca-sơ-lanh ra hiên gác, cưỡi lên một chiếc ghế để làm một mối thuốc. Mặt trời oi ả của một ngày mùa hè rọi thẳng xuống muôn ngàn mái nhà, những mái có kính sáng loáng như lửa, hắt lên những tia chói loà, mắt không chịu được. Và Ca-sơ-lanh, bận sơ-mi trắng, mắt nhấp nháy trong ánh nắng chan hoà, nhìn những ngọn đồi xanh ở xa kia, tít xa, phía sau thành phố, sau khu ngoại ô bụi mù. Ông ta tưởng tượng đến con sông Xen chảy thênh thang, êm ả và tươi mát, ở chân những ngọn đồi phủ cây kia, và ông nghĩ nếu được sống dưới bóng cây xanh, lăn mình trên cỏ, ngay bên bờ sông, liến với nước, chắc chắn rằng thú vị hơn là ở trên cái nền đá nóng bỏng của gác sân này. Và một nỗi tức tối làm ông ghen ngào, với cái ý nghĩ day dứt, cái cảm giác đau xót về mối tai hoạ kia, về điều bất hạnh không ngờ, hy vọng trước kia càng mãnh liệt và kéo dài bao nhiêu thì nay nó càng thêm cay đắng và tàn nhẫn bấy nhiêu, và như trong cơn hoảng hốt mất trí, trong cơn ám ảnh của những định kiến, ông văng ra: "Đồ đểu!".

Đằng sau ông, trong buồng, nghe tiếng hoạt động của những phu đám ma, và tiếng búa liên hồi đóng đinh vào áo quan. Ông ta không nhìn mặt bà chị nữa từ lúc ở nhà quản lý văn khế về.

Nhưng rồi dần dần tiết trời ấm áp, không khí vui tươi, ánh trời trong đẹp của ngày mùa hè sáng sủa đó thấm vào da thịt, vào lòng ông, và ông nghĩ rằng chưa phải là đã tuyệt vọng hẳn. Thì tại sao con gái ông lại không có con? Chị ta mới lấy chồng chưa đầy hai năm! Chẳng lẽ ông ta

có vẻ rắn rỏi, khoẻ mạnh, tuy có bé nhỏ một chút. Rồi chúng nó sẽ có con, lo quái gì? Và lại, nhất định là phải như thế kia mà!

Lơ-xáp đi len lén vào bộ rồi chạy tọt vào phòng mình. Anh ta thấy ở trên bàn một mảnh giấy có viết mấy chữ: "Ông sắp gọi ông". Thoạt tiên anh ta vùng vằng bực tức, phản đối cái lối độc đoán nó lại sắp đề lên cổ anh, nhưng rồi một ý muốn được đề bạt đột nhiên và mãnh liệt kích thích anh ta. Rồi sẽ đến lượt anh làm chủ sự, mà mau chóng; và anh ta sẽ còn nhảy cao hơn nữa.

Anh ta cứ mặc nguyên chiếc rơ-đanh-gốt đi phở để đến phòng ông Toóc-sơ-bốp. Anh bước vào với bộ mặt thiếu nảo như người ta thường có trong những dịp buồn rầu, mà hơn thế nữa, trên nét mặt anh vô tình lộ ra một nỗi phiền muộn, chán nản thực sự và thăm thía do những điều bất mãn sâu sắc gây nên.

Cái đầu to tướng của ông sắp, đang vắn ngả trên giấy; chợt ông ta ngẩng lên và xẵng giọng hỏi: "Tôi cần đến anh suốt cả buổi sáng. Tại sao anh không đến?" Lơ-xáp đáp: "Bẩm ông sắp, bà cô chúng tôi, cô Ca-sơ-lanh, chẳng may qua đời, và tôi cũng định đến kính mời ông dự lễ an táng cử hành vào sáng mai".

Mặt ông Toóc-sơ-bốp lập tức bình tĩnh lại. Và ông ta trả lời có vẻ vì nề: "À anh bạn, nếu thế thì lại là chuyện khác. Cảm ơn anh và xin để anh được nghỉ, chắc anh bạn lắm đấy nhỉ".

Nhưng Lơ-xáp cố ý tỏ ra chăm chỉ: "Xin đa tạ ông sếp, mọi công việc đều xong xuôi rồi và tôi định ở đây làm việc đến hết giờ".

Rồi anh ta quay về phòng mình.

Tin ấy lan đi, và từ khắp các phòng người ta đổ xô đến, để chúc mừng hơn là để chia buồn, và cũng để xem thái độ của anh ta thế nào. Anh chàng chịu đựng những lời nói và những con mắt nhìn với bộ mặt nhẵn nhụi của người đóng kịch, với một thái độ làm người ta phải ngạc nhiên. Người này nói: "Hắn ta gìn giữ ý tứ khá lắm". Người khác nói thêm: "Chẳng lạ gì, trong thâm tâm thì hắn mẫn nguyện lắm rồi".

Ma-dơ, bạo hơn mọi người, với vẻ trơ của một kẻ giao du nhiều hỏi: "Thế cậu có biết đúng con số tài sản là bao nhiêu không?".

Lơ-xáp trả lời bằng một giọng hoàn toàn không quan tâm: "Không, không rõ. Chúc thư nói vào khoảng một trăm hai mươi vạn quan. Mình biết được là vì viên quản lý văn khế đã báo ngay cho biết những điều khoản về lễ an táng".

Theo dư luận chung thì Lơ-xáp sẽ thôi việc ở bộ. Khi người ta có sáu vạn tiền lợi nhuận thì chẳng ai còn đi làm nghề cạo giấy nữa. Người ta có vai vế rồi; người ta muốn trở thành ông gì mà chả được, có người nghĩ rằng anh ta nhằm một chân trong tham chính viện; kẻ khác cho rằng anh ta nghĩ đến một ghế trong nghị trường. Ông sếp thì

định ninh rằng sẽ nhận được đơn xin thôi việc của anh ta để chuyển lên ngài giám đốc.

Toàn bộ cơ quan bộ đều đi đưa ma, và người ta thấy đám tang xoàng quá. Nhưng có dư luận: "Đó là ý của cô Ca-sơ-lanh muốn như thế. Chúc thư có ghi điều đó".

Ngay ngày hôm sau Ca-sơ-lanh lại đi làm, còn Lơ-xáp thì vì mệt nghỉ mất một tuần, rồi cũng lại đến sở, người anh ta xanh đi một chút, nhưng vẫn siêng năng chăm chỉ như trước. Dường như không có sự gì xảy ra trong cuộc đời của họ. Người ta chỉ nhận xét thấy họ hút thuốc có ý phô trương những điều xì gà gộc, họ bàn tán về lợi nhuận, về công ty hoả xa, về những giá khoản lớn, với tư cách của những người có cổ phần trong túi, và ít lâu sau người ta lại được biết họ có thuê một biệt thự ở thôn quê, vùng ngoại ô Pa-ri, để qua mùa hè.

Người ta thầm nghĩ: "Bọn họ cũng keo kiệt như mụ già trước đây; đó cũng là gia truyền; gần mực thì đen; dù thế nào, giàu có như thế mà còn ở lại bộ thì chẳng oách tí nào".

Qua một thời gian, người ta không nghĩ đến chuyện đó nữa. Họ đã bị xếp loại và phê phán dứt khoát rồi.

IV

Khi đi đưa đám bà cô Sác-lốt, Lơ-xáp nghĩ đến gia tài một triệu, và lòng bị xâu xé bởi mối căm giận nó càng ảm ức vì phải giữ kín, anh ta đâm ra oán thán tất cả mọi người, làm như tại họ mà anh phải chịu điều bất hạnh kia.

Anh ta cũng tự hỏi: "Tại sao mình lấy vợ từ hai năm nay rồi mà chưa có con?" Và mối lo sợ không có con làm tim anh đập mạnh.

Rồi, như đứa trẻ nhìn trên ngọn cột mỡ cao và bóng nhoáng thấy chiếc chũm chọe mà nó muốn giật, nó tự nhủ phải dốc hết nghị lực và ý chí, phải có đủ sức lực và nhẫn nại để leo lên cho kỳ được, Lơ-xáp quyết chí một cách tuyệt vọng là phải có con. Bao nhiêu người khác làm bố được, thì tại sao anh, anh lại không làm được? Có lẽ trước đây anh đã lơ là, không quan tâm, không biết cách nào đó, chỉ vì anh ta hoàn toàn hờ hững với vấn đề. Chưa bao giờ cảm thấy tha thiết muốn có kẻ nối dõi cho nên anh chưa bao giờ chú tâm làm cho được kết quả. Từ bây giờ trở đi, anh sẽ phải tận lực, anh sẽ không lơ là một cái gì, và anh sẽ thành công vì anh đã muốn như vậy.

Nhưng khi về đến nhà thì anh thấy khó ở và phải nằm liệt giường. Mối thất vọng quá tàn nhẫn đã tác động đến anh ta.

Thầy thuốc nhận xét bệnh anh khá trầm trọng và bắt

phải tuyệt đối nghỉ ngơi, mà sau này cũng còn phải gìn giữ khá lâu. Người ta sợ anh bị chứng rức não.

Nhưng chỉ sau tám ngày anh ta đã dậy được, và anh lại tiếp tục đến bộ làm việc.

Mặc dù thế, cảm thấy mình còn yếu, anh không dám gần vợ. Anh chàng do dự và run sợ, như một viên tướng sắp ra trận, một trận quyết định vận mệnh của mình. Và mỗi tối anh lại chờ đợi đến ngày mai, hy vọng sẽ có giờ phút nào đó được sung sức, khoan khoái và đầy nghị lực, lúc đó con người ta cảm thấy làm gì cũng được. Anh ta chốc chốc lại tự bắt mạch, và nếu thấy nó đập yếu quá hay mạnh quá thì lại uống thuốc bổ, ăn thịt sống, hàng ngày trước khi ở sở về nhà, đi dạo một thôi cho khoẻ người.

Nhưng vì anh ta không bình phục được như ý muốn cho nên anh nảy ra ý đi ra ngoại ô Pa-ri ở cho qua mùa nóng nực. Chẳng bao lâu anh đâm ra yên trí rằng không khí thoáng đãng ở đồng ruộng sẽ có hiệu nghiệm tuyệt đối đến khí huyết của anh. Trong tình trạng của anh, thôn quê sẽ có những tác động tuyệt diệu, quyết định. Anh ta tự an ủi bằng mối tin tưởng ở sự thành công nay mai đó, và luôn mồm nói với bố vợ, với ít điều ngụ ý: "Nếu về thôn quê ở, tôi sẽ khoẻ hơn, mọi việc sẽ tốt đẹp".

Chỉ một tiếng "thôn quê" đối với anh ta như bao hàm một ý nghĩa huyền bí.

Thế là họ về thuê ở làng Bơ-dông một ngôi nhà nhỏ và cả ba người về đó ở. Hai người đàn ông sáng nào cũng

đi chân qua cánh đồng, tới ga Cô-lông-bơ đập xe hoả, buổi chiều thì đi bộ về nhà.

Cô-ra, thích chí được sống ở bên dòng sông con êm đềm, thường ra ngồi trên bờ sông, hái hoa, mang về từng bó lớn những cây cỏ mịn, hung đỏ và rung rinh.

Mỗi tối, cả ba người đi dạo theo dọc sông đến tận đập Mo-ruy, rồi vào uống một chai bia ở quán ăn Ti-ơ-n. Dòng sông bị hàng cọc dài ngăn lại, nước xối qua những kẽ, chồm lên, sôi sục, ngấu bọt, trên bề ngang một trăm thước; và tiếng thác nước réo lên làm rung chuyển đất, trong khi đó một làn hơi nước mong manh, ẩm ướt, từ thác nước bốc lên như một làn khói nhẹ, toả ra chung quanh một mùi nước đục có vị bùn bị khuấy lên.

Đêm xuống. Xa xa, trước mặt một vùng sáng rộng phía thành phố Pa-ri làm cho Ca-sơ-lanh tối nào cũng nhắc lại: "Chà! thành phố thế mà tuyệt thật, hả?". Thỉnh thoảng một chuyến xe lửa qua chiếc cầu sắt xuyên ngang đầu hòn đảo, vang âm lên như sấm rồi thoát biến mất, về phía tay trái hay phía tay phải, về Pa-ri hay ra mạn bể.

Họ lại bước thong thả trở về nhà, nhìn trăng lên, ngồi bên một bờ hồ để ngắm thật lâu ánh trăng vàng mềm mại toả xuống mặt sông êm lặng, dường như chảy theo dòng nước, và những gợn nước làm rung rinh như một đám lửa nhấp nháy. Tiếng cóc kêu sang sang mà ngân. Tiếng chim đêm gọi nhau ngang trời. Và đôi khi một bóng đen lù lù lảng lảng lướt trên sông, khuấy động dòng nước sáng loáng và êm ả. Đó là một chiếc thuyền đánh cá trộm, họ

đột nhiên quăng lưới rồi lặng lẽ kéo về thuyền, trong tấm lưới đen và rộng, mẻ cá óng ánh và lao xao, mớ cá bạc quý giá từ đáy nước vớt lên.

Cô ra cảm xúc, dịu dàng tựa vào tay chồng mà chị ta đoán biết ý định, tuy họ chẳng bàn với nhau điều gì. Đối với họ dường như tái diễn thời kỳ sắp cưới, thời kỳ chờ đợi chiếc hôn ban đầu. Đôi khi anh chàng thăm lên hôn vợ vào phía bên tai sát gáy, vào cái chỗ thịt non tuyệt diệu ấy với làn tóc tơ mơn mớn. Cô nàng bóp tay chồng hưởng ứng; và rồi, dù còn cự tuyệt nhau, họ cũng đâm thềm muốn nhau, cả hai đều bị thúc giục lôi kéo bởi một ý muốn mãnh liệt hơn, bởi cái bóng ma của món gia tài một triệu.

Ca-sơ-lanh, lòng dịu đi vì không khí đầy hy vọng quanh mình, sống yên vui, uống rượu nhiều và ăn khỏe, cứ vào buổi chiều tà lại thấy nảy ra trong lòng cái hứng văn thơ, thứ cảm xúc ngẩn ngơ mà những kẻ trì độn nhất cũng thấy được trước một vài hình ảnh nơi thôn dã: ánh sáng chan hoà trong cành cây, mặt trời lặn bên đồi xa xa, với những ánh đỏ trên dòng sông. Và ông ta tuyên bố: "Trước những cảnh vật đó, tôi tin tưởng ở Chúa. Nó như nhoi nhói ở đây này" - tay ông chỉ vào bụng, - "và tôi cảm thấy người như biến đổi hẳn. Tôi đâm ra kỳ quặc. Hình như có người nhúng tôi vào một thứ nước tắm nó làm cho người ta phát khóc".

Còn Lơ-xáp thì người khỏe ra, trong lòng bỗng như được nhen lại những nhiệt tình đã mất, chỉ những muốn

chạy nhảy tung tăng như chú ngựa non, lăn lộn trên cỏ, rống lên những tiếng vui hí hửng.

Anh chàng nghĩ thời cơ đã đến. Thật là một đêm ân ái mặn mà. Rồi họ qua tuần trăng mật, đầy những vuốt ve và hy vọng.

Rồi họ nhận ra rằng những mưu mô của họ vẫn vô hiệu và lòng tin tưởng của họ cũng là hão.

Thật là một mối tuyệt vọng, một tai hoạ. Nhưng Lơ-xáp không thoái chí, vẫn khăng khăng với những cố gắng phi thường. Chị vợ cũng chung một ý muốn khích lệ, một niềm lo sợ đe dọa, và chàng lại lực lưỡng hơn chồng, cho nên sẵn sàng hưởng ứng những điều tính toán của anh chàng, khêu gợi những ái ân, luôn luôn nhen lại lửa lòng sắp tàn của hắn.

Khoảng đầu tháng mười thì họ trở về Pa-ri.

Cuộc sống đối với họ trở nên nặng nề. Bây giờ giữa họ đã có những lời ra tiếng vào; và Ca-sơ-lanh, đánh hơi thấy tình hình, lại châm chọc họ bằng những lời châm biếm của anh lính cụ, độc địa và tục tằn.

Và một ý nghĩ dai dẳng theo đuổi họ, giày vò họ, khích thêm mối hận học lẫn nhau, đó là ý nghĩ về món gia tài có cơ truội mất. Cô-ra bây giờ đâm ra lên giọng, và ngược đãi chồng. Cô ả coi chồng như trẻ con, như con nít, như một chàng vô vị. Và Ca-sơ-lanh thì cứ đến bữa ăn lại nhai nhai: "Tao ấy à, nếu giới cho tao giàu có thì tao đã có nhiều con... Đã nghèo thì phải biết điều". Rồi, quay lại

con gái, lão ta nói thêm: "Mày, thì mày phải noi gương tao, thế mà...". Và lão ta liếc nhìn chàng rể một cách hằn học, tiếp theo là một cái nhún vai đầy khinh bỉ.

Lơ-xáp không đáp lại nửa lời, ra điều mình là một kẻ cao quý chót rơi vào một nhà hèn hạ. Ở bộ người ta thấy sắc mặt anh không được tươi tỉnh. Có lần ngay cả ông sếp cũng hỏi anh ta: "Anh ốm hay làm sao thế? Tôi trông anh có phần khác đi".

Anh ta trả lời: "Bẩm ông sếp, không. Có lẽ tôi mệt. Ít lâu nay tôi làm việc nhiều, như ông đã thấy".

Anh ta chắc mẩm cuối năm sẽ được thăng chức, và với hy vọng đó, anh lại tiếp tục cuộc sống cần cù của người viên chức gương mẫu.

Nhưng rồi anh ta chỉ được một món tiền thưởng không nghĩa lý gì, kém hơn cả mọi người. Ông bố vợ thì không được gì hết.

Lơ-xáp ức như bị chọc tiết, đi tìm ông sếp, và lần đầu tiên anh ta xưng với ông ta "thưa ông": - "Thưa ông, tôi làm việc đến như thế mà chẳng được lợi gì thì làm làm gì?".

Cài đầu to tướng của ông Toóc-sơ-bốp có vẻ phật ý: "Anh Lơ-xáp, tôi đã bảo anh rằng tôi không cho phép anh được bàn đến những vấn đề như thế với tôi. Tôi xin nhắc lại một lần nữa là tôi thấy yêu sách của anh không biết điều, vì hiện nay anh có tài sản như thế so với các bạn đồng sự của anh thì nghèo túng..."

Lơ-xáp không nhin được: "Nhưng, thưa ông, tôi chẳng có gì hết! Bà cô để gia tài lại là để cho con chúng tôi để ra. Còn ông nhạc tôi và tôi vẫn sống bằng lương của mình".

Ông sếp, ngạc nhiên, đáp lại: "Nếu bây giờ anh chưa có gì, thì rồi lúc nào đó anh cũng sẽ giàu có. Đẳng nào cũng thế thôi".

Thế là Lơ-xáp rút lui, lòng tê tái vì trượt thăng chức hơn cả trượt món gia tài.

Cách đó vài hôm sau, ông Ca-sơ-lanh vừa tới phòng làm việc thì anh chàng Ma-dơ đẹp trai bước vào với nụ cười trên môi, rồi Pi-tô-lê tới, con mắt sáng lên, rồi đến Boát-xen đẩy cửa tiến vào với vẻ đú đởn, cười kháy, và đưa mắt nhìn mọi người ra vẻ thông đồng. Lão Xa-vông vẫn hí hoáy sao chép, chiếc tàu bằng đất ngậm bên miệng, lão ngồi trên một chiếc ghế cao, hai chân để lên gióng ngang, như đứa con nít.

Không ai nói gì cả. Hình như người ta chờ đợi cái gì còn Ca-sơ-lanh thì đang vào sổ những tài liệu, với thói quen đọc to lên: "Tu-lông. Cung cấp ga-men sĩ quan cho tàu Ri-sơ-li-ơ - Lo-ri-ăng. Máy lặn cho tàu Đơ-séc-Bơ-rét. Thí nghiệm về vải buồm nhập của Anh!".

Lơ-xáp đến. Bây giờ sáng nào anh ta cũng đến lấy công văn của mình, là vì ông bố vợ chẳng thêm sai người đưa đến cho nữa.

Trong khi anh ta lục lọi trong đồng giấy má bày trên bàn viên tham viện quản trị, thì Ma-dơ vừa xoa tay vừa đưa mắt liếc nhìn anh, còn Pi-tô-lê, đang quán một liều thuốc, thì môi mấp máy có vẻ quáng mắt. Hắn quay về phía viên thư ký chuyển công văn: "Này, bác Xa-vông, chắc bác hiểu biết được nhiều điều trong cuộc đời mình đấy nhỉ?".

Lão già cho rằng họ lại sắp giễu cợt mình và lại bàn tán đến chuyện vợ mình nên làm thinh.

Pi-tô-lê lại nói: "Bác đông con như thế, chắc đã tìm ra cái bí quyết để có con, phải không?".

Lão ta ngừng đầu lên nói: "Ông Pi-tô-lê, ông nên biết rằng tôi không thích những chuyện bông đùa về vấn đề đó. Tôi đã chẳng may lấy phải mẹ vợ xấu xa. Khi tôi đủ chứng cứ rằng mẹ ấy có ngoại tình, tôi đã bỏ mẹ ấy rồi".

Ma-dơ, không cười, hỏi lại bằng một giọng hồ hững: "Bác đã có chứng cứ nhiều lần, phải không?".

Và lão Xa-vông nghiêm nghị trả lời: "Đúng thế đấy".

Pi-tô-lê lại nói: "Mặc dầu thế bác vẫn đông con, tôi nghe nói ba bốn đứa, phải không?".

Lão già mặt đỏ lên như gấc, lắp bắp: "Ông định chọc tức tôi đấy à, ông Pi-tô-lê, nhưng không ăn thua đâu. Đúng là vợ tôi có ba đứa con. Tôi có đủ lý do để nhận đứa đầu tiên là con tôi, nhưng tôi không nhận hai đứa kia".

Pi-tô-lê tiếp luôn: "Đúng đấy, ai cũng bảo đứa thứ nhất là con của bác. Thế là đủ rồi. Có một đứa con là tuyệt lắm, tuyệt lắm, và hạnh phúc lắm. Này, tôi đánh cuộc rằng Lơ-xáp cũng sẽ rất khoái chí nếu đẻ được đứa con, chỉ một đứa thôi, như bác ấy?"

Ca-sơ-lanh đã ngừng ghi sổ. Ông ta không cười, tuy xưa nay ông ta vẫn coi lão Xa-vông như một trò đùa, và luôn luôn nhè vào những chuyện bất hạnh về vợ con của lão ta mà bông lơn khiếm nhã đủ cách.

Lơ-xáp đã lấy xong giấy má, nhưng cảm thấy rõ ràng họ đang tấn công mình, cho nên anh ta muôn ở nán lại vì sĩ diện, vừa ngượng ngùng vừa tức giận, và cũng muốn để dò la xem ai đã tiết lộ bí mật của mình cho bọn họ. Rồi, nhớ lại lời anh ta đã nói với ông sắp, anh ta hiểu ngay rằng cần phải cương quyết đối phó lập tức, nếu không anh sẽ trở thành trò cười cho toàn thể cơ quan bộ.

Boát-xen đi đi lại lại và vẫn tiếp tục cười kháy. Lão ta bắt chước giọng khàn khàn của người kêu đường rống lên: "Bí quyết để đẻ con, hai xu, ai mua không? Xin hỏi ông Xa-vông bí quyết để con, với nhiều chi tiết rùng rợn!".

Mọi người phá ra cười, trừ có Lơ-xáp và bố vợ. Thế là Pi-tô-lê quay về phía viên tham biện quản trị: "Bác Ca-sơ-lanh, làm sao thế? Mọi khi bác vui lắm kia mà. Hình như bác không thấy chuyện bác Xa-vông có một con với vợ là ngộ hay sao. Tôi thì tôi thấy đó là một chuyện rất khôi hài, rất khôi hài. Không phải ai cũng làm được như thế cả đâu!".

Lơ-xáp lại tiếp tục lục lợi giấy má, giả vờ đọc và không nghe thấy gì; nhưng mặt anh ta tái nhợt đi.

Boát-xen lại nói bằng cái giọng đều đặn ấy: "Bàn về sự cần thiết có con để hưởng gia tài, hai xu, ai mua không!"

Bấy giờ Ma-dơ, cho rằng cái lối đùa kia kém cỏi và riêng hần cũng có chỗ ức với Lơ-xáp đã hốt tay trên mặt cơ hội làm giàu mà trong thâm tâm hần vẫn mơ ước, cho nên hần hỏi thẳng ngay Lơ-xáp: "Này Lơ-xáp, anh làm sao mà tái xanh đi như thế?".

Lơ-xáp ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào mặt bạn đồng sự. Anh ta ngáp ngừng vài giây, môi run lên, muốn tìm một câu gì thật cay đắng và sắc cạnh, mà không ra, rồi rút cục đáp lại: "Chẳng sao cả. Tôi chỉ lấy làm lạ thấy các anh bày ra lắm trò ý nhị thế".

Ma-dơ vẫn cứ nhõn nhợ, hai tay vén tà áo rơ-đanh-gốt lên, vừa cười vừa nói: "Làm được thế nào hay thế ấy, cậu ạ. Bọn tớ cũng như cậu, không phải cái gì cũng thành công cả đâu..."

Tiếng cười phá lên ngắt lời hần. Lão Xa-vông, bở ngỡ, cảm thấy lờ mờ rằng không phải người ta trêu chọc mình, cứ ngây người ra, mồm há hốc, bút giơ lên trời. Còn Ca-sơ-lanh thì nghe ngóng, sẵn sàng nhảy tới thụi chí chết kẻ nào vô phúc rơi vào tay hần.

Lơ-xáp áp ứng: "Tôi không hiểu. Tôi đã không thành công ở điểm gì?"

Anh chàng Ma-dơ đẹp trai buông một bên áo xuống để vắn vè râu mép, rồi bằng một giọng nhả nhặn: "Tôi biết rằng xưa nay anh làm cái gì cũng đều thành công cả. Như vậy tôi nói anh thế là sai. Và lại đây là câu chuyện con của bác Xa-vông chứ không phải con anh, là vì anh làm gì có con. Về phần anh vốn làm gì cũng thành công, cho nên nếu anh không có con, thì hiển nhiên là vì anh không muốn".

Lơ-xáp xẵng giọng hỏi: "Việc ấy can gì đến anh".

Trước giọng khiêu khích đó, đến lượt Ma-dơ cũng to tiếng: "Này, anh làm gì mà phát bẳn lên thế? Yêu cầu anh phải có lễ độ, nếu không thì anh sẽ biết tay tôi?"

Nhưng Lơ-xáp run lên vì tức giận, và mất hết bình tĩnh: "Ông Ma-dơ, tôi không phải là thằng huênh hoang, và tốt mã như ông. Và từ nay trở đi tôi yêu cầu ông đừng có nói gì với tôi. Tôi chẳng cần biết đến ông và cả bè lũ của ông". Và anh ta đưa mắt thách thức cả Pi-tô-lê lẫn Boát-xen.

Ma-dơ chợt hiểu rằng sức mạnh thật sự là ở sự bình tĩnh và châm biếm; nhưng vì lòng đầy tự ái của hắn bị xúc phạm, hắn muốn nhờ trúng con tim của địch mà đánh, và hắn lại lên giọng quan thầy, giọng khuyên nhủ nhân đức, với những con mắt tức tối rõ rệt: "ông bạn Lơ-xáp ạ. Ông đi quá trớn rồi đấy. Nhưng tôi cũng thông cảm với mối hờn giận của ông kể ra hỏng ăn cả một tài sản như thế cũng ức, mà hỏng ăn chỉ vì một chuyện không đâu, một việc rất dễ dàng, rất đơn giản... Này nếu ông bằng lòng thì

tôi sẽ giúp ông cái việc đó, không lấy gì đâu chỗ bạn bè giúp nhau ấy mà. Bất quá chỉ năm phút thôi..."

Hắn còn đang nói thì bị Lơ-xáp ném lọ mực của lão Xa-vông trúng giữa ngực. Mực toé ra bắn đầy mặt, phút chốc biến hắn thành một anh da đen. Hắn nhảy xổ tới, hai mắt trắng dã trợn lên, tay giơ ra để đánh. Nhưng Ca-sơ-lanh đỡ cho chàng rể, ôm ngang mình to lớn của Ma-dơ để chặn lại, và xô hắn, lắc mạnh, đánh túi bụi, đẩy dúi hắn vào tường.

Ma-dơ hết sức bình sinh gỡ ra, mở cửa thét về phía hai người: "Rồi chúng mày biết tay tao!" và chuồn mất.

Pi-tô-lê và Boát-xen đi ra theo. Boát-xen thanh minh rằng sở dĩ hắn phải ôn hoà là vì sợ can thiệp vào nhờ có thể đánh chết người.

Vừa về đến phòng, Ma-dơ tìm mọi cách để chùi mặt mà không được: là vì mặt hắn đầy một thứ mực nền tím, gọi là mực không phai, không tẩy được. Hắn đứng trước chiếc gương, tức giận và buồn bực, vừa lấy khăn mặt cuộn lại thành nút cọ xát vào mặt một cách điên cuồng. Rút cục mặt lại càng đen bóng lên, đậm thêm màu đỏ, vì máu ứ lên.

Boát-xen và Pi-tô-lê theo đến với hắn và mách kế. Kế này thì bảo phải lấy dầu ô-liu nguyên chất mà xoa mặt; kế kia nói phải dùng nước đá quý, thì mới khỏi. Người ta sai anh tùy phái đi ra hiệu thuốc hỏi cách. Anh ta mang về

một thứ nước vàng và một hòn đá bọt. Nhưng cũng chẳng đi đến đâu.

Ma-dơ, thất vọng, ngồi xuống và tuyên bố: "Bây giờ còn phải thanh toán vấn đề danh dự. Các anh có thể làm chứng cho tôi và đi gặp Lơ-xáp, bắt hấn hoặc là phải tạ lỗi đầy đủ, hoặc là đấu nhau bằng võ khí, được không?".

Cả hai đều đồng ý và bàn nhau cách thức tiến hành. Họ không hiểu một tí gì về những loại việc như thế, nhưng lại không muốn nói thật, và, chỉ lo cho khỏi mất tư cách, họ đưa ra những ý kiến rụt rè và linh tinh. Sau họ quyết định hỏi ý kiến của một viên trung tá hải quân biệt phái về bộ để phụ trách phòng cung cấp than. Viên này cũng không biết gì hơn họ. Nhưng sau khi suy nghĩ, anh ta bảo họ đến gặp Lơ-xáp, yêu cầu hắn giới thiệu hai người bạn đến để giao thiệp với họ.

Họ đang đi tới phòng Lơ-xáp thì bỗng Boát-xen nảy ra ý kiến: "Có cần phải đeo găng không?".

Pi-tô-lê lưỡng lự một tí rồi nói: "Ừ, có lẽ nên". Nhưng muốn có găng thì phải ra phố mua, thế mà ông sắp đâu có cho phép dễ dàng. Họ liền sai tùy phái ra hiệu sắm đủ bộ. Về màu găng, họ cũng bàn cãi rất lâu. Boát-xen thì muốn màu đen; Pi-tô-lê lại cho rằng màu ấy dùng trong trường hợp này không đúng chỗ. Sau họ đồng ý mua găng màu tím.

Thấy hai người đeo găng và trịnh trọng bước vào, Lơ-xáp ngẩng đầu lên và hỏi xẵng: "Các ông muốn Pi-tô-lê

đáp: "Thưa ông, chúng tôi được người bạn thân là Ma-dơ uỷ đến đề nghị ông hoặc là phải có lời tạ lỗi, hoặc thanh toán bằng võ khí, vì ông đã hành hung ông ta".

Nhưng Lơ-xáp, vẫn còn đang tức giận; thét lên: "Sao! Hấn chửi vào mặt tôi mà bây giờ hấn lại còn đến khiêu khích à? Các ông bảo với hấn rằng tôi không coi hấn ra gì đâu? Hấn muốn làm muốn nói gì mặc xác hấn".

Boát-xen làm ra vẻ nghiêm trọng nói: "Thưa ông, như thế là ông bắt buộc chúng tôi phải công bố lên báo một biên bản rất không làm vừa ý ông".

Pi-tô-lê, láu cá, nói thêm: "Và nó có thể làm thiệt hại nặng đến danh dự của ông cũng như đường thăng quan tiến chức của ông".

Lơ-xáp hoảng sợ, nhìn họ. Làm thế nào bây giờ? Anh ta nghĩ cách hoãn binh: "Thưa các ông, mười phút nữa tôi sẽ trả lời. Các ông cứ chờ ở đằng phòng ông Pi-tô-lê".

Khi chỉ còn một mình, anh ta nhìn chung quanh, như để tìm một lời khuyên bảo, một sự che chở.

Một cuộc độ khí giới! Anh ta sắp phải độ khí giới!

Anh chàng hồi hộp, hoang mang, vốn người ôn hoà chưa bao giờ nghĩ đến nông nổi này, chưa được rèn luyện can trường để đề phòng một biến cố ghê gớm đến thế. Anh ta muốn đứng lên mà lại ngã vật xuống, tim đập mạnh, hai chân bủn rủn. Bao nhiêu tức giận và nghị lực của anh ta phút chốc tiêu tan. Nhưng nghĩ đến dư luận trong bộ và tiếng đồn đại về việc này sẽ lan đi khắp cơ

quan thì lòng kiêu ngạo đã nhụt của anh ta ở đâu lại thức dậy, và, không biết giải quyết thế nào, anh ta liền tìm đến phòng ông sếp để xin ý kiến.

Ông Toóc-sơ-bốp ngạc nhiên và dăm phân vân. Ông ta không thấy cần phải có một cuộc đọ khí giới; và ông lo rằng việc này lại làm rối loạn thêm cơ quan của ông. Ông ta nhắc đi nhắc lại: "Tôi thì tôi không biết nói gì với anh cả. Đây là một vấn đề danh dự, không liên quan gì đến tôi. Hay là tôi giới thiệu anh đến thiếu tá Búc? Ông ta thông thạo về vấn đề này và có thể giúp ý kiến anh".

Lơ-xáp đồng ý và tìm đến thiếu tá, ông này lại nhận lời làm nhân chứng cho anh nữa; anh nhờ một viên phó chủ sự làm nhân chứng thứ hai.

Boát-xen và Pi-tô-lê vẫn đeo găng ngồi đợi. Họ đã mượn thêm hai chiếc ghế ở phòng bên cạnh cho đủ bốn ghế.

Người ta nghiêm trang chào nhau rồi an toạ. Pi-tô-lê lên tiếng và trình bày tình hình. Thiếu tá nghe xong, nói: "Việc thì nghiêm trọng thật đấy, nhưng theo tôi không phải là không cứu vãn được; tất cả đều là do ý định của đôi bên". Ông ta là một tay thủy thủ già hóm hỉnh và ba lon.

Rồi qua một cuộc thảo luận dài, người ta lần lượt dự thảo ra bốn bức thư, trong đó hai bên đều xin lỗi lẫn nhau. Nếu ông Ma-dơ nhận mình không cố ý lãng mạ; về nguyên tắc, thì ông Lơ-xáp sẵn sàng nhận lỗi đã ném lọ mực, và xin lỗi về việc hành hung thiếu suy nghĩ.

Rồi bốn viên thừa uỷ nhiệm trở về với thân chủ của mình.

Ma-dơ đang ngồi ở bàn, lòng hồi hộp xúc động vì cuộc độ sức có thể xảy ra, tuy hẳn ta chắc chắn rằng đối phương sẽ chùn; hẳn hết ngấm má bên nọ lại ngấm má bên kia trong một chiếc gương nhỏ, bằng thiếc, loại gương mà hết thầy nhân viên đều giấu ở trong ngăn kéo để buổi chiều tan sở, trước khi ra về, họ sửa lại chòm râu, mái tóc, nắn lại chiếc ca-vát.

Hắn ta đọc những bức thư dự thảo và tuyên bố, về hài lòng lộ rõ: "Như thế này thì danh dự vẹn toàn. Tôi sẵn sàng ký".

Về phía Lơ-xáp cũng tán thành những bản dự thảo của nhân chứng mà không cần thảo luận, và anh ta tuyên bố: "Nếu đã là ý kiến của các vị thì tôi xin tuân theo".

Rồi bốn tay được toàn quyền uỷ nhiệm lại họp với nhau. Mấy bức thư được trao đổi, người ta nghiêm trang chào nhau, và, câu chuyện đã thanh toán; người ta chia tay nhau.

Một mối xúc động phi thường lan ra trong cơ quan. Các nhân viên đi hỏi tin lẫn nhau, từ cửa này sang cửa khác, gặp nhau ngoài hành lang.

Khi đã biết câu chuyện đã kết thúc thì mọi người đàm tiu ngẩn. Có kẻ nói: "Như thế vẫn chưa làm cho Lơ-xáp đẻ ra được một đứa con". Luận điệu ấy lan đi. Một nhân viên chấp thành mấy câu về.

Nhưng đến lúc mọi việc tưởng như xong xuôi, thì nảy ra một điều khó khăn do Boát-xen nêu lên: "Thái độ của hai bên địch thủ sẽ phải như thế nào khi họ gặp nhau? Họ có chào nhau không? Hay họ tảng lờ như không biết nhau?" Người ta quyết định sẽ bố trí để hai bên giả như tình cờ gặp nhau ở buồng giấy ông sếp và, trước mặt ông Toóc-sơ-bốp; họ chào hỏi lẫn nhau.

Cái nghi lễ đó được tiến hành ngay lập tức; xong đâu đấy Ma-dơ nhờ người thuê cho chiếc xe ngựa và rút lui về nhà để ra công cộ mặt.

Lơ-xáp và Ca-sơ-lanh cùng bước lên nhà, chẳng nói chẳng rằng, người nọ hăm hực với người kia, dường như việc vừa xảy ra là tại người này hay người kia. Vừa vào đến buồng, Lơ-xáp quăng mũ lên chiếc tủ ngăn và thét lên với vợ:

- Quá lắm, tôi không chịu được nữa. Bây giờ tôi lại phải độ khí giới vì cô nữa!

Chị ta nhìn chồng, ngạc nhiên, và đã lộn tiết lên rồi.

- Độ khí giới à, vì sao?

- Vì thằng Ma-dơ nó nhè vào chuyện cô mà chửi tôi.

Chị ta bước lại gần: "Chuyện tôi à? Như thế nào?".

Anh chàng ngồi phịch xuống ghế, nói: "Nó chửi vào mặt tôi... Có thể thôi, không phải dài lời".

Nhưng chị ta muốn biết rõ: "Tôi yêu cầu anh nhắc lại những lời hán nói về tôi".

Lơ-xáp đỏ mặt lên, áp ứng: "Nó bảo... nó bảo... Về cái chuyện cô không có con ấy".

Chị ta giật mình; rồi con tam bành nổi lên, với thói cục cằn của ông bố truyền sang cho chị, chị ta bù lu bù loa: "Tôi à!... Người ta bảo tôi không sinh nở được à? Cái thằng mất dạy ấy thì nó biết gì? Không sinh nở với anh thì đúng rồi, là vì anh đâu có phải là đàn ông! Nếu tôi lấy một đứa khác, đứa nào cũng được, anh biết chưa, thì tôi đã có con rồi! Ái chà!. Anh hãy giữ gìn lời nói. Lấy phải cái đụn như anh, tôi đã khổ lắm rồi...! Thế anh bảo cái thằng đốn ấy thế nào?"

Trước con giông tố ấy, Lơ-xáp đâm hốt hoảng, lấp bắp: "Tôi... tôi cho nó một cái tát".

Chị ta nhìn chồng, lấy làm lạ: "Thế nó lại chịu để yên à?"

- Nó cho người làm chứng đến, biết chưa?

Chị ta đâm ra chăm chú vào câu chuyện, là vì phụ nữ vốn ham mê những chuyện ly kỳ bí hiểm và chị ta bỗng dịu lòng đi, cảm thấy có phần kính nể cái người đàn ông sắp phải liều mình đó, chị hỏi: "Thế bao giờ thì các ông đánh nhau?".

Anh chàng thản nhiên trả lời: "Chẳng đánh đấm gì cả; mọi việc đã có nhân chứng đàn xếp xong xuôi. Thằng Ma-dơ đã phải xin lỗi rồi".

Chị ta, ghê tởm vì khinh bỉ, xía xối vào mặt chồng: "À! Thế ra người ta chửi tôi trước mặt anh, mà anh để yên,

mà anh khoanh tay không dám đánh nhau! Chỉ còn thiếu nước anh là thằng hèn nhất!"

Anh ta phân uất: "Tôi truyền cho cô im đi. Danh dự của tôi, tôi khắc biết giữ hơn cô. Đây này, thư của ông Ma-dơ đây. Đọc đi, tự khắc hiểu".

Chị ta cầm lấy mảnh giấy xem, đoán biết hết câu chuyện và cười khẩy:

- Còn anh, anh cũng viết một bức thư chứ gì? Thế là cả hai ông đều gồm nhau. Ồi chao! Sao mà đàn ông người ta hèn đến thế. Nếu bọn chúng tôi mà ở vào địa vị các ông thì... Nhưng thôi, tụt trung là người ta chửi gái này, chửi vợ anh, nhưng anh cũng đành ngậm bồ hòn! Tôi càng không lấy làm lạ rằng tại sao anh lại không thể có con được. Quy lại cũng vì một lẽ. Anh ấy à... trước đàn bà hay trước đàn ông, anh cũng nhão thế thôi. Chà! Tôi đã tốt số lấy được cái sọ dừa!

Bỗng nhiên cô ả ăn nói cử chỉ y như hệt Ca-sơ-lanh, cử chỉ đều đặn của thầy quyền cự và giọng nói của đàn ông.

Cô ả đứng trước chồng, hai tay chống nạnh, thân hình cao lớn lực lưỡng, ngực căng lên, mặt đỏ tía tai, tiếng nói oang oang như lệnh võ, máu dồn lên ửng làn má thắm, cô ả nhìn chồng ngồi trước mặt, anh chàng bé choắt, xanh xao đầu hơi hói, mặt mày nhẵn nhụi với ít râu mép lún phún kiểu thầy kiện. Cô ả lăm le những muốn nghiền nát chồng, xé xác hắn ra.

Và chị ta luôn mồm: "Anh là đồ vô tích sự, vô tích sự. Anh để cho thiên hạ họ cười lên đầu lên cổ mà chịu được!".

Cửa mở ra: Ca-sơ-lanh nghe có tiếng âm ỉ, bước vào hỏi: "Cái gì thế?"

Chị ta quay lại nói: "Tôi đang mở mắt cho cái quán đụn kia kìa!".

Vừa lúc đó Lơ-xáp ngẩng mặt lên, thấy hai bố con giống nhau như đúc. Đối với anh chàng, hình như một tấm màn vừa vén lên, phơi rõ chân tướng của hai bố con, cùng một dòng máu, cùng một nòi phàm phu, thô tục. Anh ta thấy tuyệt vọng, vì suốt đời bị đẩy đoạ phải sống giữa hai con người đó.

Ca-sơ-lanh tuyên bố: "Giá có thể ly dị được thì tốt. Còn thú vị gì lấy phải mã gà sống thiên ấy".

Lơ-xáp đứng phắt dậy, tức giận đến run người, lồng lộn lên vì lời nói xỏ xiên. Anh ta tiến về phía bố, mồm áp úng: "Cút đi!... Cút!... Đây là nhà tôi, ông hiểu chưa... Tôi đuổi ông đi..." Và anh ta vớ trên tủ lấy một chai đầy nước thuốc diu, giơ lên như một quả chùy.

Ca-sơ-lanh đâm chùn, vừa giật lùi vừa lảm bảm: "Quái, thằng này bị ma ộp hay sao?"

Nhưng cơn giận của Lơ-xáp vẫn chưa nguôi; như thế thì quá lắm. Hắn quay lại vợ, cô ả vẫn nhìn chổng, hơi lạ vì thấy anh ta dữ tợn đến như thế, còn hắn thì để chiếc chai xuống rồi quát lên: "Còn mày nữa... còn mày nữa...".

Nhưng không biết nói gì hơn, không có lý do gì, hấn đứng sững ra trước mặt vợ, mặt thất sắc, giọng lạc đi.

Chị ta phá ra cười.

Tiếng cười như chửi vào mặt, làm anh ta phát điên lên, và nhảy chồm đến, tay trái tóm lấy cổ, tay phải hùng hổ tát vào mặt vợ. Chị ta lùi lại, cuống cuống, nghẹn ngào. Và vào chiếc giường, chị ta ngã ngửa xuống. Hấn vẫn không buông tha, tiếp tục đánh. Phút chốc hấn đứng lên, thở hổn hển, mệt nhoài; và, bỗng xấu hổ vì sự tàn bạo của mình, hấn lúng búng: "Thế... thế... thế cho mà biết".

Nhưng chị ta không cự cạy, tương như anh ta đã đánh chết. Chị nằm ngửa ở bên mép giường, hai tay che kín mặt. Anh chàng đến gần, bối rối, tự hỏi không biết rồi ra thế nào, và chờ cho chị ta bỏ tay ra xem chị làm sao. Được vài phút, càng lo lắng, anh ta khẽ nói: "Cô-ra! Em. Cô-ra!" Chị ta vẫn không trả lời, không động đậy. Chị ta làm sao? Làm gì đấy? Rồi ra chị sẽ làm gì?

Cơn giận đã qua, đột nhiên tan đi cũng như lúc nổi dậy, anh ta tự thấy mình khả ố, gần như phạm tội. Anh ta đã đánh một người đàn bà, vợ anh, thế mà anh vốn là người khôn ngoan và ôn hoà, người có giáo dục và vẫn biết điều xưa nay. Thế là trong lúc dụ lòng hối hận, anh ta muốn xin lỗi, muốn quỳ xuống, hôn vào má bị tát đỏ lên kia. Anh ta lấy đầu ngón tay khẽ đụng vào một bàn tay che mặt kia. Hình như chị không cảm thấy gì. Anh chàng vỗ vỗ, vuốt ve như người vuốt ve một con chó bị mất. Chị vẫn không động tĩnh. Anh chàng lại nói: "Cô-ra ời. Cô-ra.

anh có lỗi, em ạ". Chị ta như chết. Thế là anh chàng thử nhấc bàn tay lên. Bàn tay giờ lên dễ dàng, và anh ta thấy một con mắt mở trừng trừng, nhìn anh, trông dễ sợ.

Anh ta lại nói: "Cô-ra, em ạ, anh chót giận. Tại ba em làm anh giận quá. Ai lại chửi vào mặt nhau như thế".

Chị ta không trả lời, dường như không nghe thấy. Anh chàng không biết nói thế nào, làm cách gì. Anh ta hôn vào bên tai, và khi ngẩng lên thì thấy bên khoé mắt chị ta một giọt nước mắt, một giọt nước mắt to tướng nó lăn ra và trào xuống má; và mắt chị ta chớp chớp nhắm mở liên hồi.

Anh chàng xúc động, nảo cả lòng, và dang tay ra nằm đè lên vợ; anh ta lấy môi gạt nốt bàn tay kia ra và hôn lấy hôn để khắp mặt, mồm van xin: "Em Cô-ra tội nghiệp của anh, tha cho anh, nhé, tha cho anh".

Chị ta vẫn khóc, lặng lẽ, không ra tiếng, như trong những cơn uất hận.

Anh chàng ôm chặt lấy vợ, vuốt ve, rủ rỉ bên tai nàng đủ những lời âu yếm. Nhưng chị ta vẫn trơ trơ. Tuy nhiên chị đã hết khóc. Thế là hai vợ chồng cứ nằm thế mãi, ôm chặt lấy nhau.

Trời bắt đầu tối, gian buồng nhỏ đã nhá nhem; rồi đến khi buồng tối hẳn, anh chàng đánh bạo và tạ lỗi vợ bằng cách nhen lại mối hy vọng chung của hai vợ chồng.

Khi họ ngồi dậy thì tiếng nói và sắc mặt của anh chàng đã trở lại bình thường, tương như chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Trái lại cô ả có vẻ dịu dàng, nói giọng ngọt

ngào hơn ngày thường, nhìn chồng bằng con mắt phục tùng, gần như âu yếm, dường như trận đòn bất ngờ kia đã làm cho cô giãn gân và mềm lòng lại. Anh ta thản nhiên nói: "Ba em ở bên buồn một mình chắc buồn, em đi tìm ba đi. Mà đến giờ ăn rồi còn gì". Chị ta bước ra.

Quả thật đã bảy giờ rồi, con ở nhỏ đã vào mời ăn: rồi Ca-sơ-lanh, bình thảo và tươi cười, cùng với con gái bước vào. Họ ngồi vào bàn ăn và chuyện trò, tối hôm đó lại thân tình hơn như những ngày đã lâu lắm trước kia, dường như có điều gì may mắn đến với tất cả mọi người.

V

Nhưng bao nhiêu hy vọng của họ luôn luôn được nuôi dưỡng, luôn luôn được nhen lại, rút cục đều không đi đến đâu. Ngày tháng trôi qua, mặc dầu tính dai dẳng của Lơ-xáp và lòng sốt sắng của chị vợ, những mong mỏi hột của họ như đốt ruột đốt gan. Người này luôn luôn riết móc đồ lỗi tại người kia, và anh chồng thất vọng, gầy rạc người ra, lử khừ lử khừ, lại càng thêm cay đắng vì tính thô lỗ của Ca-sơ-lanh, lão ta, trong không khí gia đình căng thẳng, thường gọi gán là: "Ông gà sống", chắc hẳn để kỷ niệm cái ngày mà lão ta suýt bị một chai nước đập vào mặt vì nói lên tiếng gà sống thiến.

Con gái lão và lão ta, tự nhiên lại về hòa với nhau, điên cuồng lên vì ngày đêm tơ tưởng cái tài sản kếch sù kia kể đến tận tay mà không sao tóm được họ chỉ còn biết tìm đủ mọi sáng kiến để sỉ nhục và giấy vò anh chàng bất lực đã gây nên điều bất hạnh cho họ.

Ngày nào ngồi vào ăn, Cô-ra cũng lặp lại: "Ăn uống chẳng có gì. Nếu giàu có thì đâu đến nỗi. Lỗi chẳng phải tại tôi".

Mỗi khi Lơ-xáp đi làm, chị ta từ trong buồng thét ra: "Nhớ mang ô đi, không có về lại dơ dáy như của khi ấy, không ai chịu được. Có mồn đời phải làm nghề cạo giấy cũng chẳng phải vì gái này đâu".

Mỗi khi chính chị ta đi đâu, chị không quên ngấm nguyệt: "Giá lấy chồng khác thì đã có xe mà đi".

Thôi thì bất cứ lúc nào, bất cứ dịp nào, cô ả cũng nghĩ đến chuyện đó, rồi day nghiền, sỉ vả chồng, đổ tội cho riêng hần, quy trách nhiệm chỉ vì hần mà cô ả truội mất cái tài sản kia.

Cuối cùng một tối, lại không chịu nổi, hần ta thét lên: "Đồ chó đẻ! Cô im đi không thì bảo? Không có con, lỗi chỉ là tại mày thôi, hiểu chưa, chứ riêng tao, tao đã có con rồi..."

Hần ta nói dối, để khỏi chịu mãi điều riếc móc, sỉ nhục là kẻ bất lực.

Chị ta, thoát tiên sướng sớt, nhìn thẳng vào mặt chồng để dò la ý tứ, nhưng rồi sau vớ lẽ lại càng khinh bỉ: "Ngũ ầy mà có con à?"

Hắn trâng tráo đáp: "Chứ lại không à, con riêng đây gửi nuôi ở Át-nhe đấy".

Chị ta thản nhiên nói: "Được, để đến mai cùng đi tới đó tôi xem mặt mũi nó thế nào".

Nhưng anh chàng đỏ mặt tía tai ấp úng: "Tuỳ ý cô".

Hôm sau, mới bảy giờ sáng, chị ta đã dậy, anh chồng lấy làm lạ thì chị nói: "Thế không đi thăm con riêng của ông à? Ông hứa với tôi hôm qua mà. Hay là, hôm nay ông lại không có mặt rồi?"

Hắn ngồi nhồm dậy nói: "Vấn đề chẳng phải là đi thăm con riêng của tôi, mà là đến bác sĩ; rồi người ta sẽ nói toạc ra cho cô biết".

Chị ta trả lời, ra điều vững tin ở mình: "Được, đây chẳng mong gì hơn".

Ca-sơ-lanh nhận việc đến sở cáo ốm cho chàng rể; còn hai vợ chồng Lơ-xáp thì, do một được sĩ lảng giềng mách, đúng giờ đến gõ cửa nhà bác sĩ Lơ-phin-ơ, tác giả của nhiều cuốn sách nói về khoa vệ sinh sản dục.

Họ bước vào một phòng khách quét vôi trắng kẻ chỉ vàng, đồ đạc lỏng chỏng, hình như trơ trụi, vắng khách tuy có nhiều ghế. Họ ngồi xuống đợi. Lơ-xáp cảm động, run run, có phần xấu hổ. Khi đến lượt họ, họ bước vào một thứ phòng giấy, ở đó một người béo lùn, khách sáo mà lạnh lùng, đón tiếp họ.

Người đó chờ cho họ trình bày; nhưng Lơ-xáp đỏ mặt

như gác chín, ngập ngừng không nói. Thế là chị vợ quyết ý và, bằng một giọng thần nhiên, rõ ra người quyết tâm làm bất cứ việc gì để đạt tới mục đích, chị ta nói: "Thưa bác sĩ, chúng tôi tìm đến ngài là vì chúng tôi không có con. Thế mà chúng tôi cần phải có con để hưởng một gia tài lớn".

Bác sĩ khám rất lâu; tỉ mỉ và nhọc nhằn. Duy Cô-ra tỏ vẻ không ngưng nghỉ gì hết, sẵn sàng để cho thầy thuốc khám xét cẩn thận, với thái độ của một người đàn bà được một lợi ích cao hơn kích thích và nâng đỡ.

Sau gần một tiếng đồng hồ khám xét cả hai vợ chồng, nhà chuyên môn không kết luận gì hết. Ông ta nói:

"Tôi không nhận ra điều gì khác thường hay đặc biệt cả. Và lại trường hợp này cũng thường có luôn. Về thể chất con người ta cũng như về tính tình. Nếu chúng ta thấy nhiều cặp vợ chồng xa lìa nhau vì tính tình xung khắc, thì cũng không lạ nếu có những cặp vợ chồng không có con vì thể chất xung khắc. Theo tôi thì bà nhà ta thể chất rất là cường tráng và có khả năng sinh nở được. Còn về ông nhà ta thì, tuy cơ thể không có gì khác thường, nhưng theo tôi có phần suy nhược, có lẽ chính vì quá tha thiết muốn có con. Ông cho phép tôi được nghe thử một chút?"

Lơ-xáp lo lắng, cởi áo gi-lê ra và bác sĩ áp tai rất lâu vào ngực, vào lưng anh ta, rồi ông gõ một thôi một hồi từ bụng lên đến cổ và từ hông lên đến gáy.

Ông ta nhận xét thấy tim có phần đập không đều và ngay cả một bên phổi bị đe dọa.

"Ông thì phải giữ gìn mới được, giữ gìn cẩn thận. Đây là bệnh thiếu máu, suy nhược, không có gì khác cả. Nhưng chứng này bây giờ còn nhẹ, nhưng, trong ít lâu, có thể thành bất trị".

Lơ-xáp, tái xanh đi vì lo sợ, hỏi xin một đơn thuốc. Bác sĩ ấn định cho anh ta một chế độ phiền toái. Chất sắt này, thịt tươi này, hàng ngày ăn xúp, tập thể dục, nghỉ ngơi và mùa hè về thôn quê ở. Rồi ông ta dặn dò nên làm gì khi nào anh khá hơn. Ông ta mách bảo những điều thường vẫn áp dụng có hiệu quả trong trường hợp như của hai vợ chồng anh.

Tiền thầy thuốc mất bốn mươi quan.

Khi họ bước ra ngoài phố. Cô-ra giận lên đến cổ, thấy cơ đồ như thế thì rít lên: "Thôi, thế là phận gái này may lắm rồi!"

Anh chàng làm thinh. Lòng bị xâu xé vì lo sợ, anh ta vừa đi vừa nhớ lại, cân nhắc từng lời của bác sĩ. Ông ta đánh lừa mình chăng? Phải chăng ông ta thấy mình đã nguy kịch? Bây giờ thì anh ta không còn nghĩ gì đến món gia tài, đến con cái nữa. Phải lo cho cái tính mạng của mình đã.

Anh tưởng như nghe thấy tiếng phổi rít lên và cảm thấy tim đập lồng lộn. Khi đi qua vườn Tuy-lơ-ri, anh thấy mệt và muốn ngồi xuống. Chị vợ, tức tối đứng sừng sững bên cạnh để làm nhục chồng, nhìn hằm từ đầu tới chân, với điệu thương hại khinh nhờn. Anh chàng thở một cách mệt

nhọc càng dốc ra thêm vì xúc động; và anh ta để ngón tay bên trái lên cổ tay bên phải, đếm nhịp mạch đập.

Cô-ra giậm chân sốt ruột hỏi: "Thế nào, làm kiểu cách ấy đến bao giờ? Sắp về chưa?" Hấn ta như một nạn nhân đứng lên và lại tiếp tục đi chẳng nói chẳng rằng.

Khi Ca-sơ-lanh biết được kết quả cuộc đi thăm thầy thuốc, lão ta càng thêm giận dữ. Lão găm lên: "Thôi thế là tong, khốn chưa! Thật là tong". Và lão hung hãn nhìn chàng rể, những muốn nuốt tươi hấn.

Lơ-xáp như cầm như điếc, chỉ còn lo cho sức khoẻ, cho tính mạng nguy ngập của mình. Mặc kệ cho bố con họ hò hét, họ thiết gì đến cái mạng của mình, có thân thì phải lo.

Anh ta bày ra bàn la liệt những chai thuốc nọ thuốc kia, và cứ đến mỗi bữa ăn là đong thuốc, trước những nụ cười nửa miệng của mẹ vợ và tiếng cười sằng sặc của bố vợ. Lúc nào anh cũng ngấm mình trong gương, lúc nào cũng áp tay lên ngực để nghe tim đập, và anh tự bố trí lấy một chiếc giường nằm trong một gian buồng tối, chỗ vắng để treo quần áo, vì anh ta không muốn chung chạ với Cô-ra nữa.

Bây giờ anh ta đâm ra vừa căm vừa sợ cô ả, lẫn cả khinh bỉ và ghê tởm. Và lại tất cả đàn bà bây giờ anh đều coi như những yêu quái nguy hiểm, chuyên việc sát hại đàn ông; và anh ta còn nghĩ đến tờ chúc thư của bà cô Sác-lốt thì chẳng qua như nghĩ đến một tai hoạ suýt chết mà anh vừa thoát khỏi.

Ngày tháng lại trôi qua. Chỉ còn một năm nữa là hết cái hạn đã định.

Ca-sơ-lanh đã treo trong phòng ăn một chiếc lịch thật to và mỗi buổi sáng lại xoá đi một ngày. Cứ như thế lòng tức tối vì tự mình bất lực, thất vọng vì cảm thấy ngày qua tháng lại, cái cơ nghiệp kia cứ lùi đi càng điên rồ khi nghĩ đến thân mình còn phải lê đẹo đến sở và rồi sống bằng số lương hưu trí hai nghìn quan cho đến khi nhắm mắt, tất cả thôi thúc lão ta đến chỗ ăn nói vũ phu, sến một chút là có thể đâm ra bạo lực hành hung.

Lão không thể thấy mặt Lơ-xáp mà không run lên, hăm hăm những muốn nện, muốn bầm vằm, giấy xéo lên hấn. Lão oán hờn hấn, một mối căm hờn điên loạn. Mỗi lần thấy hấn mở cửa bước vào là tưởng như kẻ trộm vào nhà, cuồn mắt của lão ta một vật thiêng liêng, một món gia bảo. Lão căm giận hấn, hơn cả người ta căm giận một kẻ tử thù, và lão lại khinh bỉ hấn vì hấn ốm yếu, mà nhất là vì hấn hèn nhát, từ ngày lo cho sức khoẻ của mình thì thôi không chịu theo đuổi mối hy vọng chung nữa.

Số là Lơ-xáp bây giờ sống cách biệt hẳn vợ, như không còn có mối quan hệ gì giữa hai vợ chồng nữa.

Anh chàng không dám gần vợ, không đụng chạm đến vợ, tránh cả từ cái nhìn của vợ, vừa xấu hổ vừa sợ cũng có.

Mỗi ngày Ca-sơ-lanh lại hỏi con gái: "Thế nào chồng mày nó đã quyết ý chưa?"

Chị ta trả lời: "Chưa đâu, ba ạ".

Mỗi tối, cứ ngồi vào bàn ăn là diễn ra những cảnh nặng nề. Ca-sơ-lanh lải nhải luôn mồm: "Khi một thằng đàn ông đã không phải là đàn ông, chẳng thà chết mẹ nó đi để nhường chỗ cho đứa khác".

Và Cô-ra thêm vào: "Ở đời vẫn có những kẻ thật đoảng và chượng. Tôi không hiểu họ sống trên mặt đất này làm gì, chỉ tổ thêm gánh nặng cho thiên hạ".

Lơ-xáp uống thuốc và chẳng nói nửa lời. Cuối cùng một hôm bố vợ thét vào mặt hắn: "Anh ấy à, anh biết không, bây giờ anh đã khoẻ rồi mà nếu vẫn không thay đổi thái độ thì tôi bảo cho anh biết, con gái tôi nó sẽ làm trò gì, mặc anh!...".

Anh con rể ngẩng mặt lên nhìn dò hỏi, linh tính cảm thấy lại sắp có chuyện nhục mạ gì xảy ra nữa đây. Ca-sơ-lanh nói tiếp: "Nó sẽ kiếm một thằng khác, mẹ kiếp, phúc cho anh là nó chưa làm chuyện gì đấy. Đã lấy phải thằng độn như anh thì làm gì cũng được hết".

Lơ-xáp thất sắc, đáp: "Nào tôi có ngăn cấm cô ấy vâng lời giáo huấn của ông đâu".

Cô ra đã cúi mặt xuống. Còn Ca-sơ-lanh, cảm thấy lờ mờ rằng mình đã nói quá đáng, ngồi trơ ra hơi ngượng.

VI

Ở bộ, hai người có vẻ sống khá hoà thuận với nhau. Một thứ giao kèo ngầm đã ký kết giữa hai người để che giấu các bận đồng sự những cuộc xung đột nội bộ. Họ xưng hô với nhau ông ông tôi tôi, và lại giả vờ như cười với nhau, sung sướng và hả hê, hài lòng về cuộc sống chung.

Về phía Lơ-xáp và Ma-dơ thì đối đãi với nhau một cách lễ độ khách sáo như giữa những tay địch thủ suýt nữa đã choảng nhau. Sau cuộc độ sức hệt đã từng làm cho họ rợn mình, thì giữa họ nảy nở một niềm lễ phép cường điệu, họ đâm ra vị nể nhau hơn, và dường như có ý muốn thâm kín gần gũi nhau, vì họ lo sợ mơ hồ rằng có thể xảy ra chuyện rắc rối gì mới chẳng. Mọi người để ý và hoan nghênh thái độ của họ, tỏ ra là những người lịch thiệp đã từng có vấn đề va chạm nhau vì danh dự.

Họ trông thấy nhau từ rất xa đã chào nhau, trịnh trọng và nghiêm trang, tay ngả mũ chẳng chặc đường hoàng.

Họ không nói gì với nhau, vì cả hai bên đều không muốn hoặc không dám mang tiếng làm lạnh trước.

Nhưng một bữa, vì ông sắp gọi gấp, Lơ-xáp cầm cổ chạy để tăng công, vừa đến một chỗ hành lang rẽ ngoặt thì húc đầu vào bụng một nhân viên đi ngược lại. Chính là

Ma-dơ. Cả hai đều lùi lại. Lơ-xáp cuống quýt và lễ phép hỏi: "Ông có làm sao không?"

Gã kia đáp: "Thưa ông, không sao".

Từ đó trở đi họ cảm thấy nên trao đổi vài lời khi gặp nhau cho phải lễ. Rồi, vì ganh đua tỏ ra mình lịch sự, họ đi đến chỗ ân cần với nhau, và chẳng mấy lúc đã có đôi chút vốn vã, cho đến tình thân mật, phần nào còn dè dặt, sự thân mật giữa những người đã hiểu lầm nhau, nay còn chút do dự ngại ngùng kìm hãm lòng cởi mở; rồi, cứ chào hỏi nhau, qua lại thăm viếng nhau mãi, một tình bạn nảy ra.

Bây giờ thường khi họ đã tán gẫu với nhau mỗi lúc đến phòng viên tham biện quản trị để lấy tin tức Lơ-xáp ta đã mất cái thói kiêu căng của một viên chức có triển vọng bay nhảy, Ma-dơ cũng dẹp bớt cái tác phong của kẻ giao du nhiều; còn Ca-sơ-lanh thì xen vào trò chuyện, có vẻ quan tâm đến tình bạn giữa hai người. Đôi khi, gã tham biện đẹp trai vừa đi khỏi, dáng người đường bệ, trán dựng tới cửa cao, lão ta lại nhìn chàng rể mà lăm bầm: "Nhu nó mới thật đáng mặt trai chứ!".

Một buổi sáng, cả bốn người đang ở trong phòng, kể cả lão Xa-vông, vì lão ta không lúc nào rời bản sao chép, bỗng chiếc ghế của lão, chắc đã bị kẻ ranh mãnh nào của sấn, đổ sụp xuống làm cho lão ngã lăn xuống sàn, kêu thất thanh.

Ba người kia đổ xô lại. Lão tham biện quản trị thì đổ

cho tại âm mưu của bọn phiến loạn công xã, còn Ma-dơ thì cứ khẳng khẳng muôn xem chỗ lão già bị thương. Ca-sơ-lanh và hần định cởi quần áo lão ta ra, nói là để buột vết thương. Nhưng lão già giẫy nảy cự tuyệt, mồm tru tréo lên rằng mình không việc gì cả.

Khi cơn vui đã dịu, Ca-sơ-lanh đột nhiên nói to lên: "À này, ông Ma-dơ, ông thử nghĩ xem, bây giờ ta hoà thuận với nhau cả, thì bữa nào chủ nhật ông lại dâng nhà tôi đánh chén một bữa. Chúng tôi rất mong, chàng rể tôi và tôi, cả con gái tôi nữa, nó đã được nghe nói đến ông nhiều, vì bọn tôi hay bàn đến chuyện ở sở. Thôi, thế là nhận lời đấy nhé?".

Lơ-xáp cũng tiếp lời mời mọc, nhưng có phân hững hờ hơn bố vợ: "Mời ông đến, chúng tôi rất mong".

Ma-dơ ngẩn ngại, bối rối, mỉm cười nhớ lại những lời người ta đồn đại.

Ca-sơ-lanh thúc: "Thôi, thế là đồng ý đấy, hả?".

- Đã vậy thì xin vâng.

Khi ông bố ở sở về báo tin: "Con không biết chứ, ông Ma-dơ chủ nhật sau sẽ đến ăn ở nhà ta đấy", thì Cô-ra, thoát nghe bố ngỗ, lắm bầm: "Ông Ma-dơ? Thế à!"

Rồi chị ta, không biết vì lẽ gì, đỏ mặt lên như gấc. Chị đã từng nghe nói nhiều đến anh chàng ấy, đến những kiểu cách của hần, đến những thành tích của hần, là vì ở bộ hần vẫn có tiếng là mạnh dạn đối với phụ nữ và quyến rũ ghê lắm, đến nỗi từ lâu lòng chị những ước ao được biết hần.

Ca-sơ-lanh xoa tay nói tiếp: "Rồi con sẽ thấy, anh chàng rắn rỏi và bảnh trai lắm. Anh ta cao lớn như một kỵ binh vậy, chứ chẳng giống như cái thằng chồng con ấy đâu!"

Chị không trả lời, sùng sùng tưởng như người ta đã đoán được cô ả hằng mơ ước anh chàng kia rồi.

Họ chuẩn bị bữa ăn cũng thật chu đáo như bữa trước kia đã mời Lơ-xáp. Ca-sơ-lanh bàn tính các món ăn, muốn cho thật thơm, và dường như một hy vọng gì mờ ám, chưa rõ nét, đã nảy nở trong lòng lão làm cho lão vui lên, yên trí vì điều dự tính ngấm ngấm và chắc chắn nào đó.

Suốt cả ngày chủ nhật, lão rối rít đôn đốc mọi việc chuẩn bị, còn Lơ-xáp thì mắc giải quyết một công việc khẩn cấp ở sở mang về từ hôm trước. Số là bấy giờ đã vào đầu tháng mười một rồi, ngày đầu năm sắp tới.

Đúng bảy giờ, Ma-dơ tới, vui phớn phở. Hắn bước vào như ở nhà hắn và vừa chúc mừng vừa đưa tặng Cô-ra một bó hoa hồng thật to. Hắn lại nói thêm, bằng giọng thân mật của kẻ đã từng giao du nhiều: "Thưa bà, hình như tôi có được quen biết bà một chút, mà tôi đã quen từ lúc bà còn là cô gái nhỏ xíu là vì đã bao nhiêu năm rồi cụ nhà đã nói cho tôi nghe về bà".

Ca-sơ-lanh trông thấy hoa, thì kêu lên: "Úi chà, thế này thì lịch sự quá." Và cô con gái nhớ lại rằng cái ngày Lơ-xáp đến trình diện đã không mang hoa. Gã tham biện đẹp trai có vẻ khoái trí, cười hớn hở, như lần đầu tiên đến

nhà những người bạn cố tri, và ngộ với Cô-ra những lời chiều nịnh kín đáo khiến cô ả đỏ mặt.

Hắn thấy cô nàng dễ thềm quá. Cô ả thì thấy anh chàng rất nên duyên. Khi hắn về rồi Ca-sơ-lanh hỏi: "Này, hóm đấy chứ, đáo để lắm nhớ! Nghe nói cô nào cũng cứ là mê tít đi".

Cô-ra kín đáo hơn, nhưng cũng thú thật rằng thấy anh chàng "dễ thương chứ không đến nỗi bộ điệu như chị vẫn tưởng".

Lơ-xáp, có vẻ không uể oải và rầu rĩ như mọi khi, cũng đồng ý rằng trước kia đã "ngộ nhận" anh chàng.

Ma-dơ lúc đầu đến chơi còn dè dặt, rồi sau đến luôn. Hắn được lòng tất cả mọi người. Người ta lôi kéo hắn, nâng niu hắn. Cô-ra nấu những món ăn mà hắn thích. Và rồi tình thân mật giữa ba người đàn ông thấm thiết đến nỗi họ không rời nhau ra nữa. Anh bạn mới kéo cả nhà đi xem hát, ngồi ở những lô dành cho nhà báo.

Đêm khuya họ đi bộ về, dọc theo những phố đông người, cho đến tận cửa nhà vợ chồng Lơ-xáp. Ma-dơ và Cô-ra đi trước, bước chân đều, sánh hông nhau, hoà cùng một động tác, một nhịp điệu, hình như hai người sinh ra là để sát cánh đi trong cả cuộc đời. Họ thủ thi với nhau, vì họ ăn ý nhau đáo để, và cười ngật nghẹo; đôi khi người thiếu phụ ngoảnh đầu lại phía sau liếc nhìn ông bố và chồng.

Ca-sơ-lanh nhìn họ bằng con mắt hiền từ, và thường khi không nhớ rằng mình đang nói với chàng rể, lão tuyên bố: "Của đáng tội, chúng thế mà tốt đời, nhìn chúng đi với

nhau kể cũng thú". Lơ-xáp thân nhiên đáp: "Họ vốc người gần bằng nhau", và anh ta sung sướng cảm thấy quả tim đập bớt mạnh, khi đi nhanh anh đỡ thở hơn trước, tóm lại anh đã tráng kiện hơn xưa; thế là dần dần tiêu tan mối hiềm khích đối với bố vợ, và chẳng những lời châm chọc độc ác của ông ta ít lâu nay cũng không còn nữa.

Đến ngày đầu năm anh ta được thăng tham tá thượng hạng. Anh mừng quýnh lên, đến nỗi về đến nhà là ôm vợ hôn, từ sáu tháng nay đó là lần đầu. Chị vợ sùng sốt, ngượng nghịu hình như chồng làm một việc gì khiếm nhã; và chị ta nhìn anh chàng Ma-dơ vừa đến để chúc mừng năm mới. Về phía anh chàng cũng có vẻ lúng túng và quay ra cửa sổ, ra điều không muốn nhìn. Nhưng chẳng bao lâu Ca-sơ-lanh lại trở nên cáu kỉnh và xấu thói, và lão ta lại bắt đầu châm chọc xỏ xiên chàng rể. Đôi khi lão lại vặc cả đến anh chàng Ma-dơ, làm như cũng vì hắn mà mối tai hoạ kia treo lơ lửng trên đầu, và cái thời hạn nghiệt ngã cứ mỗi phút lại thêm tới gần.

Chỉ có Cô-ra có vẻ thân nhiên như không, rất mực vui sướng, rất mực hoan hỉ. Hình như chị đã quên cái thời hạn gay go nó đã sát tới kia.

Bấy giờ đã sang tháng ba. Bao nhiêu hy vọng dường như tiêu tan, là vì bà cô Sác-lốt chết đi tính đến ngày hai mươi tháng bảy sắp tới là đã đầy ba năm.

Một mùa xuân sớm sữa làm cây cỏ đâm chồi nảy lộc; và một bữa chủ nhật, Ma-dơ đề nghị với các bạn đi dạo chơi trên bờ sông Xen để hái hoa tím trong bụi.

Họ đi một chuyến tàu sớm và xuống ga La-phít. Một cơn gió mùa đông còn luồn qua các cành cây trơ trụi, nhưng trên cỏ non xanh, óng mượt đã lốm đốm những bông hoa trắng và xanh lơ; và những cây ăn quả trên đồi giơ những cánh tay gầy guộc đẩy những búp non đã nở, hình như choàng vào mình những vòng hoa hồng.

Sông Xen, nặng nề, buồn bã và ngầu bùn vì những trận mưa vừa qua, chảy giữa hai bờ bị lở trong những trận lũ mùa đông; và cả vùng đồng quê sẫm nước, tưởng như vừa tắm xong, bốc lên một vị ẩm dịu dịu trong hơi ẩm của những ngày nắng đầu mùa.

Họ tha thẩn trong cánh đồng cỏ, Ca-sơ-lanh, râu rĩ gõ can xuống những mô đất, hôm đó lại càng bứt rứt hơn ngày thường, chưa xốt nghĩ đến cái vận xúi sắp sửa hoàn toàn thành sự thực. Lơ-xáp cũng ủ ê, chỉ sợ giẫm vào cỏ ướt chân, trong khi đó chị vợ và Ma-dơ tìm kiếm làm một bó hoa. Cô-ra từ mấy hôm nay có vẻ ốm, mệt mỏi và xanh đi.

Chẳng mấy lúc chị ta đã thấy mệt và muốn trở về để ăn trưa. Họ tìm đến một quán nhỏ tựa bên một nhà máy xay gió cũ gần đó, vừa bữa ăn thường lệ của những người Pa-ri về chơi miền quê được dọn ra dưới một vòm cây, trên chiếc bàn gỗ phủ hai chiếc khăn mặt, và gắn sát ngay bên sông.

Người ta nhai cá rán rau rầu, rồi ăn đến món thịt bò sào khoai tây, và đến lúc dọn ra liền rau xanh trộn thì

bỗng Cô-ra dùng dưng dưng dậy, chạy ra phía bờ sông, hai tay cầm chiếc khăn ăn bịt lấy mắt.

Lơ-xáp, lo lắng, hỏi: "Cô ấy làm sao thế?" Ma-dơ, bối rối, đỏ mặt lên, đáp ứng: "Nào... tôi có biết đâu... ban nãy chị ấy vẫn khoẻ mà?", còn Ca-sơ-lanh thì hốt hoảng ngồi dờ ra, chiếc đĩa còn cầm lá rau xà-lách chống lên trời.

Lão đứng lên, ngó tìm con gái, thấy chị ta đứng tựa đầu vào một thân cây, có vẻ ốm. Một điều nghi ngờ thoáng qua làm lão ta khuyu chân ngồi xuống chiếc ghế, vừa đưa mắt lơ lảo nhìn hai anh chàng, họ bấy giờ hình như cũng sượng sùng với nhau. Lão soi mói nhìn họ, con mắt e ngại, không dám nói gì, điên cuồng vì lo sợ mà cũng vì hy vọng.

Mười lăm phút trôi qua trong không khí im phăng phắc. Rồi Cô-ra trở lại, mặt hơi xanh, đi không vững. Không ai hỏi chị ta một cách rành mạch; mỗi người hình như đoán có một việc vui mừng xảy ra, nhưng khó nói, ai cũng sốt ruột muốn biết mà lại ngại nghe ra nhẽ. Duy có Ca-sơ-lanh hỏi con: "Đỡ rồi chứ?" Chị ta trả lời: "Vâng, không sao cả. Thôi ta trở về nhà cho sớm, tôi hơi rức đầu".

Ra về chị nín lấy tay chồng như để ra hiệu điều gì bí mật mà chưa dám nói ra.

Đến ga Xanh La-za họ chia tay nhau. Ma-dơ, lấy cớ rằng vừa nhớ ra một việc bận, bắt tay chào mọi người rồi bỏ đi.

Liên đó, khi chỉ còn một mình với con gái và chàng rể, Ca-sơ-lanh hỏi: "Lúc nãy đang ăn con làm sao thế?".

Cô-ra thoát tiên không trả lời; rồi ngáp ngừng một lúc, chị ta nói: "Không việc gì, con hơi buồn nôn".

Chị ta lê chân đi uể oải, với một nụ cười trên môi. Lơ-xáp khó chịu, đầu óc bối rối, với những ý kiến lộn xộn, trái ngược, vừa khao khát giàu sang, vừa giận dữ âm thầm, vừa xấu hổ khó nói, lại vừa hèn nhát mà cũng ghen tuông, hấn ta làm như những kẻ ngủ trưa, buổi sáng chưa muốn dậy mà cứ nhắm mắt để khỏi nhìn thấy ánh sáng đã qua rèm, lọt vào buồng và quét ngang giường thành một vệt chói loà.

Vừa về đến nhà, hấn lấy cố là có việc dở phải làm cho xong, và rút lui vào buồng một mình.

Bấy giờ Ca-sơ-lanh để hai tay lên vai con gái: "Con có mang, phải không? ".

Chị ta áp ứng: "Vâng, có lẽ. Độ hai tháng".

Chị ta chưa nói hết lời thì lão đã mừng rỡ nhảy cuống lên, rồi lão đi ngay một điệu nhảy đứ đờn chung quanh con gái, ý chừng hồi tưởng lại xưa kia lúc còn ở trại. Mặc dầu cái bụng phệ, lão co chân lên để nhảy, làm chuyển cả gian nhà. Đồ đạc rung lên, cốc chạm vào nhau loảng xoảng trong tủ ăn, chiếc đèn treo lắc lư và rung rinh như ngọn đèn tàu biển.

Rồi lão ta ôm lấy con gái quý và hôn chùn chụt; rồi, thân mật khẽ vỗ tay vào bụng con: "Thôi! Thế là yên trí! Con đã cho chồng con biết chưa?"

Chị bỗng nhiên chờ người ra, Lắm bầm: "Không... chưa... con... con đợi xem đã".

Nhưng Ca-sơ-lanh kêu lên: "Thôi, được rồi. Cô ngưng chứ gì. Đợi đấy, để tôi đi bảo cho nó biết".

Thế là lão đâm bổ sang nhà con rể. Thấy lão vào, Lơ-xáp đang ngồi không làm gì, đứng phất dậy. Nhưng lão kia không đợi cho anh ta hoàn hồn: "Này, anh biết vợ anh có mang chưa?"

Anh chồng sững sờ, luống cuống, đỏ mặt lên.

- Thế nào? Sao? Cô-ra à? Ông bảo gì?

- Tôi bảo rằng nó có mang rồi, anh nghe ra chưa? Phúc đức quá!

Và, trong cơn mừng rỡ, lão nắm lấy hai tay chàng rể, siết chặt, rung lên, như để chúc mừng, để cảm ơn; lão nhắc lại: "Thôi! Thế là yên trí. Hay lắm! Anh tính, cái tài sản ấy thế là về tay mình". Và, không dùng được, lão ta ôm chặt lấy hân.

Lão kêu lên: "Hơn một triệu, anh tính, hơn một triệu". Lão lại nhảy lên, nhưng rồi chợt nói: "À nhưng mà anh sang đây, chị ấy đang đợi anh: thì cũng phải hôn vợ lấy một cái chứ!" và lão cứ thế ôm hân mà đẩy đi, và ả hân như hất quả bóng vào giữa buồng, chỗ Cô-ra đang đứng, nghe ngóng, lo sợ.

Vừa thấy chồng, cô ả lùi lại, ghen ngào vì cơn xúc động đột ngột. Anh chàng đứng trước vợ, mặt tái xanh và

lòng ray rứt. Hắn có vẻ một quan toà mà vợ như một tội phạm.

Cuối cùng hắn nói: "Hình như mình có mang phải không?"

Chị ta, giọng run run, áp ứng: "Có lẽ".

Nhưng Ca-sơ-lanh tóm lấy cổ cả hai vợ chồng, ấn họ dính mũi vào nhau, vừa kêu lên: "Rõ khi, hôn nhau đi chứ! Bõ công lắm rồi còn gì nữa".

Và khi đã buông họ ra rồi, lão tuyên bố, đẩy lòng hi hỏ: "Thôi, thế là ăn đứt. Này, anh Lê-ô-pôn, chúng ta đi tậu ngay một biệt thự ở vùng quê. Ít ra ở đó thì anh mới lại sức được".

Nghe câu đó, Lơ-xáp giật mình. Bỏ vợ lại nói: "Chúng ta sẽ mời hai ông bà Toóc-sơ-bớt đến, mà lão phó chủ sự nghe chừng cũng sắp về châu giời, chắc anh sẽ thay hẳn ta thôi. Thế là một bước tiến đấy nhớ".

Lơ-xáp càng nghe Ca-sơ-lanh nói càng nhìn rõ ra; hắn nhìn thấy chính mình đang tiếp đón ông sếp trước một biệt thự trắng xinh, bên bờ sông. Hắn diện một chiếc áo toan thật oách, và chiếc mũ pa-na-ma đội trên đầu.

Với hy vọng đó, có cái gì êm ái lừa vào trong tim hắn, cái gì ấm áp và khoan khoái như quỳện lấy hắn, làm cho hắn thư thái và người khoẻ hẳn lên.

Anh chàng mỉm cười, mà chưa trả lời.

Ca-sơ-lanh, ngây ngất với bao nhiêu hy vọng, bay bổng lên trong những ước mơ, tiếp tục nói: "Biết đâu đấy? Chúng ta sẽ có thanh thế trong nước. Anh có thể trở nên nghị sĩ. Mặc dầu thế nào, chúng ta sẽ có thể nhìn thẳng vào mặt phải của xã hội, và mua lấy những cái ngọt bùi. Anh sẽ tậu lấy một con ngựa xinh và một chiếc xe nhỏ để hàng ngày đi ra ga".

Những hình ảnh của cuộc sống giàu sang, lịch sự và khoái lạc thức dậy trong trí óc Lơ-xáp. Tưởng tượng đến cái cảnh anh ta tự đánh lấy một chiếc xe ngựa xinh xinh, như những kẻ nhà giàu mà anh vẫn thường ao ước được như họ, anh ta xiêu lòng. Anh buột mồm nói: "Chà! Như thế thì còn thú gì bằng".

Cô-ra, thấy chồng đã ngả ý, cũng mỉm cười, lòng dịu lại và biết ơn; và Ca-sơ-lanh, thấy không còn trở ngại gì nữa, liền tuyên bố:

"Thôi chúng ta đi ăn hiệu một bữa. Mẹ kiếp phải khao một tí chứ!".

Cả ba người khi ra về đều say chénh choáng, về phần Lơ-xáp thì nhìn cái gì cũng thành hai và bao nhiêu ý nghĩ nhảy múa trong đầu, anh ta không vào được tới phòng tối của mình. Có lẽ vì sơ ý, hay vì quên, anh chàng nằm lăn ra giường của vợ còn để không. Và suốt đêm anh ta tưởng như chiếc giường lác lư tròn trành, nghiêng ngả, như một con tàu. Mà anh chàng lại như hơi say sóng.

Anh rất ngạc nhiên, khi tỉnh dậy, thấy mình ôm Cô-ra trong lòng.

Chị ta mở mắt ra, mỉm cười, và bỗng ôm choàng lấy chồng hôn. Đây lòng biết ơn và âu yếm. Rồi cô á nói với chồng, giọng thổ thê của những người đàn bà lúc nũng nịu: "Nếu mình ngoan thì hôm nay đừng đến sở. Sắp giàu to rồi, chẳng cần phải chăm chỉ lắm nữa. Chúng ta lại về thôn quê chơi đi, riêng hai chúng ta thôi".

Anh chàng cảm thấy lòng thư thái, vừa khoái trá mà vừa uể oải như người ta thường thấy sau những cuộc liên hoan ốm người, lại thêm ngây dại trong hơi ấm của chăn gối. Hắn oằn oại muốn nằm như thế mãi, không thiết gì hơn là sống yên ổn trong an nhàn. Một sự khao khát được nhàn hạ mới mẻ và mãnh liệt làm tê liệt tâm hồn anh ta, xâm nhập toàn thân anh ta. Và một ý nghĩ lơ mơ, dai dẳng, khoan khoái, chập chờn trong óc: "Ta sẽ giàu có, tự chủ".

Nhưng bỗng anh ta chợt dạ, và khe khẽ hỏi vợ, dường như sợ bức tường cũng có tai: "Này, nhưng mà chắc mình có mang thật không?".

Lập tức chị an ủi: "Ồ! Đúng rồi, yên trí. Em chẳng nhầm đâu".

Nhưng hắn, vẫn còn hơi lo ngại, liền đưa tay khẽ nắn bụng vợ đã phình ra. Hắn nói: "Ừ, đúng rồi, nhưng mình ở cũ sau thời hạn, sợ họ có thể không thừa nhận quyền của ta chăng".

Nghe nói vậy, chị nổi giận: "À! Không thể được, lại còn nước ấy nữa kia à, mất bao nhiêu cực nhọc, vất vả hơi

sức mà họ lại còn lý sự nữa à, không thể được! - Chị ta ngồi phịch xuống, điên cuồng vì tức giận. Rồi chị nói: "Ta đi đến nhà quản lý văn khế ngay đi".

Nhưng họ nhất trí là phải đi lấy giấy chứng nhận của thầy thuốc trước đã. Thế là họ lại đi đến nhà bác sĩ Lơ-fi-on.

Ông ta nhận ra ngay hai người và hỏi: "Thế nào, ông bà thành công chứ?"

Cả hai đều đỏ mặt tía tai, riêng Cô-ra, hơi chột dạ, lúng búng: "Thưa ông, có lẽ thế".

Thầy thuốc xoa tay: "Tôi biết mà, tôi biết mà. Cái kế mà tôi đã mách ông bà là không sai bao giờ, trừ phi một người trong hai vợ chồng hoàn toàn bất lực".

Thăm cho thiếu phụ xong, ông tuyên bố: "Yên trí rồi, hoan hô!".

Và ông ta lấy một tờ giấy viết: "Tôi ký tên dưới đây bác sĩ y khoa trường Đại học Pa-ri, chứng nhận rằng bà Lê-ô-pôn Lơ-xáp, tên con gái là Ca-sơ-lanh, có đủ triệu chứng là đã có mang được chừng ba tháng".

Rồi, quay lại phía Lơ-xáp: "Thế còn ông? Ngực và tim thế nào?" Ông ta ghé tai nghe và nhận rằng anh chàng đã khỏi hẳn.

Họ ra đi, sung sướng và mừng rỡ, tay khoác tay, chân bước nhẹ nhàng. Nhưng đang đi giữa đường, Lê-ô-pôn nảy ra một ý kiến: "Có lẽ trước khi đến nhà quản lý văn khế,

mình hãy độn thêm một hai chiếc khăn mặt vào bụng, cho người ta nhìn rõ thì hơn. Họ khởi cho rằng mình muốn tranh thủ thời gian.

Thế là họ quay về nhà, và anh chồng tự tay cởi áo để độn bụng giả cho vợ. Anh ta đặt khăn mặt hết chỗ này tới chỗ khác, tới mười lần, rồi lùi xa ra vài bước để ngấm nghĩa, muốn cho hoàn toàn y như thật.

Khi thấy đã trông được, họ lại ra đi, và ở ngoài phố, anh chàng có vẻ hãnh diện được rước cái bụng to kia đi vì nó chứng minh cái khí lực trai tráng của anh chàng.

Viên quản lý văn khế tiếp đón họ ân cần. Rồi ông ta nghe họ trình bày, đưa mắt đọc tờ giấy chứng nhận, và đến khi Lơ-xáp nhấn mạnh: "Thưa ông, vả lại cứ trông nhà tôi đây thì cũng biết". Ông ta liếc nhìn một cách tin tưởng cái bụng to và nhon của thiếu phụ.

Họ chờ đợi, bần khoản, nhà pháp luật tuyên bố: "Được rồi. Dù đứa hài nhi đẻ rồi hay sắp đẻ, thì cũng đã có nó, nó đang sống. Vì vậy, chúng tôi xin đình chỉ hiệu lực của bản chúc thư cho đến ngày bà ở cữ"

Ra khỏi phòng giấy viên trưởng khế, hai vợ chồng ôm chàng lấy nhau hôn ngay ở cầu thang, nỗi vui mừng của họ thật là nhiệt liệt.

VII

Từ sau khi phát hiện cái việc may mắn đó, ba bố con rất mực hoà thuận. Họ đâm ra vui tính, diêm dăm và dịu dàng. Ca-sơ-lanh trở lại với cái tính vui hóm xưa kia, và Cô-ra ân cần săn sóc chồng. Lơ-xáp cũng hình như thay đổi hẳn, lúc nào cũng phơn phơ, và dễ dãi như chưa bao giờ từng thấy.

Ma-dơ đến chơi thưa hơn và bây giờ hình như thấy ngượng ngịu ở trong gia đình ấy; người ta vẫn tiếp đón hẳn tốt, nhưng có phần lạnh nhạt hơn, là vì hạnh phúc vốn dĩ ích kỷ và không cần đến người ngoài.

Ngay đến Ca-sơ-lanh cũng hình như cảm thấy có phần ngấm ngấm bất bình với anh tham biện đẹp trai mà chính lão ta, mới mấy tháng trước, đã niếm nở lời kéo về nhà. Chính lão báo tin cho anh bạn thân ấy tin Cô-ra có mang. Lão nói đập vào mặt cu cậu: "Anh biết chưa, con gái tôi nó chữa rồi đấy!".

Ma-dơ làm ra bộ ngạc nhiên, đáp lại: "Ừa, thế à! Thế thì ông hả dạ lắm rồi còn gì".

Ca-sơ-lanh đáp: "Còn phải nói!" và nhận thấy anh bạn đồng sự, trái lại, hình như không khoái chút nào. Có anh đàn ông nào lại ưa nhìn người đàn bà mà họ đang theo đuổi ở trong cảnh ngộ như vậy, dù nguyên nhân tại họ hay không tại họ.

Tuy nhiên, chủ nhật nào Ma-dơ cũng vẫn đến ăn ở nhà. Nhưng những tối họp mặt đó trở nên nặng nề, mặc dầu chưa xảy ra việc bất hoà gì nghiêm trọng; và cái ngượng ngịu lạ lùng ấy cứ mỗi ngày một tăng. Thậm chí có một tối, hần vừa bước chân ra khỏi cửa, Ca-sơ-lanh đã hăm hăm tuyên bố: "Cái thằng ấy nó bắt đầu quấy rầy mình".

Và Lơ-xáp đáp luôn: "Sự thực là người ta càng biết hần nhiều thì càng bất lợi cho hần". Cô-ra đã cúi mặt xuống. Chị ta chẳng nói chẳng rằng. Hình như cô ả cứ thấy ngượng ngịu trước mặt anh chàng Ma-dơ to lớn, mà về phía cậu này thì hầu như xấu hổ bên cạnh cô nàng, hần không dám nhìn thẳng và mỉm cười như trước, không mời đi xem hát nữa, và dường như mối tình thân xưa kia thấm thiết đến thế nay đã trở nên một điều nghiệp chướng mà hần đeo vào mình.

Thế rồi một bữa thứ năm, vào giờ ăn tối, chồng vừa ở sở về thì Cô-ra hôn vào bộ râu mép của hần và, bằng một giọng nũng nịu hơn mọi khi, cô ả rủ rỉ nói:

- Mình đừng mắng em nhé?

- Sao thế?

- Chẳng là... cái ông Ma-dơ ấy mà, ông ấy vừa mới đến thăm em. Nhưng em, em chả muốn thiên hạ xì xào về em, cho nên em yêu cầu ông ấy từ rày không có anh ở nhà thì đừng đến đây nữa. Hình như ông ấy có vẻ hơi méch lòng.

Lơ-xáp ngạc nhiên, hỏi:

- Thế hán ta nói thế nào?

- À! Ông ấy chẳng nói gì nhiều, nhưng em cũng chẳng ưng chút nào, và em yêu cầu hán ông ấy từ nay đừng đến đây nữa. Mình biết đấy, chính ba và mình dắt ông ta đến đây, chứ em có biết gì đâu. Vì thế em sợ em mà cấm cửa ông ấy thì mình giận.

Một niềm vui mừng cảm kích lừa vào trái tim anh chồng:

- Em làm như thế là tốt, tốt lắm. Mà anh còn phải cảm ơn em nữa kia.

Cô ả, muốn giải quyết rành mạch quan hệ giữa hai người đàn ông mà cô đã tính toán từ trước, liền nói tiếp: "Ồ sớ, mình cứ tảng lờ đi như không biết chuyện gì cả, mà mình vẫn cứ chuyện trò với hán như trước, chỉ có một điều là từ nay hán đừng vác mặt đến đây nữa".

Thế là Lợ-xáp âu yếm ôm vợ vào lòng, hôn hít một thôi một hồi cả vào mắt lẫn má. Hán nhắc đi nhắc lại: "Mình thật là một nàng tiên!... Mình thật là ruột nàng tiên!" Và hán cảm thấy chạm vào bụng mình cái bướu của đứa bé trong lòng mẹ nó đã to rồi.

VIII

Không có việc gì xảy ra cho đến ngày sinh nở.

Vào những ngày cuối tháng chín, Cô-ra đẻ một đứa con gái. Người ta đặt tên cho nó là Đê-di-rê⁽¹⁾; vì muốn làm lễ rửa tội thật long trọng, cho nên họ quyết định hoãn lễ đó đến mùa hè năm sau, và sẽ làm ở biệt thự mà họ sắp tậu.

Biệt thự đó ở vùng Át-nhe, trên ngọn đồi nhìn xuống sông Xen.

Có những việc quan trọng xảy ra trong mùa đông. Món gia tài vừa lĩnh được thì Ca-sơ-lanh xin về hưu, đơn được chấp nhận ngay và lão ta từ giã cơ quan. Để qua thì giờ nhàn rỗi, lão dùng một chiếc cửa máy nhỏ để cửa những nắp hộp đựng xì gà. Rồi lão ghép thành những hộp đồng hồ, nắp nhỏ, chậu giống hoa, đủ các thứ đồ đạc tươm tươm kỳ quặc. Lão ta say sưa với công việc đó kể từ cái ngày lão hứng lên sau khi bắt gặp một người bán hàng rong biến chế những mảnh gỗ như vậy ở đại lộ Nhà hát lớn. Và ngày nào mọi người cũng phải ngắm những mẫu vẽ mới của lão ta, cầu kỳ mà trẻ con.

Chính bản thân lão cũng thán phục công trình của mình, và luôn mồm: "Thì ra con người ta có thể làm được những cái phi thường thật!".

Viên phó chủ sự Ra-bô rồi cũng chết đi, và Lơ-xáp đảm nhiệm công việc của ông ta, tuy chưa được nhận chức

⁽¹⁾ *Đê-di-rê* (Désirée) có nghĩa là ước mong (N. D.).

đó, là vì chưa đủ thâm niên kể từ ngày anh ta được thăng chức lần trước.

Cô-ra liền đó đã trở thành một người đàn bà khác hẳn, điểm đạm hơn, lịch sự hơn, là vì chị ta đã nhận rõ, đoán chừng, đánh hơi được tất cả những thay đổi cần thiết khi người ta trở nên phú quý.

Nhân dịp đầu năm, chị ta đến thăm bà sếp, một bà to béo, tuy sống ở Pa-ri đã ba mươi nhăm năm mà vẫn giữ vẻ quê mùa. Và chị giữ hết tài làm duyên và cảm dỗ ra để đề nghị bà kia đỡ đầu cho con gái, đến nỗi bà Toóc-sơ-bốp phải nhận lời. Về phía đàn ông thì có ông ngoại đứa bé, tức Ca-sơ-lanh, đỡ đầu.

Lễ rửa tội cử hành vào một ngày chủ nhật rực rỡ tháng sáu. Toàn thể cơ quan được mời đến trừ có anh chàng Ma-dơ đẹp trai, mà người ta không thấy mặt đâu nữa.

Vào quăng chín giờ sáng, Lơ-xáp đã ở ga chờ chuyển tàu Pa-ri đến, và một gã tiểu đồng, mặc quần áo có dấu có những chiếc khuy vàng to tướng, giữ cương một chú ngựa to béo mập đóng vào một cỗ xe nhỏ mới toanh.

Còi xe hoả rít lên ở đằng xa, rồi chiếc đầu máy hiện ra, kéo theo một chuỗi toa, từ đó đổ xuống một lô hành khách.

Ông Toóc-sơ-bốp bước từ một toa hạng nhất xuống, cùng bà vợ quần áo loè loẹt, và từ một toa hạng hai bước xuống Pi-tô-lê và Boát-xen. Người ta không dám mời lão Xa-vông, nhưng người ta đã thoả thuận bố trí làm như

ngẫu nhiên bắt gặp lão ta vào quá trưa, rồi được sự đồng ý của ông sắp sẽ kéo lão ta đến ăn.

Lơ-xáp chạy xô đến trước mặt thượng cấp, ông này bước tới, người loắt choắt trong chiếc áo rơ-đanh-gốt, trên ngực nở ra như một bông hoa hồng đỏ chót tẩm huy chương to tướng... Cái đầu to của ông ta, trên chup một chiếc mũ rộng vành, như đè nặng trên tấm thân còm nhom, làm ông ta trông có vẻ một vật kỳ quái; còn bà vợ thì chỉ khẽ kiểng lên đầu ngón chân là đã có thể nhìn thấu đỉnh đầu chồng.

Lê-ô-pôn hớn hờ nghiêng mình, cảm ơn. Anh ta đỡ họ lên xe, rồi chạy lại phía hai bạn đồng sự đi lùi thúi đằng sau, bắt tay và xin lỗi vì xe chật quá không chờ họ được: "Các bác cứ theo bờ sông mà đi là tới trước cổng nhà đệ: biệt thự Đê-di-rê, nhà thứ tư sau chỗ đường rẽ ngoặt. Nhanh lên nhé".

Rồi, trèo lên xe, anh ta giật cương cho ngựa đi, còn gã tiểu đồng thì nhảy tót lên chiếc ghế nhỏ sau xe.

Cuộc lễ tiến hành mỹ mãn. Rồi người ta về nhà ăn bữa trưa. Mỗi người đều thấy dưới chiếc khăn ăn một món quà, to nhỏ tùy theo địa vị của từng quan khách. Bà mẹ đỡ đầu nhận được một chiếc xuyên vàng to gộc, ông chồng thì một chiếc ghim cài ca-vát bằng hồng ngọc, Boát-xen một chiếc ví bằng da Nga, và Pi-tô-lê một chiếc tẩu bằng đá bọt thật oách. Người ta nói khéo đấy là em bé Đê-li-rê tặng quà các bạn mới.

Bà Toóc-sơ-bốp, đỏ mặt lên vì bẽn lẽn và hí hửng, đeo ngay vào cổ tay mập mạp chiếc vòng bóng nhoáng, còn ông sắp thì vì chiếc ca-vát đen mỏng quá không cài được ghim, liền đính ngay lên ve áo rơ-đanh-gốt, ở dưới huy chương Bắc đẩu bội tinh, làm như một tấm huy chương hạng dưới.

Qua cửa sổ, người ta nhìn ra dòng sông, như một dải băng lớn, ngược lên phía Xuya-rét-nơ, giữa hai bờ có trồng cây. Mặt trời trút ánh sáng xuống mặt nước, làm cho dòng sông như rực lửa. Thoạt đầu bữa ăn thì trịnh trọng, sự có mặt của ông bà Toóc-sơ-bốp làm thành nghiêm trang. Rồi người ta vui lên. Ca-sơ-lanh thả ra những lời bông đùa mấm muối mà lão ta tự thấy có đủ tư cách để nói vì lão giàu có, và mọi người đều cười.

Những lời bông đùa ấy ví bằng ở miệng Pi-tô-lê hay Boát-xen nói ra thì chắc là chương lắm.

Đến lúc dùng đồ nước, người ta ấm em bé ra cho quan khách hôn. Đứa nhỏ ngập mình trong một mớ dăng-ten trắng như tuyết, nhìn mọi người bằng đôi mắt xanh, lơ lơ và còn dại, và nó khẽ quay cái đầu mồm mồm trong đó dường như bắt đầu thức dậy một sự chú ý.

Pi-tô-lê, giữa tiếng nói ồn ào, sẽ rĩ vào tai Boát-xen: "Nó có vẻ một Ma-dét con đấy".

Ngày hôm sau lời nói đó truyền đến tận bộ.

Nhưng đã hai giờ trưa; người ta dùng rượu mùi, rồi Ca-sơ-lanh mời đi xem trang trại và đi dạo trên bờ sông Xen.

Quan khách lũ lượt, như đám rước, kéo từ gian nhà này sang gian khác, từ hẻm nhà cho đến vựa thóc, rồi họ thăm vườn, từ cây lớn đến cây con rồi người ta chia làm hai toán để đi dạo.

Ca-sơ-lanh đi với các bà có phần bị bó buộc, nên kéo Boát-xen và Pi-tô-lê đến các quán cà phê ở bờ sông, còn hai bà Toóc-sơ-bốp và Lơ-xáp thì cùng các đức ông chồng đi ngược theo bờ bên kia, đàn bà tử tế không thể trà trộn với đám người bệ rạc đang rong chơi ngày chủ nhật ở đây.

Các bà bước đi thông thả, trên con đường kéo thuyền, đằng sau là hai người đàn ông nói chuyện nghiêm trang về công việc cơ quan.

Trên sông, những xuồng nhỏ lướt qua, theo đà mái chèo đưa mạnh do những cánh tay để trần của những gã trai trẻ, bắp thịt cuộn lên dưới làn da cháy nắng. Những cô gái bơi ca-nô, ngả lưng trên những tấm da thú đen hay trắng, tay giữ lái, tê mê dưới ánh mặt trời, trên đầu mở ra những chiếc dù đỏ, vàng hay xanh như những bông hoa to lớn rạp rờn trên mặt nước. Tiếng người ới ới từ thuyền nọ sang thuyền kia, gọi nhau, bốp chát lẫn nhau; và đằng xa nữa, tiếng người ồn ào và liên tục của đám đông nghìn nghịt trong những ngày hội.

Từng dãy những người câu cá ngồi không cựa cạy suốt dọc bờ sông; trong khi đó những tay bơi lội gân gữa trên truông, đứng trên những thuyền đánh cá nặng, lao đầu xuống nước, rồi lại trèo lên thuyền để lại nhảy xuống dòng sông.

Bà Toóc-sơ-bóp, bỡ ngỡ, đứng nhìn. Cô-ra nói: "Ấy chủ nhật nào cũng thế. Họ làm xấu cả cảnh đẹp nơi này".

Một chiếc ca-nô nhẹ nhàng lướt tới. Hai người đàn bà bơi chèo, có hai gã đàn ông nằm trong thuyền. Một người đàn bà trở về phía bờ sông nói to: "Này! Này! Các bà lịch sự ời! Tớ bán một thằng đàn ông đây này, rẻ thôi có muốn lấy không".

Cô-ra quay ngoắt đi một cách khinh bỉ, khoác lấy tay bà khách nói: "Đứng ở đây cũng chẳng được, mời bà đi thôi. Cái quân ấy sao mà nhơ nhuốc đến thế!".

Và họ bỏ đi. Ông Toóc-sơ-bóp nói với Lơ-xáp: "Đồng ý tới ngày mồng một tháng giêng rồi. Ngài giám đốc đã hứa hẳn với tôi như thế".

Và Lơ-xáp trả lời: "Bẩm ông sếp, tôi không biết nói thế nào để cảm ơn ông".

Về đến nhà, họ thấy Ca-sơ-lanh, Pi-tô-lê và Bát-xen đang vừa cười ngất nghẹo vừa như khiêng lão Xa-vông lên và họ nói đùa rằng đã bắt gặp lão ta ở trên bờ sông đi với một gái điếm.

Lão già hoảng hốt la lên: "Không phải; không, không phải. Ông Ca-sơ-lanh ời, đừng nói thế, không tốt".

Và Ca-sơ-lanh, sặc sụa, thét lên: "Thôi! Cái lão cuội già này! Lão chẳng gọi nó: "Cô mình yêu quý của tôi ời" là gì. Thôi! Chúng tớ tóm được rồi, lão dê già ời!"

Lão già cứ giẫy nẩy lên, làm cho các bà cũng phải phì cười.

Ca-sơ-lanh lại nói: "Nếu ông Toóc-sơ-bóp cho phép, chúng tôi xin nhốt lão ấy lại ở đây để phạt, và đến tối xin cho lão ấy được ăn".

Ông sắp tán thành một cách rộng lượng. Và người ta tiếp tục nói đùa về cái mũ bị lão già kia bỏ rơi, lão ta cứ chối đầu đầy, ăm ức vì chuyện bông đùa tai ác.

Cứ thế cho đến chiều tối, cả một đề tài không bao giờ cạn để người ta nói bóng gió, thậm chí đi đến cả những chuyện tiếu lâm.

Cô-ra và bà Toóc-sơ-bóp ngồi dưới chiếc lều vải căng trên thềm hè, nhìn ánh chiều tà. Mặt trời ném vào lá cây một đám bụi hồng. Không một gợn gió làm chuyển cành cây; một bầu không khí thanh bình, vô biên, tỏa xuống từ nền trời rực rỡ và êm ả.

Vài chiếc thuyền con lướt qua thông thả đi về bến đỗ.

Cô-ra hỏi: "Hình như ông cụ Xa-vông tội nghiệp lấy phải một vợ tệ hại lắm phải không?"

Bà Toóc-sơ-bóp, thông tỏ hết mọi chuyện ở sở, trả lời: "Vâng, một gái mồ côi, ít tuổi hơn ông ấy nhiều lắm; cô ả có ngoại tình với một gã hư hỏng và rồi trốn đi với hắn". Rồi bà to béo ấy nói thêm: "Tôi bảo là một gã hư hỏng, nhưng tôi cũng chẳng biết rõ nữa. Người ta bảo chúng yêu nhau lắm. Dù sao thì lão Xa-vông cũng chẳng có duyên gì".

Bà Lơ-xáp nghiêm nghị nói: "Chẳng phải vì thế mà tha thứ họ được. Ông cụ thật tội nghiệp. Cái ông lảng

giếng nhà tôi là ông Bác-bu cũng ở trong trường hợp như thế. Mụ vợ phải lòng một anh họa sĩ họa xiếc gì đó, anh ta cứ mùa hè là đến ở đây, rồi cuộc mụ ta theo anh chàng ra ngoại quốc. Tôi không hiểu làm sao một người đàn bà lại có thể đón đến thế được. Theo ý tôi, cần phải có một sự trừng phạt đặc biệt đối với những quân khốn nạn như thế, nó làm điểm nhục cả gia thanh".

Ở đầu lối đi, vú em ẩm tối bé Đê-di-rê nằm trong mớ dăng-ten. Đứa trẻ đối với hai bà, hồng hào trong ánh mây vàng đỏ buổi chiều tà. Nó nhìn bầu trời rực lửa cũng bằng con mắt xanh nhờ, ngây dại và mơ hồ như khi nó nhìn mặt mọi người.

Những người đang nói chuyện đằng xa đều bước tới; và Ca-sơ-lanh bỗng lấy cháu, nâng cao như muốn đưa lên tận mây xanh. Đứa bé nổi lên trên nền trời sáng với chiếc áo dài trắng rủ xuống chấm đất.

Và ông ngoại nó kêu lên: "Đây là cái gì quý nhất trên đời, có phải không, bác Xa-vông?".

Nhưng lão già làm thinh vì không biết nói gì, hay có lẽ vì lão nghĩ miên man đến bao nhiêu chuyện.

Một đứa ở mở cửa ra thêm, báo tin: "Bẩm bà, bàn ăn dọn rồi ạ".

TRONG ĐỨC dịch

BOA - TEN

Tặng Rolert Pinchon

Lão Boa-ten chuyên nghề làm những công việc dơ bẩn trong cả vùng này. Mỗi lần người ta cần dọn một cầu tiêu, một chuồng phân, một hố chứa nước bẩn, khơi một cái cống một hố bùn nào đó, thì người ta tìm đến lão.

Lão ta đến, mang theo những dụng cụ của nghề hót phân, chân lê một đôi guốc cẩu bẩn, và lão vừa lám vừa luôn mồm than vãn về cái nghề của mình. Khi người ta hỏi thế tại sao lão đã chọn cái nghề dơ bẩn đó, thì lão trả lời một cách nhẫn nhục rằng:

- Chà, vì phải nuôi đàn con. Nghề này kiếm ra tiền hơn cả.

Quả thật lão ta có mười bốn con. Nếu người ta hỏi thăm đàn con của lão nay ra sao, thì lão hồ hững trả lời:

- Còn tám đứa ở nhà. Một đứa tòng quân và năm đứa đã lấy vợ lấy chồng.

Khi người ta muốn biết chúng lấy vợ lấy chồng có vui vẻ không, thì lão hăm hở đáp:

- Tôi là không có ngăn cản chúng. Tôi không ngăn cản chúng một tý gì cả. Chúng lấy vợ lấy chồng thế nào, mặc ý chúng. Về cái thích của con người ta là không có nên cưỡng ép, như thế sẽ không hay. Tôi có phải làm nghề hót phân này cũng chỉ vì bố mẹ tôi đã ngăn cản ý thích của tôi. Nếu không thì tôi cũng đã làm thợ, đường hoàng, như ai.

Sau đây là câu chuyện bố mẹ lão đã ngăn cản cái ý thích của lão như thế nào.

Khi xưa, bấy giờ hắn còn là lính tại ngũ, đóng ở Ha-vrơ, người không đến nỗi đụt hơn ai, mà cũng chẳng tinh khôn hơn ai, có phần chất phác. Những thì giờ nhàn rỗi, cái thích thú nhất của hắn là dạo chơi ngoài bến tàu, ở đó có những hàng bán chim tụ tập. Khi một mình, khi cùng một người đồng hương, hắn đi thông thả dọc theo dãy những lồng chim. Có những con vẹt lưng xanh đầu vàng của miền A-ma-dôn, những con vẹt lưng xám đầu đỏ của xứ Xê-nê-gan, những con vẹt dài đuôi to lớn có vẽ chim nuôi trong nhà kính, với bộ lông hoa hoét, những chùm lông tua, lông mào, những con vẹt đủ các loại to nhỏ hình như do một đấng tạo hoá làm nghề tiểu họa nào tô màu một cách tinh vi, và những giống chim nhỏ, nhỏ xíu, nháy nhót, màu đỏ, màu vàng, màu xanh lơ và sặc sỡ. Chúng hoà tiếng hót với tiếng động trên bến, cùng với tiếng những tàu dờ hàng âm âm, tiếng người qua lại và xe cộ, gây thành một sự ồn ào dữ dội, inh tai, riu rít, âm ĩ của một khu rừng xa xôi và lạ lùng.

Boa-ten dừng lại, mắt giương to, mồm há hốc; hớn hờ và nhe răng cười với những con vẹt có mào bị nhốt; chúng xòe màu trắng hay vàng ra hoan nghênh màu đỏ chói trên chiếc quần và bộ khoá đồng ở chiếc thắt lưng của anh lính. Khi bắt gặp một con chim biết nói thì hấn hỏi chuyện, và, nếu hôm đó con vật lại vui lòng bắt chuyện và đối đáp với hấn, thế là cả ngày hấn phờn phơ thoải lòng lắm. Hấn cũng lấy làm khoái trá được ngắm những con khỉ, và tưởng tượng đối với một người giàu thì không gì sang trọng bằng nuôi những con vật đó như ta nuôi mèo và chó vậy. Cái sở thích đó, cái tính ưa của lạ ngoại lai đó, hấn sẵn có ở trong máu như người ta thích đi săn, thích làm nghề thuốc hay thích tu hành. Mỗi khi cửa trại mở là hấn không thể nhịn đi dạo ngoài bên được, dường như có một sự thèm khát nào thu hút hấn.

Thế rồi có một lần, hấn dùng chân ngậy ngất trước một con anh vũ quái dị đang xù lông, nghiêng mình xuống rồi lại đứng thẳng lên, kiểu như nó làm lễ triều kiến theo phong tục xứ sở loài vẹt. Vừa lúc đó hấn thấy cửa một hiệu cà phê nhỏ tiếp giáp với ngôi hàng bán chim mở ra, và xuất hiện một cô gái người da đen, đầu trùm một chiếc khăn quàng đỏ, đang quét những nút chai và bụi từ trong nhà ra phố.

Lập tức Boa-ten từ con vật chuyển sang chú ý một phần tới cô gái, và thật sự khó mà nói được giữa hai vật ấy hấn ngắm vật nào một cách ngỡ ngàng và thích thú hơn.

Cô gái da đen quét xong rác ra ngoài thì ngẩng mặt

lên, và đến lượt cô ta choáng mắt trước bộ quân phục của anh lính. Nàng đứng ngây người ra trước chàng, cái chổi nằm trong tay như bông súng chào, trong khi đó con anh vũ vẫn tiếp tục làm lễ triều kiến. Nhưng anh lính chẳng mấy lúc thấy ngượng vì sự chú ý của cô nàng, và anh ta bỏ đi, bước chân thong thả để khỏi lộ ra vẻ rút lui.

Nhưng rồi hần trở lại. Hầu như ngày nào hần cũng đi qua trước cửa hiệu Cà-phê Thuộc-địa, và qua cửa kính hần thường nhìn thấy cô gái da đen phục vụ các thủy thủ ở bến uống bia hay rượu mạnh. Còn cô ta thì thường khi thoáng thấy hần là đi ra ngoài cửa, rồi chẳng bao lâu, dù chưa bao giờ nói với nhau một lời, họ đã mỉm cười với nhau như người quen vậy. Riêng Boa-ten cảm thấy quả tim hồi hộp mỗi khi chợt nhìn thấy giữa hai làn môi xám của cô gái chói lọi hàm răng trắng. Rồi một hôm hần bước vào hiệu và rất ngạc nhiên thấy cô gái da đen cũng nói tiếng Pháp như mọi người. Cô ta nhận cùng uống với hần một cốc nước chanh, làm cho mãi mãi trong trí nhớ của anh lính còn giữ cái hương vị nước chanh ngon tuyệt. Thế là hần đâm ra quen thói đến hiệu cà-phê nhỏ ngoài bến để uống đủ các thứ nước ngọt tùy theo túi tiền của hần.

Đối với hần là cả một niềm vui, một hạnh phúc mà hần luôn luôn mơ tưởng, mỗi khi được trông thấy bàn tay đen của cô hầu bàn rót các thứ vào cốc của hần, trong khi đó rằng cô ta nhe ra cười, sáng hơn cả đôi mắt. Sau hai tháng gặp gỡ, họ trở thành đôi bạn chí thiết, và Boa-ten, lúc đầu ngạc nhiên thấy cô gái da đen ấy tâm hồn cũng chất phác hiền hậu chẳng khác gì những thiếu nữ ở quê

huơng mình, thấy cô ta cũng cần kiệm, ngoan đạo và nét na, đậm ra càng thêm yêu, yêu mê mết đến mức muốn lấy cô ta.

Hắn ngỡ ý đó với cô làm cô ta nhảy lên vì vui mừng. Vả chăng cô ta cũng có ít vốn liếng do một bà bán sò để lại cho, bà này đã đem cô về nuôi khi một viên thuyền trưởng người Mỹ bỏ cô lại ở bến Ha-vơ. Cô gái bấy giờ còn là một đứa bé sáu tuổi, viên thuyền trưởng đã tìm thấy nó nằm trên những kiện bông trên hăm tàu vài giờ sau khi tàu rời bến Nữu-uớc. Đến Ha-vơ viên thuyền trưởng đem con vật bé nhỏ đen đũi đó mà không biết kẻ nào đã giấu ở trong tàu, trao cho bà bán sò, bà này động lòng thương nhận về nuôi. Bà bán sò chết đi, cô gái da đen trở thành người hầu bàn ở hiệu Cà-phê Thuộc địa.

Boa-ten nói thêm với cô gái:

- Chúng mình sẽ lấy nhau, nếu thầy bu tôi bằng lòng, tôi chẳng bao giờ làm trái ý thầy bu cả, em ạ! Nay mai về quê, tôi sẽ ngỏ ý với hai cụ.

Quả nhiên tuần lễ sau được phép nghỉ hai mươi bốn giờ, hắn về gia đình, nhà làm ruộng ở một trại nhỏ thuộc Tước-tơ-vi, gần Y-vơ-tô.

Hắn đợi sau bữa cơm, lúc uống cà phê pha rượu ngà ngà làm cho con người ta cõi mở, để báo tin cho bố mẹ hắn đã tìm ra một cô gái hoàn toàn hợp với sở thích của hắn, hợp về đủ mọi mặt đến nỗi trên trần này không thể tìm đâu ra một người đàn bà hợp với hắn như thế.

Hai ông bà lão nghe nói thế thì đâm ra dè dặt và hỏi gặng để hấn nói rõ thêm. Thật ra hấn cũng chẳng giấu giếm điều gì, trừ cái màu da của cô gái.

Cô ta làm hầu bàn, không có vốn liếng gì nhiều, nhưng đảm đang, tần tiện, sạch sẽ, nết na, lại thêm lanh lợi. Tính nết như thế, thật đáng giá hơn là tiền bạc ở trong tay một người nội trợ hư hỏng. Của đáng tội cô ta cũng có ít vốn, do một người mẹ nuôi để lại, cũng khá, ngon ngọt một món hồi môn nhỏ, nghìn rưởi quan gửi ở quỹ tiết kiệm. Hai ông bà lão bị hấn thuyết phục, và cũng tin ở sự đánh giá của con trai, dần dần ngã ý. Vừa lúc đó thì hấn nói đến cái điểm gay go nhất. Hấn cười hơi có vẻ gượng và nói:

- Chỉ cỡ một điều chẳng biết có vừa ý thầy bu không. Chả là cô ta không được trắng lắm.

Hai cụ không hiểu và hấn phải giải thích một cách dài dòng, rào đón trước sau để hai cụ khỏi sinh ác cảm, rằng cô ta thuộc về giống người da đen mà các cụ chỉ nhìn thấy trên tranh vẽ.

Thế là hai cụ đâm lo lắng, hoang mang, sợ hãi, dường như hấn xin kết duyên với yêu tinh.

Bà mẹ nói:

- Đen à? Đen nhiều hay ít? Chỗ nào cũng đen thế à?

Hấn đáp:

- Đúng thế đấy. Chỗ nào cũng thế, thì như bu chỗ nào mà không trắng!

Ông bố hỏi lại:

- Đen à? Đen có bằng tròn nổi không?

Anh con đáp:

- Có lẽ kém một tí! Đen thì đen thật, nhưng không đến nổi ghê người đâu. Thì chiếc áo dài đen của cha xứ đen như thế, nhưng nó có xấu hơn chiếc áo lễ trắng của cha đâu.

Ông bố hỏi:

- Ở nước nó còn có ai đen hơn nó không?

Anh con ra vẻ hiểu biết kêu lên:

- Chắc có.

Nhưng ông lão lắc đầu:

- Thế thì khó coi lắm nhỉ.

Anh con:

- Cũng như mọi người thôi, chẳng có gì là khó coi, chỉ vài bữa là quen mắt thôi mà.

Bà mẹ hỏi:

- Da với dẻ thế mà lại không làm bẩn thêm quần áo ra à?

- Không, cũng như da của bu ấy, đã gọi là màu da mà lại.

Hỏi đi hỏi lại mãi, mọi người thoả thuận rằng hai cụ

hãy đợi trông thấy cô gái thế nào đã rồi mới quyết định sau. Còn anh con trai thì trong tháng tới, mãn hạn lính, sẽ đưa cô ta về nhà để mọi người xem mặt và xét xem cô ta có đen quá không, và có thể về làm dâu họ Boa-ten được không.

Thế là Boa-ten báo tin đúng ngày chủ nhật 22 tháng năm, ngày hết hạn lính, hắn sẽ về Tuốc-tơ-vi với cô bạn thân của hắn.

Để về thăm bố mẹ người yêu, cô nàng đánh bộ quần áo đẹp nhất và sặc sỡ nhất, nổi lên các màu vàng, màu đỏ và xanh lơ, khiến cho cô ta có vẻ trang hoàng trong một ngày quốc khánh.

Ở nhà ga từ Ha-vơ đi, người ta nhìn cô nhiều lắm, và Boa-ten lấy làm hãnh diện được khoác tay đi cùng một nhân vật mà thiên hạ chú ý đến thế.

Rồi, trong toa xe lửa hạng ba, nơi hai anh chị cùng ngồi, cô gái làm cho các bác nông dân kinh ngạc đến nỗi những người ở toa bên cạnh đứng cả lên ghế nhòm qua phía trên vách gỗ ngăn toa để xem cô ta. Một đứa trẻ trông thấy cô sợ thét lên, một đứa khác cúi mặt vào váy mẹ.

Tuy vậy mọi sự đều yên lành cho đến ga tới. Nhưng khi gần đến Y-vơ-tô, tàu đi chậm lại, thì Boa-ten thấy dăm dút như anh lính không thuộc lý luận lúc vào khảo sát. Rồi, nhô người qua cửa sổ, hắn nhận ra ở đằng xa ông bố đang nắm cương con ngựa kéo chiếc xe, và bà mẹ đến chờ tận bên hàng rào chắn người.

Hắn xuống xe trước, giơ tay lên đỡ cô bạn thân và người ngay ngắn như đi hộ vệ một ông tướng, hắn đi về phía người nhà.

Bà mẹ chợt nhìn thấy cái bà da đen mặc loè loẹt ấy sánh vai cùng với con trai, thì thất kinh đến nỗi không há được mồm ra nữa, và ông bố thì ra sức kìm con ngựa nó cứ lông lên vì sợ cái đầu máy xe lửa hay sợ cô gái da đen. Nhưng Boa-ten bỗng quỳnh lên mừng rỡ vì gặp bố mẹ, hắn nhảy xổ đến; dang tay ôm hôn mẹ, hôn bố mặc cho con ngựa sợ hãi.

Và rồi, quay về phía cô bạn mà mọi người qua lại đều lạ lùng dừng lại để xem, hắn phân bua:

- Đây cô ta đây? Tôi đã bảo thầy bu rằng mới nhìn thì cô ta cũng hơi khó coi đấy, nhưng khi đã biết rõ cô ta thì thật là trần đời không có gì đáng yêu hơn. Thầy bu hỏi cô ta đi một tí cho cô ta khỏi ngượng.

Bà mẹ Boa-ten hoảng sợ như người mất hồn, lập tức nghiêng mình làm điệu chào, còn ông bố thì cất cái mũ lưỡi trai lên, miệng lẩm bẩm: "Xin chào cô về chơi". Rồi người ta vội vã trèo lên xe, hai người đàn bà ngồi đằng sau, trên những chiếc ghế dựa cứ nẩy bắn người lên mỗi khi đường xóc, hai người đàn ông ngồi ở chiếc ghế dài nhỏ phía trước.

Không ai nói điều gì cả. Boa-ten lo lắng, huyết sáo miệng theo một điệu nhà binh, ông bố ra roi quát ngựa, còn bà mẹ thì cứ lăm lét đưa mắt nhìn trộm cô gái da đen,

vàng trán và hai gò má cô ta lấp loáng dưới ánh nắng như những đôi giày đánh xi bóng nhoáng.

Để phá tan bầu không khí lành nhạt, Boa-ten quay lại hỏi:

- Thế nào, sao không nói chuyện đi?

- Cũng phải có thời giờ để làm quen. - bà lão trả lời.

Hắn lại nói:

- Thôi, bu kể cho cô ta nghe cái chuyện con gà của bu đẻ tám trứng đi.

Đó là một câu chuyện buồn cười thường kể trong gia đình. Nhưng bà mẹ vẫn im lặng vì bị xúc động, cho nên hắn đành tự kể lấy câu chuyện, vừa kể vừa cười như nắc nẻ. Ông bố cũng thuộc lòng câu chuyện nên vừa nghe đã tươi hẳn mặt lên; bà mẹ chẳng bao lâu cũng cười theo, mà ngay cả cô gái da đen mỗi khi nghe kể đến đoạn ngộ nghĩnh nhất cũng phá ra cười, một chuỗi cười ồn ào, cuộn cuộn, như thác đổ, đến nỗi con ngựa bị kích thích phóng lên một hồi.

Thế là họ quen nhau, và chuyện trò.

Vừa về tới nhà, mọi người xuống xe; sau khi hắn đưa cô bạn thân vào buồng cởi áo ngoài để cô ta đi nấu một món ăn ngon lấy lòng hai ông bà cụ, hắn liền kéo bố mẹ ra cửa để hỏi, tìm hắn đập mạnh:

- Thế nào, thầy bu bảo sao?

Ông bố im lặng. Bà mẹ, mạnh dạn hơn, tuyên bố:

- Phải cái nó đen quá! Không, thật đấy, đen quá lắm.
Tao cứ rợn cả người lên thế này này.

- Rồi mẹ sẽ quen đi, - Boa-ten nói

- Ừ có nhẽ thế, nhưng cứ như bây giờ thì chịu thôi.

Họ quay vào trong nhà, và bà lão thấy cô gái da đen nấu bếp thì cảm động. Thế là bà cũng giúp một tay, vẩy xăn lên, nhanh nhẩu mặc dầu tuổi tác.

Bữa cơm ngon, kéo dài, vui vẻ. Sau đó, khi mọi người cùng đi dạo quanh làng thì Boa-ten kéo bố ra hỏi riêng:

- Thế nào thầy, thầy bảo sao?

Ông lão không bao giờ muốn lời thôi đến mình.

- Tao chẳng có ý kiến gì sất. Hỏi bu mày ấy.

Thế là Boa-ten lại chạy tới mẹ kéo lại đằng sau:

- Thế nào bu, bu bảo sao?

- Con ơi, nó đen quá thật. Của đáng tội, chỉ bớt đi một tí là tao chẳng phản đối đâu, nhưng đen quá. Trông cứ như quỷ dạ xoa ấy!

Hắn ta không gặng thêm một lời, vốn biết tính bà lão rất ương ngạnh, nhưng tự nhiên hắn cảm thấy nỗi buồn phiền như cơn bão tràn ập vào lòng. Hắn đã tìm đủ mọi cách, bày ra đủ mọi thứ, mà lạ làm sao là cô gái vẫn không chinh phục nổi hai ông bà lão như trước kia cô đã làm cho hắn ta xiêu lòng.

Cả bốn người đi thong thả qua những thửa ruộng, ai nấy lại dần dần im lặng. Khi họ đi tới chỗ dọc theo một hàng rào thì những nông dân ở đâu hiện ra bên giậu, lũ trẻ nhái leo lên bờ đường, tất cả đổ xô ra đường cái để xem cô "đầm đen" mà cu cậu Boa-ten dẫn ở đâu về. Đàng xa nhiều người chạy tắt qua đồng tới như mỗi lần có tiếng trống khua lên để quảng cáo những con vật kỳ lạ. Hai ông bà lão Boa-ten thấy bọn mình đi đến đâu là gieo rắc thêm sự tò mò trong dân xóm đến đấy thì đâm hoảng, vội rào cản đi trước, cách thật xa anh con trai, bấy giờ cô bạn đang hỏi hán xem bố mẹ nghĩ thế nào về mình.

Hán ngập ngừng trả lời rằng hai cụ chưa quyết định gì cả.

Nhưng khi họ đi đến nơi công cộng của xã thì ở đâu ào ào đổ tới tất cả mọi nhà. Thấy quần chúng tụ tập càng ngày càng đông, hai ông bà lão Boa-ten bỏ chạy trốn về nhà, còn anh chàng Boa-ten thì cúi tiết lên, khoác tay cô bạn yêu, đường hoàng tiến bước trước những con mắt trở ra vì kinh ngạc.

Hán ta hiểu rằng thời thế là hết, không còn hy vọng gì nữa, không thể kết hôn với cô gái da đen của mình được; cô ta cũng hiểu như thế; và cả hai cùng oà lên khóc khi về gần tới trại. Về đến nhà, cô ta lại cởi áo ra giúp việc bà mẹ; cô ta theo sát bà khắp mọi chỗ, nơi vắt sữa, chuồng bò, chuồng gà, giành lấy phần lớn công việc để làm, luôn mồm don đả: "Bà để con làm cho, bà ạ", đến nỗi tới đến bà lão cảm động nhưng lòng vẫn không chuyển, nói với con trai:

- Của đáng tội, con bé cũng ngoan đấy. Chỉ phiền một

nổi là sao nó đen thế, thật đấy, đen quá. Tao không làm sao quen được đâu, thôi để cho nó về, nó đen quá!

Rồi Boa-ten nói với cô bạn thân yêu:

- Bu không bằng lòng, bu thấy em đen quá. Thôi đành quay về vậy. Tôi sẽ đưa em ra tận ga. Mặc dầu vậy, em đừng ngã lòng. Khi nào em đi rồi, tôi sẽ nói lại với thầy bu.

Thế là hần tiễn cô gái ra ga, khuyên cô cứ hy vọng. Sau khi ôm hôn bạn, hần đỡ cô lên toa rồi nhìn theo con tàu chạy ra xa, mắt nhòa nước mắt.

Hần hết sức van xin bố mẹ nhưng không được, không đời nào hai ông bà lão bằng lòng.

Và rồi mỗi khi kể xong câu chuyện trên đây mà tất cả mọi người trong vùng ai cũng biết, Boa-ten nói thêm:

- Từ đó trở đi tôi chẳng còn thiết đến một cái gì nữa. Tôi không để tâm được vào một nghề nào cả, và ngày nay tôi trở thành một anh hót phân.

Người ta bảo hần:

- Nhưng rồi anh vẫn lấy vợ kia mà.

- Đúng thế, mà tôi cũng chẳng có thể bảo rằng tôi không ưng vợ tôi vì tôi đã có với mẹ ấy mười bốn con. Nhưng dù sao mẹ ấy cũng không phải là cô kia, không phải, không! Cô kia, anh biết không, cô gái da đen của tôi, cô ta chỉ nhìn tôi một cái là tâm hồn tôi lên mây...

TRONG ĐỨC dịch

MÓN TRANG SỨC

Đó là một trong những cô gái xinh đẹp và duyên dáng mà hình như số phận đã lầm lỡ để sinh vào một gia đình viên chức. Cô ả chẳng có hơi môn, chẳng có gia tài để hưởng, không có lấy một phương tiện nào để được một người đàn ông giàu có và danh vọng biết đến, tìm hiểu, thương yêu, kết hôn; và cô đành chịu để xe duyên với một viên tham tá quèn ở Bộ giáo dục.

Cô ả ăn mặc giản dị, và không có gì để trang điểm; nhưng lòng đau khổ như kẻ bị tước đoạt địa vị; là vì đối với người đàn bà thì đẳng cấp hay dòng giống không đáng kể, duy sắc đẹp, duyên dáng và vẻ kiêu diễm của họ thay thế cho dòng dõi và gia thế. Điều quyết định thứ bậc của họ là ở tư chất sắc sảo, bản năng thanh lịch, tính tình uyển chuyển của họ, nó khiến cho cô gái thường dân có thể sánh ngang với bà lớn nơi quyền quý.

Cô ả đau đớn không nguôi, vì cảm thấy mình sinh ra là để hưởng tất cả mọi điều lịch sự và mọi thứ giàu sang. Cô ả đau đớn vì nhà ở tiêu tụy, những bức tường trơ trụi, những chiếc ghế cũ mòn, những vải căng thô lậu. Tất cả những cái đó, nếu là một người đàn bà khác cùng đẳng

cấp với cô thì chẳng nhận thấy đâu, nhưng ở cô thì nó lại gây vò và làm cho cô hờn tủi. Hễ nhìn thấy đĩa ở gái làm mọi công việc hèn mọn trong nhà thì trong lòng cô lại thức dậy những điều ân hận ngao ngán và những ước mơ điên cuồng. Cô ả tơ tưởng đến những phòng chờ yên lặng, căng phủ những màn chướng kiếu đông phương, có những cây đèn bằng đồng hun cao ngất toả sáng, và hai tên nô bộc lực lưỡng mặc quần chèn, ngồi ngủ gật ở những chiếc ghế bành rộng, thiu thiu trong hơi nóng nặng nề của chiếc lò sưởi. Cô ả tơ tưởng đến những buồng tiếp khách rộng thênh thang, bốn bề căng gấm vóc cổ, với đồ đạc tinh xảo, trong bày những vật nhỏ vô cùng quý giá, rồi đến những phòng khách nhỏ điểm lệ, thơm tho, làm nơi để mạn đàm với những bạn chí thiết, với những người đàn ông tai to mặt lớn và được trọng vọng, mà phụ nữ ai cũng ước ao và muốn được lọt mắt.

Khi cô ả ngồi ăn bữa tối bên chiếc bàn tròn giải chiếc khăn bàn từ mấy ngày không thay, trước mặt anh chồng đang mở liền xúp ra và nói một cách khoái trá: "À, món xúp thịt hầm ngon! Trần đời tôi không thấy món ăn nào bằng", cô ả lại tơ tưởng đến những bữa ăn thanh lịch, với những đồ dùng bằng bạc sáng loáng, với những tấm thảm, trên tường trình bày những nhân vật cổ xưa và những giống chim kỳ dị giữa một cánh rừng thần tiên; cô ả tơ tưởng đến những món ăn thơm ngon bày trong những bát đĩa kỳ xảo, đến những lời chiêu nịnh nói khẽ mà người ta vừa nghe với nụ cười bí hiểm, vừa thưởng thức món cá hương thịt hồng hồng hay món cánh gà gô.

"Cô ả không có bộ cánh không có đồ trang sức, không có gì hết. Thế mà cô lại chỉ thích những thứ đó; cô cảm thấy mình sinh ra là để dùng những thứ đó. Cô ả những muốn làm người khác ưa thích, được người ta mơ ước, làm người ta xiêu lòng và theo đuổi.

Cô có một người bạn giàu, một bạn học cùng trường mà cô không muốn đến nhà nữa, chỉ vì mỗi lần ra về cô lại càng thêm đau xót. Và cô khóc lóc hàng bao nhiêu ngày, vì buồn phiền, vì hờn tủi, vì tuyệt vọng và khổ não.

Chợt một buổi tối, anh chồng đi làm về có vẻ đặc ý tay cầm một chiếc phong bì cỡ lớn. Anh nói:

- Đây đây cái này là để dành cho mình.

Cô ả hăm hở xé mảnh giấy và rút ra một tấm thiệp in mấy hàng chữ sau đây:

"Tổng trưởng Bộ Giáo dục và phu nhân là Gioóc Răm-pon-nô hân hạnh kính mời ông và bà Loa-den tham dự buổi dạ hội tổ chức tại phòng khánh tiết Bộ, ngày thứ hai 18 tháng giêng".

Nhưng trái với điều dự tính của anh chồng, cô ả đã không mừng thì chớ lại giận dỗi quăng tấm thiệp ra bàn, lấm bắm:

- Anh muốn tôi dùng cái này làm gì?

- Ô hay, mình, tôi cứ nghĩ rằng mình sẽ vui lòng. Chẳng bao giờ mình đi ra đến ngoài, thì đây là một dịp, dịp tốt! Tôi phải mất bao nhiêu công phu mới kiếm được tấm thiệp này. Tất cả mọi người ai cũng muốn lấy; thật

quý lắm đấy, mà người ta phát cho nhân viên chẳng được bao nhiêu. Mình sẽ gặp ở đấy tất cả những người quyền cao chức trọng.

Cô ả nhìn chồng bằng con mắt hờn giận, và bực mình tuyên bố:

- Thế anh định đắp lên mình tôi cái gì để tới đó?

Anh chàng chưa hề nghĩ tới chuyện này, ấp úng:

- Thì bộ áo mình vẫn mặc đi xem hát ấy. Theo ý tôi thì nó thơm chán...

Anh chàng im bặt, ngơ ngác, hoang mang khi thấy vợ khóc. Hai hàng nước mắt giàn giụa ròng ròng từ khoé mắt chảy xuống kẽ miệng.

Anh ta lắp bắp:

- Làm sao thế mình? Làm sao thế?

Nhưng, với một sự cố gắng mãnh liệt, cô ả nén lòng đau xót, vừa chùi nước mắt vừa nói bằng một giọng bình tĩnh:

- Không sao cả. Có điều là xống áo không có, tôi không thể đi dự cuộc dạ hội này được. Anh đem tấm thiệp ấy cho bạn đồng sự của anh, người nào mà vợ có bộ cánh diện hơn tôi.

Anh chàng chán ngán quá. Anh nói:

- Kia Ma-tin. Thì mình tính xem mất độ bao nhiêu tiền một bộ cánh thơm tất, có thể dùng lần này còn lần khác, cái gì nó thật giản dị ấy?

Cô ả suy nghĩ một tí, vừa tính toán vừa cân nhắc số tiền có thể hỏi được, không đến nỗi để anh tham tá phiền ấy từ chối tức khắc và phát hoảng la lên.

Cuối cùng cô ả ngập ngừng trả lời:

- Tôi cũng không biết rõ nữa, nhưng có lẽ độ bốn trăm quan thì cũng tạm tạm được.

Anh chàng hơi tái mặt đi, vì anh ta đã để dành được vừa đúng số tiền ấy để sắm một khẩu súng, và, mùa hè tới, anh có thể hưởng cái thú đi săn ở cánh đồng Năng-tơ cùng với mấy người bạn, họ vẫn thường đến đó ngày chủ nhật để bắn sơn ca.

Nhưng rồi anh ta nói:

- Thôi được. Tôi tặng mình bốn trăm quan. Nhưng mình cố sắm cho được một bộ áo đẹp đấy.

Ngày dạ hội sắp tới, nhưng bà Loa-den có vẻ buồn rầu, lo lắng, áy náy. Vậy mà bộ cánh thì đã sẵn rồi.

Một buổi tối, anh chồng hỏi:

- Mình làm sao thế, hả? Từ ba hôm nay mình có vẻ thế nào ấy?

Và chị ta trả lời:

- Tôi chỉ phiền là không có một món trang sức gì hết, không có lấy một tí mặt đá mà đeo. Rút cục lại tôi vẫn có vẻ thiếu nả lắm. Ý tôi là có lẽ không đi dự đám ấy nữa thì hơn.

Anh chàng nói:

- Thì mình đeo hoa thật vào. Mùa này đeo thế cũng bánh lắm. Cứ mười quan thì mình sẽ có hai ba bông hồng tuyệt.

Chị ta không chịu.

- Không được... không gì nhục bằng mang vẻ nghèo khổ giữa đám phụ nữ giàu có.

Chợt anh chồng kêu lên:

- Khỉ quá! Thì mình đến bạn mình, bà Fo-rét-chê ấy để hỏi mượn ít đồ trang sức. Mình thân với bà ấy như thế thì hỏi cũng được chứ sao.

Chị ta mừng quýnh, kêu lên:

- Đúng đấy. Thế mà em không nghĩ ra.

Hôm sau chị ta đến nhà bạn và kể lể nỗi phiền muộn của mình.

Bà Fo-rét-chê đi lại phía tủ gương, lấy ra một cái tráp to, đem lại, mở ra và bảo bà Loa-den:

- Tùy ý chị chọn đấy.

Trước hết, chị ta trông thấy những chiếc xuyên, rồi một vòng ngọc trai, rồi một sợi dây chuyền đeo chữ thập, bằng vàng và ngọc, làm rất tinh xảo. Chị đeo thử những món trang sức đó trước gương, dùng dằng, không muốn tháo ra để trả lại. Chị luôn mồm hỏi:

- Chị còn cái gì khác nữa không?

- Còn chứ. Cứ tìm đi. Tôi chẳng biết món nào làm vừa lòng chị bây giờ.

Bỗng chị ta tìm thấy trong một chiếc hộp bằng xà-tanh đen một chuỗi hạt kim cương tuyệt đẹp; và quả tim chị đập mạnh với lòng thèm muốn vô hạn.

Tay chị cầm mà run lên. Chị đeo chuỗi hạt vào cổ, đeo trên chiếc áo căng lên, và đứng ngẩn người ra trước bóng mình.

Rồi chị ngập ngừng hỏi, bụng lo thấp thỏm:

- Chị có thể cho em mượn chuỗi này, chỉ chuỗi này thôi; được không?

- Được lắm chứ.

Chị ta nhảy tới ôm chàng lấy cổ bạn, hôn lấy hôn để, rồi mang theo món bảo vật chị chạy mất.

Ngày dạ hội đến. Loa-đen phu nhân rất được hoan nghênh. Chị đẹp hơn tất cả, lịch sự, duyên dáng, tươi cười và vui đến điên cuồng. Hết thầy đàn ông đều ngắm nghía chị, hỏi tên chị, tìm cách để được giới thiệu với chị. Tất cả nhân viên văn phòng bộ đều muốn nhảy van-xơ với chị. Ông tổng trưởng để ý đến chị.

Chị ta khiêu vũ một cách say sưa, sôi nổi, mê mết trong cuộc vui, chẳng nghĩ điều gì hết, đặc ý vì sắc đẹp của mình, kiêu hãnh vì được hoan nghênh, quanh mình như tạo nên một đám mây hạnh phúc với bao nhiêu lời ca tụng, lòng ngưỡng mộ, nổi thèm muốn được khêu gợi với

cuộc đắc thắng thật là hoàn toàn và rất mực đơn trớn trái tim người phụ nữ.

Chị ra về khoảng bốn giờ sáng. Chồng chị, từ lúc nửa đêm, đã đánh một giấc trong một phòng khách nhỏ vắng, cùng với ba ông nữa mà các bà vợ còn mãi vui chơi.

Anh chàng trườn lên vai vợ mấy chiếc áo mà anh đã mang theo sẵn phòng lúc ra về, những chiếc áo xoàng xĩnh, nghèo nàn của cuộc sống hàng ngày lơ lảo bên cạnh bộ cánh khiêu vũ sang trọng. Chị ta cảm thấy thế và muốn bỏ chạy để tránh mắt những người phụ nữ khác, họ choàng trên vai những chiếc áo lông lịch sự.

Loa-den nín vợ lại:

- Mình hãy chờ đã. Ra ngoài lại bị lạnh bây giờ. Để tôi đi gọi xe.

Nhưng chị không nghe và chạy nhanh xuống cầu thang. Khi họ ra đến ngoài phố thì không có xe; và họ bỏ đi tìm, gọi với theo những người đánh xe ngựa đi ngang qua đường xa.

Họ đi về phía sông Xen, thất vọng, rét run lập cập. Cuối cùng họ tìm được trên bờ sông một chiếc xe chạy đêm cò giả vào loại bốn bánh mà người ta chỉ thấy xuất hiện ở Pa-ri khi đã quá tối, dường như ban ngày ban mặt chúng cũng xấu hổ vì vẻ tiêu tụy của chúng.

Chiếc xe đưa họ về đến tận cổng, ở phố Mác-tia, và họ ủ rũ bước lên nhà. Đối với chị ta thế là hết. Còn anh

chàng thì nghĩ đến ngày mai mười giờ sáng đã phải có mặt ở bộ.

Chị ta bỏ áo khoác ngoài ra, đứng trước gương để một lần nữa ngắm mình trong con đặc ý. Nhưng bỗng chị kêu lên. Chuỗi hạt kim cương không còn ở trên cổ nữa.

Anh chồng đang cởi quần áo, hỏi:

- Cái gì thế mình?

Chị ta quay lại chồng hốt hải:

- Tôi đã... tôi đã... tôi không thấy chuỗi hạt của bà Forét-chê đâu cả.

Anh ta chồm lên, hốt hoảng:

- Sao? Thế nào!... Không có lẽ!

Và hai vợ chồng tìm tòi trong các nếp áo trong, áo ngoài, trong các túi, khắp cả. Họ không thấy đâu.

Anh chồng hỏi:

- Mình có chắc là khi ở phòng khiêu vũ ra vẫn còn không?

- Có, ra đến phòng ngoài ở bộ tôi còn sờ đến nó.

- Nhưng nếu đánh rơi ngoài phố thì chúng mình phải nghe thấy chứ. Có lẽ nó rơi trên xe.

- Ủ, có lẽ. Thế mình có ghi số xe không?

- Không. Còn mình, mình cũng không trông à?

- Không.

Họ nhìn nhau kinh hãi. Cuối cùng Loa-den lại mặc quần áo vào và nói:

- Tôi thử đi ngược lại cả quãng đường chúng ta đi bộ xem có tìm thấy không.

Rồi anh ta ra đi. Còn chị ta vẫn đóng nguyên bộ áo dạ hội, không đủ sức đi nằm ngủ, ngồi rũ ra trên một chiếc ghế, không sưởi ấm, lòng hoang mang.

Anh chồng mãi bảy giờ sáng mới về. Anh chẳng tìm thấy gì.

Anh ta đến quận cảnh sát, đến các toà báo để nhờ đăng lời rao hứa thưởng cho ai tìm thấy, đến các công ty vận tải xe nhỏ, thôi thì khắp nơi mà anh ta ngờ ngợ có chút hy vọng gì.

Chị ta chờ suốt ngày, lòng vẫn hoang mang trước cái tai hoạ thảm hại đó.

Tối đến Loa-den trở về nhà, má hõm lại, mặt tái nhợt; anh chẳng tìm thấy gì. Anh nói:

- Bảy giờ mình phải viết thư cho bà bạn rằng trót nhờ làm gãy cái móc cài của chuỗi hột nên phải đem đi chữa. Như thế mình mới có thì giờ mà xoay xở.

Chị vợ viết theo lời chồng đọc.

Sau một tuần lễ, họ hoàn toàn hết hy vọng.

Và Loa-den, già đi đến năm tuổi, tuyên bố:

- Thôi, phải nghĩ cách mà mua đèn chuỗi hột.

Hôm sau họ đem chiếc hộp đựng chuỗi hột đến hiệu kim hoàn có ghi tên trong hộp. Nhà hàng tra sổ sách và nói:

- Thưa bà, không phải hiệu tôi bán chuỗi hột này; chắc tôi chỉ bán cái hộp đựng thôi.

Thế là họ lại đi hết cửa hàng vàng bạc này đến cửa hàng khác, cố nhớ lại để tìm cho được một chuỗi hột giống như chuỗi kia, cả hai người đều thất vọng, mệt mỏi vì buồn phiền và lo lắng.

Họ tìm thấy ở một cửa hiệu phố Cung điện một chuỗi hột kim cương có vẻ giống y như chuỗi đã đánh mất. Chuỗi kim cương đáng giá hơn bốn vạn quan. Nhà hàng bằng lòng để cho với giá ba vạn sáu nghìn quan.

Họ liền đề nghị với chủ hiệu trong ba ngày đừng bán cho người khác. Họ lại thương lượng với điều kiện là nhà hàng sẽ lấy lại chuỗi hột theo giá ba vạn bốn nghìn quan nếu chưa hết tháng hai họ đã tìm thấy chuỗi hột kia.

Loa-den có mười tám nghìn quan của bố để lại cho. Anh đi vay số tiền còn thiếu.

Anh hỏi vay người này một nghìn, người khác năm trăm; chỗ nọ năm đồng lu-y, chỗ kia ba đồng. Anh làm giấy tờ, ký những giao kèo thiệt thòi, giao dịch với bọn cho vay nặng lãi, với tất cả các loại cho vay. Anh tự làm hỏng cả cuộc đời còn lại của mình, ký kết liều lĩnh mà chẳng biết có thực hiện được lời cam kết không. Và hoảng sợ trước những lo lắng ngày mai, trước nỗi khổ cực đen tối

sắp up lên mình, trước viễn ảnh của những thiếu thốn vật chất và những giày vò tinh thần, anh ta đến nhận chuỗi hột mới và đặt lên quầy của nhà hàng ba mươi sáu nghìn quan.

Khi bà Loa-den mang trả lại món trang sức cho bà Fo-rét-chê thì bà này nói với về phật ý:

- Đáng lý chị nên trả em sớm hơn, vì em có thể phải dùng đến.

Bà ta cũng chẳng mở chiếc hộp ra nữa, điều mà bà Loa-den lo ngại. Nếu bà nhận ra sự đánh tráo kia thì bà sẽ nghe thế nào? Bà sẽ nói gì? Bà sẽ cho mình là phường ăn cắp chăng?

Bà Loa-den trải qua cuộc sống thâm hiểm của kẻ bán hàn. Thật ra, bà ta phút chốc đã tự quyết định thái độ một cách dũng cảm. Phải trả cho được món nợ ghê gớm kia. Bà sẽ trả bằng hết. Họ cho con ở thôi việc; họ dọn nhà đi chỗ khác; họ thuê một căn gác sát mái để ở.

Bà ta làm lấy hết mọi công việc nặng trong nhà, những việc bếp núc lam lũ. Bà rửa bát, cọ những đồ sành cái nhòn, cạo những đáy xoong chảo đến mòn cả móng tay hồng hồng. Bà giặt giũ quần áo bẩn, áo lót mình và giẻ lau, phơi lên dây thừng; mỗi buổi sáng bà hót rác đưa xuống đường phố và xách nước lên nhà, leo mỗi bậc thang là phải đứng lại để thở. Và ăn mặc như một dân thường, bà đi đến hàng bán quả, hàng thực phẩm, hàng thịt, tay xách bị, mặc cả có khi đến bị chửi, cò kè từng xu để tiết kiệm đồng tiền cơ cực.

Mỗi tháng phải gạt món nợ này, vay món nợ khác, xoay xở lẫn lữa cho có thì giờ trang trái.

Ông chồng buổi tối phải tính toán làm sổ thuê cho một nhà buôn, và ban đêm thường là chép thuê lấy năm xu một trang.

Và cuộc sống đó kéo dài mười năm.

Sau mười năm họ trả xong nợ, trả hết, kể cả lãi suất nặng nề, và lãi mẹ đẻ lãi con chồng chất.

Bà Loa-den bây giờ hình như đã già. Bà trở thành người đàn bà cứng cáp, rắn rỏi và dày dặn của những gia đình nghèo. Đầu chải qua loa, váy mặc xộc xệch, bàn tay đỏ hỏn, bà nói oang oang, đổ nước cọ nhà ào ào. Nhưng đôi khi, lúc chồng đi làm ở sở, bà ngồi bên cửa sổ, và hồi tưởng đến buổi dạ hội năm xưa, đến cuộc khiêu vũ đêm ấy, bà đẹp đến thế và được hoan nghênh đến thế.

Sự thế sẽ ra thế nào nếu bà không đánh mất món trang sức kia? Biết đâu? Biết đâu? Cuộc đời thật là kỳ dị, biến đổi? Chỉ một ly thôi cũng đủ làm hại người ta hay cứu vãn người ta?

Thế rồi một buổi chủ nhật, bà đang dạo quanh đại lộ Săng Ê-ly-dê để nghỉ ngơi sau một tuần lễ nặng nhọc thì gặp một người đàn bà dắt con đi chơi. Đó là bà Fo-rét-chê, người vẫn trẻ, vẫn đẹp, vẫn quyến rũ.

Bà Loa-den xúc động trong lòng. Có nên hỏi chuyện không? Nên lắm chứ. Là vì bây giờ công nợ đã trang trái xong, bà sẽ nói hết chuyện với bạn. Tại sao không?

Bà bước lại gần.

- Chào chị Gian-nơ.

Bà kia không nhận ra ai, ngạc nhiên vì thấy cái mặt thường dân này gọi mình một cách thân mật như vậy. Bà ta đáp ứng:

- Nhưng... thưa bà?... Tôi không quen... Có lẽ bà nhầm.

- Không. Tôi là Ma-tin Loa-den đây.

Bà bạn thốt lên:

- Ủa!... Chị Ma-tin của tôi, chị thay đổi đi quá chừng!...

- Vâng, từ ngày không gặp chị nữa tôi đã trải qua những ngày hết sức vất vả; và biết bao nhiêu nỗi khổ cực... mà điều đó chỉ là vì chị!...

- Vì tôi... Tại sao thế?

- Chắc chị còn nhớ rõ cái chuỗi kim cương mà chị cho tôi mượn để đi dự dạ hội ở bộ.

- Có. Thế sao?

- Thì tôi đã đánh mất nó.

- Thế nào, chị đã đem trả lại tôi rồi kia mà.

- Tôi đã trả chị chuỗi khác giống chuỗi kia. Và thế là đằng đằng mười năm trời chúng tôi nai lưng trả nợ. Chị thừa hiểu việc đó không phải là dễ dàng đối với chúng tôi,

vốn chẳng có gì... Nhưng thôi bây giờ thì xong rồi, và lòng tôi cũng được hể hả.

Bà Fo-rét-chê đứng dừng lại.

- Chị bảo chị đã mua chuỗi kim cương khác để đền cho tôi à?

- Vâng. Chắc chị không nhận ra đấy nhỉ! Hai chuỗi giống nhau như hệt.

Và bà ta mỉm cười với một niềm kiêu hãnh và ngây thơ.

Bà Fo-rét-chê, hết sức cảm động, nắm lấy hai tay bạn:

- Chết chữa, chị Ma-tin của em! Chuỗi hột của em là hột giả đấy. Nó đáng giá nhiều lắm là *năm trăm quan thôi...*

TRỌNG ĐỨC dịch

MỘT ĐÚA CON

Tặng René Maizeroy

Đôi bạn già dạo chơi trong vườn nở đầy hoa, giạt giào sức sống giữa mùa xuân vui tươi. Một người là thượng nghị viên, còn người kia là viện sĩ Hàn lâm viện Pháp, cả hai đều đạo mạo, có đầy đủ lý luận rất hợp lý và trịnh trọng, vì họ là những nhân vật tai mắt và có danh tiếng.

Mới đầu họ mạn đàm về chính trị, trao đổi ý kiến, không phải về những khái niệm, mà là về những con người. Ở địa hạt này những nhân vật xưa nay thường át cả lý trí. Rồi họ nhắc lại vài chuyện cũ; rồi họ im lặng, tiếp tục đi bên cạnh nhau, người đâm ra uỷ mị trong tiết trời ấm áp.

Một bốn hoa đinh hương to toả ra những làn hương ngọt ngào và tế nhị; đủ các thứ hoa muôn hồng nghìn tía ngát thơm trong gió nhẹ; một cây mun già, phủ đầy những chùm hoa vàng, tung ra trước gió làn phấn mịn, một làn bụi vàng thoảng hơi mát và mang theo trong không trung mầm giống cây hương ngát, như các loại phấn dụ thơm ở nhà hàng nước hoa.

Viên thượng nghị sĩ dùng chân, hít làn phấn hoa nhuần nhị, phấp phới, ngắm nghía cái cây đa tình, rực rỡ như một vùng mặt trời, đang tung giống bay đi. Và ông ta nói: "Có khi nào ta nghĩ rằng những phân tử li ti, thơm tho này đi gây mầm sống cách đây hàng trăm dặm, đi khuấy động những thớ thịt và những dòng nhựa của những cây cái, và làm mọc lên loài cây cỏ, nó cũng tử một cái mầm mà sinh ra như chúng ta, sẽ chết đi như chúng ta, và sẽ được những vật đồng loại thay thế, cũng lại như chúng ta".

Rồi, đứng ngầy người trước cây mun rạng rỡ đang thả theo từng gợn gió những làn hương gieo mầm sống, Ngài thượng nghị sĩ nói thêm: "À! Anh chàng mun này, nếu anh phải tính toán số con anh đẻ ra thì khá lúng túng đấy. Đầy quả là một gã đẻ con ra dễ dàng và bỏ rơi chúng không hối hận, và chẳng bận tâm chút nào".

Viên hàn lâm nói xen vào: "Chúng ta cũng làm như thế đấy, ông bạn ạ".

Viên nghị sĩ lại nói: "Vâng, tôi không chối cãi điều đó, đôi khi chúng ta cũng bỏ rơi con cái đẻ ra, nhưng ít ra chúng ta cũng biết rõ điều đó, và chính vì vậy mà chúng ta hơn muôn vật".

Nhưng viên hàn lâm lắc đầu: "Không, tôi không muốn nói thế; này, bác nghĩ xem, không có một người đàn ông nào mà không có những đứa con hoang, cũng gọi là những đứa con không bố, mà họ đẻ ra, như cây kia, hầu như vô ý thức.

Nếu phải làm con tính về số đàn bà đã cùng chúng ta chung chạ, thì phải chăng chúng ta cũng sẽ lúng túng như cây mun mà bác chất vắn kia, nếu nó phải tính số con cháu của nó.

Từ mười tám cho chí đến bốn mươi tuổi, kể cả những cuộc gặp gỡ chốc lát, những cuộc đụng chạm một tiếng đồng hồ, có thể công nhận rằng chúng ta đã ân ái với hàng hai ba trăm người đàn bà.

Thế thì, ông bạn ơi, trong số đó, ông có chắc rằng ông đã không làm cho có mang ít ra là một người, và ông đã không ném ra trên vỉa hè, hay trong nhà tù, một thằng con vô lại nó ăn trộm và giết hại những người lương thiện, tức là chúng ta; hoặc giả lại là một đứa con gái sống trong một xó bất thiện nào, hay có thể, may mắn mà mẹ nó bỏ rơi thì nó đi làm con đĩ cho một gia đình nào đó.

Bác lại nên nhớ rằng hầu hết những người đàn bà mà chúng ta gọi là *gái điếm* đều có một hay hai đứa con mà không biết bố nó là ai, những đứa con lượm được ngẫu nhiên trong những cuộc ái ân đáng mười hay hai mươi quan. Trong nghề nào thì người ta cũng tính lỗ lãi cả. Những đứa con ấy là những "món lỗ" trong nghề của họ. Còn những kẻ gieo giống kia là ai? - Là bác, - là tôi, - tất cả chúng ta, những người gọi là *tử tế* đấy! Đó là kết quả của những bữa tiệc chén chú chén anh, của những đêm hoan lạc, của những giờ phút mà xác thịt chúng ta phê phờn đẩy chúng ta đến những cuộc giao hoan tình cờ.

Những quân ăn trộm, quân du đảng, tất cả những kẻ cùng khốn, rút cục đều là con chúng ta. Mà như thế còn may cho chúng ta hơn là chúng ta lại làm con cái bọn chúng, bởi vì cái bọn khốn kiếp ấy chúng cũng sinh con đẻ cái đây!

Đây này, riêng tôi, trong lương tâm tôi còn ghi một câu chuyện xấu xa mà tôi xin kể bác nghe. Đối với tôi đây là một điều ân hận suốt đời, hơn thế nữa, đây là một mối hổ nghi dai dẳng, một điều ngờ vực khôn nguôi, đôi khi nó day dứt tôi thẳm hại.

Năm tôi hai mươi nhăm tuổi, tôi với một người bạn, nay làm uỷ viên Tham chính viện, cùng đi bộ đến thăm vùng Bơ-rơ-ta-nhơ.

Sau mười lăm, hai mươi ngày đi cật lực, sau khi thăm vùng bờ biển phía Bắc và một phần vùng Fi-nít-te, chúng tôi tới Đu-ắc-nê; từ đó đi một chặng xuyên qua vùng Tữ-vong thì đến mũi Ra-dơ hoang vu và chúng tôi ngủ lại một làng nào đó tên có vắn *ốp* ở cuối; nhưng, sáng ra bạn tôi bị một cơn mệt đến liệt giường. Tôi nói giường đây là vì thói quen, chứ thực ra chỗ ngủ của chúng tôi chỉ vền vện là hai ổ rơm.

Không thể ốm ở nơi này được. Tôi dựng bạn tôi dậy đi, và chúng tôi cố tới được Ô-điéc vào khoảng bốn năm giờ chiều.

Hôm sau anh bạn đã đỡ một chút; chúng tôi lại đi; nhưng giữa đường anh ta lại khó ở không chịu được nữa, và gắng gượng lắm chúng tôi mới tới được Pông-la-bê.

Ở đây ít ra cũng có một quán trọ của chúng tôi. Anh bạn tôi nằm liệt giường và thấy thuốc, mới tận Quanh-pe đến, khám thấy anh bị sốt nặng, nhưng không tìm ra căn bệnh gì.

Bác có biết Pông-la-bê không? - Không - Thì đây, nó là cái thành phố có tính chất bơ-rơ-ton nhất của cả xứ Bơ-rơ-ta-nhơ rất bơ-rơ-ton, đi từ mũi Ra-dơ đến Moóc-bi-hăng, các địa phương chứa chất tinh hoa của những phong tục, tập quán, truyền kỳ bơ-rơ-ton ấy. Đến ngày nay cũng còn như vậy, góc đất nước ấy hầu như không thay đổi gì. Tôi nói: *ngày nay còn thế* là vì hiện giờ, ngao ngán thay! năm nào tôi cũng trở lại đó.

Một toà lâu đài cổ với những tháp canh đâm chân trong một hồ nước lớn, buồn buồn, từng đàn chim rừng bay qua. Một dòng sông con ăn vào đó, mà thuyền bè có thể ngược dòng lên đến thành phố. Và trong những phố xá chật chội, với những nhà cũ kỹ, những người đàn ông đội thứ mũ tó, mặc áo nịt thêu và một bộ bốn áo cánh trùm lên nhau: chiếc thứ nhất to bằng bàn tay, vừa đủ che xương bả vai, và chiếc cuối cùng thì vừa chấm dừng quần.

Những cô gái, cao lớn, đẹp, tươi, ngực bó trong một chiếc áo nịt bằng dạ siết chặt như một thứ áo giáp không còn thấy đâu bộ vú nở nang bị dày đoạ của họ; và đầu các cô đội một thứ mũ kỳ quặc; trên thái dương hai mảnh vải thêu màu đóng khung lấy bộ mặt, bó lấy đám tóc để xoà sau gáy, rồi vắn ngược lên thành búi ở đỉnh đầu, trên đội một chiếc mũ nổi đặc biệt, thường dệt bằng kim tuyến hay ngân tuyến.

Cô hầu ở quán trọ của chúng tôi tuổi không quá mười tám, đôi mắt đến là xanh; một màu xanh lơ nhạt chấm giữa là hai điểm đen nhỏ của con ngươi; và hai hàm răng ngắn mà mau, luôn luôn hé ra để cười dường như có thể nghiền được cả đá nữa.

Cô ta không biết lấy một tiếng Pháp, chỉ toàn nói tiếng bơ-rơ-ton, như phần đông những người đồng hương.

Bấy giờ anh bạn tôi vẫn chưa đỡ và, mặc dầu chưa dò thấy triệu chứng bệnh tật gì, thầy thuốc cũng cấm không cho đi vội, bắt phải nghỉ ngơi hoàn toàn. Thế là tôi suốt ngày ở bên cạnh anh, và cô hầu ít tuổi luôn luôn vào buồng, hoặc mang thức ăn cho tôi, hoặc mang thuốc uống.

Tôi chòng ghẹo cô, hình như cô lấy làm thích, nhưng chúng tôi chẳng trò chuyện gì với nhau, tất nhiên, vì ngôn ngữ bất đồng.

Thế rồi một đêm thức quá khuya bên cạnh người ốm, khi trở về buồng tôi bất gặp cô gái nhỏ đang đi về buồng cô. Vừa đứng ở trước cửa buồng tôi để ngó; thế là đột nhiên, chẳng nghĩ gì đến việc mình làm, để đùa nghịch chứ không có ý gì khác, tôi ôm chầm lấy cô và khi cô chưa kịp hoàn hồn thì tôi đã ấn cô nhốt vào buồng. Cô nhìn tôi, ngơ ngác, cuống cuống, kinh hãi, không dám kêu lên vì sợ tai tiếng, trước hết là sợ chủ thế nào cũng đuổi đi, và có lẽ rồi đến bố cũng đuổi nốt.

Tôi vừa làm như vậy vừa cười; nhưng khi cô ta đã ở trong buồng thì lòng thèm muốn chiếm đoạt người con gái

nổi dậy trong người tôi. Rồi là một cuộc vật lộn kéo dài và lằng lẽ, một cuộc đánh vật, như kiểu các đô vật, tay vươn ra, co lại, xoắn lấy nhau, hơi thở hồng hộc, mình đầm mồ hôi. Chà! Cô ta cầm cự thật là dũng cảm; và thỉnh thoảng va phải một đồ đạc, một chiếc ghế, hay va vào bức vách, thế là, cứ ôm chặt lấy nhau, chúng tôi ngừng lại một lát không cựa quậy, sợ gây tiếng động làm người ta thức dậy, sau đó lại tiếp tục giao chiến kịch liệt, tôi thì tấn công, cô nàng thì chống cự.

Cuối cùng mệt nhoài, cô ta ngã lăn ra; và tôi chiếm lấy cô một cách tàn bạo, ngay dưới đất, trên sàn lát.

Vừa trở dậy, cô thoát chạy ra cửa, mở then và trốn mất.

Những ngày hôm sau hoạn hoàn lắm tôi mới gặp cô ta. Cô không để cho tôi đến gần. Rồi, đến khi bạn tôi khỏi bệnh và chúng tôi phải tiếp tục ra đi thì, đêm trước ngày tôi khởi hành, quãng nửa đêm, tôi thấy cô đi chân không, mặc áo lót mình, bước vào buồng tôi vừa lúc tôi trở về buồng.

Cô ta nhảy xổ vào tay tôi, ghì chặt lấy tôi một cách đắm đuối, rồi cho đến tận sáng cô vuốt ve, ôm ấp tôi vừa khóc lóc nức nở, vừa tìm mọi cách để tỏ với tôi mối tình âu yếm và tuyệt vọng, vì cô ta không nói cùng một thứ tiếng với tôi.

Tám ngày sau, tôi đã quên hẳn câu chuyện thường tình ấy, nó vẫn hay xảy ra trong những chuyến đi du lịch,

những cô hầu gái ở các quán trọ nói chung là để cho khách đi đường tiêu khiển như vậy.

Và ba mươi năm liền, tôi không hề nghĩ tới chuyện đó và cũng không trở lại Pông-la-bê lần nào.

Thế rồi, năm 1876, tình cờ tôi quay lại chốn cũ trong một cuộc đi thăm Bơ-rơ-ta-nhơ để lấy tài liệu cho một cuốn sách và để thâm nhập cảnh vật miền này.

Tôi dường như không thấy gì thay đổi. Tòa lâu đài vẫn đậm-đậm, tọng màu xám trong nước hồ, ở phía đi vào thành phố nhỏ; và ngôi quán trọ vẫn y nguyên, tuy có sửa sang, sắp đặt lại cho có vẻ tân thời hơn. Khi tôi bước vào thì hai cô gái Bơ-rơ-ton chừng mười tám tuổi ra tiếp, các cô trông xinh tươi, ngực bó chặt trong chiếc áo nịt da chặt, đầu đội mũ ngân tuyến với những mảnh vải thêu lớn úp trên tai.

Lúc đó vào quãng sáu giờ chiều. Tôi ngồi vào bàn để ăn và trông thấy người chủ quán hối hả tự mình ra phục vụ thì, âu cũng là điều định mệnh, tôi buột miệng hỏi: "Ông có biết những chủ cũ của ngôi nhà này không? Cách đây ba mươi năm tôi đã có lần ở trọ đây mười ngày. Câu chuyện đã lâu lắm rồi".

Anh ta trả lời: "Thưa ngài, đó là bố mẹ tôi".

Thế là tôi kể lại nhân dịp nào tôi đã dừng chân ở đây, vì người bạn ốm tôi phải ở lại đây ra sao. Anh ta không để tôi nói hết.

- Ô! Tôi nhớ rõ lắm. Hồi ấy tôi mới mười lăm, mười sáu tuổi. Ngài ngủ ở phòng đằng cuối kia, còn bạn ngài nằm ở trong phòng liền đường phố, bây giờ tôi dùng làm buồng riêng.

Đến lúc đó tôi mới chợt nhớ lại rõ nét cô hầu năm xưa. Tôi hỏi: "Ông có nhớ một cô hầu bé nhỏ, xinh xắn mà cụ nhà ta nuôi, và, nếu tôi không nhớ lắm, thì cô ta có đôi mắt đẹp và những hàm răng tươi tắn?"

Anh ta đáp: "Thưa ngài, có; chị ấy đã chết ít lâu sau khi ở cũ".

Và giờ tay ra phía ngoài sân, chỉ vào một gã gầy còm và thọt chân đang đánh phân, anh ta nói thêm:

"Con trai chị ấy kia kìa".

Tôi liền cười: "Hắn chẳng đẹp và chẳng giống mẹ tí nào. Chắc hắn giống bố đấy nhỉ".

Người chủ quán nói: "Có lẽ thế; nhưng chẳng ai biết bố hắn là ai cả. Chị ta chết đi không giới giăng điều gì mà ở đây cũng chẳng ai thấy có anh chàng nào tán tỉnh chị ấy cả. Khi nghe nói chị ta có mang thì mọi người đều lấy làm lạ. Không ai tin là thật".

Tôi thấy rợn mình khó chịu; một cái gì nhoi nhói tâm can như sắp xảy cơn phiền muộn nào nề. Và tôi nhìn gã đàn ông ngoài sân. Bấy giờ hắn vừa múc nước cho ngựa xong, tay xách hai thùng nước vừa đi khập khiễng, chân thọt bước đi đau đớn. Hắn mặc rách rưới; bẩn thỉu đến ghê

tỏm, với bộ tóc dài màu vàng, rồi chẳng chịt đến nỗi xoa xuống hai bên má như những sợi thừng.

Người chủ quán nói thêm: "Hắn chẳng được tích sự gì cả, giữ hắn ở trong nhà làm phúc đấy thôi. Có nhẽ nếu được dạy dỗ như mọi người thì hắn cũng không đến nỗi nào như thế. Nhưng, ngài tính, không bố, không mẹ, không tiền! Bố mẹ tôi cũng thương nó lúc nó còn bé đấy, nhưng, ngài còn lạ gì, dù sao cũng không phải là con đẻ dứt ruột ra".

Tôi không nói gì cả.

Và tôi lại ngủ ở gian buồng năm xưa; suốt đêm tôi vừa nghĩ đến tên bồi ngựa thảm hại kia vừa luôn luôn tự hỏi: "Nó là con mình thật thì sao? Té ra mình đã giết cô con gái kia và đẻ ra con người đó thật chẳng?" Có thể lắm chứ!

Tôi quyết định hỏi chuyện hắn để biết rõ ngày sinh tháng đẻ của hắn. Chỉ chênh lệch hai tháng là đủ làm cho tôi hết nghi ngờ.

Hôm sau tôi cho gọi hắn đến. Nhưng hắn cũng không nói tiếng Pháp nốt. Mà theo lời một cô hầu hỏi hộ tôi, hắn có vẻ cũng chẳng hiểu gì cả, tuyệt nhiên không biết mình bao nhiêu tuổi. Và hắn đứng trước mặt tôi với vẻ ngu ngốc, vo tròn cái mũ trong những bàn tay thô lỗ và bẩn thỉu, cười một cách đần độn, có cái gì như trong nụ cười của mẹ nó ngày xưa, ở kẽ môi và ở khoé mắt.

Nhưng người chủ quán chợt đến, và đi tìm giấy khai sinh của gã khốn nạn. Hắn ra đời tám tháng và hai mươi sáu ngày sau khi tôi rời Pông-la-bê đi, vì tôi nhớ rõ là tôi đến Lo-ri-ăng ngày 15 tháng Tám. Tờ khai sinh có ghi rõ: "Bố vô danh". Mẹ tên là Gian Ke-ra-đéc.

Thế là tim tôi đập rộn lên. Tôi không nói nữa vì ghen ngào quá; và tôi nhìn con ngọm kia với những mảng tóc vàng giống như một mớ phân, hơn cả phân súc vật; gã khốn nạn đó thấy tôi nhìn thì đâm ngượng, thôi không cười nữa, ngoắt đầu, tìm cách lảng đi.

Suốt ngày tôi vừa lang thang theo dọc bờ sông con vừa suy nghĩ đau đớn. Nhưng suy nghĩ mà làm gì? Không có cái gì làm cho tôi quyết định được. Hàng giờ, hàng giờ tôi cân nhắc tất cả mọi lý lẽ, đúng hay sai, phải hay trái, xem tôi có phải là bố tên ấy không, tôi phát điên lên với những giả định rồi như bong bóng để rồi vẫn trở lại mỗi ngò vục ghê gớm, dĩ chí đi tới sự yên trí cay đắng hơn, đích thẳng đó là con tôi.

Buổi tối tôi không ăn được và lui về buồng. Trần trọc lâu lắm không ngủ được, rồi khi chợp mắt thì toàn những mê sảng kinh người. Tôi mơ thấy thằng mất dạy kia cười vào tận mũi tôi, gọi tôi "Ba ơi"; rồi nó biến thành con chó đến cắn vào bắp chân tôi, và nó đuổi tôi không chạy đâu thoát, và nó không sủa mà lại nói, chửi rủa tôi; rồi nó ra trình trước các đồng nghiệp tôi ở Hàn lâm viện, họ họp để quyết định xem tôi có phải là bố nó không; và một đồng viện kêu lên: "Thôi đích xác rồi! Các vị nhìn xem nó

giống ông ta như đúc". Và quả thật tôi nhận thấy thằng quái kia giống tôi thật. Và tôi tính dạy với ý niệm đó ăn sâu trong óc, với ý muốn điên cuồng nhìn lại gã kia để xem thử chúng tôi có những nét giống nhau thật hay không.

Tôi đuổi theo kịp hắn, trong khi hắn đang đi lễ nhà thờ (hôm đó là ngày chủ nhật) và tôi vừa đưa cho hắn một đồng bạc vừa nhìn chòng chọc vào mặt hắn một cách lo lắng. Hắn lại cười một cách gớm ghiếc, cầm lấy tiền, rồi cũng lại đâm ngượng vì tôi nhìn, hắn bỏ chạy sau khi áp úng một tiếng nghe không rõ, chắc có nghĩa là "cảm ơn".

Cả ngày hôm đó tôi vẫn phiền muộn không kém gì đêm hôm trước. Tối đến, tôi cho gọi người chủ quán tới, và bằng đủ mọi cách đón trước rào sau, khôn khéo tinh vi, tôi nói với anh ta rằng tôi để ý đến gã đáng thương kia, hắn bị bỏ rơi và thiếu thốn đủ mọi thứ, và tôi muốn làm cách nào để giúp đỡ hắn.

Nhưng người chủ quán đáp lại: "Ô! thưa ngài, xin ngài chớ nghĩ đến điều đó, thằng ấy nó chẳng ra gì đâu, ngài sẽ chỉ thêm bực mình vì hắn thôi. Tôi, tôi dùng hắn để quét chuồng ngựa, hắn chỉ làm được đến thế là cùng. Tôi nuôi hắn chỉ để làm việc đó và hắn ngủ với đàn ngựa. Không nên cho hắn gì hơn. Nếu ngài có chiếc quần áo cũ nào thì cho hắn, nhưng chỉ dăm bữa là rách tan thôi".

Tôi không nói gặng thêm điều gì, có ý sẽ định liệu sau.

Tối hôm đó thằng khốn nạn kia về nhà say bí tỉ, suýt nữa thì nó đốt cháy nhà, nó lấy cuốc bở một con ngựa chỉ chết, rồi cuối cùng lăn ra ngủ trên một đồng bùn, phơi mưa, tất cả chỉ vì món tiền tôi cho hắn.

Hôm sau người ta đề nghị tôi từ rày đừng cho hắn tiền nữa. Rượu mạnh làm hắn nổi cuồng, và hề có vài xu trong túi là hắn đi uống rượu. Người chủ quán nói thêm: "Cho hắn tiền là muốn giết hắn". Gã ấy chưa bao giờ có tiền cả, tuyệt nhiên chưa, trừ một vài đồng chinh mà khách đi đường ném cho hắn, và hắn không biết dùng mấy đồng tiền đó làm gì khác hơn là vào quán rượu.

Thế là tôi ngồi hàng giờ trong buồng, với một quyển sách để mở trước mặt tưởng như để đọc, nhưng thực tình là chỉ để ngắm nhìn thằng ngợm kia, nó là con tôi! con tôi! vừa cố tìm xem nó có chỗ nào giống tôi không. Cứ để ý tìm mãi thì rồi tôi cũng như nhận ra những nét hao hao giống ở trán, ở cuống mũi, và chẳng mấy lúc tôi tin chắc rằng có chỗ giống nhau mà người ta không nhận ra chỉ vì cách ăn mặc khác nhau và vì cái bờm tóc ghê tởm của gã kia.

Nhưng nếu tôi ở lại mãi đây thì người ta đâm nghi ngờ, cho nên tôi ra đi, lòng tan nát, sau khi để lại cho người chủ quán ít tiền để nhờ anh ta làm cho tên đầy tớ kia đỡ khổ.

Cứ thế, từ sáu năm trời nay, tôi sống với nỗi tâm tư đó, tình trạng ngờ vực ghê gớm đó, mối hồ nghi tai ác đó. Và cứ hàng năm, một sức mạnh không cưỡng nổi kéo tôi

trở lại Pông-ba-bê. Mỗi năm tôi tự dày đoạ mình phải chịu cái hình phạt là nhìn con ngợm kia ngập ngựa trong chuồng phân của hần, là tưởng tượng rằng hần giống tôi, là tìm hết cách cứu giúp hần mà đều vô hiệu quả. Và mỗi năm tôi trở lại đây, lòng càng thêm do dự, càng thêm ray rứt, càng thêm phiền não.

Tôi đã thử cho hần học hành. Hần ngu dần đến vô hy vọng.

Tôi đã thử làm cho cuộc đời hần đỡ vất vả. Hần nghiện rượu không phương cứu chữa, và tiêu nhân tiền người ta cho hần, để uống rượu, và hần lại biết cả cách bán quần áo mới đi để mua rượu.

Tôi đã gọi lòng thương của ông chủ hần, luôn luôn đưa tiền cho họ để họ chăm nom hần. Người chủ quán, rút cục lấy làm lạ, đã trả lời tôi một cách rất có lý: "Thưa ngài, ngài làm như thế chỉ tổ làm hại hần. Cần phải giữ hần như một thằng tù. Hễ được rảnh rang hay được no ấm là hần sinh ra làm bậy. Nếu ngài muốn làm phúc thì thiết nghĩ không thiếu gì trẻ con vô thừa nhận, nhưng ngài nên chọn lấy một đứa nào xứng đáng với công phu của ngài".

Biết trả lời sao?

Và nếu tôi để nảy ra một sự nghi ngờ về những nỗi băn khoăn đang giày vò tôi, thì gã ngu xuẩn kia chắc chắn sẽ đâm ra lấu cá mà lợi dụng tôi, làm liên lụy đến tôi, làm hại tôi. Hần sẽ gọi tôi, tướng lên: "Ba ơi", như trong giấc mộng bữa nào.

Và tôi thầm nghĩ rằng tôi đã giết người mẹ và làm hại gã bất thành nhân kia, nó như con ròi chuồng ngựa, nở ra và lớn lên trong đồng phân, người đó nếu được nuôi dạy như mọi người thì cũng sẽ như ai.

Và bác không thể hình dung được cái cảm giác kỳ quái, hỗn độn và ê chề ở tôi khi đứng trước hán mà lòng nghĩ rằng kẻ đó từ trong tôi mà ra, rằng sợi dây cốt nhục cha con gắn bó hán với tôi, rằng những quy luật di truyền ghê gớm đã khiến về đủ mọi mặt, về máu mủ, về xương thịt, hán với tôi là một, và hán mang trong mình cả những mầm mống bệnh tật cho chí những men dục vọng như tôi.

Và luôn luôn, một nhu cầu xót xa, không bao giờ nguôi thôi thúc tôi phải nhìn thấy hán đánh phân và chuyển phân vừa luôn luôn nhắc thầm: "Con tôi đấy".

Và đôi khi, tôi cảm thấy hết sức thèm muốn ôm lấy hán. Tôi thật ra chưa bao giờ đụng đến cả bàn tay ghê tởm của hán".

Ông viện sĩ hàn lâm ngừng lời. Và bạn của ông ta, nhà chính trị, lẩm bẩm: "Ừ, thật đấy, chúng ta phải chăm sóc hơn chút nữa đến lũ trẻ không bố".

Và một làn gió thổi qua rung động những chùm hoa vàng của cây mun, tung ra một đám bụi hương thơm mịn, bao bọc lấy hai ông già, họ hít thở hàng thổi dài.

Và viên thượng nghị sĩ nói thêm: "Thật là thú vị cái tuổi hai mươi nhăm, cho đến cả lỗi đẻ con ra như vậy".

TRỌNG ĐỨC dịch

VIÊN MỠ BÒ

Suốt mấy ngày liền từng mảng binh đoàn tan rã điều qua thành phố. Họ không còn là quân đội nữa, mà là những bầy người ô hợp tán loạn. Người nào người nấy râu dài nhem nhuốc, quần phục rách nát, họ uể oải tiến bước, chẳng có cờ, cũng chẳng thành cơ ngũ gì hết. Tất cả đều như rã rời, kiệt sức, không còn suy nghĩ hoặc quyết định nổi điều gì nữa, chân đi chỉ là vì quen bước, và hễ cứ dừng lại là khụy ngay xuống vì mệt lử. Người ta thấy nhiều nhất là lính động viên, những con người vốn ưa bình an, sống yên ổn với lợi nhuận hàng năm, lưng còng xuống vì súng nặng, những chú vệ động⁽¹⁾ nhỏ lanh lợi dễ hoảng sợ và cũng mau phấn khởi, sẵn sàng tấn công cũng như sẵn sàng chạy trốn; rồi, giữa đám người đó là vài cậu quân chên đồ⁽²⁾ tàn quân của một sư đoàn bị nghiền nát trong một trận lớn; những pháo thủ râu rĩ đi cùng hàng với đám bộ binh tạp nham ấy; và, thỉnh thoảng lại thấy lấp lánh chiếc mũ sắt của một chú lính đầu rồng chân nặng, vất vả

⁽¹⁾ Vệ động: tạm dịch chữ moblot, chữ tắt thân mật của chữ mobile (lưu động) hay garde mobile (vệ binh lưu động) của nước Pháp năm 1870.

⁽²⁾ Tức là bộ binh.

lắm mới theo được những anh lính bộ dáng đi nhẹ nhàng hơn.

Rồi đến lượt các đoàn quân nghĩa dũng mang những tên oai hùng: "Quân Rửa thù Thất trận - Công dân Cầm tù - Quyết tử quân" - đi qua, trông như bọn kẻ cướp.

Cấp chỉ huy của họ, trước đây là những tay buôn dạ hoặc ngũ cốc, những anh bán mỡ bò hoặc xà phòng, chiến sĩ nhất thời được làm sĩ quan chỉ vì đồng tiền của họ hoặc vì bộ ria mép dài, trên mình đầy vũ khí, dạ mềm với lon quan; họ nói oang oang, bàn luận kế hoạch tác chiến và cho rằng chỉ có mình họ chống đỡ nước Pháp đang hấp hối trên hai vai anh hùng rơm của họ; song đôi khi họ lại sợ quân lính của chính mình, dân đầu trộm đuôi cướp, thường liêu lĩnh bạt mạng, quen cướp phá và trác táng.

Người ta đồn quân Phổ sắp tiến vào thành Ruăng.

Đoàn Dân vệ từ hai tháng nay mở những cuộc thám thính rất thận trọng vào các rừng lân cận, đôi khi bắn phải cả quân canh của chính mình, và chuẩn bị chiến đấu mỗi lần một chú thỏ con động dậy trong bụi rậm, thì nay ai nấy đã trở về nhà. Vũ khí, đồng phục, với tất cả mớ đồ lễ giết người, mới đây còn làm cho những trụ cây số trên các đường quốc lộ quanh vùng ba dặm trông thấy cũng phát hoảng, bỗng chốc vụt biến đi đâu mất.

Sau hết, những người lính Pháp cuối cùng vượt qua sông Xen để về Pông-Ôđome theo đường Xanh-Xove và Buộc-Asa; và, sau tất cả mọi người, là vị tướng chỉ huy đi

bộ, giữa hai viên sĩ quan hầu, vẻ tuyệt vọng, không còn thi thố được gì với đám tàn quân tan tác này nữa, vì chính hãn cũng bàng hoàng trong cảnh tan rã lớn của một dân tộc vốn quen chiến thắng và nay bị đại bại thảm khốc mặc dầu dân tộc đó vẫn có một truyền thống anh dũng truyền kỳ.

Rồi một bầu không khí vô cùng yên tĩnh, một sự đợi chờ kinh hoàng và lặng lẽ bay lượn trên thành phố. Nhiều anh tư sản bụng phệ, mà nghề buôn đã làm trở nên hèn đốn, lo lắng đợi những kẻ chiến thắng và run lên cầm cập vì sợ người ta coi những cái xiên thịt quay hoặc những con dao lớn làm bếp của họ là vũ khí.

Cuộc sống dường như ngừng lại, các cửa hiệu đóng kín mít, phố xá câm lặng. Thỉnh thoảng một người dân, sợ hãi vì sự im ắng đó, len lén vút đi men theo các bờ tường.

Nỗi khắc khoải lo âu của đợi chờ khiến người ta mong quân thù mau đến cho xong.

Quân đội Pháp rút đi hôm trước thì quá trưa hôm sau vài tên kỵ binh xung kích, không biết từ đâu chui ra, vụt qua phố rất nhanh. Rồi, sau đó một chút, một đám quân đông đặc từ trên đồi Nữ thánh - Catorin tràn xuống trong khi hai đợt sóng xâm lăng khác xuất hiện trên các đường đi Đacnêtan và Boa-Ghiôm. Tiền đội của ba binh đoàn, đứng vào cùng một lúc, liên lạc với nhau ở quảng trường toà thị sảnh; và từ khắp các phố lân cận, quân Đức đổ tới đội ngũ diễu đi, bước nhịp đều, nện gót choang choang trên mặt đường đá tảng.

Những hiệu lệnh hô bằng một giọng lạ tai, ồm ồm, cất lên dọc theo các căn nhà đường như chết và vắng lặng, trong khi, ở sau cửa chớp đóng kín, những con mắt đang rình ngó những người chiến thắng ấy, chủ nhân của đô thị, của mọi tài sản và sinh mệnh, chiếu theo "Luật chiến tranh". Trong các buồng tối âm u, dân thành phố đang hốt hoảng như khi có thiên tai, những biến động tàn khốc lớn của trái đất mà bất cứ sự khôn ngoan nào, sức mạnh nào đối phó lại cũng đều là vô ích. Vì cũng vẫn cái cảm giác ấy lại xuất hiện mỗi lần trật tự sự vật bị đảo lộn, an ninh không còn nữa, và tất cả những gì vốn được luật pháp của loài người hoặc qui luật thiên nhiên che chở thì nay đều bị phó mặc cho một sức tàn bạo vô ý thức và hung dữ. Trận động đất đè bẹp cả một dân tộc dưới những nhà cửa đổ sụp, con sông tràn bờ cuốn theo bao nông dân chết đuối cùng với xác bò và đằm xà bị đứt tung ra khỏi mái nhà, hoặc đoàn quân chiến thắng tàn sát những người dám tự vệ, bắt những người khác làm tù binh, y vào thế lưới gươm để cướp phá và cảm tạ một vị thượng đế nào đấy bằng tiếng đại bác, tất cả những cái đó đều là những tai ương khủng khiếp làm đảo lộn mọi tin tưởng vào công lý vĩnh cửu, tất cả lòng tin mà người ta vẫn dạy bảo xưa nay vào sự che chở của Trời và lý tính của con Người.

Song có những đơn vị nhỏ đến gõ cửa từng nhà, rồi biến vào bên trong. Đó là cảnh chiếm đóng sau cuộc xâm lăng. Bắt đầu từ giờ những kẻ bị thua có bốn phận phải tỏ ra niềm nở đối với kẻ thắng.

Một thời gian sau, khi nỗi khiếp sợ ban đầu đã qua,

một cảnh yên tĩnh mới được thiết lập. Trong nhiều nhà, tên sĩ quan Phổ ăn cùng với gia đình. Cũng có khi hắn là người có giáo dục, và, vì lễ độ, hắn ái ngại cho nước Pháp, nói lên lòng chán ghét phải tham gia cuộc chiến tranh này. Người ta biết ơn hắn vì chút tử tình đó; và chẳng, có thể một ngày nào đấy người ta sẽ cần đến sự che chở của hắn. Nương nhẹ hắn biết đâu chẳng được bớt đi vài người phải nuôi ăn. Và tại sao lại làm phật ý một kẻ mình phải hoàn toàn tùy thuộc chứ? Làm như vậy chẳng phải là dững cảm gì mà là liễu lĩnh. - Và sự liễu lĩnh chẳng còn là một khuyết điểm của thị dân Ruăng, như thời thành phố của họ đã nổi danh trong những cuộc chiến đấu anh dũng chống ngoại xâm. Sau hết người ta tự nhủ, và đây là lý do tối cao căn cứ vào tính lịch sử của người Pháp, rằng ở trong nhà thì rất được phép có lễ độ miễn là ra nơi công chúng đừng có tỏ vẻ thân tình với lính ngoại quốc.

Ra ngoài thì không quen biết gì nhau nữa, nhưng ở nhà thì họ vui lòng trò chuyện, và tên Đức mỗi buổi tối lại ngồi rón lâu hơn để sưởi ở lò sưởi chung.

Ngay thành phố cũng dần dần trở lại quang cảnh bình thường. Người Pháp còn ít bước chân ra ngoài, nhưng lính Phổ thì lúc nhúc trên các đường phố. Và chẳng bọn sĩ quan khinh kỳ áo lam ngạo ngễ kéo lê trên mặt đường những khí cụ lớn giết người, đối với các công dân thường hình như cũng không tỏ vẻ khinh bỉ gì quá lắm so với bọn sĩ quan bộ binh năm trước cũng uống rượu ở các quán cà phê ấy.

Tuy nhiên, vẫn có cái gì trong không khí, một cái gì tinh vi và mới lạ, một bầu không khí ngoại lai không chịu được, như một mùi gì lan rộng, cái mùi ngoại xâm. Nó tràn vào đây các nhà và các quảng trường, thay đổi vị các món ăn, cho người ta có cảm giác như đi xa, xa lắm, đến xứ sở của những bộ lạc man rợ và nguy hiểm.

Những kẻ chiến thắng đòi hỏi tiền, rất nhiều tiền. Dân thành phố vẫn cứ trả, và chẳng họ cũng giàu. Song một anh lái buôn miền Normăng khi càng trở nên giàu có bao nhiêu thì mỗi hy sinh, mỗi tí chút của cải của họ chuyển sang tay kẻ khác lại càng làm họ cay đắng bấy nhiêu.

Nhưng dọc theo dòng sông, phía dưới thành phố hai ba dặm, về phía Croatxê, Dieppodalơ hoặc Bietxa, các thủy thủ và những người đánh cá thường lôi từ đáy sông lên một vài xác bọn Đức trưng phênh trong bộ quân phục, bị giết bằng một nhát dao hay một miếng đá ác hiểm, đầu đập nát bằng một tảng đá, hoặc bị đẩy từ trên một chiếc cầu cao xuống nước. Bùn dưới sông vùi kín những cuộc trả thù bí mật, tàn bạo và chính đáng ấy, những hành động anh hùng không ai biết, những cuộc tấn công thâm lặng, nguy hiểm hơn những trận chiến đấu giữa thanh thiên bạch nhật và không có tiếng vang lừng lẫy của vinh quang.

Vì lòng căm thù kẻ nước ngoài bao giờ cũng võ trang cho một vài người quá cảm sẵn sàng chết vì một Lý tưởng.

Sau cùng, vì những kẻ xâm lăng, tuy bắt thành phố phải chịu cái kỷ luật hà khắc của chúng, nhưng chưa hề

làm một việc gì giống những điều kinh khủng như tiếng đồn lừng lên là chúng đã phạm suốt dọc đường tiến quân chiến thắng, cho nên người ta cũng mạnh dạn dấn, và sự cần buôn bán lại khiến các thương nhân phải bán khoản suy tính. Một vài người có những quyền lợi lớn vướng mắc ở Lơ Havơ do quân Pháp đóng, họ muốn thử tới cảng đó bằng cách đi đường bộ đến Dieppe, rồi từ đấy xuống tàu.

Người ta lợi dụng bọn sĩ quan Đức mà người ta đã làm quen, và xin được của viên tướng tổng tư lệnh một giấy thông hành.

Vậy là sau khi đặt thuê một cỗ xe lớn bốn ngựa cho cuộc hành trình ấy, với mười người ghi tên ở nhà chủ xe, họ quyết định ra đi vào một buổi sớm thứ ba, trước lúc trời sáng rõ, để tránh sự tụ tập đông người.

Giá rét ít lâu nay đã làm mặt đất rắn lại, và hôm thứ hai, vào khoảng ba giờ sáng, những đám mây đen lớn từ phương bắc đem tuyết đến, tuyết rơi không lúc nào ngớt suốt chập tối và suốt đêm.

Đến bốn giờ rưỡi sáng, các hành khách họp nhau trong sân Lữ quán Normăngđi để lên xe.

Họ đều còn ngái ngủ, và rét run cầm cập dưới làn chân mềm. Trong đêm tối họ không trông thấy rõ nhau, và mớ quần áo rét nặng, mặc lỏng máy lóp, làm cho tất cả những thân hình kia chẳng khác gì những cha cố bụng phệ, mặc áo thầy tu dài thượt. Nhưng hai người đàn ông

nhận ra nhau, một người thứ ba đến gần họ, và họ trò chuyện: "Tôi đem nhà tôi đi theo" một người nói. - Tôi cũng thế. - Tôi cũng vậy. Người đầu tiên nói thêm: "Chúng tôi sẽ không trở về Ruăng làm gì, và nếu quân Phổ đến gần Lơ Havơ thì chúng ta sẽ sang Anh". Tất cả đều có những ý định như nhau, vì tính chất họ giống nhau.

Tuy nhiên, chưa thấy người ta thắng xe. Thỉnh thoảng một chiếc đèn kính nhỏ do một bác mã phu xách, ló ra ngoài một khuôn cửa tối om để rồi lại biến ngay vào trong một cửa khác. Tiếng chân ngựa giậm xuống đất, nghe êm đi vì có lớp phân ổ lót chuồng, và ở cuối ngôi nhà có tiếng người nói với súc vật, vừa nói vừa rửa. Một tiếng nhạc, ngựa nhè nhẹ báo hiệu người ta đang sửa soạn yên cương; không mấy chốc thứ tiếng nho nhỏ ấy rung lên rõ và rền, nhịp theo cử động con vật, đôi khi ngừng lại rồi lại dội lên đột ngột, kèm theo là tiếng móng sắt ngựa nện xuống đất lộp cộp.

Cánh cửa bỗng nhiên đóng sập lại. Mọi tiếng động đều im bật. Mấy người thị dân rét cóng không trò chuyện nữa: họ đứng yên, người cứng đờ.

Một màn bông tuyết trắng mịn mù ống ánh không ngừng trong khi rơi xuống đất, xóa các hình thù, rắc lên mọi vật một lớp bột băng, và trong cái im lặng mênh mông của thành phố yên tĩnh, chìm đắm trong mùa đông, chỉ còn nghe thấy cái thứ tiếng lao xao mơ hồ và chơi vơi của tuyết rơi, không biết gọi là gì cho được, một cảm giác đúng hơn là một tiếng động, sự xáo trộn của những vật li ti nhẹ bỗng hình như tràn ngập không gian, bao phủ thế giới.

Người đàn ông lại ló ra với chiếc đèn kính, tay cầm dây thừng lôi một con ngựa buồn thiu chẳng chịu cất bước. Bác ta đặt ngựa đứng sát cán xe, buộc các dây kéo, vòng đi vòng lại quanh xe hồi lâu để gò chắc yên cương, bác chỉ dùng được có một tay, tay kia còn xách đèn. Khi sắp sửa đi tìm con ngựa thứ hai, bác chợt nhận thấy đám hành khách đứng không nhúc nhích, người đã trắng xoá vì tuyết, bác liền bảo họ: "Tại sao các ông các bà không lên xe mà ngồi? Ít ra cũng còn tránh được tuyết".

Hẳn là họ đã không nghĩ tới điều đó, thế là họ hấp tấp lên xe. Ba người đàn ông cho vợ ngồi vào trong cùng, và bước lên sau; rồi những người khác, bóng dáng mờ mờ, không rõ hình thù, cũng lần lượt ngồi vào chỗ còn lại, chẳng nói với nhau một lời.

Sàn xe có rải rơm, chân họ thúc vào đó. Các bà ngồi ở trong cùng, vì có mang theo những lồng ấp nhỏ bằng đồng với một thứ than hoá học, liền đốt lên, và trong chốc lát họ thì thào kể ra những cái tiện lợi của lồng ấp, nhắc lại với nhau những điều họ đã biết từ lâu.

Sau cùng, xe đã thắng xong, với sáu chữ không phải bốn ngựa vì phải kéo nặng hơn: một tiếng nói bên ngoài hỏi: "Mọi người lên xe cả chưa?". Một tiếng nói bên trong đáp: "Lên cả rồi". Thế là người ta lên đường.

Xe đi chậm chậm, thùng thỉnh bước một. Bánh xe lún xuống tuyết; thùng xe rên rỉ, kêu răng rắc; mấy con ngựa trượt chân, thở phì phò, hơi bốc trên mình, và chiếc roi to tướng của bác xà ích không ngừng quất đen đét tứ phía.

xoắn vào rồi lại mở ra như một con rắn mỏng mình, và đột nhiên quất vào một cái móng béo mẫm, khiến nó lại căng lên vì gắng sức mạnh hơn.

Nhưng trời cứ sáng dần từ lúc nào không biết. Những bông tuyết nhẹ mà một du khách, vốn là dân Ruăng chính cống, đã ví với một trận mưa bông, không còn rơi nữa. Một thứ ánh sáng bản, lọt qua những đám mây lớn, đen và nặng, làm cho màu trắng của đồng quê càng rực rỡ hẳn lên, đó đây xuất hiện một hàng cây to phủ đầy sương giá hoặc một túp nhà tranh, mái phủ kín tuyết trông như cái mũ chóp.

Trong xe, dưới ánh sáng ảm đạm của buổi bình minh ấy, mọi người tò mò nhìn nhau.

Ở tận trong cùng, chiếm những chỗ tốt nhất và đang ngủ gà ngủ gật trước mặt nhau, là hai vợ chồng Loadô, nhà buôn rượu vang ở phố Cầu Lớn.

Nguyên là tài công cho một người chủ bị phá sản trong kinh doanh, Loadô đã mua lại cửa hiệu của chủ và trở nên giàu có. Hắn bán rượu vang mặt hạng thật rẻ cho các cửa bài nhỏ ở thôn quê, và những người quen biết cùng bạn hữu hắn vẫn coi hắn là một gã bịp bợm quý quyet, một anh chàng Normăng chính cống, lắm mưu mô quỳ quyet và vui tính.

Hắn lừng tiếng ăn cắp đến nổi, một buổi tối kia, ở dinh quận trưởng, ông Tuôcnen, tác giả những bài ngụ ngôn và ca vè, một người có đầu óc châm biếm sâu cay và

tế nhị, một danh nhân của địa phương, thấy các bà có vẻ hơi buồn ngủ liền đề nghị với các bà chơi trò "Chim bay"⁽¹⁾; chính hai tiếng đó cũng bay qua các phòng khách của ông quận trưởng rồi truyền sang các phòng khách khác trong thành phố, làm cho toàn tỉnh cười bò ra suốt một tháng ròng.

Ngoài ra Loadô còn nổi tiếng vì những trò tình nghịch đủ kiểu, những câu bông đùa hay hoặc dở của hần, và hể nói đến hần là không ai không chêm ngay tức khắc: "Cái thằng cha Loadô ấy thật không chê được".

Người hần nhỏ bé, bụng hần phưỡn ra tròn như quả bóng, bên trên là một bộ mặt đỏ tía giữa hai chòm râu má đã hoa râm.

Vợ hần, to lớn, khoẻ mạnh, rắn rỏi, tiếng nói oang oang và ý định mau lẹ, là người cầm cân nảy mực trong cái cửa hiệu mà sự hoạt động vui vẻ của hần thúc đẩy cho thêm náo nhiệt.

Ngôi bên cạnh họ, trịnh trọng hơn, thuộc một giai cấp cao hơn, là ông Carê-Lamadông, một người tai mặt, có địa vị lớn trong ngành kinh doanh bông, chủ ba nhà máy dệt, đệ tứ đẳng Bắc đầu bội tinh và có chân trong Hội đồng

⁽¹⁾ "L'oiseau vole", lối chơi chữ không dịch được. Chữ Pháp viết Loadô (*Loiseau*: tên người) đọc lên đồng âm với Loadô (*L'oiseau*: con chim); và động từ *vole*, vừa có nghĩa là bay, vừa có nghĩa là ăn cắp. Vậy khi nói *Loiseau vole* người ta có thể hiểu là "chim bay" hay "Loadô ăn cắp". Trên đây, chúng tôi chỉ dịch theo nghĩa thứ nhất, để giữ ý nghĩa của động từ "bay", được có ý nhắc lại ngay ở câu dưới.

hàng quận. Suốt thời kỳ Đế chính, ông ta vẫn là thủ lĩnh của phái đối lập ôn hoà, chỉ cốt để được đền bù đất giá hơn sau này khi ông ngã theo cái chính thể mà ông đã đấu tranh chống lại bằng những vũ khí lịch sự, theo lối nói của chính ông. Bà Carê-Lamadông, trẻ hơn chồng nhiều, vẫn còn là nguồn an ủi của những sĩ quan con nhà dòng dõi về đồn thú ở Ruăng.

Bà ta ngồi đối diện với chồng, trông thật là bé bỏng, thật là kháu khỉnh, thật là xinh đẹp, co ro trong những bộ lông thú và chán ngán nhìn cái thùng xe tồi tàn, thảm hại.

Ngồi bên cạnh bà, vợ chồng bá tước Huybe dơ Brévin là những người mang một trong những dòng họ kỳ cựu nhất và quý phái nhất xứ Normăngđi. Vốn là nhà quý tộc già phong thể đường bệ, dáng người tự nhiên giống vua Hăngri đệ tứ, bá tước lại cố ăn mặc thật khéo léo để mình thêm giống nhà vua hơn, vì theo một truyền thuyết về vang cho gia đình, nhà vua đã làm cho một phu nhân trong họ Brévin có mang, khiến đức phu quân vì thế mà được phong bá tước và làm tổng trấn một tỉnh. Đồng nghiệp với ông Carê-Lamadông tại hội đồng hàng quận, bá tước Huybe đại diện cho phái bảo hoàng Orlêăng ở trong tỉnh. Chuyện ông kết hôn với con gái một chủ tàu nhỏ ở Nangtơ đến nay vẫn còn là điều khó hiểu. Song vì bá tước phu nhân có phong cách đại gia, biết tiếp khách giỏi hơn ai hết, lại có tiếng là đã được một hoàng tử của đức vua Luy-Philip yêu dấu, cho nên tất cả giới quý tộc đều hoan nghênh bà, và phòng khách của bà vẫn là đứng đầu trong

xứ, nơi độc nhất còn giữ vẻ hào hoa phong nhã cũ, và được lui tới đó không phải là chuyện dễ dàng.

Người ta đồn gia sản nhà Brévin, toàn là của chìm, lên tới năm mươi vạn quan lợi tức.

Sáu người ấy ngồi ở trong cùng họp thành giới xã hội có tiền của, thanh thần và thế lực, những người lương thiện đáng mặt, sùng đạo và sống có nguyên tắc.

Do một sự tình cờ kỳ lạ, tất cả các bà đều ngồi cùng một ghế; và bên cạnh bà bá tước còn có thêm hai bà phước ngồi lẫn những chuỗi tràng hạt dài, nhằm đọc kinh Lay cha và kinh Kính mừng. Một bà thì già, mặt rỗ nhằng rỗ nhịt vì bệnh đậu mùa, tựa như bị một loạt đạn ghém bắn thẳng vào ngay giữa mặt. Còn bà kia rất ẻo lả, mặt nom xinh xắn và ốm yếu với bộ ngực ho lao, bị vạc dần đi vì một lòng sùng tín mãnh liệt thường tạo nên những con người tử vì đạo và những con người được thần cảm.

Đối diện với hai bà phước có một người đàn ông và một người đàn bà khiến mọi người đều chú ý.

Người đàn ông rất nhiều người biết, là Cornuydê dân chủ, nổi kinh hoàng của tất cả những hạng người đứng đắn. Đã hai mươi năm nay y nhúng bộ râu đỏ kịch của y vào những cốc vại của mọi tiệm cà-phê dân chủ. Cùng với các anh em và bạn hữu, y đã phá tan một gia tài khá lớn thừa hưởng của ông bố, vốn là một nhà làm mứt kẹo, và y sốt ruột chờ đợi nền Cộng hoà để có được cái địa vị xứng đáng với biết bao khoản tiêu xài cách mạng như thế. Ngày

mỏng bốn tháng chín⁽¹⁾, có lẽ do một trò đùa nghịch, y đã tưởng mình được bổ nhiệm quận trưởng; nhưng khi y muốn đến nhận chức thì các nhân viên chạy giầy, những người độc chiếm trụ sở lúc bấy giờ, không chịu thừa nhận y, thế là y bắt buộc phải rút lui. Và lại vốn là một anh chàng tốt bụng, hiền lành và hay giúp đỡ, y đã lo tổ chức chống lại quân thù với một lòng hăng hái không ai bì kịp. Y đã cho đào hố ở cánh đồng, ngả hết các cây non của những rừng lân cận, đặt cạm bẫy trên tất cả các nẻo đường, và, khi quân thù sắp kéo đến thì, hài lòng vì công cuộc chuẩn bị đó, y vội vã rút về thành phố. Bây giờ y nghĩ rằng đến Lor Havơ y sẽ giúp ích được nhiều hơn, vì ở đây rồi đây hẳn là cần phải có những công sự phòng ngự mới.

Người đàn bà, thuộc hạng người ta gọi là điểm đàn, nổi tiếng vì cái thân hình sớm đầy đà khiến cô ta đã được đặt tên là Viên Mỡ Bò⁽²⁾. Người thấp nhỏ, chỗ nào cũng tròn trĩnh, núng nính những mỡ, với các ngón tay nắn nắn thất lại ở các đốt trông tựa những chuỗi dỗi ngắn, làn da bóng nhẫy và căng, một bộ ngực đồ sộ, lồ lộ dưới lần áo, cô ta tuy vậy trông vẫn còn ngon mắt và được theo đuổi nhiều, vẻ xuân sắc của cô thật đáng ưa nhìn. Mặt cô là một trái táo đỏ, một nụ được được sắp nở, và ở phía trên

⁽¹⁾ Ngày 4-9-1870: Napoléon III bị truất ngôi do những thất bại của trận chiến tranh Pháp-Đức (1870-1871), và nền Cộng hòa được tuyên bố thành lập.

⁽²⁾ Ngu ý người mũm mĩm, béo tròn, núng nính. Vì không tìm được hình ảnh tương đương trong tiếng Việt, nên chúng tôi đành dịch sát nguyên văn.

khuôn mặt ấy là một đôi mắt mở ra đen láy, tuyệt đẹp ẩn dưới hai hàng mi dày rử bóng, phía dưới, một khuôn miệng hẹp, có duyên, ướm át gợi tình, với hàm răng nhỏ xiu, trắng bóng.

Ngoài ra, người ta bảo cô còn có nhiều đức tính quý hoá vô cùng.

Mọi người vừa nhận ra cô thì lập tức có những lời thì thào lan ra trong đám mấy bà mệnh phụ, và những tiếng "đồ đi", "xấu hổ chung" được xì xào quá to khiến cô phải ngẩng đầu lên. Cô ta bèn đưa mắt nhìn khắp lượt những người ngồi chung quanh, một cái nhìn khiêu khích và táo bạo đến nỗi mọi người tức khắc im thin thít, và ai nấy đều cúi mặt xuống, trừ có Loadô là cứ dòm ngó cô, vé khoái trá.

Nhưng không bao lâu ba bà kia lại tiếp tục nói chuyện, sự có mặt của cô gái điểm làm cho ba bà bỗng chốc trở nên thân thiện, hầu như thành những bạn chí thiết. Đường như các bà thấy rằng cần phải đem cái phẩm cách đoan trang làm vợ của các bà ra kết lại với nhau thành một khối trước mặt kẻ bán thân vô liêm sỉ nọ; vì bạc giờ tình yêu hợp pháp cũng lên mặt coi khinh bạn đồng nghiệp tự do của nó.

Ba người đàn ông cũng nhích lại gần nhau vì một bản năng bảo thủ trước mặt Cornuyđê; họ nói chuyện tiền bạc với một thứ giọng miệt thị người nghèo. Bá tước Huybe kể chuyện thiệt hại của ông do bọn Phổ gây ra, những mất mát vì gia súc bị đánh cắp và mùa màng thất thu, với cái

vẻ vũng vàng tự tin của một chúa đất lớn, giàu thiên ức vạn tài mà những chuyện phá hại đó bất quá chỉ làm phiền ông đến một năm là cùng. Ông Carê-Lamadông, bị tổn thất nặng trong nghề dệt, đã cẩn thận gửi sáu trăm ngàn quan sang nước Anh, làm món tích cốc phòng cơ⁽¹⁾, để đối phó với bất cứ hoàn cảnh nào. Còn về phần Loadô thì hẳn đã khéo thu xếp bán hết mọi thứ rượu vang hạng thường còn lại trong hầm rượu cho Sở Quân nhu Pháp, thành thử Nhà nước mang nợ hẳn một số tiền kếch xù mà hẳn nhắm tính sẽ lĩnh được ở Lor Havơ.

Và cả ba người đưa nhanh mắt nhìn nhau thân thiện. Tuy xuất thân khác nhau, họ đều cảm thấy là anh em vì đồng tiền, cùng ở trong cái hội tam điểm lớn⁽²⁾ những người có của, cứ thọc tay vào túi quần là vàng kêu lên xúng xoảng.

Xe đi chậm đến nỗi mười giờ sáng vẫn chưa qua được bốn dặm đường. Các ông ba lần phải xuống xe đi bộ để vượt những quãng đường dốc. Mọi người bắt đầu lo ngại, vì đã dự tính sẽ ăn sáng ở Tô-tơ, mà bây giờ thì khó có hy vọng tới được đấy trước khi trời tối. Ai nấy đều đang nhòm ngó tìm một quán rượu bên đường thì bỗng chiếc xe đâm vào một đồng tuyết, hai tiếng đồng hồ sau mới lòi được xe ra.

⁽¹⁾ Nguyên văn: một quả lê phòng khi khát.

⁽²⁾ Hội tam điểm: một hội kín.

Cái đói mỗi lúc một tăng làm rối loạn tâm trí; mà chẳng thấy bóng dáng một hàng quán, một người bán rượu nào hiện ra hết, vì bọn Phổ đang tới gần với những đoàn quân Pháp đói lả kéo qua đã làm cho mọi ngành mọi nghề đều hoảng sợ.

Các ông chạy đi kiếm thức ăn ở các trại áp bên đường, nhưng ngay đến bánh mì cũng chẳng tìm ra được. Người nông dân nghi kỵ đã cất giấu lương thực dự trữ, sợ bị cướp đoạt mất, vì đám quân lính chẳng có gì ăn thường cường bức lấy bữa bất cứ cái gì họ tìm thấy.

Vào khoảng một giờ tra, Loadô tuyên bố rằng quá tình hân thấy khá là đói. Mọi người cũng đều đói như hân từ lâu, và nhu cầu ăn luôn luôn thúc bách đã giết chết cả mọi chuyện trò.

Thỉnh thoảng có ai đó ngáp vặt; một người khác hầu như bắt chước liền, và ai nấy cứ lần lượt, tùy theo tính nết, trình độ lịch sự và địa vị xã hội của mình, mà há hốc mồm ra một cách âm ỉ hoặc khiêm tốn, bàn tay vội đưa lên che cái lỗ rộng toang hoác thở ra một làn hơi khói.

Viên Mỡ Bò đã nhiều lần cúi xuống, tựa hồ cô ta muốn tìm một cái gì dưới chân. Cô do dự một giây, nhìn những người ngồi bên, rồi lại an nhiên ngồi thẳng lên. Hết thấy các bộ mặt đều xanh nhợt và nhần nhố. Loadô quả quyết hân sẵn sàng trả một ngàn quan một cái giảm-bóng nhỏ. Vợ hân có một cử chỉ như muốn cự lại, nhưng rồi mụ cũng ngồi yên. Cứ nghe nói đến tiền bị phung phí, là mụ ta thấy đau khổ, và ngay đến nói đùa về vấn đề ấy mụ ta

cũng không hiểu nổi. Bá tước thì nói: "Sự thực thì tôi cũng thấy trong người khó chịu; làm thế nào mà tôi lại không nghĩ đến chuyện đem theo thức ăn nhỉ?". Ai cũng tự trách mình như thế.

Tuy nhiên, Cornuydê có một bình đầy rượu rom; y đem ra mời; mọi người lạnh lùng từ chối. Chỉ có Loadô nhấp vài giọt và, khi trao trả bình, hần cảm ơn: "Dù sao cũng là tốt, nó làm cho ấm người lên, và đánh lừa cái đói". Rượu vào hần đâm ra vui tính, và hần đề nghị làm như ở trên chiếc tàu nhỏ trong bài hát: là ăn thịt người hành khách béo nhất. Câu nói ấy gián tiếp ám chỉ Viên Mỡ Bò khiến những người có giáo dục thấy chối tai. Không ai đáp lại, chỉ riêng có Cornuydê là mỉm cười. Hai bà phước lúc này đã ngừng lăm bắm lẫn tràng hạt, và ngồi yên, hai bàn tay thọc sâu vào ống tay áo rộng, cố tình cúi nhìn xuống, ý hần đang dâng lên trời nổi đau khổ mà trời giáng xuống họ.

Sau cùng, đến ba giờ, xe đang đi giữa một cánh đồng mông mênh bất tận, chẳng thấy bóng một làng mạc nào trước mặt, Viên Mỡ Bò liền cúi ngay xuống, lúi ở gầm ghế ra một cái làn to, phủ một chiếc khăn ăn trắng.

Trước hết cô ta moi ở làn ra một chiếc đĩa xứ nhỏ, một cốc bạc xinh xắn, rồi đến một cái liễn sành rộng đựng hai con gà dồ đã chặt sẵn từng miếng, ướp một lớp mỡ đông; người ta trông thấy ở trong làn còn nhiều thứ ngon lành khác gói ghém cẩn thận, nào ba-tê, nào quả tươi, nào kẹo bánh, những thức ăn chuẩn bị cho một cuộc hành

trình ba ngày, để khỏi phải đựng đến món ăn các quán trọ. Giữa các gói thức ăn, thò ra bốn cái cổ chai. Cô ta cầm lấy một chiếc cánh gà và bắt đầu ăn nhỏ nhẹ với một chiếc bánh mì nhỏ, thứ bánh ở Normăngdi người ta vẫn gọi là bánh "Nhiếp chính".

Mọi con mắt đều đổ dồn vào cô ta. Rồi mùi thơm toả lên, làm các cánh mũi nở rộng, nước miếng ứa ra đầy miệng mọi người và quai hàm co lại nhưc nhối ở phía dưới tai. Lòng khinh bỉ của các bà đối với cô gái dĩ ấy trở nên dữ tợn, cơ hồ các bà muốn giết chết cô ta hay quăng cô ra khỏi xe, ném xuống tuyết cả cô ta lẫn chiếc cốc, cái làn và các thức ăn của cô.

Nhưng Loadô hau háu nhìn cái liễn đựng thịt gà. Hắn nói: "Hay quá, bà đây đã khéo lo xa hơn chúng tôi ấy có những người bao giờ cũng biết lo liệu chu đáo mọi chuyện". Cô ta ngẩng đầu lên nhìn hắn:

"Thưa ông, ông vui lòng xơi một chút chăng? Từ sáng đến giờ mà nhịn đói kể cũng gay". Hắn cúi đầu cảm ơn: "Quả tình, xin thú thực là tôi không dám từ chối, tôi không sao kham nổi nữa. Gặp thế nào hay thế ấy⁽¹⁾, phải không, thưa bà?". Và nhìn quanh mọi người một lượt, hắn nói tiếp: "Trong những bước như thế này, mà gặp được người giúp đỡ mình thì thật là dễ chịu. Sẵn có một tờ báo hắn liền trải ra để khỏi giây bẩn quần, rồi, với mũi con dao

⁽¹⁾ Nguyên văn: "Ra trận thì phải theo lối ở ngoài trận". Ý nói phải tùy cơ ứng biến, thích nghi với hoàn cảnh khó khăn.

lúc nào cũng nằm trong túi, hần xóc một chiếc đùi gà bóng nhẫy mỡ đông, lấy răng xé ra, rồi nhai, với một vẻ thoả mãn quá hiển nhiên, khiến trong xe nổi lên một tiếng thở dài thật náo nức.

Song Viên Mỡ Bò, với một giọng khiêm tốn và dịu dàng, mời hai bà phước cùng ăn lót dạ với cô. Cả hai bà nhận ngay lập tức và, không hề ngẩng mặt lên, bắt đầu ăn luôn rất nhanh sau khi áp úng lăm bắm mấy lời cảm ơn. Cornuydê cũng không từ chối lời mời của cô gái ngồi bên, và cùng với hai bà phước, họ trải rộng tờ báo lên đầu gối làm một thứ bàn ăn.

Mấy cái miệng hết há ra lại ngậm vào, nuốt, nhai, ngón lấy ngón để. Loadô ngồi trong một góc hoạt động rất mạnh và thì thầm bảo vợ hãy nên bắt chước mình. Mụ cố cầm cự hồi lâu rồi, sau một cơn đau quặn ruột gan, mụ ta đành chịu thua. Thế là, Loadô lựa lời thật ngọt ngào, lịch sự hỏi: "Bà bạn quý, có cho phép hần mời bà Loadô ăn tí chút được không". Cô ta nói: "Thưa ông, vâng; có chứ ạ!" với một nụ cười niềm nở, và chìa cái liên ra.

Khi mở đến chai rượu vang đỏ đầu tiên thì mọi người lúng túng: chỉ có mỗi một chiếc cốc. Họ bèn chuyển tay cho nhau sau khi chùi miệng cốc. Riêng có Cornuydê, ý hần để tỏ ra phong nhã lịch sự, nhấp môi ngay vào chỗ miệng cốc còn ướt vì môi cô gái ngồi cạnh.

Thế là, bị bao người đang ăn vây quanh, ngọt ngọt vì mùi thức ăn xông lên, vợ chồng bá tước Đơ Brêvin và ông bà Carê-Lamadông phải chịu cái tội cực hình ghê gớm xưa

nay vẫn được gọi là tội Tăngtan⁽¹⁾. Bỗng chốc bà vợ trẻ của ông chủ nhà máy thốt lên một tiếng thở hắt khiến mọi người phải quay đầu lại, mặt bà ta trắng bệch chẳng khác gì tuyết bên ngoài; hai mắt bà nhắm lại, đầu gục xuống; bà ta ngất đi, ông chồng hoảng hốt cầu cứu tất cả mọi người. Ai nấy đang hoang mang không biết làm thế nào thì bà phước có tuổi nhất đã nâng đầu người ốm lên, ghé miệng cốc của Viên Mỡ Bò vào môi bà Carê-Lamadông và đổ cho bà ta nuốt vài giọt rượu vang. Bà mệnh phụ xinh đẹp khẽ cựa mình, mở mắt ra, mỉm cười, và nói với một giọng là đi như sắp chết là giờ bà ta đã thấy dễ chịu nhiều. Nhưng, để cho chuyện đó khỏi tái diễn, bà phước bắt buộc bà ta phải uống hết một cốc đầy rượu vang đỏ và nói thêm: "Đó chỉ là vì đói thôi, chẳng phải chuyện gì khác đâu".

Thế là Viên Mỡ Bò đỏ mặt và lúng túng, nhìn bốn vị hành khách còn nhịn đói, ấp úng nói: "Trời ơi, giá tôi dám đường đột mời mấy quý ông quý bà đó". Cô ta im bất sợ lời xúc phạm chẳng, Loadô lên tiếng: "Ôi chà, trong những lúc như lúc này mọi người đều là anh em cả và phải giúp đỡ lẫn nhau. Nào thôi, các bà, xin đừng khách khí: các bà nhận lời đi, chứ còn gì nữa? Chưa chắc chúng ta có tìm ra được nhà để ngủ đêm không. Xe chạy thế này thì trưa mai cũng chưa đến được Tôơ đầu". Mọi người phân

⁽¹⁾ Trong thần thoại Hy Lạp, Tăngtan bị hành tội treo vào thân cây nặng trĩu quả, nhưng không với tới được; nước dâng lên gần miệng nhưng không uống được, trong khi y đói khát như cào cào ruột gan.

vân, không ai dám nhận cái trách nhiệm nói "vâng". Nhưng ông bá tước giải quyết ngay vấn đề. Ông ta quay lại phía cô gái to béo còn đang ngổ ngàng e sợ, và lấy cái vẻ đại gia quý tộc, nói với cô ta: "Thưa bà, chúng tôi xin nhận lời và chịu ơn bà".

Chỉ có bước đầu là khó. Vượt qua sông Ruybicông rồi⁽¹⁾, người ta cứ việc tự do thả cửa. Cái làn được dốc ra hết. Nó còn đựng một xúc ba-tê gan bọc mỡ, một cái chả chim⁽²⁾, một miếng lưỡi lợn sấy, mấy quả lê vùng Cratxanơ, một tảng pho mát Ông-Lêvêch, những bánh bỏ lò và một chén dĩa dưa chuột và hành ngâm dấm vì Viên Mỡ Bò, cũng như mọi phụ nữ, rất thích rau dưa sống.

Không thể cứ ăn thức ăn của cô mà không nói gì với cô. Thế là người ta trò chuyện, mới đầu còn dè dặt, rồi sau cởi mở hơn, vì thấy cô ta có thái độ rất đứng đắn. Hai bà Đơ Brêvin và Carê-Lamadông, vốn rất lịch thiệp, đã tỏ ra niềm nở tế nhị. Nhất là bà bá tước có cái vẻ hạ cố đáng yêu của các phu nhân đại quý tộc mà không một tiếp xúc nào có thể làm vấy bẩn, và bà đã tỏ ra dễ thương hết sức. Còn mục Loadô, tâm tính cục súc, thì vẫn lảm lì, nói ít mà ăn nhiều.

⁽¹⁾ Con sông nhỏ ngăn cách nước ý với xứ Gò lơ. Để bảo vệ thành La Mã, chống lại quân Gôlơ, Nguyên lão viện đã ra một quyết nghị nổi tiếng tuyên bố là phản quốc và nguyên rủa kẻ nào đem quân không kể nhiều ít, vượt qua sông đó Xêda coi khinh lệnh cấm ấy, vượt qua sông mà kêu lên: "Số phận đã quyết định!" Người ta thường nhắc lại lời nói này mỗi khi quyết định một điều gì táo bạo và quan trọng, sau nhiều do dự; hoặc nói "vượt qua sông Ruybicông" cũng là ngụ ý đó.

⁽²⁾ Nguyên văn: chả chim mauviettes tục danh của chim sơn ca béo nục.

Tất nhiên mọi người nói chuyện về chiến tranh. Họ kể những hành động khủng khiếp của bọn Phổ, những hành vi dã man của người Pháp; và tất cả bọn người đi trốn ấy đều tỏ lòng kính phục sự can đảm của người khác. Không mấy lúc người ta chuyển sang các câu chuyện riêng tư, và với một xúc động chân thành, với nhiệt tình trong lời nói mà đôi khi các cô gái điếm thường có để diễn đạt những kích động tự nhiên của mình. Viên Mỡ Bò kể lại cô đã bỏ Ruăng ra đi như thế nào: "Mới đầu tôi đã tưởng là tôi có thể ở lại được, cô nói. Nhà tôi đầy lương thực, và tôi muốn thà nuôi vài thằng lính còn hơn bỏ xứ sở mà đi chẳng biết nơi nào. Nhưng đến khi tôi trông thấy chúng, bọn Phổ ấy, thì thực tôi không chịu nổi. Chúng làm tôi điên tiết, và suốt ngày tôi cứ khóc vì tủi hổ. Ô! giả thử tôi là một người đàn ông, thì khỏi phải nói! Tôi đứng trong cửa sổ nhìn chúng, bọn lợn ý đội mũ chóp nhọn ấy, và cô ở nhà tôi cứ giữ chặt lấy tay tôi để ngăn không cho tôi quẳng đồ đạc vào đầu chúng. Rồi có những thằng vác mặt đến để ở nhà tôi, thế là tôi nhảy xổ ra bóp ngay cổ họng thằng đầu tiên. Bóp chết chúng cũng chẳng khó khăn gì hơn những thằng khác? Và nếu người ta không nắm tóc tôi lôi ra thì thằng ấy đã đi đời rồi. Sau đó tôi phải lần trốn. Cuối cùng, nắm được cơ hội, tôi đi liền, vì thế nên mới có mặt ở đây".

Mọi người khen ngợi cô rất nhiều. Cô càng được những người bạn đường quý trọng thêm, họ đã không tỏ ra gan dạ được như thế; và trong khi nghe cô Cornuydê giữ nguyên nụ cười tán thành và đại độ của nhà truyền đạo,

chẳng khác gì một linh mục nghe một người sùng tin ca ngợi Chúa, vì những nhà dân chủ râu dài vẫn giữ độc quyền về lòng yêu nước cũng như những người mặc áo thầy tu giữ độc quyền về tôn giáo vậy. Rồi đến lượt y nói với cái giọng thuyết giáo khoa trương học được ở những bản tuyên ngôn người ta vẫn dán hàng ngày trên tường, và y kết thúc bằng một thiên hùng biện trong đó y phết cho cái tên "Badanhghê"⁽¹⁾ chó má kia" một trận ra trò.

Nhưng Viên Mỡ Bò liền nổi giận vì cô theo phái Bônápac⁽²⁾. Mặt cô đỏ như gấc chín⁽³⁾ và lắp bắp không ra lời vì phẫn nộ. "À phải! Cứ để bọn các ông vào địa vị ông ta, coi thử xem. Rồi hay hóm đáo để ra đấy, đúng thế! Chính các ông đã phản bội ông ta! Nếu để cái đám lêu lổng chơi bời như các ông cai trị thì người ta chỉ còn có việc bán sỏi nước Pháp mà đi thôi!" Cornuydê không nao núng, vẫn giữ một nụ cười khinh khỉnh, bề trên; nhưng cảm thấy đôi bên sắp đến lúc nặng lời, ông bá tước vội xen vào và khó khăn lắm mới làm dịu được cô gái đang nổi khùng; ông tuyên bố một cách kẻ cả rằng tất cả mọi ý kiến thành thật đều đáng kính trọng. Song bà bá tước và bà chủ nhà máy, vốn mang sẵn trong tâm hồn lòng căm ghét mê muội của hạng người nề nếp đối với nền cộng hoà, và cái lòng quý mến tự nhiên của mọi phụ nữ đối với

⁽¹⁾ Badillguet: tên đặt cho Napoléon III (1803-1873), vua nước Pháp thời Đế chế thứ hai, từ 1852-1870.

⁽²⁾ Phái phục hưng đế chế.

⁽³⁾ Nguyên văn: đỏ hơn một quả anh đào.

những chính phủ bẽ thế và chuyên chế, hai bà tuy không thích, nhưng đều cảm thấy gần gũi cô gái điếm đầy tự trọng nọ, sao mà có những cảm nghĩ giống các bà đến thế.

Cái làn đã rộng tuếch. Mười miệng làm cho nó voi cạn đi cũng chẳng khó khăn gì; người ta còn tiếc rẻ sao nó chẳng được to hơn nữa. Chuyện trò vẫn tiếp tục hồi lâu, nhưng cũng nhạt dần đi đôi chút sau khi mọi người đã ăn xong.

Đêm buông xuống, bóng tối dần dần thêm dày đặc và cái lạnh càng thấy thấm thía hơn trong khi tiêu hoá, khiến Viên Mỡ Bò, mặc dù béo, cũng phải run lên. Bà Đơ Brévin bèn mời cô dùng cái lông ấp của mình, được thay than đã mấy lần từ sáng đến giờ, và cô nhận lời ngay, vì cô cảm thấy chân lạnh cứng. Các bà Carê-Lamadông và Loadô thì đưa lông ấp của mình cho hai bà phước.

Bác xà ích đã thấp đèn kính lên. Đèn soi sáng rực một làn hơi nước bốc lên trên bộ móng dầm mỡ hôi của đôi ngựa bên càng xe, và mặt tuyết hai bên đường hình như đang trải ra lần lần dưới ánh phản chiếu di động của ánh sáng đèn.

Chẳng còn nhìn rõ thấy gì trong xe nữa, nhưng đột nhiên có một cử động giữa Viên Mỡ Bò và Cornuydê; và Loadô, với con mắt soi mói vào bóng tối hình như thấy anh chàng rậm râu né mạnh người đi, tựa hồ bị một quả thui nên thân lạnh lẽo tống vào người.

Những đốm lửa nhỏ hiện ra trên đường, phía trước

mặt. Đó là Tô-tơ. Xe đã đi mười một giờ, cộng với hai giờ cho ngựa nghỉ bốn lần để ăn thóc, và lấy lại sức thế là mười ba giờ. Xe đi vào thị trấn dừng lại trước Khách sạn Thương mại.

Cửa xe mở ra. Một tiếng động quen thuộc làm mọi hành khách giật mình: đó là những tiếng vỗ gươm chạm xuống đất. Lập tức có tiếng một tên Đức thét lên câu gì đó.

Mặc dù xe đã đứng yên, chẳng một ai bước xuống, như thể sợ ra khỏi xe là bị giết chết. Rồi người đánh xe xuất hiện, tay cầm chiếc đèn kính đột nhiên rọi chiếu vào đến tận cùng xe hai dãy mặt người hoảng hốt, mồm há hốc và mắt trợn trừng vì ngạc nhiên và sợ hãi.

Đứng bên bác xà ích, giữa ánh sáng, là một tên sĩ quan Đức, một gã thanh niên cao lớn, hết sức mảnh dẻ và tóc vàng, bộ quân phục bó chặt lấy người như một cô gái mặc áo nịt chên, trên đầu đội lệch chiếc mũ lưỡi trai phẳng và bóng láng, khiến y giống anh hầu bàn ở một khách sạn Anh cát lợi. Bộ ria quá khổ của y, với những sợi ria dài thẳng đuột, cứ thừa dãn mãi ở hai bên và xe vút lại thành một sợi dọc nhất màu vàng, quá nhỏ, thành thử không nhìn thấy rõ nó dài tới đâu là hết, dường như nó đề lên hai bên mép, và kéo xệch má, in lên đôi môi một nếp nhăn trĩ xuống.

Y dùng tiếng Pháp vùng Andaxơ, giọng cứng nhắc mời các hành khách ra khỏi xe: "Quý ông, quý bà, các vị xuống xe đi chứ? "

Hai bà phước tuân lệnh đầu tiên với thái độ dễ bảo của các bà tu hành vốn quen chịu mọi sự phục tòng. Rồi đến ông bà bá tước, theo sau là vợ chồng ông chủ nhà máy, rồi đến Loadô vừa đi vừa đẩy mẹ vợ to béo đi trước. Vừa đặt chân xuống đất, hắn nói với tên sĩ quan: "Xin chào ông" vì thân trọng nhiều hơn là vì lễ phép. Tên Đức, hỗn xược như những kẻ oai quyền hống hách, chỉ nhìn hắn mà không đáp.

Viên Mỡ Bò và Cornuyđê tuy ngồi gần cửa xe nhưng bước xuống sau cùng, nghiêm trang và kiêu kỳ trước mặt quân thù. Cô gái to béo tự kiềm chế và giữ bình tĩnh; nhà dân chủ thì đưa bàn tay bị đất và hơi run run lên mân mê bộ râu dài hung đỏ. Họ muốn giữ gìn phẩm cách, vì họ hiểu rằng trong những cuộc gặp gỡ như thế này mỗi người đều phần nào đại diện cho người mình; và, cùng chung một nỗi bất bình đối với thái độ quá mềm dẻo của các bạn đồng hành, cô ta chỉ cố tỏ ra kiêu hãnh hơn đám đàn bà lương thiện ngồi bên, còn anh chàng kia thì cảm thấy mình cần phải tiếp tục cái sứ mệnh phản kháng đã bắt đầu từ lúc đi phá hoại đường sá.

Mọi người vào cả nhà bếp rộng của quán trọ, và tên Đức sau khi bắt đưa trình giấy thông hành do viên tướng tổng tư lệnh ký và trong đó có ghi tên tuổi, nhận dạng và nghề nghiệp của mỗi hành khách, y ngấm ngấm hồi lâu tất cả đám người này, so sánh từng người với những chỉ dẫn ghi trong giấy.

Rồi y đột ngột nói: "Được rồi", và biến mất.

Mọi người thở ra nhẹ nhõm. Ai nấy đều còn đói và đặt ngay bữa ăn tối. Cần phải mất nửa giờ mới dọn ăn được; và, trong khi hai cô hầu bàn ra vẻ chăm lo việc ấy, mọi người đi thăm các phòng ngủ. Tất cả các phòng đều nằm dọc theo một hành lang dài, tận cùng là một cửa kính trên có ghi "con số biết nói"⁽¹⁾.

Sau cùng, khi mọi người sắp sửa ngã vào bàn ăn thì chính chủ quán xuất hiện. Lão ta trước kia là một lái ngựa, người to béo, mắc bệnh hen, lúc nào cũng thở khò khè, giọng khản đặc, tiếng đờm suyễn rít trong cổ họng. Bố lão ta đã truyền lại cho lão cái tên Fonlängvi⁽²⁾.

Lão ta hỏi:

- Cô Elidabet Ruxê?

Viên Mỡ Bò giật mình quay lại:

- Tôi đây.

- Thưa cô, ngài sĩ quan Phổ muốn nói chuyện với cô ngay.

- Với tôi?

- Vâng, nếu cô đúng là Elidabet Ruxê.

Cô ta bối rối, suy nghĩ một giây, rồi nói dứt khoát:

- Có thể là thế, nhưng tôi không đi.

⁽¹⁾ Tức là phòng vệ sinh.

⁽²⁾ *Follenvie*: đọc lên cũng như *Folle envie*, có nghĩa là: thèm muốn điên rồ.

Chung quanh cô ta mọi người đều nhao cả lên, ai nấy đều bàn tán, đoán hiểu nguyên nhân của lệnh nọ. Ông bá tước lại gằn:

- Thưa bà, như thế là bà sai trái đấy, vì bà mà từ chối thì có thể đem lại những trở ngại lớn, không những cho bà, mà còn cho tất cả các bạn đồng hành của bà nữa. Không bao giờ nên cưỡng lại những kẻ mạnh hơn ta. Lời yêu cầu đó chắc không có gì nguy hiểm đâu: ý hẳn chỉ vì quên mọi thủ tục nào đó thôi.

Tất cả mọi người hòa theo ông bá tước, người ta van nài, người ta thúc giục, người ta quở trách cô, và cuối cùng người ta thuyết phục được cô, vì tất cả đều lo sợ những chuyện rắc rối có thể xảy ra vì một hành động liều lĩnh. Rút cục cô ta nói:

- Chỉ vì các ông, các bà mà tôi đi đấy thôi!

Bà bá tước cầm lấy tay cô:

- Và vì thế chúng tôi xin cảm ơn bà.

Cô ta đi ra. Mọi người đợi cô để ngồi vào bàn ăn. Ai nấy đều lấy làm buồn bực đã không được gọi lên hỏi thay cho cô gái tợn tạo và nóng nảy ấy, và thậm chuẩn bị sẵn những lời khúm núm phòng trường hợp đến lượt mình bị gọi chẳng.

Nhưng mười phút sau cô ta đã trở về, thở hổn hển, mặt đỏ gay, tức uất người. Cô lúng búng: "Ồ quân chó má! Quân chó má!"

Mọi người xúm lại hỏi chuyện, nhưng cô không nói gì hết, và sau ông bá tước cứ gặng mãi, cô trả lời một cách rất nghiêm trang: "Không, việc này không liên quan gì đến các ông, các bà, tôi không thể nào nói được".

Thế là mọi người ngồi quây vào chung quanh một liễn xúp thơm nức mùi bắp cải. Mặc dầu có chuyện đáng lo nghĩ ấy, bữa ăn cũng vui vẻ. Rượu táo ngon, nên vợ chồng Loadô và hai bà phuốc dùng rượu táo, để tiết kiệm. Những người khác gọi rượu vang.

Cornuydê thì đòi bia. Y có một lối đặc biệt mở nút chai, làm cho bia sủi bọt, nghiêng cốc nhìn, rồi nâng cốc lên soi qua đèn và thưởng thức kỹ màu sắc. Khi y uống, bộ râu rậm của y - nó vẫn giữ cái màu vẽ của món giải khát y ưa chuộng - dường như trĩu mền rung lên, mắt y không ngừng theo dõi chiếc cốc vại đến thành lác trật, và trông y có vẻ như đang thực hiện cái chức năng duy nhất của đời y. Tưởng chừng như y đang xác lập trong đầu óc một sự kết hợp và hầu như một khối tương quan giữa hai thú say mê lớn choán hết cả cuộc đời y: rượu bia Palơ - Alơ và cách mạng, và chắc chắn là y không thể nào thưởng thức thứ này mà không nghĩ đến thứ kia.

Vợ chồng lão Fonlângvi ngồi ăn ở mãi tận cuối bàn. Lão ta thở phì phò như một đầu máy xe lửa vỡ ngực khò khè mạnh quá nên không thể nào vừa ăn vừa nói được, nhưng vợ lão không chịu im miệng lúc nào. Bà ta kể lể mọi cảm tưởng của mình khi bọn Phổ đến, nào chúng làm gì, nào chúng nói gì, bà ghét cay ghét đắng chúng trước

hết vì chúng làm cho bà tổn của, và sau nữa là vì bà có hai con trai tại ngũ. Bà hay hỏi chuyện bà bá tước nhất, thích thú được chuyện trò với một vị phu nhân cao quý.

Rồi bà ta hạ thấp giọng để nói những chuyện tế nhị, và ông chồng thỉnh thoảng lại ngắt lời bà: "Im mồm đi thì hơn, bà Fonlängvi ạ". Nhưng bà chẳng để ý gì đến lời chồng, và cứ nói tiếp:

- Vâng, thưa bà, cái quân ấy chỉ có ăn khoai tây và thịt lợn, và rồi lại thịt lợn và khoai tây. Và đừng có tưởng rằng chúng sạch sẽ gì đâu! Ô, không! Nói vô phép bà chứ, chúng bày bừa ra khắp mọi chỗ. Và giá bà trông thấy chúng tập tành hết giờ này sang giờ khác và hết ngày này sang ngày khác, chúng ra tất cả ngoài cánh đồng kia kìa: nào tiến lên, nào lùi xuống, nào quay đằng này, nào quay đằng nọ. Chẳng thà là chúng đi xới đất, giẫm giột, hoặc là chúng làm đường sá ở đất nước chúng! Nhưng không, thưa bà, cái bọn lính tráng ấy, thật chẳng được tích sự gì cho ai hết! Tôi cho người dân đáng thương cứ phải nuôi chúng để chúng chỉ học đọc có một trò giết chóc. Tôi chỉ là một cụ già vô học thật đấy, nhưng trông thấy cứ giẫm chân đến nhọc thân xác bỏ hơi tai suốt từ sáng đến tối thì tôi tự bảo: Trong khi có những người phát minh bao nhiêu thứ để thành người hữu ích, sao lại có những kẻ tốn công tốn sức để đi gây tội hại thế? Quả thật, giết người, dù là người Phổ, hay người Anh, hay người Ba Lan, hay người Pháp đi nữa, chẳng phải là một chuyện gớm ghiếc hay sao? Nếu mình báo thù một kẻ nào đó đã hãm hại mình thì đó là việc xấu, vì mình bị kết tội, nhưng khi họ dùng súng ống

giết con chúng ta như đi săn chim, săn thú thì lại là chuyện tốt, vì người ta chẳng ban thưởng huy chương cho kẻ nào giết được nhiều người nhất đó ư? Không, bà có thấy chẳng, chẳng bao giờ tôi hiểu nổi điều đó!

Cornuyêl lên tiếng:

- Chiến tranh là một sự dã man khi người ta đánh một người láng giềng đang sống yên lành, nhưng khi ta bảo vệ Tổ quốc thì đó là một bổn phận thiêng liêng.

Bà già cúi đầu:

- Vâng, khi phải tự vệ thì đó là chuyện khác, nhưng các vua chúa gây ra chiến tranh để thoả ý thích của họ, sao người ta không giết chết họ đi có phải hơn không?

Mắt Cornuyêl sáng lên:

- Hoan hô, nữ công dân! Y nói.

Ông Carê - Lamadông suy nghĩ rất lung. Mặc dầu ông là kẻ cuồng nhiệt tôn sùng các tướng suý lừng lẫy chiến công, lương tri của bà con nông dân này làm ông nghĩ rằng ngân ấy cánh tay nhàn rồi, vì vậy trở nên tốn kém, ngân ấy sức lực cứ để trong tình trạng không sản xuất, ví thử đem dùng cả vào những công trình công nghiệp lớn cần phải hàng thế kỷ mới hoàn thành thì sẽ làm cho một nước thịnh vượng biết chừng nào!

Nhưng Loadô rời chỗ ngồi, đi lại nói chuyện thầm thì với chủ quán. Lão to béo phá ra cười, phát ho và khạc nhổ, cái bụng to tướng của lão cứ khoái trá rung lên vì những

câu nói đùa của ông bạn ngồi bên, và lão đặt mua ngay của hán sáu thùng nhỏ rượu vang đỏ cho vụ xuân, khi nào bọn Phổ cuốn xéo.

Ai nấy đều mỗi một rã rời cả nên bữa tối vừa xong, mọi người đi ngủ ngay. Nhưng Loadô, vì đã để tâm quan sát mọi chuyện nên sau khi đưa vợ đi nằm, liền lúc thì áp tai, lúc thì dán mắt vào lỗ khoá để cố khám phá cho ra cái mà hán gọi là: "Những bí mật của hành lang".

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, hán nghe có tiếng sột soạt vội liếc mắt thật nhanh và thấy Viên Mỡ Bò trông càng thêm mập mạp trong chiếc áo choàng Casomia màu lam viền đăng ten trắng. Cô ta cầm một đĩa đèn nến và đi về phía "con số lớn"⁽¹⁾ ở cuối hành lang. Nhưng có một cánh cửa bên hế mở ra, và vài phút sau khi cô ta trở lại thì Cornuydê đã cởi bỏ áo ngoài, đi theo cô ta liền. Hai người thì thâm vối nhau, rồi họ dừng lại. Hình như Viên Mỡ Bò kịch liệt chống cự không cho Cornuydê vào phòng mình. Tiếc thay cho Loadô không nghe rõ nhưng cuối cùng vì họ cất giọng lên, hán ta cũng lồm bồm được vài câu Cornuydê ra sức khấn nài. Y nói:

- Kìa, cô ngốc thật, chuyện đó có làm cô mất gì đâu cơ chứ?

Cô ta có vẻ tức giận và trả lời:

- Không, anh ạ, có những lúc không thể làm được chuyện ấy, với lại, ở đây, làm thế sẽ là một điều sỉ nhục.

⁽¹⁾ Cũng có ý nghĩa như "con số biết nói", xem chú thích ở phần trước.

Ý hẳn y không hiểu, nên y hỏi tại sao. Thế là cô ta nói nóng, càng nói to hơn:

- Tại sao? Anh không hiểu tại sao à? Trong khi bọn Phở ở ngay trong nhà, không biết chúng ở ngay phòng bên cạnh ư?

Y im bật. Cái liêm sỉ yêu nước của cô gái diêm không chịu để cho người ta ân ái bên quân thù chắc hẳn đã thức tỉnh cái phẩm cách đang suy nhược của y nên sau khi chỉ ôm hôn cô ta thôi, y lại len lén bước nhẹ trở về phòng mình.

Loadô, bị kích thích mạnh, rời bỏ lô khoá, nhảy cồm lên trong buồng, rồi chụp mũi ngủ vào đầu, nhấc tấm chăn lên, bên dưới nằm sòng sọc bộ thân xác cứng đơ của vợ hắn, mà hắn vừa đánh thức dậy bằng một cái hôn vừa thâm thì hỏi: "Em có yêu anh không, em yêu quý?".

Thế rồi cả ngôi nhà trở nên yên lặng. Nhưng không mấy chốc bỗng nổi lên ở đâu đấy, về một phía nào không rõ, có thể là ở dưới hầm rượu mà cũng có thể là trên gác xếp, một tiếng ngáy rất to, đơn điệu đều đều một thứ tiếng âm ỉ và kéo dài, rung lên như nổi súp de đang tức hơi. Lão Fonlăngvi ngủ.

Vì mọi người đã định tám giờ sáng hôm sau thì lên đường nên tất cả đều có mặt trong nhà bếp, song chiếc xe, tuyết phủ đầy mũi và thành một cái mái, vẫn đứng trơ trọi giữa sân, chẳng thấy ngựa mà cũng chẳng thấy người đánh xe đâu cả. Đi tìm trong các chuồng ngựa, trong buồng cỏ,

trong nhà xe cũng không thấy bác ta. Thế là cánh nam giới quyết đi lùng khắp trong vùng, và họ ra phố. Họ tới quảng trường, phía cuối quảng trường là nhà thờ và hai bên là những căn nhà thấp ở đây thấy có những tên lính Phổ. Tên thứ nhất họ trông thấy đang gọt khoai. Xa quá tí nữa, tên thứ hai, đang cạo rửa cửa hiệu hớt tóc. Một tên khác, râu ria xồm xoàm lên tới mắt, thì ẵm một đứa trẻ đang khóc và dùng đưa nó trên đầu gối cố làm cho nó nín, các bà nông dân to béo, mà chồng đều "ở quân đội đi đánh nhau", ra hiệu chỉ cho những kẻ chiến thắng ngoan ngoãn của họ hiểu công việc phải làm: bổ củi, dầm bánh mì vào xúp, xay cà-phê, một tên trong bọn lại còn giặt cả quần áo cho bà chủ nhà nữa, một bà cụ già lão tàn tật.

Ông bá tước ngạc nhiên hỏi ông bố ở nhà chung đi ra. Ông già ngoan đạo trả lời: "Ồ, những đứa này thì không ác: theo như người ta nói thì chúng không phải là quân Phổ. Chúng ở xa hơn kia, tôi không rõ là ở đâu, và chúng đều bỏ vợ con ở lại quê hương, cái trò chiến trận chúng chẳng thích thú gì đâu, thật đấy! Tôi chắc là ở bên ấy họ cũng khóc nhớ người đàn ông ra đi, và chiến tranh cũng sẽ gây cực khổ ra trò cho bên họ cũng như bên mình. Ở đây, được cái hiện giờ mọi người cũng chưa đến nỗi khổ quá vì chúng không làm điều gì ác hại, và chúng lao động cũng như ở nhà chúng vậy. Ông xem đấy, giữa những người nghèo khổ, cũng phải giúp đỡ nhau chứ... Chỉ có những ông lớn là đánh nhau thôi".

Cornuydê bất bình vì thấy có sự liên minh thân thiện giữa những kẻ thắng và kẻ bại, rút lui ngay, về ngôi trong

nhà trọ. Loadô nói một câu pha trò: "Chúng làm cho dân cư đông đúc lại đây". Ông Carê-Lamadông thì nói một câu trịnh trọng: "Chúng chuộc lỗi". Nhưng vẫn không thấy bác xà ích đâu. Sau cùng mới tìm ra bác ta ở quán cà-phê trong làng, chén chú chén anh với người lính hầu của tên sĩ quan. Ông bá tước cự:

- Chúng tôi đã ra lệnh cho bác thắng xe để đi tám giờ kia mà?

- À, phải rồi, nhưng sau đó tôi lại nhận được một lệnh khác.

- Lệnh gì?

- Là chẳng thắng xe thắng xiếc gì hết.

- Ai ra lệnh ấy cho bác?

- Ông tư lệnh Phổ, chứ còn ai.

- Tại sao?

- Nào tôi biết! Ông đi mà hỏi ông ấy. Người ta cấm tôi thắng xe thì tôi không thắng. Như vậy đấy.

- Chính ông ta đã bảo bác thế à?

- Không, thưa ông, đó là lão chủ quán truyền lại lệnh của ông ta cho tôi.

- Bao giờ?

- Đêm qua, lúc tôi sắp đi ngủ.

Ba người quay về, rất lo lắng.

Họ yêu cầu gặp lão Fonlăngvi, nhưng chị người ở đáp vì chúng hen, chẳng bao giờ lão ta dậy trước mười giờ. Lão lại còn cấm tiệt không được đánh thức lão dậy sớm, trừ phi cháy nhà.

Họ muốn gặp tên sĩ quan nhưng điều đó thì tuyệt đối không thể được, mặc dầu y ở ngay trong nhà trọ. Chỉ có một mình lão Fonlăngvi là được phép nói chuyện với y về mọi việc dân sự. Thế là họ phải đợi. Các bà lại trở về phòng và làm những việc phù phiếm cho qua giờ.

Cornuydê ngồi vào chỗ lò sưởi cao của nhà bếp, lửa cháy đỏ rực. Y đã gọi mang tới đây một chiếc bàn con của quán rượu với một chai bia; và y rút tẩu thuốc, cái tẩu được các nhà dân chủ vì nể gần ngang với y tựa hồ nó phục vụ Cornuydê là đã phục vụ Tổ quốc vậy. Chiếc tẩu rất đẹp, bằng đá bọt, cặn thuốc bám rất đều, cũng đen như răng chủ nó, nhưng mà thơm, uốn cong, bóng nhoáng, quen thuộc với bàn tay y, và bổ sung cho diện mạo y. Y ngồi yên lặng, mắt đăm đăm khi thì nhìn lửa, khi thì nhìn cái vành bọt bia trong chiếc cốc vại, và cứ mỗi lần uống xong, y lại lùa những ngón tay gầy guộc vào mớ tóc dài bóng nhẫy với một vẻ khoái trá, mũi hít hít bộ ria mép viền bọt bia.

Loadô, lấy cớ là để cho khỏi cuống cắng, đi đến các nhà bán rượu lẻ trong vùng chào bán rượu vang. Bá tước và ông chủ nhà máy xoay ra nói chuyện chính trị. Họ dự đoán về tương lai nước Pháp. Một người tin tưởng ở dòng họ Orlăng, người kia tin tưởng vào một vị cứu tinh vô

danh, một vị anh hùng mãi đến lúc mọi sự đều tuyệt vọng mới xuất đầu lộ diện: một Duy Ghetxelan⁽¹⁾ một Jan Đac⁽²⁾ không biết chừng? hay một Napôlêông đệ nhất khác? Ô! Giá thử hoàng thái tử không đến nỗi còn mãng sữa như vậy! Cornuyđê nghe họ nói chuyện, mỉm cười ra vẻ con người hiểu biết vận mệnh chung sẽ ra sao. Tẩu thuốc của y toả khói thơm nức nhà bếp.

Khi mười giờ đã điểm, lão Fonlăngvi xuất hiện. Mọi người vội vã hỏi lão, nhưng lão chỉ có thể nhắc đi nhắc lại hai ba lần, không sai một chữ, mấy lời như sau: "Ngài sĩ quan bảo tôi thế này: Ông Fonlăngvi, ông sẽ cấm không cho xe của bọn hành khách ấy thắng ngựa sáng mai. Tôi không muốn họ ra đi mà không có lệnh của tôi. Ông hiểu chứ? Thế là đủ".

Mọi người liền muốn gặp tên sĩ quan. Bá tước gửi danh thiếp của ông lên cho y, trên đó ông Carê-Lamadông ghi thêm tên với tất cả mọi chức vị của mình. Tên Phổ cho người trả lời rằng y sẽ cho phép hai người được nói chuyện với y khi nào y ăn xong bữa sáng, nghĩa là vào khoảng một giờ.

Các bà lại ra mặt và mặc dầu lo sợ, ai nấy cũng ăn qua chút ít. Viên Mỡ Bò có vẻ ốm và hết sức bối rối.

Uống xong cà phê thì tên lính hầu đến tìm hai ông.

⁽¹⁾ Du Guesclin (1320-1380): một tướng lĩnh Pháp, nổi tiếng đã đánh đuổi quân xâm lăng Anh.

⁽²⁾ Jeanne d'Arc (1412-1431): nữ anh hùng Pháp chống quân Anh ngoại xâm, sau bị chúng bắt và thiêu sống

Loadô nhập bọn với họ. Muốn cho cuộc vận động thêm phần trang trọng, họ cố lôi kéo Cornuydê, nhưng y kiêu hãnh tuyên bố nhất định không bao giờ muốn có quan hệ gì với bọn Đức hết và y lại ngồi vào chỗ bên cạnh lò sưởi, gọi một chai bia khác.

Ba người lên gác và được đưa vào căn phòng đẹp nhất của nhà trọ. Tên sĩ quan tiếp họ ở đây, nằm ngả người trên một chiếc ghế bành, chân gác lên lò sưởi miệng ngậm tẩu thuốc dài bằng sứ, mình mặc một chiếc áo ngủ đỏ rực, chắc là xoáy trong nhà bỏ trống của một thị dân róm nào đó. Y không đứng dậy, không chào họ, không nhìn họ. Y thể hiện một kiểu mẫu tuyệt vời về thói thô bạo đương nhiên của kẻ nhà binh đắc thắng.

Mãi một lúc lâu y mới nói :

- Các ông muốn gì?

Ông bá tước lên tiếng:

- Thưa ngài, chúng tôi muốn lên đường.

- Không.

- Tôi xin mạn phép hỏi ngài có thể cho biết lý do vì sao được không ạ?

- Bởi vì tôi không muốn.

Thưa ngài, tôi xin kính cần lưu ý ngài rằng đại tướng tổng tư lệnh của ngài đã cấp cho chúng tôi giấy thông hành đi Dieppơ, và tôi nghĩ chúng tôi chưa hề làm điều gì đáng để ngài khe khát.

- Tôi không muốn... có thể thôi... Các ông có thể đi xuống.

Sau khi cùng cúi chào, cả ba người rút lui.

Buổi chiều thật thê thảm. Họ chẳng hiểu tại sao tên Đức lại có cái ý bất chợt ấy, và những ý nghĩ kỳ quặc làm rối loạn đầu óc họ. Mọi người ngồi cả trong bếp, bàn cãi mãi, tưởng tượng ra những chuyện vô lý. Có lẽ y muốn giữ họ làm con tin - nhưng nhằm mục đích gì? - hoặc đưa họ đi cầm tù? hay là đòi hỏi họ một số tiền chuộc lớn? Nghĩ như vậy họ đâm hoảng. Những người giàu có nhất là những người sợ hãi nhất, chưa chi đã thấy mình bắt buộc phải nộp những túi đầy vàng vào tay tên lính láo xược này để chuộc tính mạng. Họ cố moi óc tìm những câu nói dối tạm nghe được để che giấu của cải, làm ra bộ nghèo, rất nghèo. Loadô tháo đồng hồ, giấu vào trong túi. Trời đổ tối, càng tăng thêm những nỗi lo sợ. Đèn thấp lên, và còn hai tiếng đồng hồ nữa mới đến bữa ăn, mục Loadô đề nghị chơi bài ba mươi mốt⁽¹⁾. Đó là một cách giải trí. Mọi người nhận lời. Ngay cả Cornuydê, sau khi dụi mắt thuốc đi vì lịch sự, cũng tham dự.

Ông bá tước trang bài, rồi chia. Viên Mỏ Bò được ngay ba mươi mốt, và không mấy chốc thú chơi bài mê mải cũng làm cho nỗi lo sợ ám ảnh mọi tâm trí dịu bớt đi.

⁽¹⁾ Một loại bài lá, có 52 quân bài, mỗi quân có số điểm nhất định, ai được số điểm gần 31 nhất hay đúng 31 là được, quá 31 hỏng.

Nhưng Cornuydê nhận thấy vợ chồng nhà Loadô thông đồng với nhau để chơi gian.

Lúc mọi người sắp ngồi vào ăn thì lão Fonlăngvi lại xuất hiện, và hỏi bằng cái giọng khò khè đờm trong cổ: "Ngài sĩ quan Phổ cho hỏi xem cô Elidabet Ruxê đã thay đổi ý kiến chưa?"

Viên Mỡ Bò vẫn đứng đó, mặt tái nhợt rồi đột nhiên đỏ gay lên, cô tức uất đến nỗi nghẹn không nói được nữa. Sau cùng cô nổ ra: "Ông hãy bảo cái thằng chó chết, cái thằng thổ tả, cái thằng Phổ thôi tha ấy, rằng không đời nào, không đời nào, không đời nào!".

Lão chủ quán béo phệ đi ra. Mọi người liền vây lấy Viên Mỡ Bò, hỏi han, nài nỉ cô nói rõ ra câu chuyện bí mật khi cô đi gặp tên Đức. Mới đầu cô còn cương, nhưng không mấy chốc sự tức giận đã lôi kéo cô: "Nó muốn gì?... nó muốn gì à?... nó muốn ngủ với tôi!". Cô hét lên. Không ai thấy câu nói ấy là chối tai, vì mọi người đều phản nộ. Cornuydê dẫn mạnh chiếc cốc vại xuống bàn, làm chiếc cốc vỡ tan. Tiếng la ó nổi lên âm ỉ, phỉ nhổ cái tên lính bỉ ổi ấy thật là cả một luồng nộ khí, một sự đoàn kết chặt chẽ giữa mọi người để phản kháng, tựa hồ người ta đã yêu cầu mỗi người phải góp một phần vào sự hy sinh đòi hỏi ở cô gái. Bá tước ghê tởm nói rằng bọn ấy hành động như những kẻ dã man thời cổ. Đặc biệt các bà có một thái độ mạnh mẽ và trù mến thông cảm với Viên Mỡ Bò. Hai bà phúc, chỉ đến bữa ăn mới có mặt, thì cúi đầu xuống chẳng nói chẳng rằng.

Tuy nhiên, mọi người cũng ăn bữa tối, khi sự tức giận ban đầu đã dịu, nhưng ai nấy đều suy nghĩ, ít nói.

Các bà lui về phòng sớm, còn các ông, trong khi hút thuốc bày ra chơi bài các-tê và mời lão Fonlängvi cùng chơi, có ý muốn hỏi khéo lão xem có cách nào khắc phục được thái độ khăng khăng của tên sĩ quan không. Nhưng lão chỉ nghĩ đến bài, chẳng nghe gì hết, chẳng đáp gì hết, và lão không ngớt nhắc đi nhắc lại: "Để ý vào bài, các vị để ý vào bài". Sự chăm chú của lão càng thẳng đến nỗi lão quên cả khạc nhổ, thành thử đôi khi vì thế trong ngực khô khè những nốt nhạc rất dài. Hai lá phổi của lão réo lên, phát ra đầy đủ giai điệu của chúng hen, từ những tiếng trầm và sâu đến những tiếng khàn khàn the the của gà trống non học gáy.

Thậm chí khi vợ lão buồn ngủ rũ, đến tìm lão, lão cũng không chịu lên gác nữa. Thế là bà ta đi lên một mình, vì bà thiên về "buổi sớm", bao giờ cũng dậy khi mặt trời mọc, còn đức ông chồng thì thiên về "buổi tối", bao giờ cũng sẵn lòng thức thâu đêm với bạn hữu. Lão ta nói to bảo vợ: "Mình đặt hăm cốc trứng đường của tôi lên bếp nhé" và lại tiếp tục chơi bài. Khi thấy rõ chẳng thể nào moi được ở lão ta điều gì, mọi người bèn tuyên bố đã đến lúc giải tán, và ai nấy đi ngủ.

Sáng hôm sau, họ cũng lại dậy khá sớm với một hy vọng mơ hồ, một ý muốn đi mạnh hơn, một nỗi khiếp sợ phải kéo thêm một ngày đằng đẳng ở cái quán trọ nhỏ kinh khủng này.

Hỡi ôi! Ngựa vẫn ở trong chuồng, người đánh xe chẳng thấy mặt đâu. Vô công rồi nghề, họ đi vợ vẫn chung quanh xe.

Bữa ăn sáng thật buồn rười rượi, và ai nấy cơ hồ lạnh nhạt đối với Viên Mỡ Bò, vì ban đêm giúp cho đầu óc thêm sáng suốt đã thay đổi ý nghĩ của mỗi người đi chút ít. Bây giờ người ta hầu như bức tức với cô gái đi ấy, vì nổi đã không chịu lên đi gặp thằng Phở, để cho các bạn đồng hành sáng dậy được một sự ngạc nhiên thú vị. Còn gì đơn giản hơn nữa? Mà có ai biết chuyện ấy đâu cơ chứ? Để vớt vát sĩ diện, cô ta có thể cho nói với tên sĩ quan rằng cô động lòng thương hại tình cảnh khốn đốn của họ. Đối với cô ta cái đó có quan trọng gì mấy?

Nhưng chưa ai thổ lộ những ý nghĩ ấy ra vội.

Buổi chiều, ai nấy đều ngán ngẩm, ông bá tước bèn đề nghị một cuộc đi chơi trong làng. Người nào cũng mặc áo ấm cẩn thận, và cả cái đám người ấy ra đi, chỉ trừ có Cornuydê, ung ngồi bên lửa hơn, và cả hai bà phước, suốt ngày ở nhà thờ hay ở nhà cha xứ.

Cái rét, càng ngày càng buốt, đâm nhói dữ dội vào mũi, vào tai, chân tê buốt đến nỗi mỗi bước đi là một sự đau đớn, và khi cánh đồng què hiện ra thì họ thấy nó thê lương quá đổi dưới một màu trắng mênh mông vô tận, thành thử mọi người quay trở về ngay, tâm hồn giá lạnh, và lòng se lại.

Bốn người đàn bà đi trước, ba người đàn ông theo sau, cách nhau hơi xa chút ít.

Loadô hiểu biết tình thế, đột nhiên lên tiếng hỏi, không biết "con đi" ấy liệu có còn bắt họ phải ở lại một nơi như thế này lâu nữa không. Ông bá tước, bao giờ cũng nhã nhặn, nói không thể nào bắt một người đàn bà phải chịu một sự hy sinh nặng nề như vậy và cái đó phải do chính cô ta tự nguyện. Ông Carê-Lamadông nhận xét rằng nếu quân Pháp, như đang có tin đồn đại, quay lại phản công qua Dieppe thì hai bên chỉ có thể đụng nhau ở Tôrơ thôi. Điều suy nghĩ ấy khiến hai ông kia lo lắng. "Hay ta đi bộ mà bỏ trốn" Loadô nói. Bá tước nhún vai: "Ông nghĩ thế được, dưới trời tuyết này? với các bà nhà à? và rồi ta sẽ bị đuổi theo ngay, chỉ trong mười phút là sẽ bị bắt lại và bị lôi về cầm tù cho bọn lính tha hồ hành hạ". Cái đó đúng: mọi người nín lặng.

Các bà thì nói chuyện ăn mặc, nhưng dường như có một sự gượng ép nào đấy chia rẽ họ.

Bổng tên sĩ quan xuất hiện ở đầu phố. Trên mặt tuyết mênh mông đến tận chân trời, y in rõ cái thân hình cao lớn lưng ong, mặc quân phục, và đi dạng hai đầu gối theo kiểu đi đặc biệt của bọn nhà binh cố giữ cho khỏi vấy bẩn đôi ủng đánh xi rất kỹ.

Y nghiêng mình chào khi đi qua các bà, và ngạo nghễ nhìn đám đàn ông, được cái các ông cũng biết giữ phẩm cách không ngả mũ, tuy Loadô thoáng có cử chỉ muốn bỏ mũ ra.

Viên Mỡ Bò đỏ mặt lên đến tận mang tai: còn ba bà có chồng thì cảm thấy nhục nhã quá phải chạm trán với

tên lính ấy, trong lúc đang đi với cô gái đã bị y đối xử một cách sống sượng đến thế.

Thế là các bà nói chuyện về y, về điệu bộ và khuôn mặt y. Bà Carê-Lamadông vốn quen biết nhiều sĩ quan và nhận xét họ ra người sành sỏi, thấy y chẳng có gì là khó coi hết, bà còn lấy làm tiếc sao y lại không phải là người Pháp, y có thể là một tay khinh kỵ rất điển trai, mà tất cả các bà hẳn sẽ cứ là mê tít.

Về đến nhà rồi, họ chẳng còn biết làm gì nữa. Thậm chí nói những chuyện không đâu vào đâu mà cũng có những lời qua tiếng lại cay chua. Bữa ăn tối lặng lẽ kết thúc rất chóng, rồi ai nấy lên buồng đi nằm, hy vọng ngủ được để giết thì giờ.

Hôm sau ở trên gác xuống, mọi người đều mặt mày phờ phạc, trong lòng bực tức. Các bà hầu như chẳng buồn nói chuyện với Viên Mỡ Bò nữa.

Một tiếng chuông ngân lên. Đó là chuông báo lễ rửa tội. Cô gái béo mập có một đứa con gửi nuôi ở nhà nông dân tại Yvotô. Hàng năm cô chẳng đi thăm nó được một lần, và cũng chẳng nghĩ đến chuyện ấy bao giờ, nhưng ý nghĩ về đứa bé mà người ta sắp rửa tội chợt khiến cô tranh lòng, và nhất định đi dự buổi lễ cho kỳ được.

Cô vừa đi xong, mọi người liền nhìn nhau, rồi ai nấy nhích ghế lại, vì họ đều cảm thấy rõ cuối cùng rồi cũng phải quyết định một cái gì. Loadô nảy ra một ý kiến: hẳn nghĩ nên đề nghị với tên sĩ quan chỉ giữ lại một mình Viên Mỡ Bò, còn cho các người khác đi.

Lão Fonlăngvi lại đảm nhận việc uỷ thác ấy, nhưng chưa mấy chốc lão đã quay xuống ngay. Tên Đức vốn biết rõ bản chất con người, đã tổng lão ra cửa. Y nhất định giữ cả mọi người ở lại, chừng nào ý muốn của y chưa được thoả mãn.

Thế là tính khí hạ lưu của mục Loadô bùng nổ: "Chẳng lẽ chúng ta lại chết già ở đây sao. Nghề của cái con khốn nạn ấy là làm việc đó với tất cả mọi người, tôi thấy nó chẳng có quyền ưng người này, từ chối người khác. Tôi xin hỏi các vị, cái của ấy đã vợ vào bất cứ ai ở Ruăng, cả đến những thằng đánh xe. Vâng, thừa bà cả thằng đánh xe của toà quận trưởng. Tôi, tôi biết rõ lắm, hẳn mua rượu vang ở nhà tôi mà. Ấy thế mà bây giờ cần đưa chúng ta ra khỏi bước lúng túng, thì cái con thổ tả ấy lại còn ông ẹo! Tôi, thì tôi thấy ông sĩ quan ấy xử sự rất đứng đắn. Có lẽ ông ta bị thiếu thốn đã lâu ngày, ở đây có ba chúng mình mà chắc chắn ông ta phải ưng hơn. Nhưng không, ông ta chỉ chọn cái con của chung cho thiên hạ. Ông ta tôn trọng đàn bà có chồng. Các bà thử nghĩ xem, ông ta là chúa tể. Ông ta chỉ cần nói: "Tôi muốn" là có thể cho quân lính dùng võ lực mà bắt buộc chúng mình được lắm chứ".

Hai bà kia khẽ rùng mình. Đôi mắt của bà Carê-Lamadông xinh đẹp sáng lên, và bà hơi tái mặt đi tựa hồ như đã cảm thấy tên sĩ quan dùng võ lực cưỡng bức bà.

Phía các ông, đang bàn lẽ, ngồi cụm lại với nhau. Loadô tức tối, những muốn trối gô cái "con khốn nạn ấy lại đem nộp cho kẻ thù. Song bá tước, dòng dõi ba đời sứ

thân, và được trời phú cho cái đáng đắp con nhà ngoại giao, chủ trương nên khéo léo: "Phải làm cho cô ta quyết định", ông nói.

Thế là mọi người mưu mô tính kế.

Các bà ngồi sát lại, giọng nói hạ thấp xuống, và việc bàn bạc trở thành bàn bạc chung, ai nấy đều đưa ra ý kiến của mình. Mà họ bàn bạc với những lời lẽ rất đúng đắn. Nhất là các bà đã khéo tìm được những cách nói tế nhị, những từ ngữ tinh vi duyên dáng, để nói những chuyện khó nói nhất. Một người lạ nghe chuyện chắc sẽ chẳng hiểu gì hết, vì lời lẽ được giữ gìn thận trọng hết sức. Song người đàn bà xã giao lịch thiệp nào thì cũng chỉ có một lớp e thẹn mỏng mảnh che đầy mặt ngoài kỳ thực trong bụng các bà đều rất thích thú, họ nở nang mảy mặt trong cái chuyện dâm dăng này, cảm thấy đây đúng là điều sở đắc, đem chuyện ái tình ra mân mê với cái khoái lạc của một anh đầu bếp tham ăn đang làm bữa ăn cho một kẻ khác.

Sự vui vẻ tự nhiên đã trở lại, vì họ thấy câu chuyện rút cục thực rất buồn cười. Bá tước tìm ra những câu đùa hơi bạo, nhưng nói khéo quá, khiến mọi người đều mỉm cười. Đến lượt Loadô tuôn ra mấy câu chót nhả sống sượng hơn, mà chẳng ai phạt ý cả; cái ý nghĩ vợ hắn đã sẵn sàng nói ra đang choán cả đầu óc mọi người: "Nghề nghiệp của con đi ấy là thế, thì tại sao nó lại từ chối thằng này, ưng thằng khác?". Bà Carê-Lamadông xinh đẹp hình như lại còn nghĩ rằng ở vào địa vị cô ta, bà sẽ từ chối một thằng cha khác, chứ thằng cha này thì chưa chắc.

Người ta chuẩn bị rất lâu cuộc phong toả, như đối với một pháo đài bị bao vây. Ai nấy đều nhận rõ vai trò mình sẽ đóng, những lý lẽ mình sẽ dựa vào những mảnh lưới mình phải thực hiện. Người ta xếp đặt kế hoạch tấn công, những mưu mẹo dùng đến những sự bất ngờ của cuộc tập kích, để buộc cái thành trì sống kia phải tiếp nhận kẻ thù vào trong vị trí.

Conrudyê, tuy nhiên, vẫn ngồi lánh ra một chỗ, hoàn toàn đứng ngoài việc này.

Tâm trí mọi người đều căng thẳng vì chăm chú, cho nên không ai nghe thấy tiếng chân Viên Mỡ Bò trở về. Nhưng bá tước khê "Suýt" một tiếng, làm mọi người ngẩng nhìn lên. Cô ta đứng đó. Ai nấy bỗng im bật, và thoạt đầu có phần lúng túng không biết nói gì với cô. Bà bá tước, vốn thành thạo hơn các người khác về những trò lá mặt lá trái ở phòng khách, hỏi cô: "Lẽ rửa tội có vui không?"

Cô gái đầy đà, còn đang xúc động, kể lại hết, nào là mặt mũi những người dự lễ, nào là thái độ của họ, và cả đến cảnh tượng nhà thờ nữa. Cô nói thêm: "Đôi khi cầu Chúa thật là dễ chịu".

Tuy nhiên, cho đến bữa ăn sáng, các bà vẫn làm ra vẻ niềm nở với cô gái, để cho cô ta thêm tin và dễ nghe lời các bà khuyên bảo hơn.

Ngồi vào bàn ăn, người ta lân la gọi chuyện ngay. Mới đầu còn nói chuyện vợ vắn đầu đầu về lòng tận tụy

Người ta nêu ra những gương thời cổ: Judit và Holôphecơ⁽¹⁾, rồi tự nhiên vô cớ nhảy sang Lucrexơ với Xectuyt⁽²⁾, Clêôpatơ⁽³⁾ cho tất cả tướng lĩnh ngủ ở giường mình và buộc họ phải chịu mọi sự phục tùng nô lệ. Rồi tiếp đến một câu chuyện lạ, đề ra trong trí tưởng tượng của mấy nhà triệu phú đốt nát ấy, rằng các nữ công dân La Mã đã đi sang Capu ru ngủ Anniban⁽⁴⁾ trong tay họ, và, cùng với ông ta, cả các tướng tá, các đội quân đánh thuê của ông ta nữa. Người ta nêu tên hết thấy những người đàn bà đã chặn đứng được những kẻ đi chinh phục, đã biến thân mình thành một bãi chiến trường, một phương tiện áp đảo, một vũ khí, đã dùng những vuốt ve anh hùng của mình mà thắng những con người ghê tởm hoặc bị căm ghét, và hy sinh trinh tiết cho sự phục thù và lòng tận tụy.

Người ta còn úp mở nói cả đến các bà quý tộc người Anh nọ đã tự làm cho mình nhiễm một bệnh lây ghê gớm để đem truyền sang cho Bônapactơ, mà ông ta may mắn là

⁽¹⁾ Judit: nữ anh hùng Do Thái, muốn cứu vớt thành Bêtuyli (Béthulie) đã quyến rũ tướng địch là Holopherne và chặt đầu y.

⁽²⁾ Lucrece: mệnh phụ La Mã, bị Sextus Tarquin, con của Tarquin kiêu hùng (Tarquin le Superbe, vua La Mã cuối cùng) cưỡng hiếp, và sau đó đã tự vẫn, việc này đã làm cho nền quân chủ bị sụp đổ và chế độ cộng hòa được thiết lập ở La Mã (510 trước C.N). Người ta nhắc tới tên nàng Lucrece mỗi khi nói về những phụ nữ cao khiết và đạo đức, thà chết chứ không chịu nhục.

⁽³⁾ Clêôpatre: hoàng hậu Ai Cập, nổi tiếng đẹp, đã lần lượt cám dỗ Cesar và Antoine, danh tướng La Mã (chết năm 30 trước CN).

⁽⁴⁾ Annibal (247-183 trước CN): danh tướng thành Carthage, đã lập nhiều chiến công hiển hách, nhưng cũng có tiếng là đã để cho quân sĩ mềm yếu vì tửu sắc trong khi trú quân ở Capoue.

kỳ lại tránh được, ngay trong giờ phút gặp gỡ nguy hại, chỉ vì đột nhiên đắm ra suy nhược.

Và tất cả những câu chuyện ấy đã được kể lại một cách đứng đắn và có chừng mực, trong đó đôi khi bật lên một lời trầm trở thán phục cố ý, cốt để kích thích sự ganh đua.

Rút cục, người ta có thể tưởng chừng như vai trò duy nhất của người đàn bà, trên cõi đời này, là cứ phải mãi mãi hy sinh thân mình, không ngừng chiều theo những sở thích thất thường của tụi võ biên.

Hai bà phúc dường như không nghe thấy gì hết, chìm đắm vào những ý nghĩ sâu xa. Viên Mỡ Bò không nói năng chi cả.

Suốt cả buổi chiều, người ta để cho cô gái suy nghĩ. Nhưng đáng lẽ gọi cô là "bà", như vẫn xưng hô cho đến lúc bấy giờ, người ta chỉ gọi là "cô" thôi, chẳng hiểu tại sao, như tưởng người ta muốn hạ cô xuống một bậc trong sự quý trọng vị nể mà cô đã leo lên được, muốn cho cô cảm thấy rõ hoàn cảnh nhục nhã của mình.

Vừa lúc món xúp được đem lên, lão Fonlăngvi lại xuất hiện, nhắc lại cái câu hôm qua: "Ngài sĩ quan Phở cho hỏi xem cô Elidabet Ruxê đã thay đổi ý kiến chưa".

Viên Mỡ Bò xăng giọng trả lời: "Thưa ông, không ạ".

Nhưng đến bữa tối thì phe liên minh có yếu đi. Loadó buột miệng nói ra mất ba câu lỡ làng. Ai nấy cố nặn óc tìm ra những tấm gương mới, nhưng chẳng tìm ra được gì

hết, chột bà bá tước, có lẽ cũng không rắp tâm trước, mà chỉ lơ mờ cảm thấy cần phải tỏ lòng tôn trọng Tôn giáo, hỏi bà phước nhiều tuổi nhất về những sự tích lớn trong đời các thánh. Thì ra nhiều thánh đã từng làm những việc có thể coi là tội nặng theo mắt ta nhìn nhận; song giáo hội xá miễn cho các đại tội ấy một cách dễ dàng khi việc làm để tỏ sáng danh Chúa hay vì lợi ích của người đồng loại. Thật là một lý lẽ rất mạnh, bà bá tước bèn lợi dụng liền. Ấy thế là, hoặc vì một sự thông đồng ngấm ngấm, một cách chiều đời kín đáo mà bất cứ ai khoác áo nhà tu cũng đều rất thạo, hoặc chỉ vì một sự ngu độn ngẫu nhiên hợp cảnh, một sự ngốc nghếch vô tình mà giúp sức vào, bà phước già kia đã đem lại cho cuộc âm mưu một chỗ dựa rất mạnh. Mọi người cứ tưởng bà ta nhút nhát, nhưng hoá ra bà ta lại rất mạnh dạn, lắm lời, quyết liệt. Bà ta chẳng phải hạng người bối rối vì những mờ mẫm của nghi nghiã thần học⁽¹⁾ giáo lý của bà tựa như một thanh sắt cứng; lòng tin của bà chẳng hề bao giờ phân vân do dự; lương tri bà ta chẳng bao giờ có những băn khoăn đắn đo. Bà ta coi sự hy sinh của Abraham⁽²⁾ là rất đơn giản, vì bà ta có thể tuân lệnh bề trên mà giết chết ngay cả cha lẫn mẹ; và, theo ý kiến bà, thì chẳng có gì có thể làm phật lòng Chúa một khi chủ tâm của mình là đáng khen. Bà bá tước, lợi dụng cái

⁽¹⁾ Phần thần học chuyên về những vấn đề khó giải quyết.

⁽²⁾ Abraham là cha của Issac, và là thủy tổ của người Do Thái xưa. Theo Kinh Thánh Cơ đốc giáo, khi Issac sắp bị cha hy sinh thì được một thiên thần cứu thoát.

uy tín thiêng liêng của bà bạn đồng loã bất ngờ ấy, bèn gọi cho bà ta giải nghĩa dài dòng để khuyến thiện, cái định lý về đạo đức: "Dùng thủ đoạn gì cũng được, miễn là đạt mục đích".

Bà hỏi bà phước:

- Vậy ra, thưa bà, bà cho rằng Chúa chấp nhận tất cả mọi con đường, và tha thứ mọi việc làm nếu lý do hành động là trong sạch?

- Thưa bà, điều đó còn nghi ngờ gì nữa? Một hành động tự nó là đáng trách thường trở thành đáng khen vì cái ý nghĩa đã thúc đẩy nó.

Và hai người cứ nói chuyện tiếp như thế, cố tìm hiểu, những ý muốn của Chúa, dự đoán những quyết định của Người, làm như Người quan tâm tới những việc thực ra chẳng liên quan đến Người một chút nào.

Tất cả những chuyện ấy đều được nói bóng gió, khôn khéo, kín đáo. Nhưng mỗi lời của bà thánh đội mũ công vành lại phá vỡ thêm một mảng trong thái độ kháng cự công phần của cô gái diêm. Rồi câu chuyện đổi hướng đi chút ít, bà giáo đeo tràng hạt kể về những nhà tu của dòng bà, về bà nhất của mình, về bản thân bà ta và bà phước xinh xắn ngồi bên, bà phước quý hoá Xanh-nixêpho. Hai bà được mời đến Lơ Havơ để vào bệnh viện chăm nom hàng trăm binh lính mắc bệnh đậu mùa. Các bà mô tả họ, những con người khốn khổ ấy, kể ra những chi tiết về bệnh trạng của họ. Ấy thế mà trong lúc các bà bị giữ lại ở

đọc đường vì những ý thích bất chợt của tên Phổ nọ, biết bao nhiêu người Pháp có thể chết, mà đáng lẽ các bà cứu sống được cũng nên! Chăm nom binh sĩ là việc chuyên môn của bà; bà đã từng ở Crimê, ở Ý, ở Áo, và qua câu chuyện kể lại các chiến tích bà đã tham dự, bà bỗng tỏ ra là một nhà tu hành thuộc loại thối kèn đánh trống, hình như sinh ra là để đi theo các trại quân, thu nhặt những người bị thương giữa những trận giao tranh ác liệt, và, giỏi hơn cả một cấp chỉ huy, chỉ dùng một lời nói cũng khuất phục được những tên lính thô bị vô kỷ luật; đúng là một bà phước Răng-tăng-plăng⁽¹⁾ mà bộ mặt rỗ nát, chỉ chút vô số những nốt lỗ chỗ, dường như là một hình ảnh những tàn phá của chiến tranh.

Bà nói xong, không ai nói gì thêm nữa, vì hiệu quả xem chừng tốt quá rồi.

Ăn xong, mọi người vội vã trở lên ngay phòng mình, để mai sáng hôm sau khá muộn mới lại xuống.

Bữa ăn sáng yên ổn. Người ta để cho cái hạt gieo hôm qua có thì giờ nảy mầm và kết quả.

Bà bá tước đề nghị một cuộc đi chơi vào buổi chiều: Thế là ông bá tước, như đã thoả thuận trước, khoác tay Viên Mỡ Bò và đi với cô ta, sau những người khác.

Ông nói với cô bằng cái giọng thân mật, cha con, hơi khinh khỉnh, mà những người thượng lưu vẫn dùng với

⁽¹⁾ Tiếng phồn theo tiếng trống trận. Ý nói: một bà phước của quân đội.

bọn gái điếm, gọi cô bằng "con yêu quý", đứng trên đỉnh cao địa vị xã hội và danh giá không chối cãi được của ông mà hạ cố đối xử với cô. Ông đi ngay vào vấn đề:

- Vậy là con ưng để cho chúng ta ở lại đây, cũng như con chịu cái nguy cơ hứng lấy mọi sự tàn bạo có thể xảy ra sau sự thất bại của bọn Phổ, còn hơn là bằng lòng ưng thuận, như bao lần con thường vẫn ưng thuận trong đời con?

Viên Mỡ Bò không trả lời.

Ông thuyết phục cô bằng thái độ dịu dàng, bằng lý lẽ bằng tình cảm. Ông biết giữ thể diện là "Ông bá tước", trong khi vẫn tỏ ra lịch sự với phụ nữ khi cần thiết, tán tụng khéo, tóm lại rất ân cần. Ông tán dương cái việc cô sẽ giúp đỡ họ, nói lên lòng biết ơn của mọi người; rồi đột nhiên ông vui vẻ, giọng rất thân tình: "Mà rồi, con ạ, hẳn sẽ có thể tự phụ đã được nếm mùi một cô gái đẹp, mà ở bên nước hẳn chẳng có nhiều lắm đâu".

Viên Mỡ Bò không trả lời và đi lên nhập bọn với mọi người.

Về đến quán trọ, cô lên ngay phòng mình và không lộ mặt ra nữa. Nỗi lo ngại lên tới cực độ. Cô ta sắp làm gì đây? Nếu cô cứ khăng khăng không chuyển thì rầy rà biết chừng nào!

Đến giờ bữa ăn tối, mọi người chờ đợi cô hoài chẳng thấy. Rồi lão Fonlängvi bước vào, báo tin cô Ruxê khó ở và xin mời mọi người cứ việc ngồi vào bàn thôi. Ai nấy

đều đồng tai lên. Ông bá tước đến gần bác chủ quán, và hỏi rất nhỏ: "Ổn rồi chứ? - Vâng ". Vì lịch sự, ông không nói gì với các bạn đường của ông, mà chỉ khẽ gật đầu ra hiệu cho họ. Ai nấy thở dài nhẹ cả người, mặt mày rạng rỡ hẳn lên. Loadô gào to: "Úi cha cha! Nhà này mà có sâm banh thì tôi xin khao ngay các vị một chầu", và mụ Loadô bỗng đâm lo khi thấy lão chủ quán trở lại với bốn chai rượu cầm tay. Ai nấy đột nhiên trở nên cởi mở và ồn ào; một niềm vui nhả nhót tràn ngập lòng mọi người. Ông bá tước xem chừng nhận thấy bà Carê-Lamadông là có duyên, ông chủ nhà máy thì ca tụng bà bá tước. Chuyện trò thật rôm rả, khoái trá, lắm câu ý nhị.

Bỗng Loadô, vẻ mặt lo lắng, và giơ hai tay lên, hét lớn: "Lặng im!". Mọi người im bật, ngạc nhiên, hầu như đã phát hoảng. Thế là hần vênh tai lên, hai tay ra hiệu "suýt", ghéch mắt nhìn lên trần, nghe ngóng nữa, rồi lại nói với giọng bình thường: "Các vị hãy yên trí mọi sự đều ổn cả".

Mọi người phân vân chưa hiểu, nhưng không mấy chốc ai nấy đã mỉm cười.

Mười lăm phút sau hần diễn lại vẫn cái trò hề ấy và tái diễn nó nhiều lần buổi tối hôm đó; và hần giả vờ nói với một người nào ở gác trên, khuyên anh ta những lời khuyên hai nghĩa moi từ bộ óc nhân viên chào hàng của hần ta. Thỉnh thoảng hần làm bộ buồn rầu thở dài "Tội nghiệp cô bé!" Hoặc hần lẩm nhẩm trong mồm, về hần học: "Cái thằng Phổ khốn nạn!". Đôi khi, vào lúc không ai nghĩ tới

hắn nữa, hắn kêu vang lên, tiếng oang oang, nhiều lần: "Thôi! Thôi!" và nói thêm, như tự nhủ: "Miễn là chúng ta gặp lại được cô bé; miễn là nó đừng vấp cô nàng đến chết, cái thằng khốn nạn ấy!".

Mặc dầu những câu bông lơn ấy thật bỉ ổi, nó cũng khiến người ta thích thú và không làm phật ý ai hết, vì sự tức giận, cũng như mọi sự khác vậy, tùy thuộc ở môi trường, và chung quanh họ dần dần hình thành một bầu không khí chứa chất đầy những ý nghĩ dâm dăng.

Đến lúc ăn tráng miệng, ngay các bà cũng nói những câu bóng gió hóm hỉnh và kín đáo. Mắt ai nấy đều long lanh; mọi người đều đã nốc nhiều rượu. Ông bá tước, là người cả trong những lúc vui đùa cũng vẫn giữ được cái màu mè con người trang trọng, tìm ra một ý so sánh được mọi người rất tán thưởng về sự kết thúc những thời kỳ dài phải sống qua mùa đông ở Bắc-cực và niềm vui mừng của những kẻ bị đắm tàu trông thấy mở ra một con đường đi về phương Nam.

Loadô được đà, nhồm dậy, cốc sâm banh trong tay: "Tôi xin uống mừng chúng ta được giải phóng!" Tất cả mọi người cùng đứng lên: ai nấy hoan hô hắn. Cả đến hai bà phước, bị các bà nọ chèo kéo, cũng bằng lòng chấp môi vào cái thứ rượu ngẫu bọt kia mà hai bà chưa từng nếm tới bao giờ. Hai bà nói là nó giống nước chanh hơi, nhưng tuy vậy cũng ngon hơn.

Loadô tóm tắt tình hình.

- Tiếc rằng không có dương cầm, nếu có thì có thể đánh một điệu đối diện⁽¹⁾ chơi.

Cornuylê chẳng nói một lời, chẳng có một cử chỉ gì hết; thậm chí y còn có vẻ mải mê vào những ý nghĩ rất trọng đại, và đôi khi cái kính đứt bộ râu rậm của y, tựa hồ muốn kéo nó dài thêm ra. Sau cùng, khoảng nửa đêm, lúc mọi người sắp giải tán, Loadô đã chuếch choáng, bỗng vỗ vào bụng y mà bảo y, giọng ngọng lú: "Ông bạn tối nay chẳng vui về tí nào; sao ông không nói gì cả thế, ông công dân?". Nhưng Cornuylê bỗng ngừng phát đầu lên, và, nhìn khắp lượt cả bọn, mắt long lanh và dữ tợn: "Tôi nói cho tất cả các người rõ là các người vừa làm một chuyện bỉ ổi!. Y đứng dậy, đi ra cửa, nhắc lại một lần nữa: "Một chuyện bỉ ổi!", rồi biến mất.

Mới đầu, việc đó khiến mọi người cụt hứng. Loadô sững sờ, đứng thộn ra đấy; nhưng rồi hấn vững tâm trở lại, và đột nhiên cười lăn lộn, nhắc đi nhắc lại: "Nó còn xanh quá, các bạn ạ, nó còn xanh quá⁽²⁾. Thấy mọi người không hiểu, hấn bèn kể lại chuyện "Những bí mật của hành lang". Thế là cả bọn lại vui nhộn hấn lên. Các bà cười như nắc nẻ. Bá tước và ông Carê-Lamadông cười đến chảy nước mắt. Họ không thể nào tin được.

⁽¹⁾ Điệu vũ bốn người.

⁽²⁾ Ý muốn nhắc tới một câu trong bài ngụ ngôn Con cáo và giàn nho của La Fonten: cáo đang đói, đi qua một giàn nho chín mọng, rất thèm ăn, nhưng giàn cao không với tới được, bèn nói: "Nho xanh chẳng xứng miệng người phong lưu".

- Thế nào! Ông chắc chứ? Hẳn ta muốn...

- Thì tôi bảo với các ông các bà là tôi trông thấy hẳn ta mà.

- Và cô ta đã từ chối...

- Vì tên Phở ở buồng bên cạnh.

- Có lẽ nào?

- Tôi xin thề với các ông các bà đúng như thế.

Ông bá tước cười không thờ được. Nhà kỹ nghệ đưa hai tay lên nén bụng. Loadô nói tiếp:

Cho nên, các vị ạ, tối nay hẳn ta thấy là chuyện này chẳng thú vị gì, chẳng thú vị tí nào hết.

Và cả ba lại cười lăn cười lộn, đến phát ốm, hết cả hơi, ho sặc sụa.

Chuyện đến đây thì họ phải giải tán. Nhưng mụ Loadô, vốn bản chất hay dè bủ, lúc đi ngủ, bảo chồng rằng cái "con mẹ ranh" oắt con Carê-Lamadông nọ suốt cả buổi tối chỉ cười gượng: "Mình ạ, bọn đàn bà, một khi đã mê tụi nhà binh thì dù là thằng Pháp, hay thằng Phở, nói thật chứ, cũng cứ là được tuốt. Thực là thảm hại, lay Chúa!"

Và suốt đêm, trong bóng tối của hành lang, cứ lao xao như có tiếng run rẩy, những tiếng động nhè nhẹ, chỉ thoáng nghe thấy, thoảng qua những những hơi thở, những bước chân không đi rón rén, những tiếng lắc rắc rất khẽ.

Và chắc chắn là ai nấy đều ngủ rất muộn, vì những vết sáng lọt ra ngoài rất lâu dưới các cửa buồng. Ấy rượu sâm-banh có những hiệu quả như vậy đấy; người ta bảo là nó làm cho khó ngủ.

Hôm sau, ánh nắng trong treo của mặt trời mùa đông làm mặt tuyết chói loà. Chiếc xe thuê, cuối cùng đã có ngựa thắt vào, chờ ở trước cửa, trong khi một đàn bò câu trắng, có vượn ra trong bộ lông đầy cộm, con mắt đỏ điểm một chấm đen ở giữa, đang trình trọng đạo chơi giữa chân sáu con ngựa, và tìm ăn trong những đồng phân bốc khói ngựa đã vung vãi ra đấy.

Bác xà ích, trùm trên người một tấm da cừu, đang ngồi rít tẩu thuốc trên ghế xa, và tất cả hành khách hớn hỏ vội cho gói những thức ăn dành cho đoạn hành trình còn lại.

Người ta chỉ còn đợi có Viên Mỡ Bò. Cô ta xuất hiện.

Cô có vẻ hơi bối rối, xấu hổ, và bẽn lèn đi về phía các bạn đường bỗng nhất loạt cùng ngoảnh mặt đi, tựa hồ như không trông thấy cô. Ông bá tước nghiêm trang khoác tay bà vợ, và đưa bà tránh xa sự đụng chạm nhơ nhớp đó.

Cô gái đẩy đà đứng lại, sững sốt; cô lấy hết can đảm, cô lúng búng một cách khiêm tốn chào vợ ông chủ nhà máy một câu "Xin chào bà". Bà kia chỉ khẽ gật đầu xác xược chào lại, kèm theo một cái nhìn của đạo đức bị xúc phạm. Mọi người đều làm ra vẻ bận rộn và đứng lảng xa cô, tựa hồ cô đem theo bệnh truyền nhiễm trong váy cô

vậy. Rồi họ chạy vội tới chiếc xe, để cô đi sau cùng, một mình, và cô lại lặng lẽ ngồi vào chỗ đã ngồi trong chặng đường thứ nhất.

Người ta dường như không nhìn thấy cô, không quen biết cô; nhưng mục Loadô, ngó cô từ đằng xa một cách tức giận, khẽ nói với chồng: "May mà tôi không ngồi bên cạnh nó".

Chiếc xe nặng chuyển bánh, và cuộc hành trình lại bắt đầu.

Thoạt tiên không ai chuyện trò gì hết. Viên Mỡ Bò không dám ngẩng nhìn lên. Cô vừa cảm phẫn đối với tất cả những người ngồi bên, lại vừa cảm thấy nhục nhã vì đã nhượng bộ, bị nhor nhóp vì những cái hôn của tên Phổ nọ, mà họ đã giả nhân giả nghĩa đem quảng cô vào tay nó.

Nhưng không bao lâu bà bá tước quay sang bà Carê-Lamadông, phá tan cái im lặng nặng nề đó.

- Có lẽ bà biết bà Đêtren đấy nhỉ?

- Vâng, bà ấy là bạn thân của tôi.

- Bà ấy mới duyên dáng chứ!

- Tuyệt diệu! Đúng là một tư chất ưu tú, lại rất học thức, và nghệ sĩ đến tận đầu ngón tay: bà ấy hát nghe thật mê ly, và vẽ đến giỏi!

Ông chủ nhà máy nói chuyện với ông bá tước, và giữa những tiếng cửa kính rung loảng xoảng, thỉnh thoảng lại

nghe thấy lồm bồm một tiếng: "Tức phiếu kỳ hạn - tiền thưởng - trả dần".

Loadô vừa xoáy được cổ bài cũ của quán trọ, đã nhòm mỡ sau năm năm cọ sát những mặt bàn không lau sạch, cùng vợ chơi một ván tay đôi.

Hai bà phước rút chuối tràng hạt dài đeo lòng thông ở thắt lưng, cùng nhau làm dấu thánh giá, rồi mời họ đột nhiên mấp máy nhanh, mỗi lúc càng thêm vội vã, dồn dập những tiếng lằm rằm không rõ, như một cuộc chạy thi trong khi làm lễ kỳ *đảo*; thỉnh thoảng họ cúi xuống hôn một cây thánh bài, lại làm dấu, rồi lại lằm rằm liên thoảng và liên tục.

Cornuydê ngồi đăm chiêu, không nhúc nhích.

Đi được ba tiếng đồng hồ, Loadô thu cổ bài lại: "Đến lúc dói rồi", hần nói.

Mụ vợ bèn với một cái gói buộc dây, lôi ra một miếng thịt bê nguội. Mụ cắt ra từng khoanh gọn ghẽ, mỏng và chắc nịch, rồi cả hai bắt đầu ăn.

"Hay là ta cùng ăn đi", bà bá tước nói. Mọi người đồng ý, và bà mở gói thức ăn chuẩn bị cho hai gia đình. Đó là một thứ liên dài, trên vung nặn một con thỏ rừng bằng sứ, để chỉ rõ ràng có một con thỏ rừng đã nghiền thịt nằm ở dưới, một món thịt nguội bổ béo, có những đường mỡ trắng xuyên qua màu thịt thỏ rừng nâu, trộn lẫn với những thịt khác băm nhỏ biến. Một tảng phó-mát Gruye⁽¹⁾

⁽¹⁾ Thị trấn Thụy Sĩ, nổi tiếng làm phó mát ngon.

vuông vắn, gói trong một mảnh báo, trên mặt mịn màng còn in rõ mấy chữ "Việc vặt".

Hai bà phước giở ra một khoanh xúc-xích lớn sặc mùi tỏi; còn Cornuydê, hai tay cùng một lúc thọc vào cái túi rộng của áo bành-tô, rút ra một bên bốn quả trứng luộc và bên kia một mẩu cùi bánh mì. Y bóc vỏ, ném vào rơm ở dưới chân và đưa cả quả trứng vào mồm mà ngoạm; những mảnh vụn màu vàng nhạt rơi lên bộ râu rậm của y, lốm đốm như những ngôi sao.

Viên Mỡ Bò, trong lúc vội vã hoảng hốt khi ngủ dậy, đã không nghĩ được chuyện gì hết; và cô nhìn tất cả mọi người kia điếm tĩnh ăn uống mà lộn ruột, uất ức đến ngạt thở. Một cơn giận sôi sục mới đầu khiến cô cau mặt, và cô mở miệng định hét vào mặt họ một thời một hồi những lời chửi rủa đang dồn lên môi, nhưng cô không thể nào nói được, vì cơn tức nghẹn ứ cổ.

Không một ai ngó cô, nghĩ gì đến cô. Cô cảm thấy mình bị chìm trong sự khinh bỉ của những kẻ đều cáng lương thiện này, chúng thoát đầu đem cô ra hy sinh, rồi sau hất hủi cô, coi như một vật bán thịt và vô dụng. Cô nhớ tới chiếc làn to đầy ắp những thứ ngon lành mà chúng đã ăn ngấu ăn nghiêng, hai con gà bóng nhảy mỡ đông, những miếng ba-tê, những quả lê, và bốn chai rượu vang đỏ của cô; rồi, cơn giận bỗng xẹp đi, như một sợi dây thừng căng quá hoá đứt, cô cảm thấy chỉ muốn khóc. Cô ráng hết sức nén mình, nuốt những tiếng nước nở, như con nít; song nước mắt cứ trào lên, lấp lánh trên mi, và không

nít; song nước mắt cứ trào lên, lấp lánh trên mi, và không mấy chốc hai giọt lệ lớn đã rời khoé mắt, từ từ lăn trên gò má. Những giọt khác cứ thế tiếp theo, mau hơn, chảy rờn rờn như những giọt nước lọc qua một vách đá, và đều đều rơi xuống đường cong bầu bĩnh của ngực cô. Cô ngồi thẳng, mắt nhìn trân trân, mặt đỏ dần và tái nhợt, hy vọng mọi người không trông thấy mình.

Nhưng bà bá tước nhìn thấy và ra hiệu mách chồng. Ông chồng nhún vai, như ý nói: "Làm thế nào được? Đầu phải lỗi tại tôi". Mụ Loadô thì lặng lẽ cười đắc thắng, và lẩm bẩm: "Cô ả khóc nổi nhục của mình".

Hai bà phuộc lại cầu kinh, sau khi gói mẩu xúc xích còn lại vào một tờ giấy.

Bấy giờ Cornuydê, trong khi tiêu hoá mấy quả trứng, duỗi dài cẳng sang găm ghế trước mặt, ngồi ưỡn ngả người ra, khoanh tay lại mỉm cười như một người vừa tìm được một trò đùa hay, và bắt đầu huýt sáo miệng khe khẽ bài Macxâyedơ⁽¹⁾.

Tất cả các bộ mặt đều sa sầm lại. Bài hát bình dân chắc chắn chẳng được những người ngồi bên ưa thích nào. Họ đâm ra nóng nảy, bực dọc, và có vẻ chỉ chực gào lên như bầy chó nghe thấy tiếng phong cầm quay tay vậy.

Y thấy rõ như thế, và càng không chịu ngừng lại. Thỉnh thoảng y còn hát nho nhỏ lời bài ca:

⁽¹⁾ Bài hát của Cách mạng Pháp năm 1789, bây giờ là quốc ca Pháp.

Hỡi tình yêu Tổ quốc thiêng liêng,

Hãy dân dật, nâng đỡ những cánh tay phục thù của chúng ta,

Hỡi Tự do, Tự do yêu quý,

Hãy chiến đấu cùng những người bảo vệ người!

Xe chạy nhanh hơn, vì tuyết đã rắn lại; và suốt cho đến Dieppe, trong những giờ dài đặc ảm đạm của cuộc hành trình, qua những cái sóc trên đường gập ghềnh, trong bóng đêm đang toả xuống, rồi trong bóng tối đen của chiếc xe, y cứ tiếp tục, với một sự buồn bĩnh tai ác, tiếng huýt sáo báo thù và đơn điệu của y, bắt buộc các tâm trí mỗi mệt và tức tối đến cực điểm cứ phải theo dõi bài hát suốt từ đầu đến cuối, cứ phải nhớ lại từng lời ứng dụng vào mỗi nhịp.

Viên Mỡ Bò vẫn khóc; và đôi khi một tiếng nức nở, cô không nén nổi, bật lên trong bóng tối, giữa hai đoạn bài hát.

HƯỚNG MINH dịch

THẰNG ẮN MẦY

Mặc dầu khốn khó và tàn tật, trước kia hấn đã từng được biết những ngày khấm khá hơn.

Năm mười lăm tuổi, hấn bị xe nghiêng nát hai chân trên đường cái đi Vaccin. Từ đó, hấn đi ăn mỳ lê lét trên các ngã đường, qua sân các trại ắp, đu người trên đôi nạng làm hai vai hấn xo lên đến mang tai. Đầu hấn như tụt vào giữa hai ngọn núi.

Là một đứa trẻ được cha xứ ở Bietto tìm thấy trong một cái hố, đêm hôm trước ngày lễ Vong nhân, và vì thế mà được đặt tên là Nicôla Tutxanh⁽¹⁾, được nuôi làm phúc, chẳng biết học hành là cái gì, bị què quặt sau khi uống vài cốc rượu mạnh của bác làm bánh mì trong làng mời - chuyện đùa để cười chơi - và, từ đấy, trở thành kẻ du đãng, hấn chẳng biết làm gì khác ngoài việc ngửa tay đi ăn xin.

Ngày xưa, bà nam tước Avary thí bỏ cho hấn ngủ trong một thứ cũi chó đầy rơm rạ, bên cạnh chuồng gà, trong cái trại giáp liền với lâu đài; và vào những ngày đói

⁽¹⁾ Toussaint: lễ Cha thánh, vào ngày mồng 1 tháng mười một.

kém lớn, hần chắc chắn lúc nào cũng có được một mẩu bánh mì và một cốc rượu táo ở trong bếp. Thường khi vào bếp hần lại còn nhận được vài xu của bà cụ quý tộc từ trên bậc thềm hoặc từ cửa sổ buông cụ vứt xuống cho. Bây giờ thì bà cụ mất rồi .

Trong các làng, người ta chẳng cho hần được mấy hột: người ta nhần mặt hần quá đi rồi; từ bốn chục năm nay nhìn thấy hần vác cái thân hình rách rưới và méo mó trên đôi chân gỗ đi hết nhà nọ sang nhà kia, người ta đã chán hần. Vậy mà hần chẳng muốn rời đi, vì trên trái đất hần chẳng biết nơi nào khác ngoài cái vùng này gồm ba, bốn xóm là nơi hần đã kéo lê cuộc sống cùng khổ của hần. Hần đã đặt ranh giới cho đời ăn xin của hần và có lẽ hần sẽ chẳng bao giờ đi quá những giới hạn mà xưa nay hần vẫn không vượt qua.

Hần không biết thế giới có còn trải dài xa nữa không sau những hàng cây chắn tầm mắt hần. Hần không hề tự hỏi điều đó. Và khi bà con nông dân, chán ngấy vì lúc nào cũng gặp hần ở bờ đồng, bờ nương của họ, kêu lên bảo hần:

- Tại sao mày không chịu đi sang các làng khác, mà cứ khắp khà khắp khiêng quanh đây mãi thế hử?

Thì hần chẳng nói chẳng rằng lảng đi, mơ hồ cảm thấy sợ sự xa lạ, cái sợ của kẻ nghèo khó mờ mờ lo ngại nghìn thứ, những bộ mặt mới, những lời chửi rủa, những cái nhìn nghi kỵ của những người không biết hần, và các ông sen đâm cứ đi từng đôi trên đường cái và làm cho hần,

theo bản năng, phải chui vào các bụi rậm hoặc nấp vào sau những đồng sỏi.

Nhắc trông thấy họ ở xa, lấp loáng dưới ánh nắng, hần bỗng nhanh nhẹn lạ thường, nhanh nhẹn như một con quái vật tìm chỗ ẩn. Hần buông đôi nặng té nhào xuống như mảnh giẻ rách, rồi thu tròn mình lại, trở nên bé tí xiu, không trông thấy được, nằm rạp như con thỏ rừng trong hang, những tơ rách nâu của hần lẫn vào màu đất.

Tuy nhiên, chẳng bao giờ hần có chuyện lôi thôi với bọn họ. Nhưng hần mang cái đó trong dòng máu, tựa hồ hần thừa hưởng cái sợ ấy và cái mưu mẹo ấy của cha mẹ hần, mà hần không hề biết là ai.

Hần chẳng có nơi nào nương thân, không có nhà, không có lầu, không có chỗ trú mưa nắng. Mùa hè, hần ngủ khắp nơi, mùa đông hần lén vào gấm các kho thóc hoặc vào các chuồng bò một cách rất tài. Bao giờ hần cũng tếch trước khi người ta biết có hần ở đó. Hần biết những lỗ hổng để chui vào các nhà; và cánh tay hần quen dùng đôi nặng thành ra khỏe lạ thường, nên chỉ nhờ sức tay mà hần leo được lên tận các kho chứa cỏ, đôi khi hần ở lì trên đó bốn năm ngày liền, nếu hần đã xin được đủ lương ăn.

Hần sống như thú rừng, giữa mọi người, chẳng quen ai, chẳng yêu ai, bà con nông dân đối với hần chỉ có một thái độ khinh bỉ thờ ơ và thù ghét nhẫn nhục. Người ta đặt cho hần cái biệt hiệu là thằng "Chuông", vì hần đánh đu giữa đôi nặng gỗ như một cái chuông giữa đôi quai vầy.

Đã hai hôm nay, hần chưa được miếng nào vào bụng. Chẳng ai cho hần cái gì. Người ta đã đến cái nước không thể chịu được hần nữa rồi. Các bà nông dân đứng trên ngưỡng cửa, nhác thấy hần từ xa đã tru tréo lên:

- Mày có xéo đi không, đồ khốn! Mới ba hôm nay tao đã chẳng cho mày một miếng bánh mì đó là gì?

Thế là hần quay nạng, đi sang nhà bên cạnh, ở đấy người ta cũng tiếp đón hần y như thế.

Các bà nói từ cửa nhà nọ sang cửa nhà kia:

- Dầu sao đi nữa cũng không thể nào nuôi báo cô cái thằng đại lãn ấy quanh năm được.

Tuy nhiên ngày nào thì thằng đại lãn ấy cũng cứ cần phải ăn.

Hần đã đi khắp Xanh-Hilerơ, Vaccin và Bietto mà chẳng được một đồng xu hay một mẩu bánh hẩm nào. Hần chỉ còn hy vọng ở Tuôcnenlơ thôi: nhưng phải đi những hai dặm trên đường cái, mà hần thì mệt lả không lê đi nổi được nữa, bụng rỗng tuếch mà túi thì cũng trống không.

Nhưng hần cũng cứ đi.

Bấy giờ và vào tháng chạp, gió lạnh thổi ào ào trên cánh đồng, rít trong những cành cây trụi lá: mây lỏng lộn bay qua bầu trời thấp và u ám, vội vã không biết về đâu. Chú què đi thông thả, nặng nhọc chuyển dịch từng chiếc nạng một, nhún mình trên cái chân vẹo vọ còn lại, bàn chân khoèo quẩn một mảnh giẻ rách.

Thỉnh thoảng hắn lại ngồi xuống bờ rãnh bên đường nghỉ vài phút. Cái đói gico một nỗi khổ não và tâm hồn lộn xộn, nặng nề của hắn. Hắn chỉ có một ý nghĩ: "ăn" nhưng chẳng biết làm cách nào.

Suốt ba tiếng đồng hồ, hắn lê lét trên con đường dài; tới khi trông thấy cây cối của làng Tuócnenlơ thì hắn cố đi nhanh lên.

Người nông dân đầu tiên hắn gặp và xin bố thí trả lời hắn:

- Lại thấy mặt mày rồi, đồ của nợ! Vậy ra không bao giờ chúng tao thoát được mày ư?

Và *Chuóng* vội lảng xa. Qua cửa nhà này sang cửa nhà khác, người ta mắng mỏ hắn, người ta đuổi hắn, không cho gì hết. Nhưng hắn vẫn cứ kiên trì và nhẫn nại đi khắp các nhà. Hắn chẳng được lấy một xu.

Hắn bèn tới các trại ấp, thất thểu đi qua những mảnh đất sũng nước mưa, kiệt sức đến nỗi không nhấc nổi đôi nạng lên nữa. Đến đâu người ta cũng xua đuổi hắn. Hôm ấy là một trong những ngày lạnh lẽo và buồn bã mà lòng người se lại, tinh thần bức bối, tâm hồn u uất, chẳng ai chịu mở bàn tay ra để bố thí hoặc giúp người.

Khi đã đi hết mọi nhà hắn biết, hắn ngã phịch vào một cái hố, dọc theo sân nhà ông Sikê. Hắn tuột móc xích, như người ta nói để mô tả hắn hất nạng tuột khỏi tay buông mình rơi xuống như thế nào giữa đôi nạng cao. Và hắn nằm đấy hồi lâu không nhúc nhích, bị cái đói giày vò,

nhưng u mê ngu độn quá nên không thấu hiểu được nỗi khổn đốn vô cùng của hắn.

Hắn chờ đợi, chẳng biết chờ đợi cái gì, một sự chờ đợi mơ hồ xưa nay vẫn ở trong lòng mọi người chúng ta. Hắn chờ đợi ở góc cái sân này dưới gió rét căm căm, chờ sự cứu giúp huyền bí con người ta vẫn thường hy vọng ở trời hay ở người, chẳng hề tự hỏi bằng cách nào, tại sao, và qua tay ai mà tới được hắn. Một đàn gà mái đen đi qua, tìm cái ăn trong đất, đất nuôi sống hết thảy mọi sinh vật. Chốc chốc chúng lại mổ được một hạt thóc hay một con sâu mà hắn không nhìn thấy, rồi lại tiếp tục tìm kiếm, thông thả và chắc chắn.

Chuông nhìn đàn gà mà không nghĩ ngợi gì cả; rồi không hắn là trong đầu mà là ở trong bụng hắn, bỗng nảy ra cảm giác - chứ không hẳn là một ý nghĩ - rằng đem nướng một con gà kia trên một đồng lửa củi cành rồi ăn thì chắc là ngon lắm.

Hắn chẳng hề vẩn vương chút nào rằng hắn sắp sửa phạm tội ăn cắp. Hắn nhặt một hòn đá vừa tầm tay với và, vì hắn khéo tay nên hắn ném chết thẳng cẳng ngay con gà đi gần hắn nhất. Con vật ngã lăn ra, cánh đập phành phạch. Những con khác chạy trốn té tát, mình lắc lư trên những cẳng mảnh dẻ, và *Chuông* lại leo vội lên đôi nạng, đi ra nhặt con vật vừa săn được, điều bộ cũng y hệt điều bộ đàn gà.

Hắn vừa tới gần cái thân hình đen nhỏ vậy máu đỏ ở đầu thì bỗng bị đẩy thật mạnh vào lưng làm hắn tuột mất đôi nạng và ngã lăn lông lốc ra xa đến mười bước. Và bác Sikê, giận sôi máu, nhảy xô vào thẳng ăn trộm, đấm đá túi

bụi, đánh không tiếc tay như một nông dân bị mất cắp, quả thui và đầu gối cứ nện bừa khắp mình kẻ tàn tật chẳng có cách nào tự vệ.

Những người làm trong trại cũng chạy ra và cùng với ông chủ đánh thằng ăn mày. Rồi khi đánh đã chán tay, họ mới nhặt nó lên, đem nó đi, và nhốt nó vào buồng để củi trong khi đợi tìm cảnh sát đến.

Chuông như tử, máu me đầm đìa và đói lả, nằm bẹp trên mặt đất. Qua chiều dần tối, rồi tảng sáng. Hắn vẫn chưa được ăn gì.

Gần trưa, lính cảnh sát tới và thân trọng mở cửa, để phòng bị chống trả, vì ông Sikê nói là bị thằng ăn mày đánh và đã phải vật vả lắm mới chống đỡ được.

Viên đội quát:

- Nào, đứng dậy!

Nhưng *Chuông* không động cựa được nữa, hắn cố gắng rướn mình lên đôi nạng mà không nổi. Người ta cho là tên gian phi giả vờ, mưu mẹo, không muốn đứng lên, và hai người lính đeo khí giới đánh hắn, túm lấy hắn, ấn hắn đứng vào giữa đôi nạng.

Hắn hoảng sợ, cái sợ bẩm sinh trước những quai da đeo gươm màu vàng, cái sợ của con thú trước người đi săn, của con chuột trước mặt mèo. Và bằng những cố gắng phi thường, hắn đã đứng được.

- Đi! - Viên đội nói. Hắn cất bước. Tất cả gia nhân trong trại nhìn hắn ra đi. Đàn bà giờ nắm tay đe hắn; đàn

ông cười gằn, chửi rủa: thế là cuối cùng đã tóm được hán! Thoát nợ!

Hắn đi xa dần giữa hai người lính gác. Hắn gắng gượng một cách tuyệt vọng để lê đi cho đến chiều, người u mê chẳng biết có chuyện gì xảy ra cho mình, hoảng sợ quá chẳng còn hiểu gì hết.

Những người gặp trên đường đứng lại nhìn hán đi qua, và dân quê lăm bầm:

- Lại một thằng ăn cắp nào đó!

Đến tối thì tới trấn hàng tổng. Hắn chưa bao giờ tới đó. Hắn thực sự không nghĩ ra được có chuyện gì, và rồi điều gì sẽ có thể xảy ra. Tất cả những sự việc ghê gớm, bất ngờ này, những bộ mặt và những ngôi nhà mới mẻ này là cho hắn khiếp đảm.

Hắn không nói một lời mà cũng chẳng có gì nói, vì hắn chẳng hiểu gì nữa. Và chẳng đã từ bao năm không nói với ai, hắn hầu như không còn biết sử dụng cái lưỡi nữa; và ý nghĩ của hắn cũng lộn xộn quá không thể diễn ra thành lời được.

Người ta giam hán vào nhà lao của trấn. Bọn lính không nghĩ rằng hán lại có thể cần phải ăn, nên để mặc hán cho đến hôm sau.

Nhưng, sáng sớm tỉnh mơ, khi người ta đến để hỏi cung hán thì thấy hán nằm chết cứng trên mặt đất. Thế có lạ không!

HƯỚNG MINH dịch

CÁI Ô

Tặng Cami Udinô

Mụ Oray là người tằn tiện. Mụ biết giá trị từng đồng xu và có cả một mớ nguyên tắc nghiêm ngặt về việc làm cho tiền bạc sinh sôi nảy nở. U già khó lòng mà xà xẻo được tiền chợ, và ông Oray xin được ít tiền tiêu vật thật cũng vô cùng trân trọng. Mà nào họ có túng thiếu gì đâu, hai vợ chồng sống sung túc, lại không con cái. Nhưng mụ Oray cứ nhìn những đồng bạc trắng ra khỏi nhà mụ là cảm thấy đau đớn thật sự, tựa hồ xé ruột xé gan. Và mỗi lần bắt buộc phải tiêu một món gì hơi to to, mặc dù cần thiết, là y như đêm hôm sau mụ ngủ không yên giấc.

Ông Oray thường nhắc vợ luôn:

- Mình nên nơi nơi tay một chút mới phải, chúng ta có bao giờ phải đụng đến lợi tức đâu.

Mụ trả lời:

- Biết đâu có chuyện gì xảy ra. Có thừa còn hơn thiếu.

Mụ là một người đàn bà bé nhỏ, bốn mươi tuổi, lanh lợi, nhân nheo, sạch sẽ và thường hay cúi kính.

Chồng mù lúc nào cũng kêu ca về nỗi mù bắt ông ta kham khổ thiếu thốn nhiều thứ. Có những cái làm ông đặc biệt khó chịu, vì nó thương tổn đến sĩ diện của ông.

Ông là tham biện thượng hạng tại Bộ chiến tranh, ông làm việc ở đấy chỉ vì nghe theo ý vợ, cốt tăng thêm món lợi tức đồng niên không dùng đến của gia đình.

Thế mà hai năm liền, ông đến bàn giấy, vẫn đem theo một cái ô vá ấy, làm trò chơi cho bọn đồng sự. Sau cùng không chịu được những câu bông đùa của họ, ông đòi mù phải sắm cho ông một cái ô mới. Mù đi mua một chiếc giá tám quan rưỡi, hàng bán quảng cáo của một hiệu buôn lớn. Anh em nhân viên, trông thấy cái của đó, tung ra bán có tới hàng ngàn chiếc ở Pari, lại đùa cợt, làm ông Oray đau khổ vô cùng. Cái ô chẳng ra gì cả, mới ba tháng đã hỏng không dùng được nữa, và trong khắp Bộ ai cũng cười. Thậm chí họ đặt cả một bài về, hát nheo nheo từ sáng đến chiều, suốt từ trên chí dưới toà nhà lớn mệnh mông.

Tức quá, ông Oray ra lệnh cho vợ chọn cho ông một cái ô mới, bằng lụa mỏng, giá hai mươi quan, và phải đem hoá đơn về làm chứng.

Mù mua một cái mười tám quan và, khi giao nó cho ông, mù tức giận đỏ mặt tía tai, tuyên bố:

- Cái này thì ông phải dùng ít nhất là năm năm

Ông Oray hớn hờ, được một phen đắc thắng thực sự ở sở.

Buổi chiều, khi ông trở về, vợ ông lo lắng nhìn cái ô bảo ông:

- Ông đừng đem bó chặt nó lại bằng dây chun mới được, như thế chỉ tổ cửa rách lụn. Ông phải để ý giữ gìn, còn là lâu tôi mới mua cho ông cái khác.

Mụ cầm lấy ô, tháo vòng chun và giữ giữ các nếp gấp. Nhưng mụ bỗng ngăn người ra. Mụ trông thấy một lỗ tròn, to bằng đồng xu, ở giữa ô. Một vết cháy vì tàn thuốc xì gà.

Mụ lắp bắp:

- Làm sao thế này?

Ông chồng bình tĩnh trả lời, không nhìn:

- Ai? Cái gì cơ? Mình định nói gì?

Cơn giận bây giờ ứ lên đến cổ, mụ không nói được nữa:

- Ông... ông... ông đã làm cháy... cái... cái ô... Ông... ông điên hay sao? ...Ông định phá tán cơ nghiệp à?

Ông chồng quay lại, cảm thấy mình tái mặt:

- Mình bảo sao?

- Tôi bảo là ông đã làm cháy cái ô. Đây này...

Và, bỏ đến như để đánh ông, mụ gí vào tận mũi ông cái vết cháy nhỏ tròn tròn.

Ông bàng hoàng trước vết thương đó, ấp úng:

- Cái này, cái này cái gì thế này? Quả là tôi không biết! Tôi chả làm gì cả, chả làm gì cả, tôi xin thế với mình. Thực tôi không biết làm sao cái ô lại ra như vậy.

Bây giờ thì mù hết âm lên:

- Tôi đánh cuộc là ở Sở, ông đã đem nó ra làm trò hề, làm trò leo dây múa rối, mở nó ra khoe chứ gì.

Ông đáp:

- Tôi chỉ mở nó ra có một lần để phô nó đẹp. Thế thôi. Tôi thế với mình như vậy.

Nhưng mù điên cuồng giãy lên đành dạch và xỉ vả ông chồng một trận, như những trận vợ chồng xô xát khiến một người đàn ông tính ưa sống yên tĩnh phải thấy cảnh gia đình là đáng sợ hơn một bãi chiến trường khói đạn tơi bời.

Mù vá lại bằng một mảnh lụa cát ở cái ô cũ, khác màu; và hôm sau ông Oray tiu nghỉu đi làm với chiếc ô vá. Ông bỏ nó vào trong tủ và chỉ còn nghĩ đến nó như nghĩ đến một kỷ niệm không vui.

Nhưng chiều tối, ông vừa về đến nhà thì vợ ông giằng ngay lấy cái ô, mở nó ra xem tình hình thế nào và tức uất lên trước một tai họa không tài nào cứu vãn được. Cái ô lộ chỗ những lỗ thủng nho nhỏ rõ ràng là bị cháy, như thể người ta trút lên đó tàn một tàu thuốc đang đỏ. Thế là hỏng, hỏng không chữa được.

Mụ ngấm nhìn, chẳng nói chẳng rằng, giận quá không thốt ra được một tiếng. Còn ông, ông cũng nhận thấy sự tai hại và đứng ngây thuôn ra đó, kinh hoàng, sững sờ.

Rồi hai người nhìn nhau; rồi ông cup mắt xuống; rồi mụ ném cái ô thẳng vào mặt ông; rồi mụ hét lên, trong một cơn tức giận điên cuồng, lại bật lên tiếng nói:

- À! đồ khốn kiếp! đồ khốn kiếp! Ông cố tình làm vậy! Nhưng rồi ông biết tay tôi! ông sẽ không có ô nữa...

Và trận sỉ vả lại tái diễn. Sau một tiếng đồng hồ bão táp, cuối cùng ông mới phân trần được. Ông thề rằng ông chẳng hiểu ra sao cả; rằng đây hẳn chỉ là chuyện ác ý hay thù hằn mà thôi.

Một tiếng chuông gọi cửa giải thoát cho ông. Có một ông bạn đến ăn bữa tối ở nhà.

Mụ Oray đem chuyện ra kể với ông bạn. Còn như mua một chiếc ô mới, thì đừng hòng, chồng mụ sẽ không có ô nữa.

Ông bạn nói, lý nghe cũng phải:

- Thế thì, bà ạ, ông nhà sẽ hỏng hết quần áo, mà quần áo thì hẳn là đắt tiền hơn.

Mụ vợ, vẫn tức tối, trả lời:

- Thế thì ông ấy lấy cái ô nhà bếp mà dùng, chứ tôi chẳng cho ông ấy một chiếc mới bằng lụa đâu.

Nghe đến thế, ông Oray phản đối:

- Thế thì tôi xin từ chức cho mà xem! Chứ nhất định là tôi không có đi đến Bộ với một chiếc ô nhà bếp.

Ông bạn lại nói:

- Đem cái ô kia đi mà lợp lại, chẳng tốn bao nhiêu đâu.

Mụ Oray lộn ruột, nhấm nhẳng:

- Đem lợp lại phải mất ít nhất tám quan. Tám quan với mười tám, vị chỉ hai mươi sáu! Hai mươi sáu quan một cái ô, có mà điên! Có mà loạn óc!

Ông bạn, thị dân nghèo, chợt nảy ra một ý kiến:

- Hay bắt hãng bảo hiểm trả tiền. Các công ty bồi thường các đồ vật bị cháy đốt, miễn là tai hoạ xảy ra ở nhà bà.

Nghe câu mách nước, mụ vợ nguôi ngay cơn giận, rồi sau một phút suy nghĩ, mụ bảo chồng:

- Ngày mai, trước khi đi tới Bộ, ông hãy đến văn phòng hãng *Bảo mẫu*⁽¹⁾ đưa họ xác nhận tình trạng cái ô và đòi họ trả tiền.

Ông Oray giãy nảy lên.

- Tôi chả đời nào dám làm thế! Cứ cầm bằng là mất đứt mười tám quan, có thể thôi. Chẳng chết nào.

⁽¹⁾ Tên Công ty bảo hiểm.

Và hôm sau ông ra đi với một chiếc ba-toong. May sao hôm ấy lại đẹp trời.

Ở nhà một mình, mẹ Oray cứ tiếc mãi mười tám quan. Cái ô đặt trên bàn ở phòng ăn, và mẹ cứ loay hoay đi quanh, mà không sao quyết định được bề nào.

Mẹ luôn luôn nghĩ đến hãng Bảo hiểm, nhưng lại cũng không dám đương đầu với những cái nhìn giễu cợt của mấy ông ở hãng sẽ tiếp mẹ, vì trước mặt mọi người thì mẹ rút rút, động một tí là đỏ mặt, hễ phải nói chuyện với người lạ là y như lúng túng.

Nhưng tiếc số tiền mười tám quan, mẹ đau như đứt ruột. Mẹ không muốn nghĩ đến nữa, nhưng ý nghĩ mất tiền cứ lẩn vẩn trong đầu, hành hạ mẹ khổ sở. Nhưng biết làm thế nào đây? Hết giờ ấy đến giờ khác qua đi, mẹ không nhất quyết được điều gì. Rồi bất thành lình, như những kẻ nhất bồng trở thành gan dạ, mẹ quyết định.

- Ta cứ đi, xem ra sao nào!

Nhưng trước hết mẹ cần chuẩn bị cái ô sao cho tai họa thành trọn vẹn và câu chuyện dễ nói. Mẹ làm một que diêm trên lò sưởi và đốt cháy hẳn một miệng rộng bằng bàn tay, giữa các gọng ô; rồi mẹ nhẹ nhàng quấn chỗ lụa còn lại, buộc lại bằng dây chun, đeo khăn quàng, đội mũ vào, rồi vội vã đi xuống phố Rivoli là phố của hãng Bảo hiểm.

Song đi càng đến gần, mẹ càng chậm bước lại. Mẹ sẽ nói gì đây? Họ sẽ trả lời mẹ thế nào?

Mụ nhìn các số nhà. Còn hai mươi tám nhà nữa. Được lắm! Mụ còn có thể suy nghĩ. Mụ bước mỗi lúc một thong thả hơn. Chợt mụ giật mình. Cửa hàng đây rồi, trên có những chữ vàng lấp lánh: "*Bảo mẫu*, Công ty Bảo hiểm chống hoả hoạn". Đến rồi kia à? Mụ dừng lại một giây, lo lắng, ngượng ngùng, rồi đi quá lên, rồi quay lại, rồi lại đi quá, rồi lại quay lại lần nữa.

Cuối cùng, mụ tự bảo:

- Thì bề nào cũng cứ phải đến. Sớm còn hơn muộn.

Nhưng khi bước vào trong nhà, thì mụ thấy trống ngực đập thình thình.

Mụ vào một căn phòng rộng có những cửa ghi-sê khắp chung quanh, ở mỗi ghi-sê thấy đầu một người đàn ông, mình bị che lấp sau một lần rào mắt cáo.

Bỗng có một ông cầm giấy tờ xuất hiện. Mụ dừng lại và nói khẽ, giọng rụt rè:

- Xin lỗi ông, ông làm ơn cho biết phải hỏi ở đâu để xin hoàn tiền những đồ vật bị cháy?

Ông ta trả lời, tiếng sang sảng:

- Góc hai, tay trái, phòng tai nạn.

Câu này càng làm cho mụ sợ hơn; và mụ có ý muốn bỏ chạy, không nói gì hết, đành hy sinh mười tám quan của mụ. Nhưng nghĩ đến món tiền đó, mụ lại mạnh bạo lên một chút, và mụ thở hổn hển leo lên thang gác, cứ mỗi bậc lại dừng lại một lát.

Lên đến gác hai, mộ thấy một cái ca, mộ gõ cửa. Một giọng nói trong trẻo kêu lên:

- Cứ vào?

Mộ bước vào và thấy một căn phòng lớn có ba ông đeo huân chương, dáng điệu trịnh trọng, đứng đó đang nói chuyện.

Một ông hỏi mộ:

- Thưa bà, bà muốn hỏi gì ạ?

Mộ không biết nói ra sao nữa, mộ lúng búng:

- Tôi đến... tôi đến... vì... vì một tai nạn.

Ông đó lễ phép chỉ một cái ghế:

- Xin mời bà ngồi, một phút nữa tôi xin hầu chuyện bà.

Rồi, quay lại phía hai ông kia, ông ta tiếp tục câu chuyện.

- Thưa các ngài, đối với các ngài, Công ty cho là chỉ bị ràng buộc không qua bốn trăm ngàn quan. Chúng tôi không thể chấp nhận yêu sách của các ngài về số tiền một trăm ngàn quan mà các ngài bắt chúng tôi phải trả thêm. Và chẳng sự đánh giá...

Một trong hai ông kia ngắt lời ông ta:

- Thôi thế là đủ, thưa ông, toà án quyết định. Chúng tôi chỉ còn có việc xin cáo lui.

Và hai người cùng đi ra sau khi trịnh trọng chào đi chào lại mấy lần.

Trời! giá thử mụ dám bỏ ra cùng với họ thì mụ sẽ đi ngay; mụ sẽ chạy trốn, bỏ mặc tất cả! Nhưng mụ có thể làm thế được không? Ông kia trở lại và nghiêng mình:

- Thưa bà, chúng tôi được hầu bà chuyện gì đây?

Mụ khó khăn mới đáp ứng được:

- Tôi đến vì... vì cái này.

Ngạc nhiên ngó người, ông giám đốc cúi nhìn cái vật mụ đưa ra.

Bàn tay run run, mụ cố tháo cái dây chun. Sau một lúc cố gắng, mụ tháo được và bỗng mở bung cái bộ gọng rách mướp trơ xương của chiếc ô.

Ông kia nói, giọng thương hại:

- Trông nó có vẻ ốm lắm.

Mụ ngập ngừng nói:

- Tôi mua mất hai mươi quan đây.

Ông ta ngạc nhiên:

- Thật ư! Nhiều thế kia à?

Vâng, trước nó tốt lắm. Tôi muốn ông xác nhận tình trạng của nó.

- Được lắm, tôi thấy rồi. Được lắm. Nhưng tôi không hiểu rõ việc này có liên quan tới tôi ở chỗ nào.

Mụ thấy lo ngại. Có lẽ Công ty không bồi thường những đồ vật chẳng, và mụ nói:

- Thì... nó bị cháy mà...!

Ông kia không cãi:

- Thì rõ ràng là thế rồi.

Mụ há hốc mồm ra, không biết nói sao nữa; rồi bỗng nhiên, chợt hiểu mình đã sợ ý, mụ vội vã nói:

- Tôi là bà Oray. Chúng tôi có bảo hiểm ở Công ty *Bảo mẫu* và tôi đến để xin bồi thường chỗ thiệt hại này.

Mụ vội nói thêm, sợ bị từ chối hẳn:

- Tôi chỉ xin ông cho lợp lại cái ô thôi.

Ông giám đốc, lúng túng, nói:

- Nhưng... thưa bà... chúng tôi không phải là cửa hàng bán ô. Chúng tôi không thể đảm nhận những loại công việc sửa chữa đó được.

Mụ Cẩm thấy mình vững tâm trở lại. Cần phải đấu tranh. Thì mụ sẽ đấu tranh! Mụ không sợ nữa, mụ nói:

- Tôi chỉ xin trả cho tiền sửa chữa thôi. Còn tôi có thể tự thuê người sửa chữa được.

Ông kia có vẻ ngượng:

- Thật tình, thưa bà, chuyện nhỏ nhặt quá. Người ta không bao giờ đòi chúng tôi bồi thường về những tai nạn ít quan trọng như thế này. Bà cũng nhận cho rằng chúng

tôi không thể nào đền tiền những mùi-soa, găng tay, chổi lúa, giày cũ, tất cả những đồ dùng lặt vặt hàng ngày có thể bị hư hỏng vì lửa.

Mụ đỏ mặt, cảm thấy tức giận:

- Nhưng, thưa ông hồi tháng chạp vừa rồi chúng tôi đã bị một trận cháy lò sưởi thiệt hại ít nhất là năm trăm quan: ông Oray đã chẳng đòi Công ty trả gì hết; vậy thì bây giờ Công ty trả tiền ô cho tôi là chí phải.

Ông giám đốc, đoán biết là chuyện bịa, mỉm cười nói:

- Thưa bà, ông Oray không yêu cầu gì về một sự tổn hại năm trăm quan, mà lại đến đòi năm hay sáu quan tiền sửa chữa một cái ô, thì hẳn bà cũng phải thừa nhận là một chuyện kỳ!

Mụ không bối rối chút nào và cãi lại:

- Xin lỗi ông, tổn hại năm trăm quan liên quan đến túi tiền của ông Oray, còn tổn hại mười tám quan lại liên quan đến túi tiền của bà Oray, chuyện có khác nhau chứ.

Ông giám đốc thấy là mình chẳng tổng khứ nổi mụ và sắp phải mất toi cả ngày với mụ, nên đành chịu nhận:

- Xin bà cho biết tai nạn xảy ra như thế nào.

Mụ cảm thấy sắp thắng lợi và bắt đầu kể lể:

- Thưa ông, thế này: ở phòng treo áo tôi có một đồ bằng đồng hun để ô với ba-toong vào đấy. Vậy hôm nọ, ra phố về, tôi đặt cái ô này vào trong đó. Phải thưa với ông

rằng ngay bên trên có một tảng gỗ nhỏ để nện với diêm. Tôi với lấy bốn que diêm. Tôi đánh một que, nó không cháy. Tôi đánh một que khác, nó xòe lửa rồi tắt ngay. Tôi đánh một que thứ ba, cũng lại thế.

Ông giám đốc ngắt lời mù để nói chen một câu hóm hỉnh:

- Vậy ra là những que diêm của nhà nước à?

Mụ không hiểu và cứ nói tiếp:

- Có lẽ thế đấy. Tuy vậy, que thứ tư bắt lửa và tôi châm nện; rồi tôi vào phòng để đi ngủ. Nhưng mười lăm phút sau tôi thấy hình như có mùi khen khét. Tôi thì tôi vẫn luôn luôn sợ cháy! Ô, nếu có bao giờ nhờ xảy ra hỏa hoạn, thì sẽ chẳng phải lỗi ở tôi đâu. Nhất là từ cái trận cháy lò sưởi mà tôi đã nói với ông, tôi cứ lo ngay ngáy ấy. Thế là tôi trở dậy, ra ngoài buông, tôi tìm kiếm, tôi đánh hơi khắp chỗ như một con chó săn và cuối cùng tôi thấy là cái ô của tôi bị cháy. Có lẽ là tại một que diêm rơi vào đầu chông. Tình trạng nó ra sao thì ông trông thấy đấy.

Ông giám đốc đã có ý của mình. Ông hỏi:

- Bà đánh giá sự thiệt hại là bao nhiêu?

Mụ im bật, không dám định một con số. Rồi muốn làm ra vẻ rộng rãi, mụ nói:

- Xin ông cứ cho sửa chữa đi. Tôi xin tin ở ông.

Ông ta từ chối:

- Không, thưa bà, tôi không làm được đâu. Bà hãy cho biết bà đòi bao nhiêu.

- Nhưng mà... hình như... Thưa ông, tôi chẳng muốn kiếm lời kiếm lãi gì với ông... ta sẽ làm như thế này. Tôi sẽ đem cái ô của tôi đến một hiệu làm ô cho lợp lại bằng lụa tốt, lụa thật bền, rồi tôi đem hoá đơn lại cho ông. Như thế có được không?

- Được lắm, thưa bà; đồng ý như thế. Đây tôi viết mấy chữ cho phòng thủ quỹ, họ sẽ hoàn lại phí tổn cho bà.

Và ông đưa một tấm thiệp cho cụ Oray, cụ cầm lấy rồi đứng dậy, vừa cảm ơn vừa đi ra, muốn ra khỏi phòng cho mau, sợ ông ta lại thay đổi ý kiến.

Bây giờ thì cụ vui vẻ đi ở ngoài phố, tìm một hiệu bán ô nào có vẻ lịch sự. Khi thấy một cửa hàng có mẽ sang trọng, cụ bước vào và đồng dặc nói:

- Đây là một cái ô cho lợp lại bằng lụa, bằng lụa thật tốt. Ông có thứ gì là thượng hảo hạng thì cứ làm. Tôi không cần so kè về giá cả.

HƯỚNG MINH dịch

TRẢ THÙ

Khi Antoine Leuillet lấy Mathidle goá chồng, anh yêu nàng đã gần mười năm.

Chồng nàng, Souris, là bạn anh, trước kia cùng học trung học với anh. Leuillet rất quý mến bạn, nhưng thấy bạn hơi dần. Anh thường nói: "Cậu Souris tội nghiệp này chẳng thông minh gì lắm".

Khi Souris lấy Mathidle, Leuillet bị bất ngờ là hơi phật ý, vì anh cũng đôi chút yêu nàng. Nàng là con gái một láng giềng trước kia bán hàng xén, nay đã nghỉ với một món tài sản rất nhỏ. Nàng xinh đẹp mảnh mai, thông minh. Nàng lấy Souris vì tiền.

Thế là Leuillet nuôi những hy vọng khác. Anh tán tỉnh vợ bạn. Anh có thân hình cân đối, không đến nỗi ngốc nghếch và cũng giàu. Anh tin chắc thành công, nhưng lại thất bại. Từ đó anh mê đắm nàng, tuy nhiên, vì thân thiết với chồng nàng nên anh kín đáo, rụt rè và bối rối. Mathidle thì cho rằng anh không còn có những ý nghĩ "bạo gan" về nàng nữa, nên nàng thật thà trở thành bạn anh. Sự việc cứ thế kéo dài chín năm.

Buổi sáng nọ, có người chuyển tới Leuillet mấy chữ của nàng báo tin dữ. Souris vừa mới đột ngột qua đời vì bị đứt mạch máu.

Anh bàng hoàng sững sốt, vì hai người cùng một lứa tuổi, nhưng hầu như ngay lập tức, một cảm giác vui mừng sâu sắc, nhẹ nhõm vô biên, một cảm giác giải thoát thấm thía toàn bộ thể xác và tâm hồn anh. Mathidle đã được tự do.

Tuy vậy, anh biết tỏ ra buồn rầu theo đúng phép, anh chờ đợi một thời gian cần thiết theo đúng lễ thói. Sau mười lăm tháng, anh cưới Mathidle.

Mọi người coi hành động đó là tự nhiên, thậm chí còn là cao thượng. Đó là cách xử sự của một người bạn tốt và của một người trung thực.

Thế là cuối cùng anh đã hạnh phúc, hoàn toàn hạnh phúc.

*

Họ sống cực kỳ tâm đầu ý hợp, hiểu nhau và quý trọng nhau ngay lập tức. Họ không giận nhau điều gì và kể cho nhau nghe những ý nghĩ thâm kín nhất. Giờ đây, Leuillet yêu vợ bằng một tình yêu bình lặng và tin cậy. Anh yêu nàng như yêu một người bạn dịu dàng và tận tụy, luôn bình đẳng với anh và anh có thể tâm tình mọi

chuyện. Nhưng ở tít sâu trong lòng, anh vẫn giữ một mối hận kỳ lạ và khó hiểu đối với Souris quá cố, kẻ đã chiếm người đàn bà này trước tiên, kẻ đã được hưởng phần tinh túy của tuổi trẻ và tâm hồn nàng, kẻ đã làm nàng mất thi vị đôi chút, có thể nói như vậy. Kỷ niệm về người chồng chết đã phá hỏng hạnh phúc của người chồng sống; và nỗi ghen tuông muộn màng ấy giờ đây ngày đêm quấy rầy trái tim Leuillet.

Anh nói liên tục về Souris, hỏi về anh ta hàng nghìn chi tiết thâm kín và bí mật, muốn biết hết về thói quen và về con người anh ta. Anh dùng những lời chế nhạo để truy đuổi anh ta đến tận cùng, mãi nguyện nhắc tới những tật kỳ cục của anh ta, nhấn mạnh các lỗ bịch, vạch vòi các khiếm khuyết của anh ta.

Anh luôn gọi vợ từ đầu giường kia của ngôi nhà:

- Mathidle đâu rồi?

- Em đây.

- Lại đây anh bảo này.

Nàng bước tới, bao giờ cũng tươi cười, biết rằng họ sẽ nói về Souris và thích thú với cái thói gần vô hại ấy của người chồng mới.

- Này, em có nhớ hôm Souris muốn chứng minh cho anh thấy những người đàn ông bé nhỏ thường được yêu hơn những người đàn ông cao to không?

Và anh nói thao thao bất tuyệt những nhận xét khó

chịu về người đã khuất, vóc dáng bé nhỏ, và kín đáo nói bóng gió đề cao mình, vốn vóc dáng cao to.

Mathilde đáp lại rằng anh rất có lý, rất có lý; và nàng cười vui vẻ, nhẹ nhàng đùa giỡn người chồng cũ khiến người chồng mới rất thích, cuối cùng bao giờ Leuillet bao giờ cũng nói thêm:

- Dù sao, cái cậu Souris này cũng dần thật.

*

Họ rất hạnh phúc, hoàn toàn hạnh phúc. Và qua những biểu hiện nho nhỏ, Leuillet luôn chứng tỏ tình yêu nồng nàn của anh đối với vợ.

Một đêm, cả hai người đều cảm thấy rạo rực sức trẻ và chưa ngủ được, Leuillet ôm chặt vợ trong tay hôn đậm cặp môi nàng rồi bỗng đứng hỏi:

- Này em.

- Gì vậy anh?

- Souris... cậu anh sắp hỏi khó lắm đấy, - Souris có đa tình lắm không?

Nàng đáp lại anh bằng một nụ hôn rõ dài, và thì thầm: "Không được như anh đâu, con mèo của em ạ".

Anh nghe mà khoái cả cái lỗ tai, rồi hỏi tiếp: "Chắc là cậu ta... vụng về lắm... hả?"

Nàng không trả lời. Nàng chỉ khẽ cười khúc khích láu lỉnh và rúc mặt vào cổ chồng.

Anh hỏi: "Chắc là cậu ta rất vụng về, và không... không... nói thế nào nhỉ... không khéo léo?"

Đầu nàng làm một động tác nhẹ, có nghĩa là: "Vâng... chẳng khéo léo gì cả".

Anh hỏi tiếp: "Chắc anh ta làm em chán lắm, ban đêm, phải không?".

Lần này, nàng thành thật trả lời: "Ồ, vâng".

Anh lại ôm hôn nàng vì mấy lời ấy và thì thầm: "Cậu ta thực là tàn ác! Em không hạnh phúc với cậu ta?"

Nàng trả lời: "Vâng. Không phải ngày nào cũng vui vẻ".

Leuillet cảm thấy vui sướng, anh thăm so sánh cuộc sống cũ và cuộc sống mới của vợ anh, thấy giờ đây nàng hạnh phúc hơn hẳn.

Trong một lúc anh không nói gì, rồi chợt vui lên, anh hỏi:

- Nay,

- Gì vậy anh?

- Em muốn rất thành thật, tuyệt đối thành thật với anh chứ?

- Vâng, anh yêu.

- Thế này nhé, đã có bao giờ em định... định... lừa dối cậu ta chưa, cái cậu Souris cù lần ấy?

Mathidle "ồ" ! một tiếng e thẹn và rúc mặt thêm nữa vào ngực chồng. Nhưng anh thấy nàng cười rình rích.

Anh gặng:

- Em có định thế chứ? Đâu cậu ta mọc thêm hai cái sừng, trông sẽ buồn cười lắm, buồn cười lắm lắm ấy nhỉ. Cái cậu Souris ngờ nghệch ấy. Này, này, em yêu em có thể nói điều đó với anh, nhất là với anh.

Anh nhấn mạnh hai tiếng "với anh", vì nghĩ rằng nếu hồi xưa nàng có muốn lừa dối Souris thì chính là với anh. Anh run lên thích thú chờ đợi lời thú nhận ấy. Anh tin chắc nếu nàng không phải là một người phụ nữ đức hạnh thì bấy giờ anh đã được nàng.

Nhưng nàng không trả lời, nàng vẫn rích rích như đang nhớ tới một chuyện gì hết sức buồn cười.

Leuillet thì cũng bắt đầu cười với cái ý nghĩ rằng anh đã có thể cảm sừng Souris. Đó sẽ là một vỏ tuyệt diệu! Một trò cực hay. Một màn khôi hài thực sự.

Vui sướng đến phát điên, anh nói: "Tội nghiệp Souris, chà, ừ, ừ, tội nghiệp!"

Mathidle lúc này đã cười ngật cười ngheo dưới tấm ga, cười đến chảy nước mắt. Leuillet nhắc đi nhắc lại: "Nào, thú thật đi, thú thật đi nào. Em hiểu rõ rằng anh sẽ không hề khó chịu đâu, nào".

Nàng đáp trong tiếng cười: "Vâng, vâng".

Chồng nàng gặng: "Sao? Kìa, em nói hết ra đi".

Nàng chỉ còn cười nhè nhẹ, nàng ghé miệng sát tận tai Leuillet, anh ta đang chờ đợi được nghe một điều bí mật để chịu, nàng thì thầm: "Vâng... em đã lừa dối anh ấy".

Anh cảm thấy một cơn ớn lạnh thấm sâu vào tận xương tuỷ, anh lắp bắp: "Em... em... đã... đã lừa dối cậu ta... thực sự?"

Nàng tưởng anh vẫn còn thấy chuyện này rất buồn cười nên nàng trả lời: " Vâng... thực sự... thực sự hoàn toàn" .

Anh buộc phải ngồi dậy vì cảm thấy bị sốc, hơi thở của anh đứt quãng, anh bàng hoàng như thể vừa được biết chính anh bị cấm sùng.

Thoạt tiên anh không nói gì, rồi sau vài giây, anh chỉ thốt lên như thở hắt ra "Thế đấy!".

Nàng cũng đã ngừng cười, hiểu quá chậm sai lầm nàng đã phạm phải.

Cuối cùng, Leuillet hỏi "Với ai vậy?".

Nàng câm lặng, kiếm tìm cách biện luận.

Cuối cùng, nàng nói: "Với một anh thanh niên"

Anh quay phắt về phía nàng, giọng khô khốc: "Tất nhiên không phải là với một mụ đầu bếp. Anh hỏi em là với thằng nào, rõ chưa?".

Nàng không đáp. Anh túm lấy tấm ga nàng trùm lên đầu, ném xuống giữa giường, nhắc lại:

- Anh muốn biết là với thằng nào, rõ chưa!

Nàng nói một cách khó nhọc: "Em muốn cười".

Nhưng anh tức run lên: "Gì kia? Thế nào? Em muốn cười? Em nhạo báng anh, hả? Anh chẳng có làm sao về cái vụ đó, rõ chưa. Nhưng anh hỏi em tên thằng ấy là gì?".

Nàng không trả lời, vẫn nằm ngửa, không nhúc nhích. Anh nắm lấy cánh tay nàng bóp mạnh: em nghe thấy anh nói không đấy, hả? Anh hỏi, thì em phải nói chứ?"

Nàng cúi kính đáp: "Em nghĩ anh đang điên, hãy để em được yên!".

Anh phát rõ, không biết nói gì nữa, anh dùng hết sức lắc tay nàng, nhắc lại: "Em nghe thấy anh nói không? Nghe thấy anh nói không?".

Nàng giật mạnh tay ra, đầu một ngón tay chạm vào mũi chồng. Tưởng bị nàng đánh, anh xô vào nàng.

Bây giờ, anh giữ nàng bên dưới anh, vừa tát thật đau vừa gào thét: "Này, này, đồ hư đốn, đồ đi thaõ, đi thaõ!".

Rồi khi đã mệt đứt hơi, đã kiệt sức, anh đứng dậy tiến

về phía tử ly để pha một cốc nước ngọt có vị cam, anh cảm thấy rõ ràng chỉ chục ngã khuyu xuống.

Trong khi đó, ở cuối giường, nàng khóc nức khóc nở, cảm thấy hạnh phúc của nàng thế là hết, tại nàng.

Thế rồi, qua làn nước mắt, nàng áp ứng: "Anh, lại đây em nói dối anh đó mà, anh sẽ hiểu, hãy nghe em".

Đã sẵn sàng tự vệ, lý lẽ và mưu mẹo đẩy mình, nàng hơi ngẩng cái đầu rồi bù trong chiếc mũ đệm lệch lạc.

Còn anh, anh quay đầu về phía nàng, bước đến gần, hổ thẹn vì đã đánh nàng, nhưng ở tí sâu tận đáy trái tim người chồng của anh, anh cảm thấy một mối hận khôn nguôi đối với vợ vì người đàn bà này đã dối lừa người kia, Souris.

VŨ ĐÌNH BÌNH dịch

MÓN TƯ TRANG

Ông Lăngtanh gặp cô ta trong một tối vui tại nhà viên phó chủ sự, liền mê tíu cô ta như cá mắc lưới.

Cô ta là con gái một người thu thuế tỉnh lẻ đã qua đời nhiều năm nay. Sau đấy cô dọn đến ở Pari với mẹ, nơi đây, bà mẹ thường đi lại với vài gia đình trưởng giả trong khu phố mong gả được chồng cho con. Hai người sống đậm bạc và đứng đắn, yên tĩnh và hiền hậu. Cô gái có vẻ là mẫu mực toàn vẹn về một người đàn bà đức hạnh mà người thanh niên khôn ngoan nào cũng mơ ước gửi gắm đời mình. Sắc đẹp kín đáo của cô có một vẻ duyên dáng e lệ của tiên nữ và nụ cười luôn luôn thoáng nở trên môi như phản chiếu nỗi lòng cô vậy.

Ai cùng hết lời khen ngợi cô; những người quen biết cô đều nhắc đi nhắc lại không chán: "Sung sướng thay người nào lấy được cô. Chẳng thể tìm đâu được người hơn".

Ông Lăngtanh lúc đó làm tham biện ở Bộ Nội vụ, lương hàng năm là ba nghìn năm trăm quan, hỏi cô và lấy cô.

Ông sống với cô hết sức hạnh phúc. Cô trông nom nhà cửa, tần tảo khéo léo đến mức tưởng như hai người sống trong cảnh xa hoa. Đối với chồng, cô hết mực chăm sóc chiều chuộng, âu yếm và, nhan sắc, tính nết cô có sức quyến rũ mạnh mẽ đến mức sáu năm sau, ông Lãngtanh còn yêu cô hơn cả những ngày đầu.

Ông chỉ trách cô về hai sở thích: đi xem hát và chơi đồ nữ trang giả.

Các bạn cô (cô có quen biết vợ vài công chức nhỏ) luôn luôn kiếm cho cô vé đi xem những vở kịch đang được hoan nghênh, ngay cả những buổi công diễn đầu tiên; và dù ông ta không muốn, cô cứ kéo chồng đi dự những buổi giải trí đó làm ông vô cùng mệt mỏi sau một ngày làm việc. Thế là ông ta van vãn cô đi xem hát với một bà bạn quen thuộc nào đó, bà này sẽ đưa cô về sau buổi biểu diễn. Mãi mãi cô mới đồng ý, cho làm như thế là không nên. Nhưng về sau cô cũng chiều chồng và ông lấy làm ơn vợ.

Nhưng chẳng bao lâu cái thú đi xem hát ấy khiến cô thấy cần thiết phải trang điểm. Cách ăn mặc của cô vẫn giản dị, quả có thể, trang nhã nhưng nhũn nhặn; và vẻ kiêu diễm dịu dàng, vẻ kiêu diễm làm ai cũng phải say đắm, vẻ kiêu diễm khiêm nhường và tươi tắn, hình như nhờ cách ăn mặc giản dị mà lại có một ý vị mới, nhưng từ đó cô có thói quen đeo hoa tai mặt đá vùng sông Ranh giả kim cương và những chuỗi hạt ngọc trai giả, những nhũc điểm hạt pha-lê đủ hình đủ kiểu giả ngọc quý.

Chồng cô hơi khó chịu về cái chuyện say mê những đồ hào nhoáng giả đó, thường nói: "Em ạ, khi ta không có khả năng mua những đồ tư trang thật sự, ta có thể chỉ trang điểm bằng sắc đẹp và vẻ duyên dáng của ta, đó mới là những đồ châu báu quý giá nhất".

Nhưng cô dịu dàng mỉm cười và trả lại: "Làm thế nào được hở anh? Em thích thế. Đó là tật xấu của em. Em biết rõ anh nói có lý nhưng em không sửa được. Em thì em mê đồ trang sức quá thể!".

Và cô lăn trong tay những chuỗi hạt ngọc, soi những mặt đá có cạnh lóng lánh vừa nhắc đi nhắc lại: "Nhưng mà anh thử xem họ làm mới khéo chứ! Trông cứ như đồ thật ấy".

Chồng cô mỉm cười trả lời: "Em có những sở thích của người Bôhêmiêng".

Đôi khi, tối đến, khi hai người cùng ngồi bên lò sưởi cô đem đặt lên bàn uống trà chiếc hộp da dê thuộc đựng những thứ "vớ vẩn" đó - theo cách gọi của ông Lăngtanh; rồi cô chăm chú say mê ngắm nghía những đồ trang sức giả ấy như thưởng thức một lạc thú thâm kín và sâu sắc nào đó và cô cứ đeo vào cổ chồng cho được một chuỗi hạt để rồi vừa cười vừa nói rất hồn nhiên: "Trông anh mới ngộ nghĩnh làm sao!". Sau đó cô ngã vào lòng chồng và hôn chồng tới tấp.

Một đêm đông, sau buổi đi xem ở rạp Ca kịch, cô trở về nhà rét run cầm cập. Sáng trở dậy cô ho và tám ngày sau, cô chết vì xung huyết phổi.

Ông Lãngtanh suýt chết theo. Ông đau khổ vô cùng, đến nỗi một tháng sau tóc ông bạc trắng. Ông khóc từ sáng đến tối, lòng đau như xé vì một nỗi đau khổ vô hạn, luôn luôn bị ám ảnh vì kỷ niệm, vì nụ cười, vì tiếng nói, vì tất cả sự duyên dáng của người vợ đã qua đời.

Thời gian cũng chẳng làm nguôi được nỗi đau đớn của ông. Nhiều lần, trong giờ làm việc, khi các bạn đồng nghiệp bàn tán về thời cục, bỗng nhiên người ta thấy ông phồng má lên, mũi ông nhăn lại, mắt ông giàn giụa, mặt ông dúm dỏ và ông khóc nức nở.

Ông giữ nguyên vẹn căn phòng của vợ và hàng ngày ông ngồi trong đó đóng cửa lại để tưởng nhớ đến cô; tất cả đồ đạc và ngay cả áo quần của cô vẫn cứ nằm nguyên chỗ như ngày cô mới chết.

Nhưng cuộc sống của ông trở nên khó khăn. Lương bổng ông xưa kia ở trong tay người vợ, đáp ứng được mọi sự chi tiêu trong gia đình thì nay chỉ còn một mình ông lại trở nên thiếu thốn. Và ông kinh ngạc tự hỏi không hiểu cô đã thu vén thế nào mà ông vẫn luôn luôn có rượu tốt uống, có thức ăn ngon, mà bây giờ ông không thể mua nổi nữa với đồng lương ít ỏi.

Ông mắc nợ và tìm cách xoay sở tiền như những kẻ gặp vận bí. Rồi một buổi sáng, còn cả một tuần mới đến cuối tháng, ông không còn một đồng dính túi ông thấy phải bán đi một vật gì đó; ông liền nghĩ ngay đến việc đẩy cái món "vở văn" của vợ đi vì trong thâm tâm ông vẫn giữ một thứ ác cảm đối với những cái của giả ấy đã làm ông

xưa kia bực bội. Hàng ngày chỉ nhìn thấy những vật đó cũng làm tổn thương đến tình cảm của ông đối với người vợ yêu quý.

Ông tìm mãi trong cái mớ hào quang giả của vợ để lại vì đến tận những ngày cuối cùng trước khi qua đời, tới nào cô cũng cố mua bằng được một đồ nữ trang mới - và ông quyết định chọn chuỗi hạt lớn hình như xưa kia vợ ưa thích hơn cả, chuỗi hạt ấy có thể đáng giá - theo ông nghĩ - sáu hay tám quan vì chuỗi hạt này quả thật làm rất công phu đối với một đồ nữ trang giả.

Ông bỏ chuỗi vào túi và đi về phía cơ quan bộ, theo các đại lộ, tìm kiếm một cửa hiệu kim hoàn đáng tin cậy.

Cuối cùng ông tìm được một hiệu và bước vào, hơi hồ thẹn phải phô bày cảnh túng thiếu của mình, đi bán một vật đáng giá chẳng là bao.

- Thưa ông, - ông nói với chủ hiệu, - tôi muốn biết vật này đáng giá bao nhiêu.

Chủ cửa hiệu kim hoàn cầm lấy chuỗi hạt, ngắm nghía lật đi lật lại, nhắc lên xem nặng nhẹ, lấy kính hiển vi, gọi người làm công thẩm thì nhận xét rồi đặt chiếc vòng lên quầy hàng và đứng ra xa nhìn để nhận định giá trị cho rõ hơn.

Ông Lãngtanh, ngượng nghịu vì tất cả những kiểu cách ấy, sắp sửa buột miệng nói: "Ồ! tôi biết là vật đó chẳng có giá trị gì" thì người chủ kim hoàn nói:

- Thưa ông, chuối hạt này giá đáng từ mười hai đến mười lăm ngàn quan, nhưng tôi chỉ có thể mua được với điều kiện là ông cho biết rõ nguồn gốc chuối hạt.

Người đàn ông goá vợ tròn xoe mắt và há hốc miệng ra nhìn: chẳng hiểu gì cả, cuối cùng lắp bắp nói: "Ông bảo thế nào?... Ông có chắc không?". Người chủ hiệu hiểu lắm về sự kinh ngạc của ông và trả lời xẵng: "Ông có thể đi nơi khác nếu được giá hời hơn. Đối với tôi, chuối hạt đó đáng giá cùng lắm là mười lăm ngàn. Nếu ông không tìm đâu được giá cao hơn thì mời ông trở lại đây".

Ông Lăngtanh, ngáy người ra, lấy lại chuối hạt và bỏ đi, mơ hồ cảm thấy cần phải suy nghĩ một mình.

Nhưng ra đến ngoài phố bỗng nhiên ông muốn phá lên cười và nghĩ thầm: "Thằng ngốc! ô! thằng ngốc! giá mà ta cứ nhận ngay xem sao! Thật là chủ hiệu kim hoàn mà không biết phân biệt thật giả".

Và ông lại vào một cửa hiệu khác, ở đầu phố Hoà bình. Người chủ vừa thấy chuối hạt đã thốt lên:

- A! Đúng rồi, tôi biết chuối hạt này lắm, ở cửa hàng tôi bán ra đây mà.

Ông Lăngtanh vô cùng bối rối, hỏi:

- Chuối hạt đáng giá bao nhiêu?

- Thưa ông, tôi đã bán ra hai mươi lăm ngàn. Tôi sẵn sàng mua lại với giá mười tám ngàn khi nào ông có thể cho tôi rõ, theo luật pháp hiện hành, làm sao ông có được chuối hạt này.

Lần này thì ông Lăngtanh ngồi phịch xuống, bủn rủn cả chân tay vì kinh ngạc. Ông nói tiếp:

- Nhưng... nhưng ông hãy xem kỹ đi đã, ông ạ, cho đến nay tôi vẫn tưởng là... đồ giả.

Người chủ hiệu lại nói:

- Ông có thể cho biết quý danh?

- Được lắm. Tên tôi là Lăngtanh, công chức Bộ Nội vụ, tôi ở nhà số 16, phố Macchia.

Người chủ hiệu mở sổ, tra cứu và nói:

- Chuối hạt này quả thực đã gửi tới địa chỉ bà Lăngtanh, 16, phố Macchia, ngày 20 tháng 7 năm 1876.

Và hai người nhìn nhau, người công chức ngáy ra vì kinh ngạc, người chủ hiệu đánh hơi thấy một tên kẻ cắp.

Người chủ hiệu nói:

- Ông có thể để lại đây cho tôi chuối hạt này trong hai mươi bốn giờ được không, tôi xin đưa ông giấy biên nhận.

Ông Lăngtanh áp ứng:

- Được chứ, tất nhiên, - và ông vừa bước ra vừa gập tờ giấy biên nhận rồi bỏ vào túi.

Ông đi ngang qua đường, đi ngược lên, nhận thấy mình lầm, lại đi quay lại phố Tuylon, qua sông Xen, lại thấy mình lầm, lại trở về đường Săng-Elidê, chẳng có ý nghĩ gì rõ rệt trong đầu. Ông cố suy luận, tìm hiểu. Vợ ông không có thể mua nổi một vật giá trị đến thế. - không

chắc chắn thế. Nếu thế thì là một tặng phẩm! Một tặng phẩm! Một tặng phẩm của ai? Tại sao?

Ông dừng lại, và ông đứng sừng sững giữa đường cái. Một sự ngờ vực ghê rợn lướt qua đầu ông. - Nàng ư? Thế thì tất cả các đồ nữ trang khác cũng đều là tặng phẩm! Ông thấy hình như quả đất chuyển động; cây trước mắt ông đổ ụp xuống; ông đang tay, ngã vật ra bất tỉnh.

Ông tỉnh dậy trong cửa hiệu được phẩm những người khách qua đường đã đưa ông vào đây. Ông nhờ người dẫn về và ở lì trong nhà.

Ông khóc suốt mười cho đến đêm, mồm cắn chiếc khăn tay để khỏi kêu lên. Rồi ông đi nằm, người mệt mỏi và phiền muộn, và ông ngủ, một giấc ngủ nặng nề.

Một tia nắng đánh thức ông dậy và ông chậm rãi đi đến cơ quan làm việc. Thật là khó mà làm việc nổi sau những cơn kích động như thế. Ông nghĩ là ông có thể xin cấp trên cho nghỉ và ông liền viết đơn. Rồi ông nghĩ có lẽ phải trở lại cửa hiệu kim hoàn. Ông xấu hổ đỏ cả mặt. Ông suy nghĩ mãi. Nhưng ông cũng không thể để chuỗi hạt ở cửa hiệu kim hoàn được, ông liền mặc áo vào và bước ra phố.

Ngày hôm đó đẹp trời, trên thành phố tươi vui là một giải trời xanh biếc. Người đi đường qua lại, tay dứt túi.

Nhìn họ đi qua mặt, ông Lãngtanh nghĩ bụng: "Những người có của thật sung sướng. Có tiền thì phiền muộn cũng có thể xua đi được, muốn đi đâu thì đi, đi du lịch, giải trí. Trời! Giá mà ta có nhiều tiền."

Ông thấy đói bụng, ông không ăn uống gì từ hôm kia. Nhưng túi ông lại rỗng không và ông lại nhớ tới chuỗi hạt. Mười tám nghìn quan. Một món tiền lớn đấy chứ.

Ông bước về phía phố Hoà-bình và đi đi lại lại trên hè, ngay trước cửa hiệu kim hoàn. Mười tám nghìn quan! Hai mươi lần ông định bước vào; nhưng ông xấu hổ cứ chùn lại.

Nhưng ông đói bụng, đói lắm mà một xu chẳng có. Bỗng ông quyết định, vừa đi vừa chạy ngang qua đường để khỏi có thời gian suy nghĩ, ông lao vào cửa hàng kim hoàn.

Vừa trông thấy ông, người chủ hiệu rồi rít kéo ghế mời ông ngồi, miệng tươi cười lễ phép. Ngay cả những người làm công cũng chạy tới, liếc nhìn ông Lãngtanh, mặt mũi hân hoan.

Người chủ hiệu kim hoàn nói:

- Tôi đã điều tra rồi, và nếu ông không thay đổi ý kiến, tôi sẵn sàng gửi ông số tiền tôi đã đề nghị.

Người công chức trả lời:

- Dĩ nhiên là thế.

Người chủ hiệu kim hoàn rút trong ngăn kéo ra mười tám tờ giấy lớn, đếm xong đưa ra cho ông Lãngtanh ký vào tờ giấy biên nhận và tay run run bỏ số tiền vào túi.

Ông sắp bước ra khỏi cửa thì quay lại về phía người chủ kim hoàn đang vẫn tươi cười và mắt nhìn xuống, hỏi:

- Tôi... tôi còn những đồ nữ trang khác... của... cũng của chính người ấy để lại. Ông có mua không?

Người chủ hiệu, nghiêng người trả lời:

- Thưa ông vâng, tất nhiên được thôi - Một người làm công chạy ra ngoài để cười cho thoả, một người khác hi mũi thật mạnh.

Ông Lãngtanh không nao núng, đỏ mặt tía tai và nghiêm trang lên tiếng:

- Tôi sẽ đem lại cho ông.

Và ông gọi xe ngựa lên đường về lấy đồ nữ trang.

Một giờ sau, ông trở lại cửa hiệu, ông vẫn chưa ăn trưa. Hai người xem xét cân nhắc hết thứ này đến thứ khác, đánh giá từng chiếc một. Phần lớn đều ở cửa hàng này bán ra.

Giờ đây, ông Lãngtanh tranh cãi về giá cả, phát khùng, đòi hỏi xem sổ sách, số tiền càng cao thì tiếng nói càng lớn.

Đôi hoa tai đáng giá hai mươi ngàn quan; vòng đeo tay ba mươi lăm ngàn, cài tóc, nhẫn và khung đeo ảnh nhỏ mười sáu ngàn, bộ ngọc bích và ngọc đỏ mười bốn ngàn; một mặt đá kim cương có dây vàng để đeo cổ bốn mươi ngàn, tổng số là một trăm chín mươi sáu ngàn quan.

Người chủ hiệu nói, về ôn hậu lần chút giễu cợt:

- Cửa cái của một người dành dụm tất cả vào đồ nữ trang.

Lãngtanh nghiêm trang trả lời:

- Đó cũng là một cách để dành tiền, - và ông bước ra sau khi đã quyết định cùng với người chủ hiệu là ngày hôm sau sẽ có một cuộc tái giám định.

Ra đến ngoài phố, ông nhìn cột Văngđôm⁽¹⁾ những muốn leo lên như leo cột mỡ. Ông cảm thấy người nhẹ nhõm muốn chơi trò nhảy qua tượng hoàng đế đứng cheo leo trên đỉnh cột giữa bầu trời.

Ông đến ăn trưa ở hiệu Voadanh và uống rượu loại hai mươi quan một chai.

Rồi ông lên xe ngựa dạo một vòng qua. Rừng Bulônơ, ngồi nhìn các xe cộ, vẻ khinh miệt, ám ức muốn thét vào tai những người qua đường: "Ta đây cũng giàu có. Ta có hai trăm ngàn quan".

Bỗng ông nghĩ đến cơ quan làm việc. Ông cho xe ngựa đánh tới đó, quả quyết vào gặp cấp trên để báo:

- Thưa ông, tôi đến xin từ chức. Tôi vừa được thừa kế một khoản ba trăm ngàn quan.

Ông đến bắt tay các bạn đồng nghiệp cũ, tâm sự với họ về dự kiến sống sau này rồi đến ăn chiều ở quán cà-phê Anglê.

Ngồi bên một vị có vẻ lịch sự, ông không thể cưỡng

⁽¹⁾ Cột xây dựng bằng đồng súng trái pháo lấy được của địch, trên có tượng Hoàng đế Napoléon.

lại được cái miệng cứ ngửa ngáy muốn bày tỏ với ông ta, với một giáng điệu kiểu cách, là ông vừa thừa kế bốn trăm ngàn quan.

Lần đầu tiên trong đời. Ông xem hát không thấy chán và đêm đó ông chúi vào nhà gái điểm.

Sáu tháng sau, ông tái giá. Người vợ thứ hai là một người đàn bà rất ngay thật nhưng khó tính.

Người đó làm ông đau khổ nhiều.

TRUNG HIẾU dịch

CÔ FIFI

Tên thiếu tá người Phổ, hầu tước Facxbe ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành lớn phủ thảm vừa đọc xong mớ giấy tờ hàng ngày, đôi chân đi ủng gác lên đá hoa sang trọng của lò sưởi. Ba tháng nay từ khi hấn đến ngự trị ở lâu đài Uyvin, cặp đinh thúc ngựa của đôi ủng đã khoét hai lỗ sâu hoắm vào đá mỗi ngày một sâu thêm.

Một tách cà-phê bốc khói trên chiếc bàn xoay khám hoen ố vì vết rượu mùi, chấy nham nhờ vì xì gà, sứt sứt vì dao díp của tên sĩ quan chiến thắng, đôi khi đã ngừng tay gọt nhọn bút chì, tùy hứng rạch lên chiếc bàn xinh xắn những con số hoặc những hình vẽ tùy những lúc hấn uể oải mơ màng.

Đọc xong thư từ và lướt qua báo chí Đức người chạy giấy vừa mang tới, hấn đứng dậy và sau khi ném vào đồng lửa vài ba khúc gỗ tươi to sụ - vì các ngài đón dần cây cối trong vườn để sưởi - hấn bước đến bên cửa sổ.

Trời mưa như trút nước, một trận mưa vùng Normăngđi tựa hồ có một bàn tay diên khùng giội xuống, một trận mưa tấp, dày đặc như một bức màn tạo thành một bức tường có những vạch xiên chéo, một trận mưa như

quất vào mặt, tung toé, tràn ngập khắp nơi, một trận mưa thật sự của vùng lân cận Ruăng, cái bờ đái đêm của nước Pháp.

Tên sĩ quan ngắm nhìn hồi lâu các bãi cỏ ngập nước và xa xa con sông Ăngđen ứ dâng lên tràn bờ. Hắn đang gõ nhịp lên cửa kính một điệu "vanxơ", miền sông Ranh thì bỗng một tiếng động khiến hắn quay lại: đó là tên phụ tá của hắn, nam tước Kenvaixten, cấp bậc tương đương đại uý.

Tên thiếu tá, người cao lớn như hộ pháp vai rộng, bộ râu dài hình quạt toả ra phủ kín ngực và tất cả cái thân hình to lớn của hắn gợi cho người ta liên tưởng đến một con công bận quân phục, một con công đuôi xoè ra ở cấm. Hắn có đôi mắt xanh lam, lạnh lùng và hiền, bên má bị một vết gươm trong cuộc chiến tranh với nước Áo; người ta đồn rằng không những hắn là một người tốt bụng mà lại còn là một sĩ quan dũng cảm.

Tên đại uý, thân hình thấp bé, mặt đỏ gay, bụng phệ, bó nịch trong quân phục, râu tóc đỏ bẻm cắt ngắn: khi có ánh sáng rọi vào những sợi râu tóc đỏ như lửa trông ngỡ mặt hắn có xoa chất lân tinh. Hai chiếc răng gầy trong một hàm hoan lạc, hắn cũng chẳng còn nhớ sự thể vì sao khiến hắn khạc ra những tiếng nói ào phào thường chẳng mấy ai hiểu nổi và đầu hắn lại chỉ hơi nghiêng trên đỉnh như kiểu thầy tu gọt tóc với những sợi tóc nhỏ quăn vàng ánh bao quanh cái vòng thịt da trần trụi đó.

Tên thiếu tá bắt tay hắn và nốc một hơi hết tách cà

phê (tách thứ sáu kể từ sáng trong khi tên phụ tá báo cáo mọi việc xảy ra trong công tác rồi cả hai cùng bước lại gần cửa sổ và kêu buồn quá. Tên thiếu tá, một con người bình thân, lấy vợ ở quê nhà, thích nghi với mọi hoàn cảnh, còn tên đại úy nam tước là dân ăn chơi không biết chán, hay bê tha nơi tửu quán ca lâu chuyên mò gái, thì phát cáu lên về nỗi bị giam hãm từ ba tháng nay trong cái cảnh chạy tịnh bắt buộc ở cái đồn hẻo lánh này.

Nghe thấy tiếng gõ nhẹ vào cánh cửa, tên thiếu tá lớn tiếng bảo mở ra và một người, một trong những tên lính người máy của chúng hiện ra ở khuôn cửa và tên này chỉ cần vào trình diện là đủ biết bữa ăn trưa đã sẵn sàng.

Trong phòng ăn còn có ba tên sĩ quan cấp dưới: trung úy Ôttô đơ Grôxlinh, hai thiếu úy Fritz Soinaobuộc và tử tước Vinhem Đayrich, một tên bé loắt choắt tóc vàng, hách dịch và tàn bạo đối với binh lính, khắc nghiệt đối với kẻ chiến bại và hung dữ như một khẩu súng khạc đạn.

Từ khi hấn bước chân vào nước Pháp, bạn bè chỉ gọi hấn bằng cái tên: cô Fifi. Sở dĩ hấn có cái biệt danh đó là do điệu bộ ông ẹo của hấn, cái thân hình mảnh dẻ chừng như bị bó chèn trong một cái áo nịt phụ nữ, bộ mặt tái xanh thấp thoáng tí ria mép mới lún phún và cũng do hấn có thói quen, muốn tỏ sự miệt thị cao độ đối với người, với vật, luôn luôn dùng cái tiếng Pháp – *fî, fî⁽¹⁾*, hấn nói hơi rít giọng.

⁽¹⁾ Thán từ tiếng Pháp tỏ ý khinh bỉ

Phòng ăn lâu đài Uyvin là một căn phòng dài trắng lè có những tấm gương pha-lê cổ xưa, lỗ chỗ vết đạn và những tấm thảm xú Flangđơ phủ tường, bị những nhát gươm chén toạc rách từng chỗ phủ xuống, đủ nói lên cô Fifi đã dùng những giờ vô công rồi nghề vào những việc gì.

Trên tường có treo ba bức chân dung của gia đình, một chiến binh mặc áo giáp sắt, một giáo chủ và một vị tổng thống hút những ống điếu sứ, dài nghêu, còn trong chiếc khung lâu ngày thép vàng đã bạc, một mệnh phụ có bộ ngực chèn phô ra một cách ngạo nghễ cặp ria mép to tướng bôi bằng than.

Và bữa ăn trưa của mấy sĩ quan diễn ra gần như im lặng trong căn phòng bị huỷ hoại, tối sầm lại vì ma men, rầu rĩ vì quang cảnh chiến bại, căn phòng mà sàn gỗ sồi đã trở thành nhộp nhúa như nền quán rượu.

Đến giờ hút thuốc, khi bọn chúng bắt đầu uống rượu sau khi đã ăn xong thì cũng như mọi ngày, chúng than thở về những nỗi chán chường của chúng. Hết cô-nhắc lại rượu mùi được chuyển tay nhau và tất cả bọn đều ườn người trên ghế, luôn miệng tợp từng ngụm một, mép vẫn gặm chiếc ống điếu dài đầu có nõ sứ bao giờ cũng bôi loè loẹt như để quyến rũ người Hóttăngtô⁽¹⁾

Cạn cốc chúng lại rót đầy với một cử chỉ uể oải nhẵn nhụi; song cô Fifi luôn tay đập vỡ cốc và tức khắc một tên lính lại đưa ra một chiếc khác.

⁽¹⁾ Một chủng tộc ở đảo Madagaxca và Nam Phi

Một làn khói khét lẹt mờ mịt phủ lấy cả bọn và chúng có vẻ mãi mê trong cơn say thiêm thiếp và buồn bã, trong cái cảnh ma men rầu rĩ của những kẻ vô công rồi nghề.

Nhưng bỗng tên nam tước nhồm dậy. Hắn bồng bồng phần nộ rửa: "Trời đất ạ, không thể kéo dài mãi như thế này được, thế nào cũng phải nghĩ ra một trò gì chứ?"

Trung úy Ôttô và thiếu úy Fritz, hai tên Đức, có bộ mặt Đức chính cống, nặng nề và nghiêm trang, đồng thanh hỏi:

- Thưa đại úy, trò gì ạ?

Hắn ngẫm nghĩ mấy giây rồi nói tiếp:

- Trò gì ạ? Cần phải tổ chức một cuộc vui, nếu thiếu tá cho phép.

Tên thiếu tá nhả điều ra:

- Cuộc vui nào kia, đại úy?

Tên nam tước lại gần:

- Thưa thiếu tá, tôi xin đảm nhiệm tất cả. Tôi sẽ cho *Nhiệm vụ* đi Ruăng để đưa mấy cô về đây, tôi biết họ ở đâu. Ta sẽ chuẩn bị một bữa ăn tối, và lại chẳng thiếu thứ gì và ít ra, chúng ta cũng sẽ có được một tối vui.

Tên bá tước Facxbe nhún vai mỉm cười:

- Ông điên mất rồi ông bạn ạ.

Nhưng cả mấy tên sĩ quan đều đứng dậy, xúm lại quanh cấp chỉ huy của chúng năn nỉ:

- Xin thiếu tá cứ để mặc đại uý làm, ở đây thật buồn quá!

Cuối cùng tên thiếu tá nghe theo:

- Thôi được, - hắn nói và thế là tên nam tước cho gọi *Nhiệm vụ* đến. *Nhiệm vụ* là một hạ sĩ quan già chẳng thấy cười bao giờ, nhưng nhắm mắt thì hành mọi mệnh lệnh của cấp trên bất kể mệnh lệnh gì.

Hắn đứng ngậy người, bộ mặt thản nhiên, nhận chỉ thị của tên nam tước rồi đi ra, và năm phút sau, một chiếc xe vận tải lớn, phủ vải bạt căng thành hình vòm, đóng bốn ngựa, đã bon lon dưới trời mưa tầm tã.

Ngay lúc đó dường như có một luồng điện đã thức tỉnh đầu óc mọi người; những dáng điệu uể oải đã trở thành ngay ngắn, các khuôn mặt đã tươi tỉnh lên và câu chuyện lại rôm rả.

Mặc dù mưa rào vẫn đổ xuống dữ dội, tên thiếu tá quả quyết là trời đã bớt tối và tên trung uý Ôtô tuyên bố chắc nịch là trời sắp quang đến nơi rồi.

Đến cô Fifi hình như cũng không ngồi yên, tại chỗ được, hết đứng lên lại ngồi xuống. Cặp mắt trong và dữ tợn đương tìm một vật gì để đập phá. Bỗng gã trẻ tuổi tóc vàng đó nhìn thẳng vào bà mệnh phụ có ria, rút khẩu súng ngắn ra.

- Mà sẽ không được chứng kiến cuộc vui này đâu, hắn thốt lên và không rời khỏi ghế, hắn ngấm. Hai viên

đạn nối tiếp nhau xuyên thủng hai con mắt của bức chân dung.

Rồi hân reo lên: - Ta chơi *mìn* đi!

Thế là mọi câu chuyện bỗng nhiên ngừng bật như thể chúng bị thu hút vào một hứng thú gì mãnh liệt mới mẻ.

Mìn là sáng kiến của hân, lối phá phách và trò chơi hân ưa nhất.

Khi rời khỏi toà lâu đài, đích vị chủ nhân bá tước Fecnăng Đamoa Đ'Uyvin không kịp mang theo hoặc cất giấu được thứ gì trừ số đồ đạc chôn trong một hốc tường. Vì căn phòng khách rất sang trọng và lộng lẫy có cửa thông sang phòng ăn, trước khi vị chủ nhân vội vã bỏ chạy phòng khách lớn này trông chẳng khác gì một gian của viện bảo tàng.

Trên tường treo nào tranh sơn dầu, tranh vẽ chì, tranh thuốc nước giá trị, còn trên các bàn, các giá và trong các tủ kính xinh đẹp, hàng ngàn mỹ vật, lọ độc bình, tượng nhỏ, những tượng người xứ Xăcxơ và đồ sứ Trung Quốc, đồ ngà cổ và pha-lê Vonidơ bày la liệt, đủ thứ ngộ nghĩnh và quý giá.

Giờ thì chẳng còn gì nữa. Không phải là vì bị cướp đi mất - tên thiếu tá bá tước Facxbe cấm ngặt điều đó nhưng là vì cô Fifi thỉnh thoảng lại chơi mìn và ngày hôm ấy, cả mấy tên sĩ quan đều được năm phút đùa nghịch thoải chí.

Tên tử tước loắt choắt đi vào phòng khách tìm vật hân cần. Hân lấy ra một ấm pha trà Trung quốc thật nhỏ nhắn

và xinh xắn màu hồng, tọng đầy thuốc súng, rồi nhẹ nhàng luồn qua vòi ẩm một sợi bụi nhùi dài, châm lửa đốt và chạy sang phòng bên đặt quả nổ đó.

Rồi hần nhanh chân lui ra, đóng cửa lại. Tất cả mấy tên Đức đứng chờ, nét mặt tươi cười với cái vẻ hiếu kỳ thơ ngây của con trẻ, và khi tiếng nổ làm rung chuyển lâu đài, vừa dứt, cả bọn đều chạy ùa vào.

Cô Fifi vào trước tiên, điên cuồng vỗ tay trước một pho tượng thần Vệ nữ bằng đất nung bị cụt đầu và tên nào tên nấy đều nhặt lấy những mảnh sứ, ngạc nhiên thấy các cạnh vỡ có những hình thù kỳ lạ xem xét những chỗ vừa mới bị hư hỏng, tranh cãi nhau về đôi chỗ bị phá hoại đã bị hư sẵn từ lần nổ trước; còn tên thiếu tá thì đưa cặp mắt hiền từ nhìn cái phòng khách rộng lớn bị tan hoang sau loạt bắn phá kiểu Nêrông⁽¹⁾ đó, trên sàn rác đầy mảnh vụn đồ mỹ nghệ phẩm. Hần bước ra trước tiên, nói với một vẻ hiền hậu:

- Lần này nổ tốt đấy.

Nhưng một luồng khói dày đặc đã ùa vào phòng ăn, hoà lẫn với khói thuốc lá khiến bọn chúng đến tắc thở. Tên thiếu tá mở cửa sổ và tất cả bọn sĩ quan trở vào phòng ăn để uống cốc cô-nhắc cuối cùng, đều sán lại gần.

Làn không khí ẩm ướt ập vào căn buồng, mang theo một thứ bụi nước bám lấm tẩm trên râu và một hương vị mưa lụt. Chúng ngấm nhìn những cây to rũ rượi dưới mưa

⁽¹⁾ Hoàng đế La Mã cổ, nổi tiếng hung bạo. Đã đốt thành La-Mã để vui đùa.

rào, cái thung lũng mờ mờ hơi sương vì những đám mây đen và thấp ùn ùn kéo đến; và xa xa, chiếc gác chuông nhà thờ sừng sững như một mũi dùi xám dưới trận mưa tầm tã...

Từ ngày bọn Đức đến, chuông không thấy rung lên nữa. Vả chăng đó là sức kháng cự duy nhất quân xâm lược đã vấp phải ở vùng này: sức kháng cự của chiếc gác chuông. Vị cha xứ không hề từ chối việc tiếp đón và nuôi bọn lính Phổ, thậm chí có nhiều lần còn nhận lời uống một chai bia hoặc rượu vang đỏ cùng với tên thiếu tá thù địch, tên này thường vẫn dùng ông làm người trung gian biết điều; Nhưng đừng có đòi ông đánh một tiếng chuông; thà ông chịu xử bắn còn hơn. Đó là cái lối riêng của ông để phản đối cuộc xâm lăng, một lối phản đối hoà bình, dùng sự im lặng để phản đối, cách duy nhất, theo lời ông hợp với nhà tu hành vốn dĩ là con người ôn hoà chứ không phải là kẻ khát máu, và hết thảy mọi người, trong một vùng mười dặm, ai nấy đều ca tụng cái thái độ kiên quyết, quả cảm của cha xứ Săngtavoan đã dám nêu rõ cái tang chung, công bố nó lên bằng sự im lặng ương ngạnh của ngôi nhà thờ.

Sức kháng cự đó khiến cho cả làng phấn khởi, sẵn sàng ủng hộ vị cha xứ của họ tới cùng, bất chấp mọi chuyện, coi sự phản đối thâm lặng đó như đã cứu vãn được danh dự đất nước. Bà con nông dân dường như cảm thấy hình như vậy là có công với tổ quốc hơn cả Benfo và

Xtraxbua⁽¹⁾, họ đã nêu lên được một tấm gương tương tự và cái tên của thôn xóm này sẽ trở thành bất tử, ngoài chuyện đó ra, họ chẳng từ chối thứ gì đối với bọn Phổ chiến thắng.

Tên thiếu tá và bọn sĩ quan của hắn đều cười cái sự dũng cảm vô hại đó và do chỗ cả vùng đều tỏ ra ân cần và mềm dẻo đối với chúng, chúng sẵn sàng tha thứ cho cái thái độ yêu nước thâm lặng ấy.

Duy chỉ có tên tử tước Vinhem loắt choắt là rất muốn ép chuông nhà thờ phải lên tiếng. Hắn tức tối về việc cấp trên tỏ thái độ khoan dung về chính trị đối với vị tu sĩ, và ngày nào hắn cũng khấn nài tên thiếu tá để mặc hắn làm cho cái chuông phải kêu "boong boong" lên một lần, chỉ một lần thôi, cốt để mua vui một chút. Và, những khi như vậy, hắn làm duyên làm nũng, tán tỉnh như một mụ đàn bà, nói năng dịu ngọt như một cô nhân tình vì đang có một điều thèm muốn đến cuống người, nhưng viên thiếu tá nhất định không nghe cô cho nên Fifi đành chơi cái trò *mìn* trong toà lâu đài Uyvin để tự an ủi.

Cả bọn nắm tên đều túm tụm cả lại ở gần cửa sổ trong vài phút, thở hít cái không khí ẩm ướt. Cuối cùng tên trung úy Fritz bật ra một tiếng cười lè nhè, lên tiếng:

- Quả thực cuộc dạo chơi của các cô ấy sẽ gặp bữa chẳng được đẹp trời.

⁽¹⁾ Hai thành phố phía đông nước Pháp đã kháng chiến anh dũng chống cuộc xâm lăng của Đức năm 1870.

Sau đó, chúng chia tay nhau mỗi tên đi làm công việc của mình, riêng tên đại úy thì phải lo liệu nhiều thứ để chuẩn bị bữa ăn tối.

Tối đến, khi họp mặt lại, chúng đều phá tên cười vì thấy đứa nào đứa nấy đều diêm dúa và bóng lộn như trong những ngày duyệt binh lớn, chải sáp, sức nước hoa, mặt mày tươi tỉnh. Mái tóc tên thiếu tá có vẻ như bột hoa râm đi so với buổi sáng, tên đại úy thì đã cạo râu, chỉ để lại ria mép trông chẳng khác một ngọn lửa dưới mũi.

Mặc dù mưa, cửa sổ vẫn để mở và chốc chốc một tên trong bọn lại ra nghe ngóng. Đến sáu giờ mười phút, tên nam tước cho biết có tiếng xe lộc cộc ở xa xa. Cả bọn chạy ủa ra và chẳng mấy chốc cỗ xe lớn đã lao tới với bốn con ngựa vẫn phi nước đại, bừa lấm đến tận lưng, mình bốc khói, thở hồng hộc.

Và năm phụ nữ bước xuống thêm, năm ả xinh đẹp được bạn tên đại úy chọn lọc rất kỹ - *Nhiệm vụ*, đã trao tay tấm thiệp của tên đại úy cho hẳn.

Mấy ả chẳng để phải vật nài, tin chắc sẽ được trả tiền hậu hĩ, vả lại cho biết rõ bọn Phổ vì đã quen hơi bén tiếng từ ba tháng nay rồi và họ cũng đành cam chịu với người, với thời thế, cái nghề chúng mình vốn dĩ nó phải thế", trên dọc đường họ bảo nhau như vậy, chắc hẳn để giải đáp một sự áy náy thâm kín nào đó của chút ít lương tri còn sót lại.

Và cả bọn vào ngay phòng ăn. Đèn thấp sáng trưng, căn phòng đồ nát thiếu nào trông càng thê thảm hơn và cái

bàn đầy thịt thà, bát đĩa sang trọng và đồ bạc tìm thấy trong tường nơi chủ nhân đã cất giấu khiến cho căn phòng có vẻ một tửu quán của bọn cướp đang chè chén sau một cuộc đi cướp bóc về. Tên đại úy mặt mày hớn hờ vỗ lấy mấy ả như một vật quen thuộc, xem xét họ, hôn hít họ, lường theo đúng giá trị của gái làng chơi và khi thấy ba gã trẻ tuổi, mỗi gã muốn chiếm lấy một ả thì hắn cương quyết gạt đi, tự giành lấy việc phân chia cho thực công mình, tùy theo cấp bậc, không để may mắn xúc phạm đến tôn ti trật tự.

Thế rồi để tránh mọi lời bàn tán, cãi cọ và nghi ngờ thiên vị, hắn xếp các ả thành hàng theo thứ tự cao thấp và cất cái giọng chỉ huy, hỏi ả cao nhất.

- Tên gì?

Ả rướn to giọng lên đáp:

- Pamêla.

Hắn liền tuyên bố:

- Số một tên là Pamêla về phần thiếu tá.

Sau khi hôn ả thứ hai là Blôngđin coi như sở hữu của mình hắn chia cho tên trung úy Ôttô ả Amăngđa đầy đà, ả Êva Cà chua cho tên thiếu úy Fritz và ả bé nhỏ nhất là Raken, tóc đen, trẻ măng, mắt đen láy hạt huyền, người Do-thái, mũi hếch - xác nhận các quy luật là dòng giống Do-thái đều mũi khoằm - cho tên sĩ quan trẻ tuổi nhất là tử tước Vi nhem Đayrich mảnh khảnh.

Vả chăng cả mấy ả đều xinh đẹp mũm mĩm, dung mạo chẳng khác nhau mấy, điệu bộ và da dẻ đều na ná như nhau do những cuộc hành lạc hàng ngày để nếp sống chung trong nhà chứa hun đúc nên.

Ba gã trẻ tuổi định kéo mấy ả của mình đi ngay nơi khác tạ sự là để đưa bàn chải và xà-phòng cho họ rửa ráy nhưng tên đại úy khôn khéo phản đối. xác nhận các ả cũng sạch sẽ tươm tất rồi; có thể dự tiệc ngay được và những ai lên gác thì lúc xuống sẽ muốn thay đổi, làm phiền các cặp khác. Kinh nghiệm của hán trưởng, chúng chỉ còn cách hôn hít mấy ả thật nhiều, những chiếc hôn chờ đợi.

Bỗng nhiên Raken sặc sụa, ho đến chảy nước mắt và xì cả khối ra hai lỗ mũi. Tên tử tước mượn cơ hôn ả, đã phì một hơi thuốc lá vào miệng ả. ả không cúi kính mà cũng chẳng nói chẳng rằng, chỉ nhìn hán trưởng trừng trừng, từ đáy cặp mắt đen ánh lên một niềm giận dữ.

Tất cả ngồi xuống. Chính tên thiếu tá cũng có vẻ hoan hỉ; hán đế Pamela ngồi bên phải, Blongđin ngồi bên trái, và giở chiếc khăn ăn ra tuyên bố:

- Sáng kiến của đại úy hay lắm.

Hai tên trung úy Ôtô và Fritz lễ phép như ngồi cạnh các bà thượng lưu khiến cho hai ả ngồi kế đàm ra rụt rè, nhưng tên nam tước Kenvaixten được mặc sức phóng túng nên toe toét hơn hờ phun ra những câu chọt nhả, đầu hán tựa đang bốc cháy với cái vành tóc đỏ bẻm. Hán tán tỉnh bằng thứ tiếng Pháp miền sông Ranh và những lời ca tụng

rẻ tiền của hắn, phì qua hai lỗ răng khuyết, bắn toé vào các ả một trận mưa nước dãi.

Vả chăng các ả cũng chẳng hiểu gì hết và trí thông minh của các ả dường như chỉ bằng tỉnh khi hắn thở ra những lời tục tĩu, những câu song sượng bị cái giọng hắn xén mất đầu mất đuôi. Thế là cùng một lúc mấy ả đều cười rữ như những con diên, ngã lăn vào lòng bọn sĩ quan ngồi bên, nhắc lại những tiếng mà tên nam tước cố ý nói chạnh đi để buộc các ả tuôn ra những lời bẩn thỉu. Chỉ mới mấy chai rượu vang đầu tiên, các ả đã say mềm, thời thì các ả tha hồ mà nói nhảm và trở lại nguyên hình rồi, các ả buông thả theo những thói tật, các ả hết hôn cặp má bên phải, lại đến bộ ria mép bên trái, cấu chí, rít lên những tiếng giân dỗi, vục miệng vào hết thấy các cóc, gào lên những điệu hát Pháp và mấy mẫu bài hát Đức học được khi giao dịch hàng ngày với quân thù.

Chẳng mấy chốc chính bọn đàn ông cũng mê mẩn về da thịt đàn bà phơi ra ngồn ngộn trước mũi và trong tay mình, chúng cuồng lên, gào thét, đập vỡ bát đĩa, còn bọn lính thì cứ điềm nhiên đứng sau lưng chúng mà hầu hạ.

Duy có tên thiếu tá là còn giữ gìn được tư cách.

Cô Fifi đặt Raken lên đùi và vờ bốc, khi thì hôn như diên như đại những sợi lông tơ xoắn đen nhánh trên cô ả, và gí mũi vào tận lằn áo mỏng dính sát vào da thịt và hít lấy cái hơi ấm áp dịu dàng, cái hơi hương của thân hình ả; khi thì trong cơn hưng dữ diên cuồng và thúc đẩy vì ý muốn phá phách lẫn vãi khiến ả phải kêu lên. Lại có nhiều

lần hắn ôm chầm, ghì chặt lấy ả, gí mái cặp môi vào cái miệng tươi tắn của người phụ nữ Do-thái, hôn ả tưởng đến đứt hơi; Nhưng đột nhiên hắn bập rãng mạnh vào môi ả đến nỗi máu chảy ròng ròng xuống cằm rồi chảy vào bên trong áo người thiếu phụ.

Một lần nữa, ả lại nhìn thẳng vào mặt hắn rồi chùi vết thương lắm bầm:

- Cái này phải trả nợ đấy.

Hắn phá lên bật cười, một tiếng cười dữ tợn:

- Ta sẽ trả, - hắn đáp.

Rồi đến món tráng miệng: rượu sâm-banh được rót ra. Tên thiếu tá đứng dậy và với cái giọng như hắn dùng khi chúc sức khoẻ nữ hoàng Ôguyxta, hắn càn cộc:

- Xin chúc sức khoẻ các phu nhân! và một loạt chúc tụng chạm cốc bắt đầu, những lời chúc tụng theo kiểu lịch sự của bọn lính tráng và những tên say rượu lẫn với những lời bông đùa tục tĩu mà do chỗ không ai biết tiếng nên càng sống sượng.

Chúng lần lượt đứng dậy, hết tên này đến tên khác, cố nặn óc, cố gắng pha trò, còn mấy ả thì say mềm, hai mắt lơ dờ, mồm miệng lè nhè cứ mỗi lần lại ra sức vỗ tay.

Tên đại úy chắc hẳn muốn cho bữa tiệc đậm công thêm phần lịch sự, lại nâng cốc một lần nữa và hô:

- Chúc mừng cuộc chiến thắng của chúng ta trên mặt trận trái tim!

Thế là tên trung úy Ôtô, nom như con gấu khu Rừng đen, bốc lên, hơi men đã ngấm, đứng dậy. Và đột nhiên bùng bùng nổi lòng yêu nước của thằng say rượu, hân hô to:

- Chúc mừng những cuộc chiến thắng của chúng ta trên đất Pháp!

Mặc dù say các ả cũng im bật; và Raken rung mình quay lại:

- Đây bảo cho anh biết có những người Pháp, anh không nói thế trước mặt họ được đâu!

Song tên tử tước loắt choắt vẫn để ả ngồi trên lòng, bật lên cười, ma men làm hân vui hân lên:

- A ha! riêng ta chẳng gặp đứa nào như thế bao giờ, vừa thấy bóng bọn ta là chúng đã chuồn hết!

Người con gái nổi xung lên, hét thẳng vào mặt hân:

- Nói láo, đồ khốn!

Thoáng một giây đồng hồ, với cặp mắt trong hân chăm chăm nhìn thẳng vào cô như những lúc hân cầm súng ngắm bắn thủng các bức họa rồi hân bật cười:

- À được, hãy nói về chuyện ấy đi cô em? Nếu chúng can đảm thì sao bọn ta lại ở đây?

Rồi hân bốc:

- Chủ chúng là bọn ta! Nước Pháp là của ta!

Cô ta giẫy một cái rồi khỏi đùi hân, ngồi phịch xuống ghế. Hân đứng lên, giơ cốc ra tận giữa bàn và nhắc lại:

- Nước Pháp và cả người Pháp là của ta, rừng núi, cánh đồng, nhà cửa nước Pháp là của ta.

Mấy tên kia hoàn toàn say mê, cái máu hăng hái nhà binh đột nhiên được kích động, thứ hăng máu của những tên cục súc vội vỗ lấy gock, gào lên:

- Nước Phổ vạn tuế! và nốc một hơi cạn.

Mấy người đàn bà buộc phải ngậm miệng, sợ sệt không dám ho he. Đến Raken cũng im tiếng, không nói lại được một lời.

Lúc đó tên tử tước loắt choắt liền đặt lên đầu người đàn bà Do-thái chiếc cốc mới rót đầy áp sâm-banh, hân hân to:

- Tất cả phụ nữ Pháp cũng đều là của ta nốt.

Raken đứng phắt dậy nhanh đến nỗi chiếc cốc pha-lê nghiêng ngã tung toé rượu nho vàng vào mớ tóc đen như trong buổi lễ rửa tội rồi rơi xuống đất vỡ tan. Cặp môi run rẩy, cô trừng mắt nhìn tên si quan vẫn đang cười và lúng búng, giọng nghẹn ngào vì giận dữ:

- Cái đó, cái đó thì không đúng, bọn anh không thể chiếm đoạt được phụ nữ Pháp.

Tên kia liền ngồi xuống để cười cho thoải và cố lấy giọng người Pa ri:

- Thật buồn cười, vậy thì hỏi cô em đến đây làm gì, hử cô em?

Cô sững sờ im bất vì trong lúc bối rối chưa hiểu ra nhưng khi vỡ lẽ về ý hấn muốn nói gì, cô liền phản nộ sồn sồn quát thẳng vào mặt hấn:

- Tao ấy à? Tao ấy à? Tao không phải là một phụ nữ, tao là một con đĩ, với bọn Phổ chúng mày thì đáng có thể thôi!

Cô chưa dứt lời thì đã bị hấn thẳng cánh tát cho một cái nhưng khi thấy hấn lại giơ tay tên lần nữa thì cô giận dữ điên lên vớ lấy ở trên bàn một con dao nhỏ lưỡi bạc dùng ăn lúc tráng miệng và đánh loáng một cái, nhanh đến nỗi mới đầu không ai kịp nom thấy gì, đâm thẳng vào cổ hấn đứng vào chỗ lõm ngay phía trên ngực.

Một lời hấn định nói tắt ngang trong cổ họng, hấn há hốc miệng ra với cặp mắt khủng khiếp.

Tất cả đều hét lên và âm âm đứng dậy; Nhưng cô liền quăng chiếc ghế ngồi vào cẳng tên trung úy Ôtô làm hấn ngã sòng soài, rồi chạy ra cửa sổ, mở cửa trước khi bọn chúng đuổi kịp cô, lao mình vào trong đêm tối dưới làn mưa vẫn đang trút xuống.

Hai phút sau cô Fifi tắt thở. Thế là hai tên Fritz và Ôtô liền rút gươm ra định giết những người đàn bà đang phục xuống dưới chân chúng. Tên thiếu tá phải vất vả lắm mới ngăn được cuộc chém giết đó, cho đem nhốt bốn người con gái đang sợ chết khiếp vào một căn buồng có hai tên lính canh rồi dàn quân như sắp sửa ra trận, hấn tổ chức cuộc lùng bắt cô gái chạy trốn, chắc mẩm mười mươi là tóm được.

Năm mươi tên lính bị những lời hăm dọa kích động được xua vào khu vườn. Hai trăm tên khác sục sạo các khu rừng và tất cả các nhà trong thung lũng.

Bàn ăn được dọn sạch trong chốc lát bây giờ dùng làm lính sàng và bốn tên sĩ quan người cứng đờ, hết cả say, vế mặt rần cằng của bọn lính chiến làm nhiệm vụ đứng bên cạnh cửa sổ, đôi mắt xoi mói nhìn vào đêm tối.

Trời vẫn mưa tầm tã. Một tiếng rí rách liên hồi tràn vang trong bóng tối, một thứ tiếng rì rầm phảng phất của giọt mưa rơi và nước mưa chảy, của tiếng nước nhỏ giọt và tiếng nước bắn tung toé.

Bỗng một tiếng súng nổ rồi một tiếng nữa xa tí tấp và suốt bốn tiếng đồng hồ, thỉnh thoảng lại nghe thấy những tiếng nô hoặc gân hoặc xa, những tiếng kêu tập hợp, những tiếng lạ tai hét lên gọi nhau bằng những giọng ô ô.

Đến sáng thì tất cả bọn đều trở về. Có hai tên lính chết và ba tên khác bị thương do đồng đội bắn phải trong khi hung hăng lùng bắt và hốt hoảng săn đuổi trong đêm tối.

Không tìm thấy Raken.

Thế là dân chúng bị khủng bố, nhà cửa bị lục lộn nhào, khắp vùng bị càn đi quét lại tới bờ. Người đàn bà Do-thái dường như không để lại một dấu vết nào.

Tên tướng được tin ra lệnh đập tắt câu chuyện để tránh gương xấu trong quân đội và thi hành kỷ luật tên thiếu tá, tên này liền phạt bọn hạ cấp. Tên tướng quờ:

"Chiến trận có phải để phè phỡn và đú đôn với bọn nhà chứa đâu". Và tên hầu tước Facxhe điên tiết liền rập tám trút thù lên đầu địa phương đó.

Vì phải kiếm một lý do để thắng tay trừng trị, hần cho gọi vị cha xứ đến và hạ lệnh phải kéo chuông làm lễ đưa đám tên tử tước Đayrinh.

Trái với mọi dự đoán, vị cha xứ tỏ ra ngoan ngoãn, nhân nhục, lễ phép. Và khi linh cữu cô Fifi do mấy tên lính khiêng đằng trước, đằng sau và bốn chung quanh đều có lính vác súng nạp đạn sẵn đi hộ tống, rời khỏi lâu đài Uyvin đi ra nghĩa địa thì lần đầu tiên tiếng chuông cầu hồn vang lên với những tiếng bính boong linh lợi, tựa hồ như được một bàn tay thần tình nào vuốt ve.

Mãi đến tối chuông vẫn kêu và cả ngày hôm sau nữa, và rồi ngày nào cũng thế, chúng muốn chuông kêu bao lâu cũng được. Thậm chí có lúc đêm khuya chuông tự nhiên rung lên buông nhẹ hai ba tiếng vào bóng tối, như mắc phải chứng vui kỳ quặc thức tình dậy không rõ vì sao. Hồi ấy bà con nông dân đều cho là chuông có ma và không ai dám đến gần gác chuông nữa ngoài vị cha xứ và thầy quản lễ.

Là vì một cô gái tội nghiệp đang sống trên đó trong niềm kinh hãi và cô đơn, được hai người giấu giếm nuôi ăn.

Cô ta ở mãi đây cho đến khi quân Đức rút đi. Rồi một buổi tối, vị cha xứ mượn chiếc xe ngựa có ghé dài của bác

thợ làm bánh mì, thân hành đưa người nữ tù nhân của mình đến tận cổng thành Ruăng. Tối nơi, nhà tu hành ôm hôn người con gái, cô xuống xe lạnh lẽ đi bộ về ngôi nhà chứa, mẹ chủ cứ ngỡ cô chết rồi.

Ít lâu sau cô gái được một người yêu nước chẳng quản ngại tiếng tăm, mến cô vì cái cử chỉ đẹp đẽ kia, chuộc cô ra, rồi sau yêu cô thực sự, cưới cô làm vợ cô trở nên một vị phu nhân chẳng kém gì nhiều bà khác.

TRUNG HIẾU dịch

KỂ LANG THANG

Bốn mươi ngày nay, anh đi khắp nơi tìm việc. Anh đã rời bỏ Vilơ Avaray ở vùng Măngơ, quê hương anh vì nơi đó thiếu việc. Anh là thợ làm nhà, hai mươi bảy tuổi, người lương thiện, ham làm, anh là con cả nhưng đã phải ăn bám gia đình mất hai tháng vì trong tình cảnh thất nghiệp chung, anh chỉ còn khoanh đôi cánh tay lực lưỡng lại mà chịu thúc thủ. Trong nhà, bánh mì mỗi ngày một hiếm; hai cô em đi làm công nhật nhưng kiếm chả được là bao còn anh, Jắc Răngđen khoẻ mạnh nhất thì lại chẳng làm gì vì chẳng có gì mà làm và phải sống nhờ người khác.

Anh đến hỏi ở toà Thị chính, người thư ký cho anh biết là có thể tìm được việc làm ở miền Trung.

Anh liền ra đi, mang theo đầy đủ giấy tờ với bảy quan trong túi, trên vai vác cái gậy, đầu buộc chiếc khăn ta màu xanh trong đó gói ghém đôi giày thay đổi, cái quần cộc và chiếc sơ-mi.

Và anh đã đi miết không nghỉ, đi suốt ngày đêm ròng rã, trên những con đường dài vô tận, dưới nắng mưa, mà

chẳng bao giờ tới được cái xứ huyền diệu đâu đâu thợ thuyền cũng đều có công ăn việc làm ấy.

Thoạt tiên anh cứ khư khư giữ ý nghĩ là chỉ hành nghề của mình vì anh là thợ làm nhà. Nhưng tới công trường xây dựng nào cũng thế, người ta đều trả lời anh là vừa phải cho thợ nghỉ việc vì không có người đặt hàng, thế là anh quyết định làm bất cứ việc gì tìm được trên đường vì túi anh đã cạn.

Như vậy, anh đã lần lượt làm thợ đấu, phu ngựa, xẻ đá; anh đã bỏ củi, tĩa cày, đào một cái giếng, trộn vữa, bó củi, chôn dẽ trên một ngọn núi, làm tất cả các công việc đó để kiếm lấy vài xu vì có chịu lấy công rẻ mạt, vừa cái lòng keo kiệt của bọn chủ hay của người nông dân, anh mới có được việc làm đôi ba ngày.

Giờ đây, từ một tuần nay, anh chẳng kiếm được việc gì anh chẳng còn gì nữa, anh đi xin ăn ở ngưỡng cửa các nhà trên dọc đường đi, anh sống nhờ vào mẩu bánh của những người đàn bà phúc đức bố thí cho anh.

Tối đến, Jác Răngđen, mệt lử, chân tay rời rã, bụng rỗng, lòng chán nản, lê chân đất trên cỏ bên bờ đường - anh dè dặt không dám sử dụng đôi giày cuối cùng của anh, đôi kia đã hỏng từ lâu. Hôm đó là một ngày thứ bảy vào cuối thu. Những đám mây xám cuộn cuộn trên bầu trời, nặng trĩu trôi nhanh theo những cơn gió rít trong lùm cây. Người ta cảm thấy cơn mưa sắp đổ xuống. Vào lúc chạng vạng tối của đêm trước ngày chủ nhật, vùng thôn quê thật vắng vẻ. Từng chỗ một, trên cánh đồng, sừng

sững những đồng rơm đã sạch thóc trông tựa những nấm vàng, to lớn, kỳ dị; và mặt đất đã được gieo hạt cho năm sau, có vẻ như trở trụi.

Răng đen đôi bụng, một cơn đói của thú vật, một cơn đói buộc bày sới phải nhảy xô ra cắn người. Anh mệt lử, bước thật dài để bước bước đi, và đầu nặng trĩu, tai ù, mắt đỏ ngầu, mồm khô khốc, anh nắm chặt chiếc gậy trong tay với ý muốn mơ hồ sẽ nện túi bụi vào kẻ bộ hành đầu tiên anh gặp trên đường về nhà ăn bữa chiều.

Anh nhìn xuống hai bên đường, trong khoé mắt hiện lên hình ảnh những củ khoai đã đào sẵn còn sót trên luống đất đã lật ngược. Nếu thấy được vài củ, chắc anh sẽ nhặt củi khô, nhóm lửa trong một hốc đất và anh sẽ ngốn ngấu ngay củ khoai nóng và tròn trĩnh ấy mà anh sẽ nắm một lúc, nóng bỏng trong bàn tay lạnh giá.

Nhưng mùa khoai đã qua và như hôm trước. Anh đành gặp một củ cải sống nhỏ được trong một luống cây.

Đã hai ngày nay, ám ảnh vì những ý nghĩ trong đầu, anh rảo cẳng bước đi vừa lớn tiếng nói một mình. Trước đó, anh chẳng hề suy nghĩ gì, dồn hết cả tâm trí, cả năng lực đơn giản của mình vào công ăn việc làm. Nhưng dần dà với sự mệt mỏi, sự theo đuổi gay gắt một việc làm không tìm ra ẩn ý, những lần bị từ chối, những sự bạc đãi, những đêm hôm thao thức trên cỏ, những bữa nhịn, sự miệt thị của kẻ có nơi ăn chốn ở đối với kẻ lang thang không nhà, cái câu hỏi thường đặt ra mỗi ngày: "Tại sao anh không ở lại quê hương anh?", sự buồn bực không tìm

ra việc cho đôi cánh tay cường tráng mà anh cảm thấy đầy sức mạnh ấy, sự hồi tưởng đến cha mẹ ở nhà cũng chẳng bao giờ có đồng xu dính túi, tất cả những cái đó gây nên một sự phần nộ cứ dần dần nung nấu lòng anh, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút cứ tích lũy thêm và vô tình buột ra khỏi miệng thành những câu cầu nhàu, cộc lốc...

Vừa vấp phải những hòn đá lăn lóc dưới bàn chân không giày, anh vừa lầu bầu: "Khổ cực... khổ cực... lũ chó má... để một người chết đói, một người thợ làm nhà... lũ chó má... không có đến bốn xu... bốn xu trời lại mưa rồi... lũ chó má!.."

Anh phẫn nộ với sự bất công của số mệnh và anh oán trách loài người, tất cả mọi người, anh phẫn nộ với tạo hoá, với bà mẹ lớn lao mù quáng, bất công, ác độc và thâm hiểm.

Rằng nghiêng chặt anh nhắc đi nhắc lại mãi: "lũ chó má!" và nhìn làn khói xanh mong manh từ các mái nhà bốc lên vào giờ ăn bữa tối này. Và chẳng nghĩ đến một sự bất công khác, sự bất công này của con người, mang tên là bạo lực và trộm cắp, anh những muốn bước vào một trong những ngôi nhà đó hạ thủ những người ở trong và ngồi vào chỗ của họ ở bàn ăn.

Anh nói: "Giờ đây ta không có quyền sống... vì chúng để ta chết đói... mà ta thì chỉ đòi việc làm thôi... lũ chó má!" Và cái đau đớn ở tứ chi, trong dạ dày, trong tim, tất cả bốc lên đầu anh như một cơn say kinh khủng và làm nay ra trong óc anh ý nghĩ giản đơn này: "Ta có quyền

sống vì ta vẫn thở, vì không khí là của tất cả mọi người. Thế thì không ai có quyền để ta không có miếng ăn!"

Mưa đổ xuống, một trận mưa phùn, mau hạt, lạnh buốt. Anh đứng lại và lẩm bầm: "Khổ cực... còn một tháng đường nữa mới về đến nhà..." Thực tế, giờ đây anh đang trên đường về, anh đã hiểu rõ là thà tìm việc làm ở nơi chôn nhau cắt rốn, nơi mọi người biết anh, làm bất cứ việc gì còn hơn là lang thang trên đường, ai ai cũng ngờ vực anh.

Nghề làm nhà không ăn thua thì anh sẽ làm thợ phụ, trộn vữa, thợ đấu, đập đá. Dù chỉ kiếm được hai mươi xu một ngày thì cũng là có cái ăn.

Anh thất quanh cổ cái mảnh vải còn lại của chiếc khăn tay cuối cùng để ngăn dòng nước lạnh chảy vào lưng, vào ngực. Nhưng chẳng mấy lúc anh đã cảm thấy nước thấm qua lần vải mỏng của bộ quần áo và anh đưa mắt nhìn quanh, cái nhìn lo âu của con người bơ vơ không biết cất giấu thân mình vào đâu, đâu là nơi ăn nằm, không một nơi trú thân trên đường đời.

Đêm đổ xuống, phủ kín cánh đồng. Anh nhận thấy, xa xa, trên bãi cỏ, một vệt tối om, một con bò cái. Anh nhẩy qua hào bên đường và đi về phía con bò, cũng chẳng hiểu rõ mình định làm gì.

Khi anh tới gần, con bò ngẩng cái đầu to tướng về phía anh và anh suy nghĩ: "Giá có được một cái bình thì hẳn là được ít sữa uống".

Anh nhìn con bò cái, và con bò cái nhìn anh; rồi đột nhiên anh đá mạnh vào bụng con vật, hét lên:

- Dậy, dậy

Con vật chậm rãi đứng lên, bầu sữa nặng trĩu lủng lảng dưới bụng; con người liền nằm ngửa ngay xuống giữa bốn chân con bò và anh ta mút, mút mãi, rất lâu, hai tay bóp chặt đầu vú căng sữa, âm ẩm, phảng phất mùi chuồng bò. Anh mút mãi, mút đến hết dòng sữa còn lại trong cái nguồn sức sống này.

Nhưng mưa rơi càng mau thêm, lạnh buốt và cả cánh đồng trở trụi không có lấy một nơi trú chân. Rét lạnh người, anh nhìn ánh sáng lấp lánh giữa hàng cây, ở cửa sổ một ngôi nhà.

Con bò lại nặng nề nằm xuống. Anh ngồi xuống bên con vật, vuốt ve đầu nó, tỏ vẻ biết ơn đã được nó nuôi sống. Hơi thở đặc sệt và mạnh của con vật từ hai lỗ mũi phì ra như hai luồng hơi nước trong không khí buổi tối thoảng qua mặt người thợ làm anh phải thốt lên: "Chắc mày chẳng lạnh lòng chút nào".

Giờ đây, anh đưa bàn tay sờ ngực con bò, luồn tay xuống dưới chân nó để tìm chút hơi nóng. Thế là một ý nghĩ chợt đến với anh: nằm tựa vào cái bụng to lớn ấm áp này ngủ cho qua đêm. Anh liền tìm một chỗ nằm cho thoải mái và đặt đầu đúng vào cái bong sữa to lớn vừa đây anh đã bú no. Rồi, người mệt lử, anh nằm ngủ tức khắc.

Nhưng, nhiều lần anh thức giấc, lưng hoặc ngực lạnh

toát tuỷ theo lúc ấy anh áp ngực hoặc lưng vào bụng con vật; thế là anh lại trở mình để sưởi ấm và hong khô phần người phơi ra sương đêm rồi anh lại ngủ lại ngay một giấc ngủ mệt nhọc.

Tiếng gà gáy làm anh tỉnh giấc. Ánh bình minh hé lên, trời đã tạnh mưa; bầu trời trong vắt.

Con bò cái vẫn nằm đặt mõm xuống đất, anh chống tay cúi xuống, hôn cái lỗ mũi rung rúc thịt ẩm ướt và nói: "Từ biệt, người đẹp của ta... lần khác nhé... mi là một con vật tốt bụng... Từ biệt..."

Anh xỏ giày vào và bỏ đi.

Trong hai giờ rông rã, anh cứ thẳng đường tiến bước rồi một sự mệt mỏi chán chường xâm chiếm lấy anh, buộc anh ngồi xuống cỏ.

Trời đã sáng rõ, chuông nhà thờ bính boong, đàn ông mặc áo ngoài màu xanh, đàn bà đội mũ chụp trắng, người đi bộ, kẻ ngồi trên xe, lũ lượt kéo đi trên các ngã đường, tới các xóm làng lân cận, vui chơi ngày chủ nhật ở nhà bạn bè, họ hàng...

Một bác nông dân to béo đi tới, đang xua một đàn khoảng hai mươi con cừu, ngơ ngác và kêu be be, có một con chó lanh lẹ giữ cho chúng đi thành đàn.

Răng đen đứng dậy, chào bác ta và nói:

- Chẳng hay ông có việc làm cho một người thợ đang đói không?

Người nông dân, lừ cặp mắt giận dữ, nhìn gã lang thang không nhà đáp:

- Ta chẳng có việc làm cho những kẻ tình cờ gặp trên đường.

Và người thợ làm nhà quay lại ngồi xuống bên bờ hào.

Anh đợi mãi, ngồi nhìn những người nông dân lần lượt đi qua, cố tìm lấy một bộ mặt hiền hậu, thương người để lại tiếp tục cầu xin.

Anh nhòm một người trông ra vé trường giả, mặc áo dài, trước bụng lủng lắt một sợi dây vàng. Anh nói:

Tôi đi tìm công ăn việc làm đã hai tháng nay. Tôi chẳng tìm được việc gì và tôi chẳng còn lấy một xu dính túi.

Cái lão ra dáng trường giả ấy đáp:

- Lẽ ra anh phải đọc tờ thông cáo dán ở đầu làng.

- Cấm nghề ăn xin ở toàn thể địa hạt này. – Anh phải biết tôi là xã trưởng và nếu anh không chuồn cho nhanh thì tôi sẽ cho tóm anh lại.

Răng đen nổi giận, lẩm bẩm:

- Ông cứ bắt tôi nếu ông muốn, thà thế còn hơn, ít ra tôi cũng sẽ không chết đói.

Và anh quay lại ngồi xuống bờ hào.

Quả nhiên mười lăm phút sau, hai tên sen dầm xuất

hiện trên đường, chúng chậm rãi bước đi, sát cánh nhau trông thật rõ ràng, với mũ da láng, thắt lưng da vàng, khuy đồng lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời như để dọa kẻ bất lương và từ xa, từ rất xa đã buộc họ phải cao chạy xa bay.

Anh thợ làm nhà hiểu ngay là sen đâm đến bắt mình; Nhưng anh không nhúc nhích, bỗng nhiên nảy ra ý muốn ngấm ngấm đương đầu với chúng, để cho chúng bắt đi và để rồi sau này sẽ trả thù.

Hai tên sen đâm đi tới làm ra vẻ không trông thấy anh, chân bước theo lối quân sự, nặng nề và lắc lư như chân ngỗng. Rồi bất chợt, khi qua mặt anh, chúng làm ra vẻ như mới trông thấy anh, dừng lại và chòng chọc nhìn anh, nạt nộ và giận dữ.

Một tên sen đâm bước đến hỏi:

- Anh làm gì ở đây?

Anh thợ làm nhà bình thản trả lời:

- Tôi ngồi nghỉ.

- Anh ở đâu đến?

- Nếu phải nói cho ông rõ những nơi tôi đã qua thì phải mất trên một tiếng đồng hồ đấy.

- Anh đi đâu?

- Tôi Vilơ Avaray.

- Ở đâu thế?

- Ở vùng Măngsor.

- Đây là quê anh à?
- Phải, quê tôi.
- Tại sao anh lại bỏ nơi đây ra đi?
- Để tìm việc làm.

Tên sen đầm quay lại bạn đồng đội và với giọng giận giữ của một người cứ phải nghe mãi những lời dối trá giống nhau, cuối cùng cũng phải nổi xung lên.

- Cái quân này, chúng nó đưa nào cũng thế cả. Nhưng ta thì ta còn lạ gì nữa.

Rồi hắn tiếp tục:

- Anh có giấy tờ gì không?
- Có.
- Đưa ta xem.

Ràngden móc trong túi ra các giấy tờ, các giấy chứng nhận, những tờ giấy nhàu nát, bẩn thỉu, rách ra từng mảnh và đưa cho tên sen đầm.

Hắn ê a đánh vần từng chữ, rồi nhận thấy giấy tờ hợp lệ, hắn trả lại cho người thợ làm nhà với cái vẻ bực bội của một gã bị kẻ láu cá hơn vừa chơi sỏ cho một vố.

Sau một lát suy nghĩ hắn lại hỏi:

- Anh có tiền trong người không?
- Không.

- Không có gì cả ?
- Không có gì hết.
- Một xu cũng không có ?
- Một xu cũng không.
- Thế anh sống bằng gì?
- Sống bằng của bố thí.
- Thế ra anh đi ăn xin à?

Răng đen quả quyết trả lời:

- Phải, khi tôi có thể ăn xin được.

Nhưng tên sen đâm tuyên bố:

- Tôi bắt anh quả tang về tội du đăng và ăn xin, không có nguồn sinh sống và vô nghề nghiệp, lang thang trên đường và tôi ra lệnh cho anh phải theo tôi.

Người thợ làm nhà đứng dậy.

- Đi đâu thì đi.

Và tự mình đứng vào giữa hai tên sen đâm ngay cả trước khi được lệnh, anh nói thêm:

- Nào, cứ bắt giam tôi lại ít ra trời mưa, tôi cũng có cái mái che thân.

Và cả ba người đi về phía làng mà cách xa một phần tư dặm đường, người ta đã thấy những mái nhà ngói thấp thoáng qua những hàng cây trụi lá.

Họ đi qua làng vào giờ mọi người đi lễ nhà thờ. Quảng trường đông nghịt và lập tức hình thành hai hàng rào người đứng xem kẻ gian phi mà một đám trẻ náo nức theo sau. Nông dân nam cũng như nữ nhìn con người bị bắt đó, đi giữa hai tên sen đầm với một ánh hằn thù loé lên trong khoé mắt, chỉ muốn ném đá vào anh, lấy móng tay lột da anh, giẫm nát người anh. Người ta hỏi nhau không biết anh đã ăn cắp, đã giết người chưa?

Gã đồ tể, nguyên là một kỵ binh, quả quyết nói:

- Nó là một thằng đào ngũ.

Lão đại lý bán thuốc lá tưởng như nhận ra được cái tên ngay sáng nay đã trả lão một đồng năm hào giả và lão bán đồ sắt tin chắc đó là tên giết mẹ goá Malê mà sở cảnh sát đã ra công tìm kiếm từ sáu tháng nay không thấy.

Trong phòng họp của hội đồng xã, nơi những tên sen đầm đưa anh vào, Răngden lại thấy ông xã trưởng, ngồi trước bàn họp, có vị giáo viên ở bên cạnh.

- A! a! - vị đại diện nhà nước thốt lên, - lại chú mày đây rồi. Tôi đã bảo là tôi sẽ bắt anh mà. Này, thầy đội, sự thế thế nào?

Viên sen đầm trả lời:

- Thưa ông xã trưởng, một tên du đãng không nhà không cửa, không nguồn sinh sống, không một xu dính túi - theo như lời khai của hắn - bị bắt đang ăn xin và du đãng, có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

- Đưa các giấy tờ đó cho tôi xem, - ông xã trưởng nói, ông ta cầm lấy, đọc đi đọc lại, đưa trả rồi ra lệnh: - Khám hẩn xem. Người ta khám người Răngđen, chẳng tìm thấy gì cả.

Ông xã trưởng có vẻ phân vân ông hỏi người thợ làm nhà:

- Sáng nay anh làm gì trên đường?

- Tôi đi tìm việc làm.

- Việc làm... trên đường cái à?

- Thì ông bảo nếu tôi cứ rúc ở trong rừng thì tôi làm thế nào mà tìm được việc.

Hai người nhìn nhau chằm chằm, với lòng hằn thù của hai con thú thuộc hai loại thù địch. Vị đại diện nhà nước nói tiếp:

- Tôi sẽ cho thả anh ra nhưng đừng có để tôi tóm lại anh lần nữa.

Người thợ làm nhà trả lời:

- Tôi muồn ông giam giữ tôi lại thì hơn. Tôi lang thang mãi đã chán lắm rồi.

Ông xã trưởng tỏ vẻ nghiêm nghị:

- Anh câm ngay.

Rồi ra lệnh cho hai viên sen đâm:

- Các anh hãy dẫn tên này ra khỏi làng hai trăm thước rồi để cho hẩn tiếp tục đi theo con đường của hẩn.

Người thợ nói:

- Thì ít ra ông cũng bảo người ta cho tôi ăn chứ?

Ông xã trưởng bất bình:

- Lại còn phải nuôi anh nữa kia à? A! a! a! thật quá lắm.

Nhưng Răngđen cương quyết nói tiếp:

- Nếu ông cứ để mặc tôi đói, các ông buộc tôi sẽ phải làm bậy. Các ngài tai to mặt lớn, mặc các ngài đấy nhé.

Ông xã trưởng đứng dậy và nhắc lại:

- Đưa nó đi ngay, không tôi phát khùng lên bây giờ hai viên sen đâm liền túm lấy cánh tay anh thợ làm nhà, kéo đi. Anh để mặc và anh lại đi qua làng, trở ra đường cái và khi họ dẫn anh đi khỏi cột cây số hai trăm thước, thì viên đội nói:

- Đấy, cút đi và đừng để cho ta thấy mặt mày ở vùng này, nếu không thì đừng có trách.

Và Răngđen bước đi chẳng hề đáp lại, cũng chẳng biết mình đi đâu. Anh cứ thế bước đi chừng mười lăm hai mươi phút, người mù mẫm đến nỗi anh chẳng nghĩ đến gì nữa.

Nhưng đột nhiên khi đi qua một căn nhà nhỏ cửa sổ hé mở, mùi thịt bò hầm bay vào mũi anh làm anh đứng sững lại trước căn nhà.

Và bỗng cơn đói, một cơn đói dữ dội, cào cào, điên

cuồng nổi lên, suýt nữa thì khiến anh lao vào những bức tường của ngôi nhà như một con vật.

Anh nói to, giọng găm gù: - Trời, lần này thì phải cho ta ăn. Và anh liền lấy gậy đập mạnh vào cửa.

Không thấy ai đáp lại, anh đập cửa mạnh hơn, nói to:

- Này! này! này! Có ai trong nhà không, này? Mở cửa ra!

Chẳng có gì động đậy, thế là anh tiến tới sát cửa sổ lấy tay đẩy ra và không khí đang bị giam hãm trong nhà bếp, làn hơi ẩm ẩm sục mùi thịt hầm nóng, mùi thịt chín với bắp cải toả ra ngoài trời lạnh.

Chỉ một bước, người thợ làm nhà đã ở trong căn phòng. Hai suất ăn đặt sẵn trên bàn. Chủ nhà chắc đã đi lễ nhà thờ, để trên bếp các món ăn, món thịt hầm ngon lành của ngày chủ nhật với món xúp rau béo ngậy.

Một chiếc bánh mì mới nằm trên lò sưởi, giữa hai chai rượu hình như còn nguyên.

Trước hết Răngđen vỗ lấy miếng bánh, bẻ mạnh miếng bánh như định bóp chết người, rồi anh ta ăn ngốn ngấu, từng miếng lớn một. Nhưng ngay sau đó, mùi thịt lôi cuốn anh về phía lò sưởi và anh mở nắp xoong, thọc đĩa vào lôi ra một miếng thịt bò lớn có buộc một sợi dây. Anh còn lấy bắp cải, cà-rốt, hành tây áp đĩa, và sau khi đặt đĩa xuống bàn, anh ngồi xuống, cắt miếng thịt hầm ra làm bốn, ngồi ăn như ở nhà mình vậy. Khi anh ngón gấn

hết cả miếng thịt bò, thêm một số rau, anh thấy khát và đứng dậy lấy một trong hai chai rượu để trên lò sưởi.

Vừa nom thấy chất nước trong cốc, anh biết ngay là rượu mạnh. Mạnh cũng mặc; rượu sẽ làm máu anh nóng lên, như thế càng tốt, anh vừa mới bị lạnh ghê và anh cứ uống.

Quả nhiên rượu ngon thật, đã lâu anh không được uống; anh lại rót một cốc đầy nữa và nốc hai ngụm là hết. Và hầu như ngay sau đấy, anh cảm thấy vui vẻ, phấn chấn vì rượu, tựa hồ một niềm hạnh phúc lớn đã lọt vào lòng anh.

Anh tiếp tục ăn, chậm rãi hơn, vừa thong thả nhai vừa chấm bánh vào nước thịt hầm. Toàn thể làn da trên người anh nóng bỏng, nhất là trên trán mạch máu đập giân giật.

Nhưng đột nhiên có tiếng chuông đổ hồi từ xa vắng lại, báo hiệu buổi lễ chấm dứt; một thứ linh tính hơn là một nỗi lo sợ, linh tính thận trọng của những kẻ đang lâm nguy dẫu dặt và khiến họ trở nên minh mẫn, buộc anh đứng dậy, anh bỏ vào một bên túi miếng bánh còn lại, nhét vào túi kia chai rượu mạnh rồi anh rón rén ra cửa sổ, nhìn ra đường.

Đường phố còn vắng tanh. Anh nhảy qua cửa và tiếp tục đi, nhưng không thấy đường cái mà băng qua cánh đồng đi về phía một khu rừng anh trông thấy. Anh cảm thấy lạnh lẽ, khoẻ khoắn, vui vui, miễn nguyện về việc mình đã làm và người nhẹ nhàng đến mức chân chum lại

cũng chỉ vọt một cái lả nhảy qua được các rào giậu trên cánh đồng.

Tối dưới gốc cây, anh lại lôi chai rượu ra khỏi túi vừa đi vừa tiếp tục uống, từng ngụm lớn. Ý nghĩ anh bắt đầu lộn xộn trong óc, mắt lơ đãng, cặp chân co giãn như lò-xo.

Anh cất tiếng hát đoạn dân ca cổ xa:

A ha! Đi hái dâu

Thú biết chừng nào!

Thú biết chừng nào!

Giờ đây, anh đi trên nền rêu dày ẩm, mát rượi, và tấm thảm êm dịu ấy làm cho anh thêm khát điên cuồng muốn nhảy lộn như một đứa trẻ thơ.

Anh lấy đà, lộn nhào, nhòem dậy, lại lộn nhào. Và mỗi lần lộn nhào, anh lại hát:

A ha! Đi hái dâu

Thú biết chừng nào!

Thú biết chừng nào!

Đột nhiên, anh tới bên bờ một con đường trũng, và trông thấy trong lòng đường một người con gái cao lớn, một người ở gái đang trở về làng, hai tay xách hai xô sữa, cách xa cô ta bằng một vòng thúng lớn.

Anh lom khom đi rình người con gái, cặp mắt sáng lên như mắt chó thấy cun cút.

Người con gái nhìn thấy anh, ngẩng đầu lên, phá ra cười và nói to với anh:

- Chính anh hát đấy à?

Anh chẳng trả lời và nhảy xuống mặc dù bờ dốc cao ít ra là hai thước.

Thấy anh đột ngột sùng sững trước mặt, người con gái nói:

- Trời ơi, anh làm tôi sợ quá?

Nhưng anh chẳng nghe thấy cô ta nói, anh đã say, anh điên lên rồi, sôi sục vì một thứ điên cuồng khác còn mãnh liệt hơn là cái đói, cuồng lên vì rượu, vì cơn không cưỡng nổi của một con người thiếu thốn đủ mọi thứ, từ hai tháng nay, của một con người đang chênh choáng say, lại đang tuổi thanh niên, hăng hái, khao khát vì tất cả những sự thèm muốn mà tạo hoá đã gieo rắc vào da thịt cường tráng của người đàn ông.

Người con gái lùi lại, khiếp sợ bộ mặt của anh, đôi mắt của anh, cái miệng hé mở của anh, cánh tay anh đang vươn ra.

Anh nắm lấy vai cô ta, và chẳng nói chẳng rằng, vật cô ngã xuống đường.

Cô gái để rơi hai chiếc xô, hai chiếc xô lăn rầm rầm trên đường, sữa đổ lênh láng, rồi cô ta hét lên nhưng hiểu ngay là có kêu cứu ở nơi hoang vắng này cũng chẳng ăn thua gì và thấy rõ là anh ta cũng chẳng có ý muốn giết cô,

cô đành nhượng bộ, không khó khăn lắm, không bức tức lắm vì anh chàng thì khoẻ mà thực sự cũng không quá thô bạo.

Khi cô đứng dậy được, nghĩ đến hai xô sữa đã đổ hết, cô bỗng bồng bồng nổi giận và đến lượt cô, cô rút guốc ở chân ra, xông vào định đánh vỡ đầu anh chàng nếu anh ta không chịu đến tiền sữa.

Nhưng Răngden hiểu lắm về sự tấn công dữ dội ấy đã hơi tỉnh rượu, luống cuống, hoảng hốt trước việc mình đã làm, vội vã ba chân bốn cẳng chạy trốn, còn cô ta thì cứ lấy đá ném theo, nhiều hòn trúng lưng anh.

Anh chạy mãi, rất lâu, rồi anh cảm thấy mệt nhoài như chưa bao giờ từng thấy thế. Cặp chân anh mềm nhũn, không còn đỡ nổi thân hình anh nữa, tất cả ý nghĩ của anh đều lộn xộn, anh không còn nhớ gì nữa không còn suy nghĩ được gì nữa.

Và anh ngồi xuống một góc cây.

Năm phút sau anh đã ngủ thiếp đi.

Anh tỉnh dậy vì có người đánh mạnh vào anh, và mở mắt ra, anh trông thấy hai chiếc mũ ba cạnh bằng da lẳng cúi xuống, hai viên sen đậm buổi sáng đang túm lấy anh và trói tay anh lại.

- Tao đã biết chắc là tao sẽ lại tóm được mày mà, - viên sen đậm giễu cợt nói.

Răngden đứng dậy không một lời đáp lại. Hai viên sen đâm lắc mạnh anh, sẵn sàng đánh đập anh nếu anh nhúc nhích, vì giờ đây anh là miếng mồi của chúng, anh đã là của nhà giam, bị kẻ đi săn những tên phạm tội bắt được và không bao giờ chịu nhả ra nữa.

- Đi, - viên sen đâm ra lệnh.

Ba người lên đường. Hoàng hôn xuống dần, rải ra trên mặt đất một cảnh chiều tàn mùa thu, nặng nề và ảm đạm.

Nửa giờ sau, họ mới về tới làng.

Tất cả các cửa đều mở rộng, mọi người đều biết chuyện đã xảy ra. Bà con nông dân, nam cũng như nữ, sục sùi cảm giận, như thể người nào cũng vừa bị mất cắp, như thể người nào cũng vừa bị hãm hiếp, đều muốn nhìn mặt cái kẻ khốn nạn để mà chửi rủa.

Tiếng la ó khởi đầu từ căn nhà đầu tiên mãi đến tòa thị chính mới chấm dứt. Viên xã trưởng cũng đang đợi, cũng đang muốn trả thù kẻ du đảng.

Vừa thấy anh, hấn hét lên từ xa:

- À, thằng kia! Chúng ta lại gặp nhau đây rồi.

Và hấn xoa xoa tay, ít khi lại thấy hài lòng như ngày hôm nay.

Hấn nói tiếp:

- Chỉ trông thấy nó trên đường là ta biết ngay mà, biết ngay mà.

Rồi còng sung sướng gấp bội hẳn nói:

- À, đồ vô lại, à! đồ vô lại khốn nạn, mày thì cầm chắc hai mươi năm tù rồi.

TRUNG HIẾU dịch

ĐÚA CON BỎ RƠI

- Thực đấy, bà nó ạ, bà có diên mới đi dạo chơi ở thôn quê vào cái thời tiết này. Từ hai tháng nay, bà có những ý nghĩ thật kỳ lạ. Dù chẳng thích thú gì bà cũng cứ kéo tôi ra biển, vậy mà bốn mươi lăm năm trời nay, từ khi chúng ta lấy nhau đến giờ, bà chẳng hề bao giờ có ý muốn ngông cuồng như vậy. Bà tự ý chọn Fécăng, một thành phố buồn rứt và thế là bà bỗng sinh ra chứng muốn đi đây đi đó, bà thì xưa nay chẳng bao giờ chịu nhúc nhích, bà lại muốn đi dạo chơi ngoài đồng nội vào một ngày nóng bức nhất trong năm. Bà hãy bảo bác Đ'Aprévan đi cùng, bác ấy lúc nào cũng sẵn sàng chiều ý bà. Còn tôi tôi về ngủ trưa thôi.

Bà Đơ Cadua quay về phía người bạn cũ:

- Bác cùng đi với tôi chứ, bác Đ'Aprévan?

Đ'Aprévan nghiêng mình mỉm cười, với một vẻ lịch sự kiểu cổ, đáp lại:

- Bác đi đâu, tôi cũng xin đi theo.

- Đấy thì đi mà chuốc lấy một trận say nắng, - ông Đơ Cadua thốt lên. Và ông trở về khách sạn Lê Bạch nằm nghỉ một hai tiếng đồng hồ.

Ông Đơ Cadua đi rồi, người đàn bà tuổi tác và ông bạn già lên đường. Bà nói rất khẽ, vừa nói vừa siết chặt tay ông:

- Thế là được rồi! thế là được rồi!

Ông lẩm bẩm:

- Bà điên đấy. Tôi quả quyết là bà điên đấy. Bà hãy nghĩ đến việc bà làm nguy hiểm như thế nào. Nếu con người ấy...

Bà ta giật nẩy mình lên:

- Ô, Hăngri đừng gọi nó "*là con người ấy*"...

Ông xằng giọng nói tiếp:

- Hừ! nếu con chúng ta ngờ vực điều gì, nếu nó nghi ngờ ta thì nó sẽ nắm được bà, nó sẽ nắm được chúng ta. Bốn mươi năm nay, bà không thăm nom nó cũng có sao đâu. Vậy mà hôm nay bà làm sao thế?

Hai người đi dọc đường phố dài từ bờ biển chạy vào thành phố. Họ rẽ sang phải để leo lên dốc Etrota. Con đường trắng xoá chạy dài dưới ánh nắng chang chang, nóng bỏng.

Họ thong thả bước đi từng bước ngắn dưới trời nóng rất. Bà Đơ Cadua luồn tay vào cánh tay ông bạn và nhìn thẳng về phía trước mắt đăm đăm, như có điều gì ám ảnh!

Bà hỏi:

- Thế ra ông cũng chẳng đến thăm nó lần nào cả ư?

- Không, không bao giờ!

- Sao lại có thể thế được?

- Bà bạn yêu quý ạ, ta đừng trở lại câu chuyện tranh cãi muôn thuở ấy nữa. Tôi đã có vợ, có con cũng như bà đã có chồng, vậy thì chúng ta, tôi cũng như bà, chúng ta đều phải sợ dư luận.

Bà ta không đáp, nghĩ miên man đến tuổi trẻ xa xăm, đến những sự việc đã qua, buồn rứt.

Người ta đã gả chồng cho bà, cũng như người ta gả chồng cho những cô gái khác. Bà chẳng hề biết đến người chồng bà sắp lấy, một nhà ngoại giao và sau này, bà đã sống cùng với chồng, cuộc sống của tất cả các bà thuộc giới thượng lưu.

Nhưng rồi một người trai trẻ, ông Đ'Aprévan đã có vợ cũng như bà đã có chồng, say mê bà và trong dịp ông Đơ Cadua đi Ấn-độ công cán, vắng nhà lâu ngày, bà đã sa ngã.

Bà có thể cưỡng lại được không? Từ chối được không? Liệu bà có đủ nghị lực, can đảm không ngã lòng khi chính bà cũng yêu ông ta? Không, thực sự không? Như thế thì vô tình quá! bà sẽ đau khổ biết chừng nào cuộc đời mới ác nghiệt và éo le làm sao? Liệu ta có thể tránh khỏi những nỗi bất hạnh của số phận, liệu ta có thể thoát được định mệnh không? Một người đàn bà, sống cô đơn, trơ trọi, không tình yêu, không con cái, liệu có thể lẫn tránh được mối tình say đắm sôi sục trong lòng như

lẩn tránh ánh sáng mặt trời, để sống cho đến chết trong đêm tối được không?

Giờ đây, bà hồi tưởng lại mọi chi tiết mới rõ làm sao, từng cái hôn của ông, từng nụ cười, từng lúc ông dừng lại ở cửa ngắm nhìn bà trở về nhà. Những ngày hạnh phúc biết bao, những ngày đẹp đẽ độc nhất của bà mà sao chấm dứt nhanh quá thế!

Rồi bà thấy mình có mang! biết bao nỗi lo âu!

Ôi! Chuyển đi xuống miền Nam đau khổ, chuyển đi dài đằng đẵng, cuộc sống ẩn náu trong ngôi nhà nhỏ bé cô quạnh ấy trên bờ biển Địa-trung-hải, lọt sâu trong một mảnh vườn mà bà chẳng dám bước khỏi cửa!

Bà hồi tưởng lại mới rõ làm sao những ngày rờn rã nằm dài dưới một gốc cam, mắt ngược lên nhìn những quả đỏ ối, tròn trĩnh giữa đám lá xanh rờn. Bà những muốn đi ra bờ biển, nằm đây, gió biển mát rượi thổi tới lướt vượt bức tường, nằm đây, bà nghe thấy những đợt sóng ngấn vỗ trên bãi cát, bà mơ thấy khoảng bao la xanh thẳm, lấp loáng ánh nắng với những cánh buồm trắng và một ngọn núi ở phía chân trời nhưng bà chẳng dám qua khỏi ngưỡng cửa. Nếu người ta nhận ra bà? thân hình thay đổi như vậy, phô bày nổi nhục bên trong cái bụng nặng trĩu!

Rồi những ngày chờ đợi, những ngày giày vò cuối cùng! những cơn sốt hoảng, những nỗi đau đốn vật vã rồi cái đêm kinh khủng ấy. Biết bao khổ cực bà đã trải qua.

Cái đêm đó, cái đêm hôm ấy mới ghê gớm làm sao.

Bà kêu rên gào thét! Bà như còn nhìn thấy bộ mặt tái nhợt của người yêu cứ mỗi phút lại hôn tay bà, diện mạo nhần nhụi của người thầy thuốc, cái mũi chup trắng của người nữ hộ lý.

Và trong lòng bà mới kích động làm sao khi bà nghe thấy tiếng rên rỉ của đứa trẻ, cái tiếng ọc ọc, - Cố gắng đầu tiên của tiếng nói con người!

Và ngày hôm sau! ngày hôm sau! ngày độc nhất trong đời, bà đã trông thấy và ôm hôn đứa con, vì từ đấy chẳng bao giờ, bà còn trông thấy con mình nữa.

Và từ đấy cuộc đời trống rỗng dài đằng đằng cứ pháng phát mãi mãi cái ý nghĩ về đứa con ấy! Con người nhỏ bé do bà sinh ra, chính con trai bà, bà không gặp lại nó nữa, dù chỉ một lần. Người ta đã cướp lấy nó, đem nó đi, giấu nó đi. Bà chỉ biết là nó được những người nông dân vùng Normăngđi nuôi nấng và bản thân nó cũng đã trở thành một nông dân, nó đã lấy vợ, cưới xin linh đình, và được bố đẻ cho nhiều của cải mà không hề biết tên bố.

Bốn mươi năm nay, biết bao lần bà đã muốn thăm nó, ôm hôn nó! Bà không thể hình dung được nó đã lớn. Bà vẫn còn nghĩ đến cái mầm mống con người mà bà đã ôm ấp một ngày trong tay và siết chặt nó trong lòng quận đau.

Biết bao lần bà đã thốt ra với người yêu: "Em không chịu nổi nữa, em phải tới thăm nó, em đi đây"

Lần nào ông ta cũng can ngăn bà, giữ bà lại. Bà sẽ không thể nào cầm lòng được, sẽ không thể nào tự chủ được, đứa con sẽ đoán ra, sẽ lợi dụng bà. Bà sẽ nguy mất.

- Con nó người thế nào nhỉ? bà hỏi.

- Tôi không biết. Tôi cũng không gặp lại nó lần nào nữa.

- Sao lại có thể thế được? Để con ra rồi cũng chẳng hề biết tới nó. Sợ nó, ruộng bỏ nó như vứt bỏ một sự nhục nhã.

Thực là ghê tởm.

Hai người mệt mỗi bước đi vì ánh nắng chang chang trên con đường dài, leo lên con đường dốc vô tận.

Bà nói tiếp:

- Phải chăng đây là một sự trừng phạt? Tôi từ đó chẳng bao giờ sinh đẻ nữa. Không, tôi không thể cưỡng lại được ý muốn khao khát tới thăm nó, điều đó ám ảnh tôi đã bốn mươi năm nay rồi. Các ông là nam giới, các ông không thể hiểu được. Ông hãy nhớ rằng tôi đã đến lúc sắp từ già cõi đời này rồi. Thế mà tôi không được gặp lại nó?... không được gặp lại nó, sao lại có thể thế được? Làm thế nào mà tôi chờ đợi lâu được thế nhỉ? Suốt đời tôi mới khổ cực chứ. Không một lần nào tôi thức giấc, không một lần nào ông rõ chưa, mà ý nghĩ đầu tiên của tôi là không nghĩ đến nó, đến con tôi. Con nó người như thế nào? Ôi, đối với nó, tôi cảm thấy mình có tội biết bao. Trong trường hợp ấy, liệu có phải lo sợ tai tiếng với thiên hạ không nhỉ? Lẽ ra tôi phải từ bỏ hết thảy để theo nó, nuôi nấng, thương yêu nó. Lẽ tất nhiên là có thể tôi sẽ sung sướng hơn. Tôi đã không dám làm thế. Tôi đã hèn nhát. Tôi đã đau khổ

biết chừng nào! Ôi, những con người tội nghiệp bị bỏ rơi ấy, hẳn là chúng oán hận mẹ chúng lắm! Bà bỗng ngừng lại, nghẹn ngào nước mắt. Thung lũng vắng ngắt và im nắng dưới ánh nắng nặng nề. Chỉ nghe thấy tiếng châu chấu kêu, khô khan và liên miên trong đám cỏ vàng úa và tha thướt ở hai bên vệ đường.

Ông ta nói:

- Ngồi nghỉ một chút bà ạ.

Bà để cho ông ta dẫn đến tận bên bờ hào, và ngồi phệt xuống, hai tay ôm lấy mặt. Mái tóc bạc, uốn thành vòng rủ xuống hai bên mặt, sổ ra và bà ngồi khóc, lòng đau như xé.

Ông ta đứng trước mặt bà, lo ngại, chẳng biết nói với bà điều gì, chỉ lăm bắm:

- Nào... hãy can đảm lên bà ạ.

Bà lại đứng dậy:

- Được tôi sẽ có đủ can đảm.

Và vừa lau nước mắt, bà vừa tiếp tục đi, bước chân lập cập của người đàn bà đã luống tuổi.

Cách xa đó một chút, con đường luồn vào một lùm cây che lấp mấy ngôi nhà. Giờ đây, họ nghe thấy rõ tiếng búa lò rèn nện xuống đe vang vang và đều đều.

Và chẳng bao lâu họ nhìn thấy về bên phải, một chiếc xe đỗ trước một căn nhà thấp lè tè và dưới một lán để xe, hai người đang đóng móng cho hai con ngựa.

Ông Đ'Aprêvan bước lại gần, lên tiếng hỏi:

- Trại của Pie Bê-nê-dích ở đâu thế bác?

Một trong hai người đáp:

- Ông đi theo con đường bên trái, ngay sát cái quán cà-phê nhỏ, rồi cứ thế đi thẳng, ngôi nhà thứ ba sau ngôi nhà của Porê là chính đó đấy. Có một cây tùng con bên cạnh hàng rào. Không thể lầm lẫn được đâu.

Họ rẽ về bên trái. Giờ đây, bà Đơ Cadua bước đi thong thả, chân tay bủn rủn, tim đập dồn dập làm bà nghẹn thở.

Cứ mỗi bước bà lại lảo bấp như cầu kính:

- Lạy Chúa tôi! Ôi! lạy Chúa tôi!

Vì một niềm xúc động ghê gớm thít chặt cổ họng bà, làm bà lảo đảo cả người như chân muốn gãy.

Ông Đ'Aprêvan, bốn chôn, mặt hơi tái, đột nhiên bảo bà:

- Nếu bà không thể tự chủ được hơn nữa, bà sẽ bị lộ ngay. Hãy cố gắng trấn tĩnh lại bà ạ.

Bà đáp ứng:

- Tôi có thể trấn tĩnh được không? Con tôi. Cứ nghĩ rằng tôi sẽ sắp được gặp con!

Hai người bước đi trên một con đường nhỏ ở nông thôn lọt thỏm giữa sân trại ấp, ẩn kín dưới hai hàng sến thẳng tắp trên các bờ hào.

Bỗng họ tới trước hàng rào gỗ dưới bóng một cây tùng con.

- Đây rồi, - ông Đ'Aprévan nói.

Bà đứng sững lại và ngắm nhìn.

Cái sân trồng táo rộng, chạy dài tới ngôi nhà ở bé nhỏ, lợp rạ. Phía trước là tàu ngựa, kho lúa, chuồng bò, chuồng gà. Dưới một cái mái lợp đá đen là nơi chứa xe bò, xe ngựa. Bốn con bê gặm cỏ xanh rì dưới bóng cây. Những con gà lông đen lang thang khắp nơi trong vườn.

Không một tiếng động. Cửa ngôi nhà bỏ ngõ. Nhưng không trông thấy một ai.

Họ bước vào. Một con chó đen từ một thùng gỗ tròn nhỏ nằm lăn dưới gốc một cây lê lớn bỗng xồ ra, sủa dữ dội.

Phía ngoài, sát ngay tường nhà là bốn tổ ong đặt trên ván, thẳng hàng dưới những mái rạ hình tròn.

Đứng trước ngôi nhà, ông Đ'Aprévan gọi to:

- Có ai không đấy?

Một em nhỏ xuất hiện; một em gái chạc mười tuổi, mặc sơ-mi và váy len, chân đế trần lem luốc, vẻ rụt rè và nghi kỵ. Em đứng trong khung cửa như để canh giữ không cho ai vào nhà.

- Ông muốn gì? - Em hỏi.

- Bố em có nhà không?

- Không.
- Thế bố em đi đâu?
- Chẳng biết.
- Thế còn mẹ em?
- Mẹ đi làm.
- Thế mẹ em sắp về chứ?
- Chẳng biết.

Và đột nhiên, người đàn bà như sợ bị lôi đi khỏi nơi đó, thốt lên, giọng hấp tấp:

- Nếu không gặp được nó, tôi sẽ không rời khỏi đây.
- Chúng ta sẽ đợi nó, bà ạ.

Họ vừa quay lại thì thấy một người đàn bà nông dân đang đi về phía ngôi nhà, tay xách hai thùng sắt tay có vẻ nặng, ánh nắng mặt trời từng lúc chiếu vào đôi thùng một tia sáng chói loà và trắng xoá.

Người đàn bà đó thọt chân phải, và bộ ngực cuộn tròn trong chiếc áo màu nâu, đã bạc phếch qua nhiều cơn mưa gió, đỏ bầm sau nhiều mùa nóng bức, trông có vẻ một người ở gái nghèo hèn, khốn khổ và bẩn thỉu.

- Mẹ cháu đây, em bé nói.

Khi về tới sát ngôi nhà chị ta nhìn khách lạ với một vẻ khó chịu, nghi ngờ, rồi bước vào trong nhà tựa như không trông thấy khách.

Hình như chị đã có tuổi, mặt mũi hốc hác, vàng khè, khắc khổ, cái bộ mặt như tạc vào gỗ ở nông thôn.

Ông Đ'Aprêvan gọi:

Này bác, chúng tôi vào đây xin bác bán cho hai cốc sữa.

Chị vừa lầu bầu vừa lộ ra trên ngưỡng cửa sau khi đã đặt thùng xuống:

- Tôi không có sữa bán đâu.

- Chúng tôi khát lắm. Bà đây đã có tuổi và rất mệt. Liệu bác có cái gì cho chúng tôi uống được không.

Người đàn bà nông dân nhìn họ, cái nhìn ngại ngùng, đa nghi.

Nhưng rồi chị cũng quyết định, trả lời:

- Thôi thì ông bà đã đến đây, tôi cũng bán sữa cho.

Rồi chị biến mất hút vào trong nhà.

Đến lượt em bé đi ra, tay cầm hai chiếc ghế, em đặt ghế xuống gốc cây táo, người mẹ ra sau với hai bát sữa ngẫu bọt, đưa bát tận tay khách.

Rồi chị ta đứng đó, trước mặt khách như muốn canh gác họ và đoán ý định của họ. Chị hỏi:

- Ông bà ở Fécăng?

Ông Đ'Aprêvan đáp:

- Vâng, chúng tôi tới Fécăng nghỉ hè. Rồi sau một lát im lặng ông nói tiếp:

- Hằng tuần, bác có thể bán gà dò cho chúng tôi được không?

Người đàn bà nông dân lưỡng lự rồi đáp:

- Được thôi, nhưng mà ông muốn gà dò phải không?

- Phải gà dò.

- Thế ông mua ở chợ bao nhiêu?

Ông Đ'Aprévan không biết giá chợ, quay về phía bà bạn hỏi:

- Thế bà vẫn mua gà giá bao nhiêu, loại gà dò ấy.

Bà ta ấp úng, nước mắt giàn giụa:

- Bốn quan và bốn quan rưỡi.

Người đàn bà chủ trại, ngạc nhiên liếc nhìn bà, rồi hỏi:

- Bà nhà ta ốm hay sao mà khóc thế?

Ông Đ'Aprévan không biết trả lời ra sao, lúng búng trong mồm:

- Không... không... Nhưng bà... bà ấy đi đường mất chiếc đồng hồ một chiếc đồng hồ rất đẹp và bà ấy rất rầu lòng. Nếu có ai nhặt được, bác báo cho chúng tôi biết nhé.

Chị Bênêđich chẳng nói chẳng rằng cho là chuyện này có gì uẩn khúc bên trong.

Và bỗng nhiên chị thốt lên:

- Nhà tôi kia!

Chỉ có mình bà Đơ Cadua trông thấy vì bà đang quay mặt ra hàng rào.

Ông Đ'Aprêvan giật nảy mình. Bà Đơ Cadua cuống cuống quay mình trên ghế, loạng choạng suýt ngã.

Một người đàn ông đứng cách đó mười bước, cầm đầu dây thừng kéo một con bò cái, người cúi gập làm đôi, thờ hớn hớn.

Anh ta thốt lên, chẳng chú ý đến khách:

- Đồ chết tiệt! bò mới hê!

Rồi anh ta bước qua, đi về phía chuồng bò và mất hút.

Mắt của người đàn bà bỗng rảo hoành và bà ngồi đó hoảng hốt, im lặng, không nói, không nghĩ gì được: - Con bà, chính con bà đấy!

Ông Đ'Aprêvan cũng bị xúc phạm vì ý nghĩ đó, dần từng tiếng, giọng bối rối:

- Chính bác Bê-nê-dích đấy hờ bác?

Người đàn bà chủ trại, ngờ vực, hỏi:

- Ai bảo ông biết tên nhà tôi đấy?

Ông Đ'Aprêvan đáp:

- Bác thợ rèn ở góc đường cái.

Rồi mọi người nín thính, mắt nhìn chăm chăm về phía cửa chuồng bò. Cái cửa trông tựa một lỗ hồng đen ngòm trong tường ngôi nhà. Chẳng trông thấy gì bên trong nhưng nghe thấy những tiếng động mơ hồ, những cử động, những tiếng chân đi êm trên rơm rải ra mặt đất.

Bê-nê-dích lại ló ra trên ngưỡng cửa, tay lau trán, và trở về ngôi nhà ở, chân bước dài, chậm chạp, hình như mỗi bước lại nâng bổng anh lên.

Anh lại đi qua đám khách như không chú ý đến họ và bảo vợ:

- Đi lấy cho tôi một vò rượu táo, tôi khát lắm.

Rồi anh bước vào nhà. Người vợ đi về phía nhà kho để rượu, mặt khách thủ đô đứng đó.

Và bà Đơ Cađua cuống cuống, áp ứng:

- Thôi Hăngri, ta đi thôi.

Ông Đ'Aprêvan khoác tay bà, nâng bà dậy và gắng hết sức giúp đỡ bà vì ông cảm thấy rõ bà chỉ muốn ngã rồi ông dìu bà đi, sau khi đã quăng xuống mặt ghế đồng tiền năm quan.

Hai người vừa bước ra khỏi rào, bà Đơ Cađua oà lên khóc nức nở, toàn thân rung lên vì đau đớn, bà lẩm bẩm:

- Ôi, ôi! Ông đã làm nó trở thành như thế đấy...

Ông Đ'Aprêvan tái mặt, xằng giọng, đáp lại :

- Tôi đã làm hết sức mình, áp trại của nó đáng giá tám

vạn quan. Đó là một món gia tài mà không phải con cái nhà trưởng giả nào cũng có được.

Và họ chậm rãi bước đi trên đường về, không nói thêm một lời. Bà Đơ Cadua thì cứ nức nở mãi. Những giọt nước mắt không ngừng trào ra và lăn trên má bà.

Sau cùng bà thôi khóc, họ đã về tới Fécăng.

Ông Đơ Cadua đợi họ ăn bữa chiều. Vừa trông thấy hai người, ông ta phá ra cười và bỏ bô lên:

- Tốt lắm, bà vợ tôi đã chuốc được một trận say nắng. Tôi thật mãn nguyện. Quả thật, ít lâu nay, tôi cho là nhà tôi mất trí rồi!

Cả ông Đ'Aprévan lẫn bà Đơ Cadua chẳng ai nói một lời, và khi người chồng vừa xua tay vừa hỏi:

- Thế nào, ít ra bác và nhà tôi đi chơi cũng thú vị chứ?

Ông Đ'Aprévan đáp:

- Thú vị lắm, bác ạ, rất thú vị.

TRUNG HIẾU dịch

CON QUỖ

Gã nông dân đứng đối diện viên thầy thuốc, trước giường người hấp hối. Bà lão, lặng lẽ, nhẫn nhục, mình mẫn, nhìn hai người đàn ông và nghe họ trò chuyện. Bà sắp chết; bà không cưỡng lại, đời bà hết rồi, bà đã chín mươi hai tuổi.

Qua cửa sổ và cửa ra vào để ngỏ, mặt trời tháng bảy tràn vào, rọi ánh nắng nóng nực lên nền đất nâu, mấp mô, đã nện lên dưới gót guộc của bốn thế hệ dân quê. Cả mùi vị đồng ruộng cũng thoảng vào, do cơn gió oi bức thổi tới, mùi cỏ, mùi lúa mì, mùi lá khô nở dưới sức nóng ban trưa. Châu chấu kêu ran ran, khiến đồng quê vang lên tiếng lách tách lao xao, giống tiếng những con cào cào gõ bàn cho trẻ em chơi trong hội chợ.

Thầy thuốc cất cao giọng, nói:

- Bác Ônô-rê, bác không thể để bà cụ bác trợ trọi một mình trong tình trạng này được. Bà cụ sẽ tắt thở bất kỳ lúc nào!

Và gã nông dân, phiền muộn, nhắc lại:

- Tôi phải gặt lúa cho xong chứ: lúa chín rũ xuống lâu quá rồi. Vừa may tốt trời. Này, mẹ bảo sao hử?

Và bà lão hấp hối, hãy còn bị day dứt vì thói keo kiệt của gã Noomãng, "ừ" bằng mắt và trán, ý bảo con đi gặt lúa và cứ để bà chết một thân một mình.

Nhưng viên thầy thuốc nổi giận và đậm chân:

- Bác chỉ là đồ súc vật thôi bác biết chưa và tôi không cho phép bác làm như thế bác biết chưa. Và nếu bác buộc phải gặt lúa về ngay ngày hôm nay, thì đi mà tìm mụ Rapê, chứ sao! và bảo mụ ấy trông nom bà lão. Tôi muốn thế, bác biết chưa? Và nếu bác không nghe lời tôi thì khi nào đến lượt bác ốm, tôi sẽ để mặc bác chết như con chó ấy, bác biết chưa?

Gã nông dân người cao gầy, cử chỉ chậm chạp, bị dẫn vật vì do dự, vì sợ thầy thuốc và vì lòng ham chắt bóp dữ dội, ngần ngại, toan tính, ấp úng:

- Thế nhà mụ Rapê, mụ ấy lấy ngân nào, để coi sóc?

Viên thầy thuốc hét lên:

- Tôi biết đâu đấy? Đó là tùy theo thời gian bác nhờ mụ ấy. Bác đi mà thu xếp với mụ ấy chứ. Rõ thật! Nhưng tôi muốn một giờ đồng hồ sau, mụ ấy phải có ở đây, bác biết chưa?

Gã đàn ông quyết định:

- Tôi đi đây, tôi đi đây, ông thầy thuốc, ông đừng có bực.

Và bác sĩ ra đi, còn dặn:

- Bác phải biết, phải biết, liệu đấy, vì tôi ấy, tôi mà bực lên thì tôi không đùa đâu!

Còn lại một mình, gã nông dân quay nhìn mẹ, và bằng một giọng nhần nhục:

- Tôi đi tìm mẹ Rapê vậy, vì cái nhà ông ấy muốn thế. Tôi chưa về, mẹ đừng có lo.

Và gã cũng ra đi.

Mụ Rapê, một mụ thợ giặt già, thường trông nom người chết, người ốm ở làng và ở các vùng lân cận. Rồi bỏ xong khách hàng vào tấm vải mà họ không bao giờ ra khỏi nữa, mụ lại quay ra cầm bàn là, là quần áo cho người sống. Rắn reo như quả táo khô từ năm ngoái còn lại, tàn nhẫn, ganh ghét, keo kiệt, một sự keo kiệt đến mức kỳ quái, người cúi gập xuống như thể bị gãy xương hông vì động tác triển miên đưa bàn là trên vải, dường như mụ có một mối tình quái đản và trắng trợn với sự hấp hối. Mụ chỉ nói đến những kẻ mụ đã nhìn thấy họ chết, đến đủ loại chết khác nhau mà mụ đã tham dự; và mụ kể lại hết sức tỉ mỉ những chi tiết bao giờ cũng giống nhau, hết như một tay săn bắn thuật lại các phát súng của y.

Khi Ônôrê Bôngtăng đến nhà mụ, gã thấy mụ đang pha nước lợ để hồ cổ áo cho các bà người làng.

Gã nói:

- Chào mụ, mụ Rapê, công việc có khá không?

Mụ quay đầu về phía gã:

- Vậy thôi, vậy thôi. Còn nhà bác thế nào?
- Ô, phần tôi thì được. Nhưng bà cụ nhà tôi không ổn.
- Bà cụ bác hử?
- Ủ bà cụ!
- Bà cụ sao hử?
- Bà cụ sắp chết!

Mụ già rút tay khỏi nước, những giọt nước xanh xanh trong suốt chảy đến tận đầu ngón tay mụ rồi lại rơi xuống chậu.

Mụ hỏi, đột nhiên có thiện cảm:

- Bà lão nặng thế kia hử?
- Thầy thuốc bảo chữa qua khỏi chiều nay.
- Thế thì nặng lắm rồi!

Ônô rê ngần ngại. Cần rào đón ít nhiều trước khi bàn với mụ điều gã đã chuẩn bị. Nhưng chẳng biết nói năng thế nào, gã bỗng quyết định phát:

- Nay, trông nom bà lão cho đến xong thì mụ lấy bao nhiêu? Mụ biết là tôi chả giàu có gì đâu. Mượn một người ở cũng chả đủ. Rõ khổ bà cụ nhà tôi, chính vì thế mà bà cụ đến nước này đây, lo lắng nhiều quá, vất vả nhiều quá. Một mình làm bằng mười người ấy, mà chín mươi hai tuổi đầu rồi.

Mụ Rapê nghiêm trang đáp:

- Có hai giá: người giàu thì bốn mươi xu ban ngày, ba quan ban đêm. Người khác thì hai mươi xu ban ngày, bốn mươi xu ban đêm. Bác trả tôi hai mươi, bốn mươi.

Nhưng gã nông dân còn nghĩ ngợi. Gã biết rõ bà mẹ gã lắm. Gã biết là bà lão bần bĩ, trắng kiện và dai sức đến như thế nào. Mặc dù thầy thuốc nói thế chứ đề phải kéo đến tám ngày mới xong.

Gã cả quyết nói:

- Không, tôi muốn mụ định cho tôi một giá, thế, một giá để trông cho đến xong. Tôi cũng liều may rủi xem sao. Thầy thuốc bảo là bà sắp đi ngay. Nếu thế thì hay cho mụ, thiệt cho tôi. Nhưng nếu bà lão còn đến mai hay lâu nữa thì hay cho tôi, thiệt cho mụ!

Mụ coi người ốm ngạc nhiên, nhìn gã đàn ông. Mụ chưa từng nhận khoán một cái chết nào. Mụ ngần ngừ, cũng muốn thử cầu may xem sao. Rồi mụ nghĩ người định bịp mình.

- Chưa nhìn thấy bà lão nhà bác thì tôi chưa nói năng gì được. Mụ trả lời

- Thế thì đi, đi xem.

Mụ chùi tay rồi theo gã đi luôn.

Dọc đường họ chẳng nói năng gì. Mụ đi tất tưởi, trong khi gã sải đôi cẳng chân dài như thế mỗi bước đều phải bước qua một con suối.

Những con bò nằm trong đồng, mệt mỏi vì nóng bức, nặng nề ngừng đầu lên và rống khe khẽ, hướng về phía hai người đi qua, để xin họ ít cỏ tươi.

Gần về đến nhà, Ônôré Bôngtăng lẩm bẩm:

- Ngộ xong rồi thì sao?

Và niềm ao ước bất tự giác của gã bộc lộ ra trong giọng nói.

Nhưng bà lão không hề chết. Bà nằm ngửa, trên chiếc giường nát, hai bàn tay đặt lên cái chăn vải tím, những bàn tay gầy một cách kinh khủng: gân guốc xù xì, giống như những con vật lạ lùng, như những con cua, và quắp lại vì bệnh tê thấp, vì những nỗi nhọc nhằn, vì những công việc chúng đã làm gân suốt một thế kỷ.

Mụ Rapé lại bên giường, ngấm người hấp hối. Mụ xem mạch sờ ngực: nghe bà lão thở, hỏi han để nghe bà nói, rồi sau khi đã ngấm nghĩa bà lão thêm một hồi lâu, mụ đi ra: Ônôré theo đằng sau. Ý mụ đã định. Bà lão không còn được đến tối. Ônôré hỏi:

- Thế nào?

Mụ trả lời:

Thế này, phải kéo đến hai ngày, có khi ba. Bác cho tôi sáu quan tất cả.

Gã kêu lên:

- Sáu quan! Sáu quan! Mụ lẩn rồi à? Tôi bảo cho mụ

biết là bà lão còn được năm, sáu giờ đồng hồ nữa thôi, không hơn đâu!

Và họ mặc cả rất lâu, cả hai đều ráo riết hăm hở. Thấy mụ gác định ra về, thấy thời gian trôi qua, thấy lúa mì của mình không tự gặt về được, cuối cùng gã đồng ý:

- Thôi được, thế là ngã ngũ, sáu quan, tất cả, đến lúc đem đi chôn.

- Thế là ngã ngũ, sáu quan.

Và gã ra đi, bước ngắn bước dài, đến với lúa mì của gã đang rạp xuống đất, dưới mặt trời nặng nề hun chín mùa màng.

Mụ Rapê quay vào trong nhà.

Mụ đã đem đồ khâu vá đến, vì bên người hấp hối và người chết, mụ vẫn làm việc không ngừng, khi thì làm cho mụ. khi thì cho gia đình thuê mụ làm cả hai việc một lúc, trả thêm tiền công.

Thốt nhiên, mụ hỏi:

- Mụ Bôngtăng này thế đã làm lễ xức dầu cho mụ chưa?

Bà lão nông dân lắc đầu ra ý "không", và mụ Rapê vốn người sùng đạo, hấp tấp đứng dậy:

- Lạy Chúa, ai lại thế bao giờ? Để tôi đi tìm cha xứ

Và mụ tất tả đến nhà xứ, vội vã đến mức bọn trẻ con trông thấy mụ chạy long tong như thế, cứ tưởng có chuyện rủi ro gì xảy ra.

Linh mục đến ngay, mặc áo lễ trắng, đưa bé hầu lễ đi trước lúc lắc cái chuông con để báo hiệu có Chúa Trời đi qua đồng quê oi bức và yên tĩnh. Những người đàn ông làm lụng ở đằng xa, ngả mũ và đứng đợi cho tà áo trắng khuất sau một trang trại ; những những người đàn bà đang lượm lúa đứng thẳng lên để làm dấu thánh giá, những con gà mái đen, hoảng sợ, chạy trốn dọc theo đường hào, đứng đưa hai chân, cho đến tận cái hố rất quen thuộc với chúng, và lỏn ngay vào đó: một con ngựa non buộc ở cánh đồng cỏ, nhìn thấy tà áo lễ đâm hoảng chạy vòng quanh đầu sợi dây, vừa chạy vừa lồng lên. Chú bé hầu lễ mặc áo đỏ, rào bước ; và linh mục, đầu ngả về một bên vai, đội mũ vương. Vừa theo sau vừa cầu kinh còn mục Rapê đi sau cùng cúi rạp người xuống, gập mình làm đôi như thể vừa đi vừa lạy, hai tay chấp lại như ở nhà thờ.

Từ xa, Ônôré nhìn thấy họ. Gã hỏi:

- Cha xứ đi đâu ấy nhỉ?

Người làm của gã tỉnh tể hơn, trả lời:

- Cha mang mình Chúa đến cho bà cụ nhà bác chứ còn gì nữa!

Gã nông dân không ngạc nhiên:

- Ừ, cũng có khi như vậy?

Và gã lại tiếp tục làm.

Mục Bôngtăng xưng tội, được rửa tội, chịu lễ; và linh mục ra về, để lại hai người đàn bà với nhau trong túp nhà tranh ngột ngạt.

Thế là mụ Rapê ngắm nhìn người hấp hối, và tự hỏi xem liệu có lâu không.

Trời ngả về chiều. Gió đã mát lùa vào mạnh hơn, làm một bức tranh Êpinan cài bằng hai chiếc đinh ghim phát phối đập vào tường. Những tấm rèm che cửa sổ, xưa kia trắng, nay vàng và đầy vết ruồi bâu, có vẻ như bay lên, như giấy giụa, như muốn ra đi, cũng như linh hồn bà lão.

Bà lão, yên lặng, hai mắt mở, dường như thần nhiên chờ đợi cái chết cực gần mà chậm đến. Hơi thở ngắn của bà hơi rít trong cổ họng bị se lại. Lát nữa đây, hơi thở ấy sẽ ngưng, và trên đời sẽ bớt đi một người đàn bà chẳng ai thương tiếc.

Sẩm tối, Ônôré về. Gã lại gần giường, thấy mẹ còn sống, và gã hỏi: - Thế nào mẹ?

Giống như trước kia vẫn hỏi khi bà lão khó ở.

Rồi gã cho mụ Rapê về, và dặn:

- Sáng mai, năm giờ, không sai nhé.

Mụ trả lời: - Sáng mai, năm giờ

Quả thật, trời vừa sáng là mụ đến.

Ônôré, trước khi ra đồng, ăn món xúp gã tự nấu lấy.

Mụ Rapê hỏi:

- Thế nào, bà cụ nhà bác đi chưa?

Gã trả lời, đuôi mắt nheo lại lầu lỉnh:

- Bà lão lại khá hơn thì phải.

Và gã ra đi.

Mụ Rapê, lo lắng, lại gần người hấp hối, bà lão vẫn ở trong tình trạng cũ, khò khè tức thở và thờ ơ bình thản mắt mở, tay co quắp trên chân.

Và mụ gác hiểu rằng có thể kéo dài hai ngày, bốn ngày, tám ngày như thế này; và một nỗi kinh hoàng co thắt trái tim keo kiệt của mụ, trong khi một cơn tức tối giận giữ bùng bùng nổi lên với cái tay lấu cá đã bịp mụ và với cái mụ đàn bà không chết đi này.

Tuy vậy mụ vẫn làm việc, mắt đắm đắm nhìn vào bộ mặt răn reo của mụ Bôngtăng.

Ônôlrê trở về ăn bữa trưa. Gã có vẻ hài lòng, hầu như giầu có rồi gã lại đi. Chắc hẳn gã gặt lúa trong những điều kiện thật mỹ mãn.

Mụ Rapê nổi xung; mỗi phút trôi qua giờ đây mụ tưởng như thời gian bị ăn cắp, như tiền bạc bị ăn cắp. Mụ muốn, muốn một cách điên cuồng muốn tóm cổ cái con lừa cái già kia, cái mụ già ương ngạnh kia. Cái mụ già ngoan cố kia, và bóp lại một tí, làm ngưng cái hơi thở gấp gấp nho nhỏ kia. nó ăn cắp thời gian và tiền bạc của mụ.

Rồi mụ nghĩ tới sự nguy hiểm, và trong đầu nảy ra những ý khác, mụ lại gần giường.

Mụ hỏi: - Mụ đã trông thấy quỷ bao giờ chưa?

Mụ Bôngtăng thì thào: - Không.

Thế là mẹ gác bèn nói chuyện, bèn kể cho bà lão nghe các câu chuyện để khùng bố cái linh hồn suy nhược của kẻ sắp chết.

Mẹ bảo là vài phút trước khi tắt thở, quỷ thường hiện ra với tất cả những người hấp hối. Tay nó cầm cái chổi, đầu nó đội cái nồi, và nó hét rất to. Khi đã nhìn thấy nó, là xong đời đấy, chỉ còn chốc lát nữa thôi. Và mẹ liệt kê tất cả những ai đã thấy quỷ hiện hình: trước mặt mẹ, trong năm nay: Giôxêphanh Loaden này, Olali Rachie này, Xôphi Padanhô này, Xêraphin Grôpiê này.

Mẹ Bôngtăng rốt cuộc bị xúc động, bốn chôn cửa quây, động dậy tay, thử ngoái đầu để nhìn vào góc buồng trong cùng.

Đột nhiên mẹ Rapê biến mất ở chân giường. Mẹ lấy trong tủ một tấm vải trải giường, quấn vào người; mẹ đội cái nồi, ba chân nồi ngắn và cong dựng lên như ba cái sừng, tay phải mẹ với cái chổi, tay trái với cái xô sắt tây mà mẹ bỗng tung mạnh lên để nó rơi xuống loảng xoảng.

Đụng phải mặt đất, nó khua âm âm dữ dội, thế là mẹ trèo lên ghế vén tấm màn treo ở đầu giường và xuất hiện. tay chân vung vẩy, hét lên những tiếng the thé từ đáy chậu sắt che kín mặt và giơ chổi ra dọa dẫm bà già nông dân sắp tắt thở.

Hốt hoảng, mắt nhìn đờ dại, bà lão hấp hối gắng gỏi một cách phi thường để nhòe dậy chạy trốn, bà đưa được cả vai và ngực ra khỏi chân; rồi ngã xuống, thở hắt rất dài. Thế là xong.

Và mẹ Rapê bình thân, xếp tất cả đồ đạc vào chỗ cũ, cái chổi vào góc tủ, vải trải giường vào trong tủ nôi đặt lên bếp lò, xô để trên tấm ván, ghế dựa vào tường. Rồi với những cử chỉ chuyên nghiệp, mẹ vuốt đôi mắt to tròng tròng của người chết, đặt lên giường một cái đĩa rót nước thánh, lấy nhành dương treo trên tủ nhúng vào và quỳ xuống, nhiệt thành đọc những bài nguyện cho người qua đời mà mẹ thuộc lòng, do nghề nghiệp.

Và đến tối khi Ônôré trở về gã thấy mẹ đang cầu kinh, và gã tính ngay ra rằng mẹ còn được lợi của gã ba mươi xu, vì mẹ chỉ mất có ba ngày một đêm, tất cả là đi nằm quan, chứ không phải sáu quan như gã phải trả mẹ.

LÊ HỒNG SÂM dịch

SÁNG TRĂNG

Ông ta rất hợp với cái tên trần mạc của mình, tu viện trưởng Marinhăng⁽¹⁾. Đó là một tu sĩ gầy gò, cao lớn cuồng tín, tâm hồn luôn luôn bùng bột phẫn khích, nhưng ngay thẳng. Mọi tín ngưỡng của ông đều cố định: không hề dao động. Ông thành thực cho rằng mình hiểu biết Đức Chúa Trời của mình, thấu suốt được dự định, ý chí, dụng tâm của Chúa.

Trong khi dạo những bước dài dọc lối đi của toà tu viện nhỏ xứ quê, một câu hỏi thỉnh thoảng lại nảy ra trong óc ông: "Vì sao Chúa tạo nên điều này?". Và ông khẳng khẳng tìm tòi, tự đặt mình vào địa vị chúa trong tư duy, và hầu như bao giờ ông cũng tìm ra được. Ông đâu phải người thì thâm trong niềm nhiệt thành khiêm nhường sùng tín: Lay Chúa, ý Chúa không sao thấu nổi: Ông tự nhủ: "Ta là tôi con Chúa, ta phải hiểu biết lý do hành động của Chúa, nhưng bằng không hiểu biết thì đoán định".

Ông cho rằng mọi sự trong thiên nhiên đều được tạo

⁽¹⁾ Marignan: Tên một thành phố nước Ý, nơi quân Pháp thắng quân Thụy Sĩ (1515) và quân Áo (1859) (N.D)

ra với một lôgích tuyệt đối và tuyệt vời. Những "vì sao" và "bởi vì" luôn luôn cân bằng với nhau. Bình minh sinh ra cho những giờ thức giấc được tươi vui, ngày giúp mùa màng chín đơm, mưa để tưới tắm cho chúng, chiều chuẩn bị cho giấc nồng và đêm tâm tối để yên nghỉ.

Bốn mùa hoàn toàn phù hợp với mọi nhu cầu của nghề nông, và không bao giờ tu sĩ có thể ngờ rằng tạo hoá chẳng hề dụng tâm gì hết, rằng ngược lại, tất cả những gì đang sống đều uốn mình theo những nhu cầu gay gắt của thời đại, của khí hậu và vật chất.

Nhưng ông ghét đàn bà, ông căm ghét họ một cách không tự giác, và khinh bỉ họ theo bản năng. Ông thường nhắc lại lời Chúa Giêxu: "Hỡi kẻ nữ, giữa người với ta có gì là cộng đồng?" và ông thêm: "Dường như chính Chúa cũng cảm thấy phật lòng vì cái tác phẩm ấy". Đối với ông, đàn bà quả là đứa trẻ mười hai lần nhơ bẩn mà thơ nói⁽¹⁾. Y là kẻ quyến rũ đã lôi cuốn người đàn ông đầu tiên và tiếp tục mãi sự nghiệp tội lỗi của y, sinh vật yếu đuối, nguy hiểm, đầy sức rung động bí ẩn. Và còn căm ghét tâm hồn yêu đương của họ hơn cái hình hài nghiệp chướng của họ.

Ông thường cảm thấy tình âu yếm của họ đeo đẳng lấy ông, và mặc dù biết mình bất khả xâm phạm, ông vẫn phần nộ vì cái nhu cầu yêu đương luôn luôn rạo rực trong họ.

⁽¹⁾ "Đàn bà đứa trẻ bệnh tật và mười hai lần nhơ bẩn" một câu thơ của nhà thơ lãng mạn Pháp Anphrê đơ Vinhi (N.D)

Theo ý ông Chúa Trời chỉ tạo ra đàn bà để quyến rũ đàn ông và thử thách họ. Hễ đến gần y là phải phòng bị, phải ngại ngẩn như đối với cạm bẫy. Quả thực y giống hệt một cạm bẫy với những cánh tay giăng ra và đôi môi hé mở hướng tới đàn ông.

Ông chỉ khoan dung với các nữ tu sĩ đã thành vô hại do lời nguyện ước; Nhưng ông vẫn đối xử hà khắc với họ, bởi vì ông cảm thấy tận đáy sâu tâm lòng bị xiềng xích, tâm lòng nhún nhường của họ, còn sống mãi cái tình âu yếm bất diệt vẫn hướng tới ông, mặc dù ông là một tu sĩ.

Ông cảm thấy tình âu yếm ấy trong những cái nhìn của họ những cái nhìn sùng tín uỷ mị hơn cái nhìn của các thầy tu, trong những cơn đắm đuối xen lẫn giới tính của họ, trong nhiệt tình yêu đương hướng về Chúa, thường khiến ông bất bình vì đó là tình yêu của đàn bà, tình yêu xác thịt; ông cảm thấy nó, thấy cái tình âu yếm đáng nguyên rủa ấy, ngay trong sự uỷ mị của họ, trong cái giọng dịu dàng họ nói với ông, trong đôi mắt nhìn xuống, và trong những giọt lệ nhẫn nhục của họ khi bị ông phủ phàng quở trách.

Và ông giữ giữ tấm áo choàng linh mục khi ra khỏi cửa các tu viện nữ, và ông rải dài chân rảo bước như trốn chạy một nguy cơ.

Ông có cô cháu gái, sống cùng bà mẹ trong ngôi nhà nhỏ kề bên. Ông hăm hở cố làm cho cô thành một bà phước.

Cô ta xinh đẹp, nhẹ dạ và hay giẹo cột. Khi tu viện trưởng thuyết giáo, cô cười, và khi ông nổi giận lên với cô thì cô ôm chặt ông vào lòng mà hôn lấy hôn để, trong khi ông bất giác tìm cách gỡ mình ra khỏi cái vòng ôm ấp nó cứ cho ông hưởng một niềm vui êm dịu, làm thức dậy trong thâm tâm ông cảm giác về tình cha con vẫn mơ màng thức ngủ trong mỗi người đàn ông.

Ông thường nói với cô ta về Chúa, về Đức Chúa Trời của ông, những lúc đi bên cô, dọc các cánh đồng. Cô chẳng nghe ông là mấy, và nhìn trời, nhìn cỏ, nhìn hoa, với một niềm vui sống lộ ra trong mắt. Thỉnh thoảng cô chạy vút đi bắt một con vật đang bay, và vừa đem lại vừa reo: "Bác ơi, bác xem này nó xinh biết mấy, cháu muốn ôm hôn nó." Và cái nhu cầu "ôm hôn" những con ruồi hay những hạt từ đỉnh hương khiến tu sĩ lo ngại, bực dọc và công phẫn, ông lại thấy cả ở đó nữa, cái tình âu yếm không sao tước rễ nổi, nó luôn luôn nẩy mầm trong lòng những người đàn bà.

Rồi một ngày kia, bà vợ người giữ đồ thánh, vẫn dọn dẹp trong nhà tu viện trưởng, đề đặt báo cho ông biết rằng cháu gái ông có người yêu.

Ông bị xúc động dữ dội và ông ghen uất, xà phòng đầy cả mặt, vì lúc đó ông đang cạo râu.

Khi đã có thể suy nghĩ và nói năng được, ông kêu lên:

- Không đúng, Mèlani, mụ nói dối!

Nhưng người đàn bà nông dân đặt tay lên ngực:

- Thừa Cha xứ, nếu con nói dối xin Chúa phán xét con. Con bảo cha là tối nào bà em cha ngủ rồi cô ấy cũng đi. Họ gặp nhau ở ven sông. Từ mười đến mười hai giờ, cha cứ ra mà xem. Ông ngừng nạo cầm và bắt đầu bước sầm sầm, như ông thường làm vào những giờ phút trầm tư mặc tưởng. Khi muốn cạo râu trở lại, ông ba lần cửa phải mặt, từ mũi đến tai.

Suốt ngày ông lặng ngắt, đầy ứ bất bình và tức giận. Thêm vào trận lôi đình của tu sĩ trước tình yêu bất khả chiến thắng, là cơn thịnh nộ của người cha tinh thần, của vị giám hộ, của bậc phụ trách linh hồn, bị lừa bịp bị đánh cắp, bị mắc vào tròng vì tay một con bé. Nỗi ghen uất vị kỉ của những ông bố bà mẹ được con gái báo cho biết cô ta đã kén một người chồng mà chẳng cần đến họ và vượt ngoài ý họ.

Sau bữa ăn chiều, ông cố đọc đôi chút nhưng không sao đọc nổi; và mỗi lúc ông càng thêm phần nộ. Khi mười giờ vừa điểm, ông cầm gậy chông, một cây gậy cực lớn bằng gỗ sồi ông vẫn dùng lúc đêm hôm đi thăm nom người bệnh. Và ông mỉm cười nhìn khúc gộc kéch xù được ông xoay tít trong nắm tay dân quê lực lưỡng, thành những vòng đầy đe dọa. Rồi đột nhiên, ông giơ gậy lên, nghiêng răng giáng xuống một chiếc ghế dựa, lưng ghế toác ra gục xuống sàn.

Ông mở cửa ra đi; Nhưng ông dừng lại trên thềm nhà, kinh ngạc, vì một cảnh sáng trăng huy hoàng lộng lẫy hầu như chưa từng thấy.

Và do được phú một đầu óc bỗng bột phát khích; một trong những đầu óc ắt phải có ở các bậc Giáo phụ, các thi sĩ mơ mộng ấy, ông đột nhiên thấy mình lơ đãng, bồi hồi trước vẻ đẹp hùng vĩ và thanh thảo của đêm thâu bằng bạc.

Trong khu vườn nhỏ nhà ông, ngợp dưới làn ánh sáng êm dịu, những cây ăn quả, từng dãy ngay ngắn, in trên lối đi bóng những thân nhành mảnh dẻ loáng thoáng pha chút lá xanh; trong lúc bụi kim ngân hoa đỏ sộ leo bên tường nhà phủ những làn hương tuyệt diệu và như đượm ngọt, đưa thoang thoảng một thứ hỗn thơm trong đêm ấm áp và trong sáng.

Ông hít thở những hơi dài, uống lấy khí trời như người nghiện uống rượu, và bước đi thong thả, hân hoan, phấn khởi, hầu như quên bẵng cô cháu gái.

Khi đi ra tới đồng quê, ông dừng lại để ngắm nhìn toàn bộ cánh đồng tràn ngập làn ánh sáng ve vuốt chìm trong duyên sắc êm đềm thờ thẩn của đêm thâu trong trẻo. Chóc chóc, ếch nhái lại buông vào không trung âm thanh ngắn, đánh của chúng, và những con họa mi xa ca hoà khúc nhạc gieo từng tiếng, khúc nhạc gọi mơ màng mà chẳng khơi suy nghĩ, khúc nhạc nhẹ nhàng và ngân nga sinh ra cho những chiếc hôn, hoà vào sức quyến rũ của ánh trăng.

Tu viện trưởng lại cất bước, lòng ngáy ngất mà không hiệu vì sao. Ông cảm thấy mình như đột nhiên suy nhược: kiệt sức; ông muốn ngồi xuống, muốn ở lại đó, muốn

ngắm, chiêm ngưỡng Chúa Trời trong công trình người sáng tạo.

Đằng kia, một rừng dương lớn uốn mình theo những đường lượn khúc của giải sông con. Một làn sương nhẹ, một màng hơi nước trong được ánh trăng xuyên qua giát bạc, làm cho óng ánh, lơ lửng xung quanh và phía trên bờ sông, bao phủ cả dòng nước quanh co, bằng một thứ bông tơ nhẹ nhàng và trong suốt.

Tu sĩ dừng bước một lần nữa, thăm tận đáy tâm can niềm xúc động mỗi lúc một tăng, không sao cưỡng nổi.

Và một mối hoài nghi, một nỗi lo ngại mơ hồ dâng lên; ông cảm thấy trong ông nảy sinh một trong những câu hỏi ông thường tự đặt với mình.

Vì sao Chúa tạo ra điều đó? Một khi đêm đã dành cho giấc ngủ, cho nỗi vô tri vô giác cho sự nghỉ ngơi, lãng quên hết thảy, thì vì sao lại khiến cho đêm thâu duyên dáng hơn ban ngày, êm dịu hơn bình minh và chiều hôm, và tại sao vì tinh tú từ tốn, quyến rũ, thì vị hơn vầng dương, và do hết sức kín đáo, dường như dành để rọi soi những điều quá ư tế nhị và bí ẩn đối với ánh sáng lộ lộ, vì tinh tú ấy lại đến làm cho bóng đêm cực kỳ trong suốt?

Vì sao con chim hót khéo nhất trong loài chim ca không nghỉ ngơi như những con khác, và lại ngân ngợi trong bóng đêm rạo rực?

Vì sao có tám màn mờ tỏ ấy buông trên trần thế? Vì sao lòng xao xuyến, vì sao tâm hồn bồi hồi, vì sao xác thịt thờ thần?

Vì Sao lại tung ra bao điều quyến rũ mà con người không thấy vì họ nằm trong giường ngủ? Dành cho ai đó, cái cảnh thiêng liêng ấy, cái chất thơ phong phú buông từ trên trời xuống mặt đất kia?

Và tu viện trưởng không hiểu ra sao.

Nhưng kia, đằng kia, ven bờ đồng cỏ, dưới vòm cây đầm sương óng ánh, hai cái bóng xuất hiện, đi sát bên nhau.

Người đàn ông cao lớn hơn, quàng cổ cô bạn gái và thỉnh thoảng lại hôn lên trán cô. Họ bỗng làm sinh động hẳn cái phong cảnh lặng lẽ bao trùm lấy họ như một chiếc khung thân tiên tạo ra vì họ. Cả hai, họ dường như chỉ là một kẻ. Cái kẻ được dành riêng đêm thâu bình yên tĩnh mịch này; và họ tiến về phía tu sĩ, như một câu trả lời sống, câu trả lời mà Bề Trên của ông buông xuống cho câu ông hỏi.

Ông đứng nguyên, tim đập mạnh, tâm thần hoảng loạn, và ông tưởng như nhìn thấy một điều gì trong Thánh thư, như tình duyên của Ruth và Bouz, sự thực hiện ý Chúa ở giữa một trong những cảnh trí kỳ vĩ tả trong sách thánh. Trong đầu ông xôn xao những khúc xương từ Thánh ca của những Thánh ca, tiếng reo của nhiệt huyết, tiếng gọi của hình hài, tất cả chất thơ nóng hổi của áng thơ rừng rục tình âu yếm ấy.

Và ông tự nhủ: "Có lẽ Chúa sinh ra những đêm thâu ấy để phủ màn lý tưởng lên tình duyên của người đời".

Ông lùi lại trước đôi lứa vẫn ôm nhau tiến bước. Mặc dù đó chính là cô cháu gái của ông, nhưng giờ đây ông tự hỏi liệu mình có trái lệnh Chúa hay không. Và Chúa chẳng cho phép yêu đương đó sao, bởi rõ ràng người vây bọc tình yêu trong một ánh huy hoàng lộng lẫy đến thế?

Và ông bỏ trốn, bàng hoàng, gần như hổ thẹn, như thể ông đã bước vào một đền thiêng, nơi ông không có quyền thâm nhập.

LÊ HỒNG SÂM dịch

BỐ CỦA XIMÔNG

Chuông báo trưa vừa dứt. Cửa trường mở, và bọn trẻ con chen lấn nhau ùa ra cho nhanh. Nhưng chúng không mau chóng tản mát về nhà ăn trưa như mọi ngày, mà còn dừng lại, cách đó vài bước, tụ tập thành từng nhóm, thì thào to nhỏ.

Chẳng là sáng nay, Ximông, thằng con nhà chị Blăngsôt, lần đầu đến lớp học.

Ở nhà, chúng đều đã từng nghe nói đến chị Blăngsôt; và mặc dù ngoài chốn công chúng, người ta vẫn niềm nở với chị nhưng riêng giữa các bà mẹ với nhau thì cách các bà đối đãi với chị có cái vẻ ái ngại hơi khinh miệt, điều này lan sang cả những đứa trẻ tuy chúng chẳng hiểu vì sao.

Còn về Ximông thì chúng không quen biết nó, vì nó không đi chơi bao giờ, và không lêu lổng với chúng ngoài đường làng hoặc trên bờ sông. Bởi vậy chúng chẳng ưa nó cho lắm: và chúng vừa thỉnh thích vừa hết sức ngạc nhiên đón nghe và truyền lại cho nhau câu nói của một thằng khoảng mười bốn, mười lăm tuổi, thằng này xem chừng

am hiểu nhiều điều vì nó cứ nhay nháy mắt một cách tinh ranh:

- Chúng mày biết chứ... thằng Ximông... này, nó không có bố đâu nhé.

Đến lượt thằng bé con chị Blangsôt xuất hiện trên thềm nhà trường.

Nó độ bảy tám tuổi. Nó hơi xanh xao, rất sạch sẽ và nhút nhát, gần như vụng dại.

Nó định về nhà, thì các tốp bạn học của nó, vẫn cứ vừa thì thảo vừa nhìn nó với cặp mắt ranh mãnh và tai ác của những đứa trẻ đang nghiền ngẫm một vố gì xấu, xúm quanh nó dần dần và cuối cùng thì vây hãm lấy nó. Nó đứng ngây ra giữa bọn chúng, ngạc nhiên và lúng túng, không hiểu người ta sắp làm gì mình. Nhưng cái thằng vừa đưa tin ra, hãnh diện vì đã được hoan nghênh, hỏi nó:

- Mày tên gì?

Nó trả lời: - Xi mông.

- Ximông gì? Thằng kia hỏi tiếp.

Chú bé nhắc lại, hết sức bối rối: - Ximông.

Thằng kia hét lên với chú:

- Người ta tên là Ximông gì kia... Ximông... thế cóc phải là tên...

Và chú, sắp phát khóc, trả lời lần thứ ba:

- Tớ tên là Ximông.

Tụi trẻ cười. Thằng kia đắc thắng cất cao giọng:

- Chúng mày thấy rõ là nó không có bố nhé.

Tất cả lặng ngắt. Những đứa trẻ kinh ngạc vì cái điều kỳ dị, quái đản, không thể có được ấy - một thằng bé không bố. - chúng nhìn em như nhìn một hiện tượng kỳ quái, một sinh vật ngoài lẽ của tạo hoá, và chúng cảm thấy lớn lên trong chúng niềm khinh bỉ - cho đến bây giờ chưa giải thích nổi của mẹ chúng đối với chị Blangsôt.

Còn Ximông, tựa mình vào một thân cây cho khỏi ngã; và em như rụng rời vì một tai hoạ không phương cứu chữa. Em tìm cách bày tỏ. Nhưng em chẳng kiếm nổi điều gì để trả lời chúng nó, để cải chính cái điều ghê gớm là em không có bố. Cuối cùng, người nhột nhật, em kêu lên hú hoạ với chúng:

- Có, tao có bố.

Thằng kia hỏi:

- Bố mày đâu?

Ximông im bặt; em không biết. Bọn trẻ cười rất kích động; và những đứa con của đồng ruộng này, chúng gần gũi với súc vật hơn, chúng cảm thấy cái nhu cầu tàn ác thúc đẩy những con gà trong sân chẵn nuôi kết liễu hẳn một con trong bấy khi con này vừa bị thương. Bỗng Ximông chợt thấy thằng bé hàng xóm, con một bà goá, em vẫn thấy thằng này y như em lúc nào cũng thui thủi một mình với mẹ. Em nói:

- Thế cả mày nữa, mày cũng không có bố.

Thằng kia đáp:

- Có chứ, tao có bố

Ximông vặn: - Bố mày đâu?

- Bố tao chết rồi. Thằng bé tuyên bố hết sức tự hào. Bố tao ở ngoài nghĩa địa ấy.

Một tiếng rì rào tán thưởng nổi lên giữa đám trẻ, dường như cái sự kiện có bố chết ở nghĩa địa đã làm cho bọn chúng lớn cao lên để đẽ bẽ cái thằng kia chẳng có bố gì hết. Và bọn lau nhau này, mà những người bố phần lớn đều hung ác, rượu chè, trộm cắp và nghiệt ngã với vợ, chúng cứ chen chúc xích gần nhau thêm mãi dường như chúng, những kẻ hợp pháp, muốn bóp nghẹt cái đứa ở ngoài luật lệ.

Bất thành linh, một đứa ở sát Ximông, bỗng thè lưỡi ra một cách tỉnh quái và hét lên với em "Không có bố! Không có bố!".

Ximông túm lấy tóc nó bằng cả hai tay và đá liên hồi vào chân nó, trong khi nó cắn nghiến vào má chú. Có một sự vật lộn kinh khủng. Hai đầu sĩ được lôi rời nhau ra, và Ximông bị đánh, tơi tả, ê ẩm, lăn lóc dưới đất, ở giữa bụi tre đứng quây tròn, reo hò hoan hô. Thấy em vừa dậy vừa lấy tay phủi một cách máy móc chiếc áo khoác nhỏ lấm bụi bết, một đứa nào đó hét lên bảo em:

- Về nói với bố mày ấy.

Thế là em cảm thấy trong lòng em có một sự sụp đổ ghê gớm. Chúng nó khỏe hơn em, chúng đã đánh đập em, và em không thể nào đáp lại chúng được vì em cảm thấy rất rõ là quả thật em không có bố.

Đây kiêu hãnh, em cố tranh đấu vài giây với những giọt nước mắt làm em nghẹn thở. Em ứ lên một cái, rồi không gào thét, em khóc nấc từng hồi dài khiến người rung lên nức nở.

Thế là một niềm thích thú dữ tợn bùng lên trong các địch thủ của em, và tự nhiên, cũng như những người man rợ trong các cơn vui kinh khủng của họ, chúng nắm lấy tay nhau, vừa nhảy nhót vòng quanh em, vừa lặp đi lặp lại như một điệp khúc: "Không có bố! Không có bố!".

Nhưng bất thành linh Ximông nín khóc. Một cơn điên khủng khiếp khiến em cuồng dại. Dưới chân em có đá; em nhặt lên và lấy hết sức mình ném vào những kẻ hành hạ em. Hai ba đứa gì đó bị ném trúng, vừa kêu vừa bỏ chạy; và trông em dữ dội đến mức những đứa khác phát hoảng. Hèn nhất, hết như đám đông bao giờ cũng hèn nhất trước một con người phẫn nộ, chúng bỏ trốn tán loạn.

Còn lại một mình, em bé không có bố chạy về phía các cánh đồng, vì em chợt nhớ lại một kỷ niệm, khiến trong óc em nảy ra một quyết định lớn. Em muốn gieo mình xuống sông cho chết đuối.

Quả thực em nhớ lại rằng cách đây tám ngày, một kẻ khốn khó vẫn đi ăn xin, đã trằm mình ở sông vì không còn

tiền. Ximông có mặt ở đây lúc họ vớt bác ta lên và cái nhà bác tội nghiệp thường ngày em vẫn thấy thiếu não, bản thủ và xấu xí, lúc đó đã khiến em sửng sốt vì cái vẻ an tĩnh của bác với bộ mặt xanh tái, với chòm râu dài, ướt, và cặp mắt mở, rất bình thản. Xung quanh họ bảo: "Hắn chết rồi". Một người nào đó nói thêm: "Bây giờ thì hắn thật sung sướng". Và Ximông cũng muốn trầm mình, vì em không có bố, cũng như cái bác khốn khổ kia, bác ta không có tiền.

Em đến sát bên mặt nước và nhìn nước chảy. Vài con cá lội loảng quảng, thoăn thoắt, giữa dòng nước trong, và lúc lúc lại khẽ nhảy lên đón những con ruồi lợn trên mặt sông. Em nín khóc để xem cá, vì em rất thích cái trò của chúng. Nhưng, thỉnh thoảng, cũng như giữa lúc bão lặng bỗng dột lên từng cơn gió mạnh rung chuyển cây cối rồi tan đi mãi chốn chân trời, cái ý nghĩ này lại trở về với em đau nhói: "Mình sẽ xuống sông cho chết đuối vì mình không có bố".

Trời rất ấm, rất dễ chịu. Ánh nắng êm đềm sưởi nóng cổ. Nước lấp lánh như gương. Và Ximông có những giây phút khoan khoái, có cái cảm giác uể oải thường theo sau khi khóc lóc, em rất thèm được nằm ngủ ở đây, trên mặt cỏ, dưới nắng ấm.

Một chú nhái con màu xanh lục nhảy dưới chân em. Em định bắt nó. Nó thoát được. Em đuổi theo nó và vồ hụt ba lần liền. Cuối cùng em tóm lấy hai đầu chân sau của nó và em bật cười nhìn con vật cố giãy giụa thoát thân. Nó

thu mình lại trên đôi cẳng lớn, rồi bật phất lên, đột ngột duỗi cẳng, ngay đơ như hai thanh gỗ; trong lúc ấy, nó giương tròn con mắt có vành vàng và dùng hai chân trước đập vào khoảng không, hươ lên như hai bàn tay. Điều này khiến em nhớ đến một thứ đồ chơi làm bằng những mảnh gỗ hẹp đóng đinh chữ chi chồng lên nhau, và với động tác cũng giống như thế này, điều khiển những chú lính nhỏ cài bên trên tập tành.

Thế là em nghĩ đến nhà, rồi nghĩ đến mẹ, và thấy buồn hết sức, em lại khóc. Người em rung lên; em quỳ xuống và đọc kinh cầu nguyện như trước khi đi ngủ.

Nhưng em không đọc hết được bài kinh, vì những cơn nức nở lại trở lại, dồn dập, xốn xang, choáng ngợp lấy em. Em chẳng nghĩ nữa, em chẳng nhìn thấy gì quanh em nữa và em chỉ khóc mà thôi.

Bỗng nhiên, một bàn tay chắc nịch đặt lên vai em và một giọng to ồm ồm hỏi em:

- Có điều gì làm chú buồn phiền nhiều đến thế, chú bé?

Ximông quay lại. Một bác thợ cao lớn, râu tóc đen, quần, đang nhìn chú với vẻ nhân hậu. Chú trả lời, mắt đầm lệ, giọng đầy nước mắt:

- Chúng nó đánh cháu... vì... cháu... cháu... không có bố... không có bố.

- Sao thế cháu, người đàn ông mỉm cười bảo, ai mà chẳng có bố.

Em bé nói tiếp một cách khó khăn, giữa những cơn nấc giật buồn tủi:

- Cháu... cháu không có bố.

Bác thợ bông nghiêm lại; bác nhận ra thằng bé con nhà chị Blangsôt, và mặc dù mới đến vùng này, bác cũng đã mong manh biết chuyện chị. Bác nói:

- Thôi nào, người đi nào, cháu bé, rồi đi với chú về nhà mẹ. Người ta sẽ cho cháu... một ông bố.

Họ lên đường, người lớn dắt tay người bé, và bác đàn ông lại mỉm cười, vì bác chẳng hề phát ý đến gặp chị Blangsôt, nghe đồn chị là một trong những cô gái đẹp nhất vùng; và trong thâm tâm bác cũng tự nhủ thầm rằng một tuổi xuân đã lắm rồi rất có thể lỡ lắm lần nữa.

Họ đến trước một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ.

Đứa trẻ nói: Đây rồi. Và em gọi to: - Mẹ ời!

Một thiếu phụ xuất hiện, và người thợ bông tắt nụ cười, vì bác hiểu ra ngay là không bốn cột được nữa với cô gái cao lớn, xanh xao, đứng nghiêm nghị trước cửa nhà mình, như muốn cấm đàn ông bước lên thêm ngôi nhà nơi cô đã bị một kẻ khác lừa dối.

E dè, bỏ mũ cầm tay, bác áp úng:

- Đây thưa bà, tôi dắt về trả bà cháu bé bị lạc ở gần sông.

Nhưng Ximông nhảy lên ôm lấy cổ mẹ và vừa nói với mẹ vừa khóc trở lại:

- Không, mẹ ạ, con muốn xuống sông cho chết đuối vì chúng nó đánh con... đánh con... tại con không có bố.

Hai má thiếu phụ đỏ ửng, và tê tái đến tận xương tuỷ chị ôm con hôn lấy hôn để, trong khi nước mắt lăn tuôn rơi. Người đàn ông xúc động vẫn đứng đó, không biết bỏ đi thế nào cho phải. Nhưng Ximông bỗng chạy đến bên bác nói với bác:

- Chú có muốn làm bố cháu không?

Im bật như tờ. Chị Blangsôt lặng ngắt và quẩn quại vì hổ thẹn, dựa người vào tường, hai tay ôm ngực. Thấy người ta không trả lời mình, em bé nói tiếp:

- Nếu chú không muốn, cháu quay trở lại sông cho chết đuối.

Bác thợ coi như chuyện đùa, và cười đáp:

- Có chứ, chú có muốn.

Em bé bèn hỏi:

- Thế chú tên là gì, để cháu trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên chú.

- Philip. Người đàn ông đáp.

Ximông im lặng một giây, để ghi nhớ cái tên ấy trong óc, rồi, hoàn toàn khuây khoả, em chìa hai tay nói:

- Thế nhé! Chú Philip, chú là bố cháu đấy.

Bác thợ nhấc bổng em lên, đặt ngọt hôn vào hai má em, rồi sải từng bước dài, rút lui rất nhanh.

Ngày hôm sau, khi em bé đến trường, một tràng cười ác ý đón em; và lúc tan học, khi thằng kia muốn lặp lại chuyện cũ, Ximông ném vào mặt nó những lời này, như ném một hòn đá:

- Bố tao ấy, bố tao tên là Philip.

Tứ phía bật lên những tiếng la hét thích thú:

- Philip gì?... Philip nào?... Philip là cái gì?... Mày lấy ở đâu ra Philip của mày thế ?

Ximông không trả lời gì hết; và một mực tin tưởng sắt đá em đưa mắt thách thức chúng, sẵn sàng chịu hành hạ, còn hơn là trốn chạy chúng. Thấy giáo giải thoát cho em, và em trở về nhà mẹ.

Suốt ba tháng ròng, bác thợ Philip cao lớn thường tạt qua gần nhà chị Blangsôt, và đôi khi, bác đánh bạo nói chuyện với chị, khi thấy chị ngồi khâu bên cửa sổ. Chị trả lời bác nhả nhận, lúc nào cũng nghiêm trang, chẳng bao giờ cười với bác, và không để cho bác vào nhà. Tuy nhiên, cũng hóm mình đôi chút như mọi người đàn ông, bác cứ tưởng tượng rằng chị hay đỏ mặt hơn thường lệ, mỗi khi trò chuyện với bác.

Nhưng một thanh danh đã bị mai một thật khó mà gây dựng lại, và cũng rất đổi mỏng manh, đến mức, mặc dù chị Blangsôt ngại ngùng gìn giữ, trong vùng đã thấy đồn đại.

Còn về Ximông thì em rất yêu ông bố mới của em và hầu như chiều nào, xong việc, em cũng đi chơi với bố. Em đến trường đều đặn và đi qua giữa các bạn học, hết sức đàng hoàng, không bao giờ đáp lại chúng.

Thế mà, một hôm, cái thằng đã tấn công em đầu tiên, bảo với em:

- Mày nói dối, mày chẳng có bố tên là Philip.

- Sao lại thế? Ximông rất xúc động hỏi.

Thằng kia xoa hai tay vào nhau. Nó tiếp:

- Bởi vì nếu mày có bố, thì ông ấy phải là chồng của mẹ mày.

Ximông mất bình tĩnh trước tính chính xác của lập luận ấy, tuy vậy em vẫn trả lời:

- Nhưng cứ là bố của tớ.

Thằng kia cười khẩy mà bảo:

- Có thể lắm. Nhưng không phải là bố của mày hẳn hoi.

Chú bé con chị Blängsöt cúi đầu xuống, và vừa mơ màng vừa đi về phía lò rèn của cụ Loadông, nơi bác Philip làm việc.

Cái lò rèn này như ẩn dưới bóng cây. Bên trong rất tối: chỉ có ánh lửa đỏ của một cái lò cực lớn bập bùng chiếu sáng năm bác thợ rèn để cánh tay trần đang nện xuống đe âm âm dữ dội. Họ đứng, hứng ánh sáng đỏ như

quỷ thần, mắt nhìn chăm chăm vào thanh sắt nóng bỏng mình đang khảo đả; và niềm suy tưởng nặng nề của họ lên xuống theo nhịp búa.

Ximông vào, không ai trông thấy, và em rón rén đến kéo áo bạn. Bác quay lại. Công việc bỗng dừng, cả mấy người đàn ông cùng nhìn, hết sức chăm chú. Thế là, giữa sự yên lặng bất thường đó, cất lên giọng nói nhỏ nhẹ của Ximông:

- Bố Philip này, lúc nãy thằng con bác Misôt bảo con rằng bố không phải là bố của con hẳn hoi.

Bác thợ hỏi: - Sao lại thế?

Chú bé trả lời với tất cả sự ngây thơ của chú:

- Vì bố không phải là chồng của mẹ.

Không ai cười hết. Philip vẫn đứng, trán úp vào mu những bàn tay to lớn tỳ ở cán búa dựng trên đe. Bác mơ màng. Bốn người bạn nhìn bác, và bé tí xiu ở giữa những vị khổng lồ này, Ximông lo lắng chờ đợi. Đột nhiên một bác thợ rên, đáp ứng ý nghĩ của tất cả mọi người, nói với Philip:

- Dù thế nào, Blăngsôt vẫn là một cô gái tốt bụng, trung hậu, và mặc dầu gặp chuyện không hay, vẫn can đảm và nền nếp, cô ấy sẽ là một người vợ xứng đáng, với một người đàn ông tử tế.

- Đúng như vậy. Ba người kia nói.

Bác thợ tiếp:

- Cái cô gái ấy, nếu có lầm lẫn, thì lỗi ở cô chăng? Họ hứa sẽ cưới cô, và tôi biết khối bà khác giờ đây rất được trọng vọng: cũng đã từng làm như thế.

- Đúng như vậy. Ba người đàn ông đồng thanh đáp.

Bác lại tiếp:

- Tội nghiệp, cô ta đã vất vả biết bao nhiêu để một mình nuôi dạy con, và đã khóc biết bao nhiêu từ khi ngày chỉ bước ra khỏi nhà để đến nhà thờ, những điều ấy riêng có Chúa biết mà thôi.

- Cũng lại đúng như vậy. Những người khác nói.

Thế là người ta chỉ còn nghe thấy tiếng bể thổi lửa trong lò. Philip bỗng đột ngột cúi xuống với Ximông:

- Về bảo mẹ là tối nay bố sẽ đến nói chuyện với mẹ.

Rồi bác nắm vai em bé ấy ra ngoài.

Bác trở lại công việc, và năm lưỡi búa nện xuống đe cùng một nhát đập. Họ cứ rèn sắt như vậy cho đến tối, mạnh mẽ, tươi vui, cũng như những lưỡi búa hài lòng thỏa mãn. Và, giống quả chuông lớn tiếng trầm của một ngôi nhà thờ, trong các ngày lễ, vang dội lên trên tiếng reo của những quả chuông khác, lưỡi búa của Philip cũng vậy, nó át tiếng âm âm của những lưỡi búa khác. Và cứ từng giây từng giây lại giáng xuống rộn ràng inh ỏi. Và bác, mắt sáng rực, đứng giữa các tia lửa, rèn rất say sưa.

Trời đầy sao khi bác đến gõ cửa nhà chị Blăngsôt.

Bác mặc áo khoác ngày chủ nhật sơ mi mới, và râu tóc đã sửa sang. Thiếu phụ bước ra thêm và bảo bác, về phiên muộn:

- Ông Philp, ông đến lúc đêm hôm như thế này thực là không phải.

Bác muốn trả lời, bác áp úng, và bối rối đứng trước chị. Chị tiếp:

- Mà ông cũng biết rằng không nên để người ta bàn tán về tôi nữa.

Thế là bác nói, hết sức đột ngột:

- Thì có làm sao đâu nếu em ưng làm vợ tôi!

Không ai trả lời bác, nhưng bác tưởng như trong bóng tối căn phòng, có tiếng người gục xuống. Bác bước vào thật nhanh: và Ximông nằm trong giường, nghe thấy tiếng hôn và mấy lời mẹ em thì thầm rất khẽ. Rồi, đột nhiên, em thấy mình được bế bổng lên trong tay bạn và bác giờ thẳng em trên hai cánh tay hộ pháp, hết bảo em:

- Con sẽ nói với các bạn học của con rằng bố con là Philip Rêmy, bác thợ rèn, và bố sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt con.

Ngày hôm sau, thấy trường đã đông chật và giờ học sắp bắt đầu, bé Ximông đứng dậy, mặt tái nhợt, môi run run: "Bố tớ ấy, em nói rành rọt, bố tớ là Philip Rêmy, bác thợ rèn, và bố tớ hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt tớ".

Lần này, chẳng người nào cười nữa, vì cái nhà bác Philip Remy, thợ rèn, thì biết rõ lắm rồi, và đây thật là một ông bố, mà ai có được cũng phải lấy làm tự hào.

LÊ HỒNG SÂM dịch

NGƯỜI GÁC RỪNG

Sau bữa ăn tối, mọi người kể lại những cuộc phiêu lưu và những tai nạn đi săn.

Một người bạn cũ của chúng tôi, ông Bô-ni-phát, một tay săn sát thủ và cũng là một bợm rượu, một người vạm vỡ và vui tính, một con người có lý trí biết điều và hay triết lý, một thứ triết lý khôi hài và nhân nhục, thể hiện qua những câu chuyện cười châm biếm chứ không bao giờ bằng những nỗi sầu muộn, ông ta bỗng nói:

“Mình có một câu chuyện, một chuyện đi săn, hay đúng hơn, một thảm kịch đi săn khá đặc sắc. Nó không giống một tí nào với những gì mà mọi người thường biết trong thể loại này; vì vậy mình chưa hề kể cho ai nghe, vì nghĩ rằng nó chẳng gây thích thú cho ai”.

“Nó không được thiện cảm, các bạn có hiểu mình không? Mình muốn nói rằng nó không có cái thứ hấp dẫn có thể lôi cuốn, hoặc mê hoặc, hoặc gây xúc động người nghe một cách dễ chịu”.

“Câu chuyện như sau:

Lúc ấy, mình khoảng ba mươi lăm tuổi, và mình đi săn như một thằng điên.

Vào thời ấy, mình có một mảnh đất nằm rất hẻo lánh trong vùng lân cận của Giuy-mi-e-giơ⁽¹⁾, nó được bao bọc toàn là rừng, và là nơi lý tưởng của họ hàng nhà thỏ. Hàng năm, mình đến đây một mình trong bốn, năm ngày thôi, vì cơ ngơi không cho phép mình dẫn bè bạn theo.

Mình đã cử một viên hiến binh về hưu làm nhiệm vụ canh gác ở đó. Ông ta là một con người trung thực, dữ dằn, nghiêm khắc khi thi hành mệnh lệnh, khủng khiếp đối với bọn săn trộm, và không sợ chi cả.

Ông ta sống xa làng mạc, và đơn độc trong một căn nhà nhỏ, nói đúng hơn, đó là một căn nhà tồi tàn gồm hai phòng ở dưới dùng làm nhà bếp và kho ủ rượu, và hai phòng ở trên lầu. Một trong hai phòng ấy như một cái hang, vừa đủ kê một cái giường, một cái tủ và một ghế dựa, được dành riêng cho mình.

Lão Ca-va-li-ê chiếm phòng còn lại. Nói rằng ông sống đơn độc trong căn nhà này thì cũng không đúng. Ông nuôi một thằng cháu, một thứ tướng cướp mười bốn tuổi, để đi mua bán lật vặt trong làng cách đó khoảng ba cây số, và để giúp ông những việc hằng ngày.

Hắn gầy gò, cao lêu nghêu, hơi không, tóc hần hơi vàng, giống như lông tơ của gà mái, và lưa thưa như hói.

⁽¹⁾ Jumilèges, khu di tích của một thư viện thời đế quốc La Mã nằm trong tỉnh Xen Duyên hải (Pháp)

Ngoài ra, hắn có đôi chân to tướng và đôi bàn tay khổng lồ.

Hắn hơi lé và không bao giờ nhìn ai cả. Trong loài người, hắn cho mình có cảm giác như một con thú hơi hám đối với đồng loại của nó. Nó là một con chồn hôi, hay cáo, cái thằn nhải ấy.

Nó ngủ trong một cái hốc trên chiếc cầu thang nhỏ dẫn lên lầu.

Nhưng trong thời gian lưu lại ngắn ngủi của mình ở "Sơn lâu" - mình gọi cái nhà ấy như thế - Ma-ri-uyt nhường cái ổ ấy cho một bà lão ở Ê-cooc-sơ-vin, tên là Xê-let, bà đến để nấu ăn cho mình, vì thức ăn của lão Ca-va-li-ê quá thiếu.

Vậy là các bạn đã biết nhân vật và địa điểm, còn đây là câu chuyện:

Hồi đó là năm 1854, ngày 15 tháng Mười, mình vẫn nhớ cái ngày hôm ấy, và sẽ chẳng bao giờ quên nó được.

Mình đi ngựa từ Ru-ăng, và dắt theo con "Bốc", một con chó săn to tướng vùng Poa-tu, ngực rộng, mồm khỏe, luôn lách trong bụi rậm chẳng thua gì giống chó săn Tây-ban-nha của vùng Pông-ôt-me.

Mình khoác trên lưng chiếc túi hành lý, và khẩu súng đeo vai. Hôm ấy là một ngày lạnh lẽo, một ngày gió lộng buồn thảm, trên trời thì mây đen đuổi bắt nhau lũ lượt.

Khi leo lên sườn dốc Căng-tơ-lơ, mình trông xuống

thung lũng mênh mông của sông Xen, và thấy dòng sông uốn lượn qua tới tận chân trời. Bên trái, thành phố Ru-ăng vươn thẳng những tháp chuông lên nền trời, và bên phải, tầm mắt của ta bị chắn ngang bởi sườn núi xa xăm được rừng phủ kín. Đoạn, mình băng qua rừng Ru-ma, khi thì phải chậm bước, lúc lại phi mau, và khoảng năm giờ, mình đến trước cổng "Sơn lâu", ở đấy, lão Ca-va-li-ê và Xê-lét đang chờ mình.

Từ mười năm nay, cũng cùng đạo này, mình đến đó bằng cùng một cách, và cũng những cái mồm kia chào mình bằng cũng những câu ấy.

"Chào ông chủ. Sức khoẻ của ông chủ khả quan chứ?".

Lão Ca-va-li-ê không thay đổi mấy. Ông ta chống chọi lại với thời gian như một cây cổ thụ; Nhưng Xê-lét, nhất là từ bốn năm nay đã thay đổi quá nhiều.

Bà lão gần như bị gãy đôi, và mặc dù vẫn còn lanh lợi nhưng khi đi, bà còng người ra trước, làm cho thân hình bà tạo thành một góc vuông với đôi chân.

Bà lão rất tận tụy ấy lúc nào cũng có vẻ xúc động khi gặp lại mình và mỗi khi mình ra đi, bà lại nói:

"Thưa ông chủ kính mến, hãy nghĩ rằng có thể đây là lần cuối cùng".

Và hàng năm, lời chào vĩnh biệt buồn bã và rứt rứt ấy của người đầy tớ già tội nghiệp, sự cam chịu tuyệt vọng

trước cái chết không thể tránh khỏi, chắc chắn không xa của bà, làm lòng mình xao xuyến một cách lạ lùng.

Mình xuống ngựa, bắt tay Ca-va-li-ê, và trong lúc ông ta dắt ngựa vào một gian nhà nhỏ dùng làm chuồng. Xê-lét theo mình vào nhà bếp, nơi đây cũng được dùng làm phòng ăn.

Rồi người gác rừng quay vào với mình. Chỉ nhìn sơ qua, mình cũng thấy rằng vẻ mặt ông ta không bình thường. Dường như ông ta đang bận tâm, khó chịu và lo lắng về một điều gì đấy.

Mình nói với ông ta: "Sao rồi. Ca-va-li-ê? Mọi việc đều trôi chảy theo ý ông chứ?".

Ông ta lẩm bẩm: "Có cái được, có cái không. Có nhiều cái không vừa ý tôi lắm".

Mình hỏi: "VẬY cái gì thế? Ông bạn? Hãy kể cho tôi nghe đi".

Nhưng ông ta lắc đầu: "Không, chưa đâu, thưa ông. Tôi không muốn làm ông bận tâm khi vừa mới đến như thế, bằng những chuyện bấp nhắng của tôi".

Mình nài nỉ, Nhưng ông ta dứt khoát từ chối cho mình biết trước bữa ăn tối. Tuy nhiên, theo kiểu suy nghĩ của ông ta, mình hiểu rằng đây là một việc nghiêm trọng.

Không còn biết việc gì để nói nữa, nên mình hỏi:

- Còn thú săn, có nhiều chứ?

- Ô! Thú sãn, vâng, nhiều lắm, nhiều lắm! Ông sẽ tha hồ mà sãn, ơn Chúa, tôi đã trông thấy".

Ông ta nói điều ấy với một vẻ thật nghiêm trang, một sự nghiêm trang rầu rầu đến độ trở nên khôì hài. Cặp ria màu nâu to tướng của ông có vẻ như chực rơi ra khỏi vành môi.

Chợt mình phát hiện ra rằng tự nãy giờ mình chưa gặp thằng cháu của ông ta.

"Còn Ma-ri-uyt? Nó đâu rồi vậy? Tại sao nó không lộ mặt ra"

Lão gác rừng như giật thót người, và bỗng nhìn thẳng vào mặt mình:

"VẬY thì, thưa ông, tôi xin được nói ngay với ông chuyện ấy; vâng, tôi xin nói: chính vì chuyện liên quan đến nó mà tôi bị dằn vặt trong lòng.

- Chà! Chà! Vậy thì nó đâu rồi?

- Nó đang ở trong chuồng ngựa, thưa ông, tôi chờ lúc thuận tiện để gọi nó ra trình diện.

- Nó đã làm gì vậy?

- Chuyện như thế này, thưa ông..."

Tuy nhiên, lão gác rừng cũng do dự, giọng lão run run và lạc hẳn đi, gương mặt chợt dãn dùm bởi những vết nhăn sâu thẳm, những vết nhăn của tuổi già ông chậm rãi nói tiếp:

"Như thế này. Mùa đông vừa qua, tôi biết chắc rằng có kẻ đánh bẫy trong rừng Hồng, nhưng tôi không thể bắt quả tang được ai. Tôi rình rập nhiều đêm thừa ông. Nhưng chẳng thấy gì. Và trong khi đó, chúng lại bắt đầu đặt bẫy ở phía Ê-cooc-sơ-vin. Tôi mất ăn mất ngủ vì tức tối. Nhưng, còn chuyện bắt tên trộm, thì kể như bắt lặc! Ta có thể nói rằng hẳn biết trước các cuộc rình rập và những dự định của tôi, cái thằng khố rách ấy".

"Nhưng một hôm, lúc giặt quần cho Ma-ri-uyt, chiếc quần mặc ngày lễ, tôi tìm thấy bốn mươi xu. Nó kiếm đâu ra số tiền này vậy, thằng nhãi ấy?

"Tôi suy nghĩ suốt tám ngày trời, và một hôm, tôi thấy nó đi ra, nó đi ra ngay vào lúc tôi đi nghỉ, vắng, thừa ông".

"Thế là tôi rình nó, nhưng vẫn không nghi ngờ gì chuyện ấy. Ô! Vâng, không nghi ngờ gì cả. Và một buổi sáng, tôi vừa đi nằm trước mặt nó, rồi tôi choàng dậy ngay lập tức, và đi theo nó. Còn việc theo dõi ai, thì không kẻ nào bì lại tôi đâu, thưa ông".

"Và thế là tôi bắt được nó, vâng. Ma-ri-uyt là người đặt bẫy trên đất ông, thưa ông, nó là cháu tôi còn tôi, tôi là người gác rừng của ông!".

"Máu tôi như ngừng chảy, và suýt tí nữa là tôi đã giết nó ngay tại chỗ vì đã đánh nó khá nhiều. Chà, vâng, tôi đã gặp nó và tôi đã hứa với nó là khi nào ông trở lại đây, trước mặt ông chính tay tôi, tôi sẽ sửa nó một trận nữa, để nhớ đời".

Thế là tôi gầy gò đi vì đau buồn. Ông biết thế là thế nào rồi, khi ta bị trêu ngươi như thế đấy.

Nhưng nếu ở vào vai trò của tôi, ông đã làm gì? Nó không còn cha còn mẹ, cái thằng ranh ấy, nó chỉ còn mỗi mình tôi là máu mủ: tôi đã giữ nó lại, tôi không thể tống cổ nó đi được, phải thế không?"

"Nhưng tôi đã nói với nó rằng nếu nó còn tái phạm, thì kể như xong đời nó, không còn thương hại nó nữa. Thế đấy. Tôi xử sự có đúng không thưa ông?"

Mình vừa trả lời vừa chìa tay ra bắt.

"Ông đã xử sự đúng lắm, Ca-va-li-ê ạ; ông là một người lương thiện".

Ông ta chợt đứng lên.

"Cám ơn ông. Bây giờ tôi đi tìm nó. Phải sửa nó để làm gương".

Mình biết rằng cố gắng thuyết phục ông ta từ bỏ một ý định gì là vô ích. Vì vậy, mình để ông ta hành động theo ý thích.

Ông ta đi tìm thằng ranh con ấy, và bẹo tai điệu nó đến.

Mình đang ngồi trên một chiếc ghế rom, gương mặt nghiêm nghị như một ông quan toà.

Ma-ri-uyt trông lớn hẳn ra, còn xấu xí hơn những năm về trước, với vẻ mặt xấu xa, xảo quyệt.

Và đôi bàn tay của nó như tay hộ pháp.

Ông già đẩy nó đến trước mặt mình, và dùng giọng nhà binh ra lệnh:

“Xin lỗi ông chủ”.

Thằng ranh con không nói lấy một tiếng.

Thế là lão cự chiến binh kéo lấy thằng bé dưới nách, nhấc bổng nó lên, và lão bắt đầu quất vào mông nó, với một vẻ mặt dữ tợn đến nỗi mình phải đứng lên ngăn ông ta lại.

Thằng bé lúc này mới gào lên:

“Con van bác, con van bác! Con xin hứa...”

Ca-va-li-ê đặt nó xuống đất, và ấn vào vai nó, bắt nó quỳ xuống. Ông ta bảo:

“Xin lỗi đi!”

Thằng bé cúi mặt xuống lẩm bẩm:

“Con xin lỗi”.

Rồi ông ta dựng nó dậy và tống nó ra ngoài bằng một cái tát, suýt tí nữa làm nó lộn cổ.

Nó vùng dậy bỏ chạy, và suốt tối hôm đó, tôi chẳng gặp mặt nó.

Nhưng lão Ca-va-li-ê tỏ vẻ phiền muộn.

“Đó là một đứa xấu xa, ông nói.

Và trong suốt bữa ăn, ông cứ lặp đi lặp lại:

“Ồ! Việc này làm tôi đau lòng, thưa ông, ông không biết được nó làm tôi đau lòng đến thế nào đâu”

Mình cố an ủi ông ta, Nhưng vô ích.

Và mình đi ngủ thật sớm để sáng hôm sau còn đi săn.

Lúc mình tắt nến, con chó của mình đã nằm ngủ trên sàn nhà, dưới chân giường mình.

Nửa đêm, mình bị dựng dậy bởi tiếng sủa điên cuồng của con “Bốc”. Và mình nhận ra ngay lập tức là căn phòng đang tràn ngập khói. Mình nhảy ngay ra khỏi giường, đốt đèn lên, và chạy ra mở cửa. Một luồng lửa ủa vào. Căn nhà đang bốc cháy.

Mình vội đóng cánh cửa bằng gỗ sồi lại, và lột quần dài ra. Trước hết, mình thả con chó xuống đất qua lối cửa sổ, nhờ một sợi dây làm bằng tấm vải trải giường cuộn lại; đoạn mình ném quần áo, túi đi săn và khẩu súng ra ngoài, rồi mình thoát ra cũng bằng lối ấy.

Và mình bắt đầu kêu toáng lên:

“Ca-va-li-ê! Ca-va-li-ê! Ca-va-li-ê!”.

Nhưng lão gác rừng không thức giấc. Ông ta ngủ một giấc ngủ say sưa của anh hiền bình già.

Tuy nhiên, qua lối các cửa sổ phòng dưới, mình thấy cả tầng trệt chỉ còn lại một biển lửa rừng rực; và mình nhận ra rằng có người đã chất rơm vào đấy để làm mối cho lửa.

Vậy là có người đốt nhà!

Mình lại tiếp tục gào lên điên cuồng:

"Ca-va-li-ê!"

Lúc ấy, mình chợt nghĩ là ông ta bị ngạt thở. Mình chợt sáng ý, và lắp hai viên đạn vào súng, mình bắn một phát vào nơi cửa sổ.

Sau ô cửa kính bể vụn, mảnh vỡ bắn tung toé vào phòng. Lần này, lão già đã nghe thấy, và ông ta xuất hiện trong chiếc áo mỏng, mặt mày hốt hoảng, ngơ ngác bởi ánh sáng chiếu rùng rục cả phía trước căn nhà.

Mình kêu ông ta:

"Nhà của ông cháy rồi. Nhảy qua cửa sổ, nhanh lên!"

Ngọn lửa bất ngờ thoát ra ngoài bằng các cửa nẻo ở tầng dưới, liền liếm lên bức tường, bùng lên cao đến chỗ ông ta, và sắp chặn mất lối thoát của ông. Ông liền nhảy ra và rơi xuống, hai chân chạm đất như một con mèo.

Vừa kịp lúc. Mái tranh sụp xuống ở chính giữa phía trên cầu thang, trông giống như ống khói của lò lửa ở tầng dưới; và một luồng lửa khổng lồ bùng lên không trung, tỏa rộng ra như một chùm tia nước, và rắc một trận mưa tàn lửa quanh mái tranh.

Và trong vài giây đồng hồ, ngôi nhà chỉ còn là một đống lửa.

Ca-va-li-ê lòng trĩu nặng, hỏi:

"Nó bốc cháy như thế nào?"

Mình trả lời:

"Có người châm lửa ở nhà bếp"

Ông ta lẩm bẩm:

"Ai có thể châm lửa được nhỉ?"

Và chợt đoán ra, mình nói:

"Ma-ri-uyt".

Ông lão hiểu. Ông áp ứng:

- Ôi! Giê-xu Ma-ri! Chính vì thế mà đêm qua nó không về!

Nhưng một ý nghĩ khủng khiếp chợt hiện lên trong đầu mình. Mình kêu lên:

"Còn Xê-lét? Xê-lét?"

Ông ta không trả lời nhưng ngôi nhà đã sụp xuống trước mặt chúng tôi, nó chỉ còn là một cục than hồng, một cục than bằng da thịt con người.

Chúng tôi không nghe được một tiếng kêu nào.

Nhưng vì ngọn lửa lan sang nhà kho bên cạnh, nên mình chợt nghĩ ngay đến con ngựa và Ca-va-li-ê chạy đi giải thoát cho nó.

Ông ta vừa mở cửa chuồng ngựa ra thì có một bóng người uyển chuyển và nhanh nhẹn luôn qua dưới chân, làm ông té xấp xuống đất. Đó là Ma-ri-uyt hần đang chạy trốn bán sống bán chết.

Trong một giây đồng hồ, ông ta choàng đứng lên. Ông muốn chạy theo đuổi bắt thằng khốn nạn kia; Nhưng chợt hiểu rằng ông sẽ không đuổi kịp được nó, và trong cơn giận điên cuồng không thể cưỡng lại được, với một động tác tức thì, không suy nghĩ, mà ta không thể đoán trước được, cũng như không thể ngăn chặn được, ông nhặt khẩu súng của mình đang nằm dưới đất, ngay bên cạnh ông ta, ông tỳ vai, và trước khi mình kịp phản ứng, ông ta bóp cò, mà thậm chí không biết rằng súng đã nạp đạn hay chưa.

Một trong hai viên đạn mà lúc nãy mình nạp để bắn báo hiệu vẫn còn nguyên; và phát súng trúng ngay vào giữa lưng kẻ chạy trốn, quật hẳn ngã úp mặt xuống đất, làm máu me chảy lênh láng. Hắn liền bắt đầu cào bới đất, bằng tay và bằng đầu gối, như thể hắn còn muốn chạy bằng bốn chân, như những con thỏ rừng bị thương nặng, khi thấy người thợ săn chạy đến.

Mình lao tới. Thằng bé đã hấp hối. Nó trút hơi thở cuối cùng trước khi ngôi nhà tắt ngấm, không thốt lên được một tiếng nào.

Ca-va-li-ê vẫn mặc áo mỏng, đôi chân để trần, đứng bên cạnh chúng tôi, bất động, đờ đẫn.

Khi chính quyền địa phương đến, họ mang người gác rừng của mình đi. Ông ta giống như người điên.

Mình ra toà làm chứng, và mình kể lại tất cả sự việc, từng chi tiết một, không hề thay đổi điều gì:

Ca-va-li-ê được trắng án. Nhưng ông ta biến mất ngay ngày hôm đó. Ông ta đã bỏ xứ.

Và mình chưa bao giờ gặp lại ông ta.

Câu chuyện đi sẵn của mình như thế đấy, thưa các bạn.

TRẦN THANH ÁI dịch

CUỘC PHIÊU LƯU CỦA OAN-TƠ-XNÁP

Tặng Robert Pinchon

Từ khi đặt chân lên đất Pháp cùng với đội quân xâm lược, Oan-tơ-xnáp cho rằng anh là người bất hạnh nhất trên đời. Anh ta mập mạp, đi bộ cũng thấy khó khăn, luôn thở phì phò và chịu đựng đôi chân núc ních và to bè của mình một cách ghê gớm.

Ngoài ra, anh là người hiếu hoà và tử tế, không hề vênh váo hay khát máu. Anh lấy một người đàn bà tóc vàng, mà mỗi tối anh luôn luyến tiếc một cách tuyệt vọng những cử chỉ âu yếm, những sự săn sóc vật vãnh, và những nụ hôn của chị. Anh có được bốn con và rất mực chiều chuộng chúng. Anh thích dậy trễ và đi ngủ sớm, thích ăn chậm rãi những của ngon vật lạ, và uống bia ở các quán. Ngoài ra, anh nghĩ rằng tất cả thứ gì dịu dàng trong đời sống thì sẽ mất đi cùng với cuộc đời; và anh luôn giữ trong lòng một mối thù khủng khiếp, vừa có tính chất bản năng vừa có tính chất lý trí, đối với đại bác, súng trường, súng ngắn và gươm đao, nhưng nhất là đối với lưỡi lê, vì anh cảm thấy không thể sử dụng đủ linh động thứ vũ khí này để bảo vệ cái bụng phệ của mình.

Và ban đêm, khi nằm ngủ trên mặt đất, anh co người trong chiếc áo măng tô bên cạnh những đồng đội ngáy như sấm, anh nghĩ ngợi miên man đến người thân ở nhà, và đến những mối hiểm nguy gieo rắc trên đường đi của anh. "Nếu anh bị giết, thì bọn trẻ ở nhà sẽ ra sao? Vậy thì ai sẽ nuôi nấng và dạy dỗ chúng? Ngay bây giờ chúng sống không thoải mái lắm, mặc dù trước khi đi, anh đã để lại cho chúng ít tiền mà anh đã vay được". Và thỉnh thoảng Oan-tơ-xnáp lại khóc.

Khi bước vào các trận đánh, anh cảm thấy đôi chân mình yếu ớt đến nỗi anh có thể bị quật ngã bất cứ lúc nào, nếu anh không nghĩ rằng cả đội quân sẽ giẫm lên mình anh. Tiếng đạn rít làm anh nổi da gà.

Cứ thế, từ nhiều tháng nay anh sống trong nỗi khiếp đảm và khắc khoải.

Cánh quân của anh tiến về hướng Nooc-măng-di, và một ngày nọ anh được cử đi trinh sát cùng với một phân đội ít ỏi, chỉ để thăm dò một phần đất của vùng này, và rút về ngay. Ở nông thôn, mọi thứ dường như êm ả; không một dấu hiệu nào cho thấy có sự chuẩn bị cho một cuộc kháng cự.

Thế rồi, những người lính Phổ lặng lẽ đi xuống một thung lũng nhỏ, có những khe suối sâu cắt ngang, thì một tràng súng máy dữ dội chặn họ lại ngay lập tức, làm họ thiệt mạng hơn hai chục người; và một toán du kích bỗng tủa ra từ một khu rừng nhỏ như bàn tay, và lao lên phía trước, súng ống giương lên tua tủa.

Ban đầu, Oan-tơ-xnáp đỡ người ra, ngạc nhiên và thất kinh đến nỗi thậm chí anh không kịp nghĩ đến chuyện chạy trốn. Rồi một mong muốn điên rồ là tháo chạy, xâm chiếm đầu óc anh; Nhưng anh cũng nghĩ ra ngay rằng mình chạy như rùa, so với những binh lính Pháp mảnh mai, họ chạy nhảy như một đàn dê. Rồi nhận thấy trước mặt khoảng sáu bước có một cái hố rộng, mọc đầy bụi rậm, lá khô, anh chụm chân nhảy xuống đó, thậm chí anh không nghĩ đến chiều sâu của nó, như người ta nhảy từ cầu xuống sông vậy.

Như một mũi tên, anh lướt qua một lớp dầy đặc dây leo và cỏ gai nhọn, chúng cào cấu vào mặt, vào tay anh, và anh té ngồi nặng nề xuống lòng đá.

Anh liền ngược mặt nhìn lên, anh thấy bầu trời qua cái lỗ anh vừa rơi xuống. Cái lỗ chứng cứ ấy có thể tố cáo anh, và anh thận trọng trườn người dưới đáy hố dưới lớp cành cây chằng chịt, anh tiến nhanh hết cỡ, để tránh xa nơi vừa xảy ra chiến sự. Đoạn, anh dừng lại, và ngồi đây, anh ngồi lom khom như một con thỏ rừng ở giữa đám cỏ khô cao.

Một hồi sau, anh vẫn còn nghe tiếng súng nổ, tiếng thét la, và tiếng rên rỉ. Rồi âm thanh hỗn độn của chiến tranh yếu dần, và tắt hẳn. Tất cả lại trở nên lặng lẽ và tĩnh mịch.

Chợt một vật gì chạm vào người anh. Anh đánh thót người vì kinh hãi. Đó là một con chim nhỏ, đậu trên một cành cây, làm những chiếc lá khô lay động. Trong gần

một giờ đồng hồ, ngực của Oan-tơ-xnáp vẫn còn đập thình thịch và liên hồi.

Đêm đến, làm khe suối tràn ngập bóng tối. Và anh lính bắt đầu suy nghĩ. Anh phải làm gì bây giờ? Anh sẽ ra sao đây? Trở lại đơn vị?... Nhưng bằng cách nào? Bằng lối nào? Và anh lẽ phải bắt đầu lại cuộc sống khủng khiếp trong khắc khoải, hoảng sợ, mệt mỏi, và đau đớn mà anh đã chịu đựng từ khi chiến tranh bùng nổ? Không anh cảm thấy không còn đủ can đảm để chịu đựng được nữa. Anh sẽ không còn đủ nghị lực cần thiết để chịu đựng những cuộc hành quân và đương đầu với những hiểm nguy từng phút từng giây.

Nhưng làm gì bây giờ? Anh không thể ngồi miết trong khe đá này, không thể ăn náu ở đây cho đến khi chiến tranh kết thúc được. Không, chắc chắn như thế. Giá mà anh không cần phải ăn, thì viên canh này sẽ không giầy vò anh đến thế; nhưng phải ăn, phải ăn hàng ngày.

Và anh ở đó một mình, trên đất địch, mang trên người vũ khí và bộ đồng phục, xa cách với những người có thể bảo vệ anh. Những cơn rùng mình cứ chạy trên da thịt anh.

Chợt anh nghĩ "Giá mà ta chỉ bị bắt thôi!". Và lòng anh rung lên vì mong muốn, một niềm mong muốn dữ dội và ào ạt, được làm tù binh của quân Pháp. Tù binh! Anh sẽ được sống, được cho ăn, cho ở được che chở khỏi làn tên mũi đạn, trong một nhà tù được canh gác cẩn thận, không còn lo sợ gì cả. Tù binh! Giác mơ tuyệt vời làm sao!

Và giải pháp ấy được chọn lựa ngay tức khắc.

"Ta sắp ra đầu hàng đây".

Anh đứng lên, nhất quyết thực hiện chương trình này, không để chậm trễ một phút. Nhưng anh bỗng chờ người vì bị những suy nghĩ băng nháng và những nỗi khiếp đảm mới tấn công dồn dập.

Anh ra đầu hàng ở đâu? Bằng cách nào? Về phía nào? Và những hình ảnh ghê tởm, những hình ảnh chết chóc đổ xô đến tâm hồn anh.

Anh sẽ gặp những mối nguy hiểm khủng khiếp nếu anh một mình mạo hiểm đi trên cánh đồng, với chiếc mũ sắt có chõm nhọn.

Nếu anh gặp những người nông dân thì sao? Khi trông thấy một tên lính Phổ đi lạc, một tên lính Phổ không vũ khí, họ sẽ giết như giết một con chó hoang! Họ sẽ tàn sát bằng mỏ sầy, cuộc, liềm, xẻng! Họ sẽ biến anh thành nước xúp; thành thức ăn gia súc, trong cơn hung hăng của những người chiến bại điên tiết.

Còn nếu gặp quân du kích? Những du kích quân này, những kẻ hung hăng, không pháp luật, không kỷ cương, sẽ xử bắn anh để tiêu khiển, để cười cợt. Và anh tưởng chừng như mình đang đứng tựa lưng vào tường, mặt đối diện với mười hai họng súng trường và dường như những lỗ tròn nhỏ và đen ngòm của chúng đang nhìn anh.

Nếu gặp chính quân đội Pháp? Những toán đi tiên phong sẽ cho anh là do thám là một tên lính gan dạ và lém

lính nào đó, đang đi trình sát một mình, và họ sẽ bắn anh ngay. Và bên tai anh như vang lên những tiếng nổ bất thường của bọn lính đang nằm trong các bụi rậm, trong lúc anh đang đứng giữa cánh đồng, anh khuyu xuống, mình mẩy bị bắn thủng như một cái rổ và anh cảm thấy viên đạn như đang ngoáy sâu vào da thịt anh.

Anh lại tuyệt vọng ngồi xuống. Tình thế của anh lúc này có vẻ như bế tắc.

Màn đêm căm lạng và đen tối đã phủ kín hoàn toàn. Anh không động dậy nữa, và anh rùng mình mỗi khi có một tiếng động lạ và khẽ khàng trong bóng đêm. Một chú thỏ đập đất xuống miệng hang, suýt làm Oan-tơ-xnáp bỏ chạy. Tiếng chim cú kêu xé nát lòng anh, xuyên thấu vào da thịt anh bằng những cơn sợ hãi bất ngờ và đau đớn, như những vết thương vậy. Anh mở to đôi mắt để cố nhìn trong bóng đêm; và lúc nào anh cũng cảm thấy có tiếng bước chân đang đi bên cạnh mình.

Sau những giờ phút dài dằng dặc, và những khắc khoải của tên tội đồ, qua lớp cành cây, anh chợt nhận ra rằng trời đã sáng. Lúc ấy, anh cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng; tứ chi anh chợt thư thái và duỗi ra; lòng anh cảm thấy yên ổn, mắt anh nhắm nghiền lại. Anh ngủ thiếp đi.

Khi anh tỉnh giấc, mặt trời đã ở khoảng đỉnh đầu; có lẽ đã trưa rồi. Không một tiếng động nào quấy phá sự yên tĩnh buồn thảm của đồng quê; và Oan-tơ-xnáp cảm thấy bụng đói cồn cào.

Anh ngáp, miệng ứa nước dãi khi nghĩ đến khúc thịt dồi, một thứ thịt dồi ngon lành của bọn lính; và bao tử anh lại quặn lên. Anh đứng dậy, bước đi vài bước, và cảm thấy rằng đôi chân đã yếu ớt, anh lại ngồi xuống để suy nghĩ. Trong suốt hai ba tiếng đồng hồ sau đó, anh phân vân giữa cái nên và cái không nên làm anh luôn thay đổi giải pháp, anh luôn bị đuổi lý, đau đớn, giằng xé bởi những lý lẽ hoàn toàn trái ngược nhau.

Cuối cùng, một ý nghĩ có vẻ hợp lý và tiện lợi, là phải rình người dân làng nào đi một mình, không vũ khí, không dụng cụ lao động nguy hiểm, rồi chạy thẳng đến trước mặt anh ta và nộp mạng, vừa ra hiệu cho anh ta hiểu rằng mình đầu hàng.

Rồi anh bỏ mũ sắt, vì cái chòm nhọn của nó có thể phản bội anh, và anh nhô đầu lên bờ miệng hố, với sự thận trọng vô biên.

Không một người nào xuất hiện lẻ loi ở chân trời. Đằng kia, phía bên phải, một ngôi làng nhỏ đang toả khói từ mái nhà lên trời; khói bếp còn đằng kia, bên trái anh thấy một toà lâu đài lớn chung quanh có những tháp canh bao bọc, vươn lên trên các ngọn cây ven đường.

Anh chờ cho đến tối, anh đau đớn kinh khủng, anh không thấy gì ngoài những chú quạ lượn lờ, không nghe gì ngoài những tiếng kêu réo trong lòng anh.

Và màn đêm lại phủ xuống quanh anh.

Anh nằm dài dưới đáy hầm trú ẩn và thiếp ngủ, một

giấc ngủ hăm hắp, đầy những ác mộng, một giấc ngủ của những người đói lả.

Bình minh lại hiện lên trên đầu anh. Anh lại tiếp tục quan sát. Nhưng cánh đồng vẫn trông trải như ngày hôm qua; và một nỗi sợ hãi mới lại xâm chiếm đầu óc Oan-lơ-xnáp, nỗi sợ bị chết đói. Anh nằm dài dưới hố, mặt ngửa lên trời, đôi mắt nhắm nghiền. Rồi những con thú, những loài thú bé nhỏ đủ loại tiến lại gần anh và bắt đầu gặm nhấm anh, cùng một lúc tấn công anh khắp nơi, chúng chui vào áo quần anh để cắn da thịt lạnh ngắt của anh. Và một con quạ to tướng mổ vào mắt của anh bằng chiếc mỏ dài ngoằng.

Thế là anh bỗng nổi khùng lên, và nghĩ rằng mình sắp kiệt sức và không cưỡng đi được nữa. Và rồi anh chực lao mình về phía ngôi làng, anh quyết làm tất cả bất chấp tất cả, bỗng anh thấy ba người nông dân vai vác mỏ sầy đang đi ra đồng, và anh lại chúi vào chỗ nấp.

Nhưng khi màn đêm đã phủ kín cánh đồng, anh từ từ chui ra khỏi hố, anh khom người xuống, mặt mày lấm lét, tim đập nhanh, anh tiến về hướng toà lâu đài xa xa, vì anh thích vào đây hơn là vào làng, vì làng mạc đối với anh thật đáng sợ như là hang hùm...

Các cửa sổ phòng dưới sáng rực. Thậm chí có một chiếc mớ toang; và một mùi thịt chín nóng nực bốc ra vào tận bụng của anh; làm anh co dúm, thờ hồn hển nó quyến rũ anh không gì cưỡng lại được, và tiếp thêm cho anh một sự gan dạ tuyệt vọng.

Và thành linh, anh xuất hiện bên khung cửa, đầu đội mũ sắt, mà không suy nghĩ gì.

Tám gia nhân đang ăn tối bên cạnh: một chiếc bàn lớn. Nhưng bỗng một chị ở miệng há hốc, đánh rơi chiếc ly đang cầm trên tay, đôi mắt nhìn đăm đăm. Mọi ánh mắt khác hướng theo ánh mắt chị!

Họ nhận ra kẻ thù!

Chúa ơi! Quân Phổ tấn công lâu đài!

Ban đầu, đó chỉ là tiếng kêu, một tiếng kêu duy nhất do tám cái miệng cùng thốt ra, bằng tám cung bậc khác nhau, một tiếng kêu khủng khiếp vì kinh hoàng, sau đó là một sự náo động, một trận chen lấn, một cơn hỗn loạn, một cuộc tháo chạy tán loạn về phía cửa sau. Bàn ghế ngã đổ, đàn ông hất văng đàn bà, và giẫm lên trên. Trong hai giây đồng hồ, căn phòng trở nên trống rỗng, hoang tàn, trên bàn thì thức ăn ngổn ngang. Oan-tơ-Xáp kinh ngạc đứng nhìn sau khung cửa sổ.

Sau khi do dự trong giây lát, anh trèo qua bức tường và tiến đến các đĩa thức ăn. Con đói dữ dội làm anh run lên như người bị sốt rét: Nhưng nỗi kinh hoàng giữ chân anh lại, nó còn làm anh tê liệt tứ chi. Anh lắng nghe. Cả gian nhà dường như rung lên; các cửa nẻo được đóng sầm lại, những bước chân dồn dập chạy trên tầng trên. Anh lính Phổ lo lắng đồng tai nghe tiếng ồn ào hỗn độn này; đoạn anh nghe những tiếng bình bịch như thể có người ngã xuống đất mềm, dưới chân tường, khi có người nhảy từ trên tầng lầu xuống đất.

Rồi mọi cử động, mọi xáo trộn ngưng bật, và toà lâu đài to lớn trở nên im ắng như một nhà mồ.

Oan-tơ-xnáp ngồi xuống một đĩa thức ăn còn nguyên, và anh bắt đầu ăn. Anh ăn ngấu nghiến như thể sợ bị ngăn chặn quá sớm, sợ không thể tọng được đầy thức ăn. Anh dùng hai tay ném thức ăn vào cái mồm há rộng như cái thùng; và từng nắm thức ăn lần lượt rơi vào dạ dày của anh làm cổ họng anh trương lên sau mỗi lượt thức ăn đi qua. Đôi khi anh dừng lại, vì cuống họng chực nổ tung ra như một đường ống quá căng. Anh chộp lấy bình rượu táo lên men và thông ống thực quản như ta thông một đường ống bị tắc nghẽn.

Anh vét sạch tất cả các đĩa, tất cả món ăn, và tất cả chai rượu, đoạn, ngất ngây vì rượu và thức ăn, anh đỡ dần, mặt đỏ bừng, lại giật nảy bởi những cơn nấc cục, đầu óc anh rối mù, và miệng anh bóng mỡ, anh cởi nút bộ đồng phục để dễ thở hơn, vì không thể đi được một bước nào. Đôi mắt anh nhắm nghiền, đầu óc rã rời; anh gục chiếc đầu trĩu nặng xuống đôi cánh tay bắt chéo trên bàn, và dần dần anh mất đi khái niệm về mọi sự vật chung quanh.

Mảnh trăng lưỡi liềm cuối tháng toả ánh sáng mờ mờ xuống chân trời, trên những hàng cây trong vườn. Đó là khoảng thời gian lạnh lẽo trước bình minh.

Những bóng người lạng lẽ luồn lách trong bụi rậm; và thỉnh thoảng ánh trăng làm một mẫu thép lấp lánh trong bóng đêm.

Toà lâu đài tĩnh mịch vẫn vươn cao bóng dáng đen đúa của nó. Chỉ còn hai cửa sổ có đèn sáng ở tầng trệt.

Bỗng một giọng vang như sấm gào lên:

“Tiến lên! Mẹ kiếp! Xung phong! Quân sĩ!”

Rồi thì chỉ trong một chốc, các cửa nẻo, các tấm sáo và các cửa kính bị một đợt sóng người tràn vào, họ đập phá, đâm thủng tất cả và ồa vào ngôi nhà. Chỉ trong một chốc, năm mươi binh lính võ trang đẩy mình, lao vào nhà bếp, nơi Oan-tơ-xnáp đang yên ổn nghỉ ngơi, và họ chĩa năm mươi họng súng đã lên đạn vào ngực Oan-tơ-xnáp, quật anh ngã xuống, xô anh lăn long lóc, rồi túm lấy anh, và trói anh từ đầu đến chân.

Anh thở khó nhọc vì kinh hoàng, đầu óc thộn ra nhưng không hiểu chi cả, anh bị đánh đập, bị nện bằng báng súng, và điên lên vì lo sợ.

Và chợt một người mặc quân phục to béo, mang đầy huy hiệu vàng rực trên ngực, nện bàn chân vào bụng anh và quát:

“Anh đã bị bắt làm tù binh, hãy dấu hàng đi”.

Anh lính Phổ chỉ nghe được một tiếng duy nhất: “tù binh” và anh rên lên: “Ya, Ya, Ya”⁽¹⁾

Anh bị dục dẫy, bị cột chặt vào ghế, và bị xoi mói bởi một sự tò mò sôi nổi của những người chiến thắng,

⁽¹⁾ Tiếng Đức nghĩa là: vàng, vàng, vàng

bây giờ họ đang thở phì phò như ống bể. Nhiều người phải ngồi xuống vì rã rời do xúc động và mệt mỏi.

Anh mỉm cười, bây giờ anh mỉm cười, vì an tâm rằng cuối cùng anh đã trở thành tù binh!

Một viên sĩ quan khác bước vào và nói:

"Thưa Đại tá, quân địch đã tháo chạy; nhiều tên đường như bị thương. Chúng ta đã làm chủ chiến trường".

Người mặc quân phục mập đưa tay lau trán, và gào lên: "Chiến thắng!"

Và ông ta móc túi ra một quyển sổ tay bán hàng và viết:

"Sau một cuộc chạm trán ác liệt, quân Phổ phải rút lui, mang theo nhiều đồng bọn bị giết và bị thương khoảng năm mươi tên bị loại ra khỏi vòng chiến. Nhiều tên khác bị bắt làm tù binh".

Viên sĩ quan trẻ nói tiếp:

"Thưa Đại tá, bây giờ ta phải làm sao đây?"

Viên Đại tá trả lời:

"Chúng ta chuẩn bị rút lui, để tránh cuộc phản công có pháo binh và quân tiếp viện đông đảo".

Và ông ta ra lệnh rút lui.

Đoàn người lại tập hợp hàng ngũ trong đêm tối, dưới chân tường toà lâu đài, và lên đường, vừa đi vừa vây quanh

Oan-tơ-xnáp bị trói chặt, bị canh giữ, bởi sáu chiến sĩ súng ngắn lăm lăm trong tay.

Họ cử lính trinh sát đi dò đường trước. Họ thận trọng tiến lên, chốc chốc lại dừng quân.

Khi trời vừa hừng sáng, họ về đến thị trấn La-Rô-soa-den, địa phương có đơn vị vệ quốc quân vừa hoàn thành chiến công ấy.

Đám dân chúng xôn xao và bị kích động, đang đứng đợi họ. Khi mọi người nhận ra chiếc mũ sắt của tên tù binh, nhiều tiếng reo hò khùng khiếp vang lên. Cánh đàn bà vung tay lên; các bà cụ thì khóc; một ông lão ném chiếc nạng vào tên lính Phổ và làm mũi một anh lính canh bị thương.

Viên Đại tá gào lên:

"Hãy bảo đảm an toàn cho tù binh".

Cuối cùng, mọi người cũng đến được toà thị chính. Cửa nhà tù mở ra, và Oan-tơ-xnáp được cởi trói, và bị ném vào trong đó. Hai trăm người vũ trang đầy đủ canh gác chung quanh nhà giam.

Lúc ấy, mặc cho triệu chứng khó tiêu hoá đang hành hạ anh lính Phổ từ hôm qua đến nay, nhưng anh vẫn nhảy múa, lòng điên lên vì sung sướng, anh nhảy múa điên cuồng, vừa hươ chân múa tay, vừa la hét cuồng nhiệt, cho đến lúc anh kiệt sức ngã xuống dưới chân tường.

Anh bị bắt làm tù binh! Thoát rồi!

Lâu đài Sang-pi-nhê được giành lại từ tay kẻ thù như thế đấy, chỉ sau sáu giờ bị chiếm đóng.

Đại tá Ra-chê, thương gia bán chăn màn⁽¹⁾, người chỉ huy đội vệ quốc quân của thị trấn La-Rô-soa-den, được ban tặng huân chương.

TRẦN THANH ÁI dịch

⁽¹⁾ Ở Pháp vào thời bấy giờ, mặc dù là lực lượng tự vệ địa phương, nhưng người chỉ huy vẫn được phong quân hàm.

MỘT KẺ GIẾT CHA MẸ

Luật sư đã viện dẫn con điên để bào chữa. Làm sao để giải thích được vụ án mạng lạ lùng này khác hơn bây giờ?

Một buổi sáng nọ, trong đám lau sậy gần Su-tu, người ta tìm thấy hai xác chết ôm chặt lấy nhau, một đàn bà, một đàn ông, hai con người thượng lưu nổi tiếng, giàu có, lại còn trẻ, và họ chỉ mới lấy nhau vào năm ngoái, vì người đàn bà chỉ mới góa bụa từ ba năm nay.

Không ai biết kẻ thù của họ, họ cũng không bị cướp bóc gì. Đường như hung thủ đã ném họ từ bờ sông xuống, sau khi đã lần lượt hành hung họ bằng một mũi sắt dài.

Cuộc điều tra chẳng tìm ra chi. Những người lái thuyền trên sông được thẩm vấn cũng chẳng biết gì, khi người ta sắp sửa xếp vụ án lại, thì một người thợ mộc trẻ của làng bên cạnh, tên là Giooc-giơ Lu-i, tục gọi là anh Trưởng giả, đến đầu thú.

Trong tất cả các cuộc lấy khẩu cung, hắn chỉ trả lời như sau:

"Tôi quen người đàn ông từ hai năm nay, và người đàn bà từ sáu tháng nay. Họ thường đến nhờ tôi sửa bàn ghế cũ, bởi vì tôi khéo tay nghề".

Và khi người ta hỏi hắn:

"Tại sao anh giết họ?"

Hắn buống binh trả lời:

"Tôi giết họ bởi vì tôi muốn giết họ"

Người ta không thể biết gì khác hơn.

Có lẽ gã đàn ông này là con hoang, ngày xưa được đem cho nuôi thuê trong vùng này, rồi sau đó bị bỏ rơi. Hắn không có tên nào khác hơn là Giooc-giơ Lu-i⁽¹⁾, nhưng khi lớn lên, vì hắn trở nên thông minh đặc biệt, với năng khiếu và sự tinh tế bẩm sinh mà bạn bè hắn không có, nên hắn được gọi là "Anh Trưởng già" và người ta chỉ còn gọi hắn như thế. Hắn trở nên khéo léo lạ thường trong nghề mộc mà hắn đã theo học. Thậm chí, hắn còn làm một ít đồ chạm khắc trên gỗ. Người ta còn nói rằng hắn rất cuồng nhiệt, và thậm chí của chủ nghĩa hư vô, một tay đọc nhiều tiểu thuyết phiêu lưu, tiểu thuyết chém giết đẫm máu, một cử tri có uy tín và một tay hùng biện khéo léo trong các cuộc họp thợ thuyền hoặc nông dân.

Luật sư đã viện dẫn con điên để bào chữa.

⁽¹⁾ Ở Pháp không có họ Georges hoặc Louis. Đó là hai cái tên người được ghép lại. Những đứa con hoang thường có tên loại ấy.

Thật vậy, làm sao người ta có thể chấp nhận rằng người thợ này có thể giết những khách hàng "xộp" của hắn, những người khách giàu sang và rộng rãi (hắn công nhận điều này), những người mà từ hai năm nay đã nhờ hắn làm những món hàng trị giá ba ngàn quan (số tiền này minh chứng cho điều nói trên)? Một lời giải thích duy nhất hiện ra: chúng điên, hoặc ý định cố hữu của một người sa cơ thất thế, muốn trả thù tất cả những kẻ trưởng giả bằng cách giết hai người này; và luật sư khéo léo ám chỉ đến biệt danh của anh: anh Trưởng giả, do dân làng đặt cho đứa con bị ruồng rẫy này, viên luật sư kêu lên:

"Có phải đó là một trò khôi hài không? Một trò khôi hài có thể còn kích động người con trai đau khổ không cha không mẹ này. Đây là một người theo phái Cộng hoà nhiệt thành. Tôi nói gì đây nhỉ? Thậm chí anh còn gia nhập vào đảng phái chính trị này, mà mới đây thôi, Cộng hoà của chúng ta còn đem xử bắn và lưu đày biệt xứ, và ngày hôm nay nó mở rộng vòng tay đón tiếp, một đảng phái chính trị mà đối với nó, việc đốt sạch là một nguyên tắc và chém giết là một phương tiện thông thường".

"Những học thuyết thâm não này, bây giờ được mọi người tung hô trong các cuộc họp công cộng đã đánh mất con người này. Anh đã nghe theo người thuộc phái Cộng hoà, ngay cả những bà nữa, vâng, những bà nữa, để đổi lấy

máu Ông Găm-be-ta, Ông Grê-vi⁽¹⁾; đầu óc bệnh hoạn của anh đã chao đảo; anh ta muốn lấy máu, máu của người trưởng giả”.

“Anh ta không đáng bị kết tội, thưa quý ngài, chính Công xã mới là thủ phạm!”⁽²⁾

Những tiếng thì thào tỏ ý tán đồng quan điểm trên truyền lan khắp phòng. Mọi người cảm thấy rõ ràng viên luật sư đã giành được chiến thắng. Viên công tố không phản đối lại.

Đoạn, viên chánh án đặt một câu hỏi thường lệ cho bị can:

“Bị cáo, anh có cần nói thêm điều gì để tự biện hộ không?”.

Anh ta đứng dậy.

Hắn có vóc người nhỏ nhắn, tóc vàng sợi gai, đôi mắt màu nâu, tia nhìn đăm đăm và trong sáng. Một giọng nói to, thẳng thắn và âm vang thốt ra từ gã thanh niên mảnh dẻ, và làm thay đổi đột ngột ngay từ những lời nói đầu tiên, quan điểm mà mọi người đã nhận định về anh ta.

⁽¹⁾ Jules Grévy (1807-1891): Tổng thống nước cộng hoà Pháp từ 1879 đến 1887, Leson Cambetta (1833-1882): luật sư và chính trị gia Pháp. Phái Cộng hoà đã chỉ trích họ là phản bội lại chương trình hành động của họ, đặc biệt là từ khi Grévy lên làm tổng thống.

⁽²⁾ Túc Công xã Pari (1871). Đó là lập luận quen thuộc của giới tri thức tư sản thời bấy giờ.

Hắn nói to tiếng, bằng một giọng huênh hoang, nhưng rất rõ ràng, đến nỗi ở cuối phòng người ta cũng có thể nghe được từng lời một của hắn:

"Thưa ông chánh án, vì tôi không muốn vào nhà thương điên, và vì tôi thích máy chém hơn, nên tôi xin nói tất cả với quý vị".

"Tôi đã giết người đàn ông và người đàn bà kia, bởi vì họ là cha mẹ tôi".

"Bây giờ, xin quý vị hãy nghe tôi nói và hãy xử tôi"

*

Một người đàn bà đã sinh ra một đứa con trai, rồi sau đó gửi cho người ta nuôi vú ở đâu đó. Bà ta có biết kẻ tòng phạm của mình đã mang cái sinh vật bé bỏng đó đi đâu không? Một sinh vật vô tội, nhưng lại phải chịu đựng nỗi khốn khổ triền miên, nỗi nhục nhã vì sự ra đời bất hợp pháp, và hơn thế nữa: cái chết, bởi vì người ta đã ruồng bỏ nó, bởi vì người vú nuôi có thể bỏ nó tàn tạ, đói khát, và chết vì bị ruồng bỏ, như bọn họ thường làm, vì không còn nhận tiền trợ cấp hàng tháng nữa?

Người đàn bà cho tôi bú là một người lương thiện, lương thiện hơn, đàn bà hơn, cao thượng hơn, đầy tình mẫu tử hơn là mẹ tôi. Bà ta đã nuôi nấng tôi. Bà ta đã sai lầm khi làm nhiệm vụ của mình. Tốt hơn cả là nên bỏ cho

chết luôn những đứa bé khốn khổ bị người ta ném đi ở các làng mạc của những vùng ngoại ô, như ném rác rưởi ra bìa rừng.

Tôi lớn lên với cảm giác mơ hồ là tôi mang một điều sỉ nhục. Một hôm, những đứa trẻ khác gọi tôi là "con hoang". Chúng không hiểu chữ ấy có nghĩa gì vì một đứa trong bọn chúng chỉ nghe cha mẹ nó nói. Tôi cũng không hiểu nổi, nhưng tôi cảm nhận được điều đó.

Tôi có thể nói rằng tôi là một trong những đứa trẻ thông minh nhất trong trường. Lẽ ra tôi đã có thể là một người thương lưu, nếu cha mẹ tôi không phạm phải tội ruộng bỏ tôi.

Tội ác này, họ đã làm để chống tôi. Tôi là nạn nhân, họ là thủ phạm. Tôi không có khả năng tự vệ họ không có lòng thương hại. Họ phải thương yêu tôi, nhưng họ đã từ bỏ tôi.

Còn tôi, tôi nợ họ cuộc đời - Nhưng cuộc đời có phải là một món quà không nhỉ? Cuộc đời của tôi, dù gì đi nữa cũng chỉ là một nỗi bất hạnh. Sau hành động ruộng bỏ nhục nhã đó, tôi chỉ còn nợ họ sự trả thù. Để chống lại tôi, họ đã thực hiện một hành vi vô nhân đạo nhất, nhục nhã nhất, khủng khiếp nhất mà người ta có thể phạm phải đối với một sinh vật.

Một kẻ bị sỉ nhục phạm tội đánh người; một kẻ bị đánh cắp lấy lại của anh ta bằng sức mạnh. Một người bị tra khảo, bị chơi xấu, bị hành hạ phạm tội giết người; một

người bị tát tái phạm tội giết người, một người bị lăng nhục phạm tội giết người. Tôi đã là người bị đánh cắp, bị lừa đảo, bị hành hạ, bị một cái tát về mặt tinh thần, bị lăng nhục hơn tất cả những người mà các vị đã tha thứ cho cơn nổi giận của họ.

Tôi đã trả thù, tôi đã giết người. Đó là quyền chính đáng của tôi. Tôi đã đổi cuộc sống sung sướng của họ với cuộc đời ghê tởm mà họ đã áp đặt cho tôi.

Các ngài sắp nói về tội giết cha mẹ. Họ có phải là cha mẹ tôi không, những người mà đối với họ, tôi là một gánh nặng ghê tởm, một nỗi khiếp đảm, một vết nhơ bẩn nhục nhã; đối với họ, sự ra đời của tôi là một tai họa, và mạng sống của tôi là một mối đe dọa nhục nhã? Họ tìm kiếm một khoái lạc ích kỷ; họ đã có một đứa con bất đắc dĩ. Họ đã xoá sổ đứa con. Đến lượt tôi, tôi cũng làm như vậy cho họ.

Và tuy nhiên, sau cùng, tôi đã sẵn sàng yêu mến họ.

Cách đây hai năm, như tôi đã nói với các vị, người đàn ông ấy, nghĩa là cha tôi, đến nhà tôi lần đầu tiên. Tôi không nghi ngờ gì cả. Hắn đặt tôi làm hai món hàng. Sau này tôi mới hiểu, ông ta đã dò la tin tức ở cha xứ, dĩ nhiên là một cách bí mật.

Hắn trở lại thường xuyên hơn; hắn đặt tôi làm và thanh toán tiền bạc rộng rãi. Thậm chí đôi khi hắn tán gẫu chuyện này chuyện nọ với tôi. Tôi cảm thấy quý hắn.

Vào đầu năm nay, hân dẫn vợ, tức là mẹ tôi, đến. Khi bà ta bước vào nhà, bà ta run bần bật, đến nỗi tôi tưởng rằng bà ta bị bệnh thần kinh. Đoạn bà mượn một chiếc ghế và xin một ly nước. Bà ta không nói gì cả. Bà nhìn bàn ghế của tôi bằng một vẻ ngây dại, và chỉ trả lời "có" và "không" một cách ngớ ngẩn với tất cả những câu hỏi mà chồng bà đặt ra! Khi bà ta đã ra về, tôi cứ tưởng rằng bà ta hơi loạn thần kinh.

Tháng sau, bà trở lại. Bà đã bình tĩnh, và tự chủ. Hôm ấy, họ ở lại khá lâu để tán gẫu, và họ đặt tôi làm một món hàng lớn. Sau đó, tôi còn gặp lại họ ba lần nữa, mà không hề đoán ra được điều gì, nhưng một hôm, bà ta bắt đầu nói chuyện với tôi về cuộc sống của tôi, về thời thơ ấu của tôi, về cha mẹ tôi. Tôi trả lời: "Cha mẹ tôi, thưa bà, họ là những kẻ khốn nạn, đã ruồng bỏ tôi". Lúc ấy, bà ta lấy tay ôm ngực, và bất tỉnh ngã xuống. Tôi nghĩ ngay rằng "Mẹ ta đây!", nhưng tôi không để lộ ra thái độ gì cả. Tôi muốn bà ta trở lại.

Chẳng hạn, về phía tôi, tôi cũng tìm hiểu tin tức. Tôi biết rằng họ chỉ mới lấy nhau vào tháng bảy trước, vì mẹ tôi chỉ goá bụa từ ba năm nay. Người ta xì xầm nhiều rằng họ yêu nhau từ thời mồ ma của người chồng trước, nhưng người ta không có bằng chứng nào. Tôi chính là bằng chứng, một bằng chứng mà ban đầu người ta đã dấu diếm, rồi sau đó muốn thủ tiêu.

- Tôi chờ đợi. Một buổi tối nọ, bà ta xuất hiện, luôn luôn có cha tôi đi cùng. Hôm ấy, bà ta có vẻ vô cùng xúc

động, tôi không hiểu tại sao. Rồi, lúc ra về, bà ta nói với tôi: "Tôi muốn điều tốt lành cho anh, bởi vì đối với tôi anh có vẻ là một thanh niên lương thiện và một người lao động; có lẽ một ngày nào đó anh sẽ nghĩ đến việc lấy vợ; tôi sẽ đến giúp anh chọn lựa người đàn bà nào phù hợp với anh. Còn tôi, ngày xưa tôi đã lập gia đình một cách gượng ép một lần rồi, và tôi biết đau khổ là như thế nào. Bây giờ, tôi giàu có, nhưng không con cái, tôi tự do, tôi làm chủ gia tài của tôi. Đây là của hồi môn của anh".

Bà ta đưa cho tôi một phong bì to niêm kín.

Tôi nhìn chăm chăm, đoạn tôi nói: "Bà là mẹ của tôi à?"

Bà ta chột lùi lại ba bước và lấy tay che mặt lại để không phải trông thấy tôi. Còn hần, người đàn ông ấy, tức là cha tôi, hần đỡ bà ta dậy và hét vào mặt tôi. "Anh là đồ điên".

Tôi trả lời: "Không điên chút nào cả. Tôi biết chắc rằng hai người là cha mẹ tôi. Không thể lừa dối được tôi như thế đâu. Ông hãy thú nhận đi, và tôi sẽ giữ bí mật cho ông; tôi sẽ không oán trách ông đâu; tôi sẽ tiếp tục công việc mà tôi đang làm của một người thợ mộc".

Hần lùi ra cửa, tay vẫn luôn nâng vợ hần, bà ta bắt đầu khóc nức lên. Tôi chạy đi đóng cửa lại, tôi bỏ chìa khoá vào túi, và tôi nói tiếp: "Ông hãy nhìn bà ta vậy, và hãy cứ phủ nhận rằng bà ta là mẹ của tôi đi".

Lúc ấy, hần nổi giận lên, mặt tái mét, và kinh hoàng khi nghĩ rằng vụ lem nhem này, đã được tránh né từ lâu.

nay có thể bùng nổ bất ngờ, rằng địa vị xã hội của họ, tiếng tăm của họ, danh dự của họ sẽ dùng một phát tiêu tan; hần áp úng: "Anh là một kẻ hạ đẳng, muốn tống tiền tôi. Vậy anh cứ làm điều thiện cho dân chúng của anh đi, cho bọn người thô thiển đó đi, hãy giúp họ đi, hãy cứu họ đi!"

Mẹ tôi thất kinh, cứ luôn mồm lặp đi lặp lại: "Ta về thôi. Ta về thôi".

Rồi thì, vì cửa đã khoá, nên hần la lên: "Nếu anh không mở cửa ra ngay lập tức, tôi sẽ cho người bắt giam anh vì tội tống tiền và dùng vũ lực!"

Tôi tự chủ được, tôi mở cửa và đứng nhìn họ chìm dần trong bóng đêm.

Lúc ấy, bỗng dưng tôi có cảm giác như là mình vừa bị côi cút, bị ruồng rẫy, bị đẩy xuống suối. Một nỗi buồn ghê sợ, pha lẫn với cơn giận dữ, với nỗi oán ghét, với nỗi chán chường xâm chiếm lòng tôi, trong tôi có một cái gì như sự vùng dậy của cả con người tôi, một sự vùng dậy của công lý, của lòng trung thực, của danh dự, của tình thương bị chối bỏ. Tôi liền chạy đi để đuổi theo họ, dọc sông Xen mà họ phải theo để ra ga đi về Sa-tu.

Chẳng mấy chốc sau, tôi đuổi kịp họ. Màn đêm đã buông xuống tối đen. Tôi đi nhẹ nhẹ trên cỏ, để cho họ không nghe thấy tiếng bước chân. Mẹ tôi vẫn khóc suốt. Cha tôi nói: "Lỗi của em đấy. Tại sao em lại muốn thăm nó? Ở địa vị chúng ta, đó thật là một việc điên rồ. Lẽ ra ta

nên làm phúc cho nó từ xa, mà không phải chường mặt ra. Vì ta không thể nhìn nhận nó được, thế thì những cuộc thăm viếng nguy hiểm này giúp ích được gì?".

Lúc ấy, tôi lao đến trước mặt họ, và khấn cầu. Tôi lẩm bẩm: "Rõ ràng rằng ông bà là cha mẹ của tôi, ông bà đã chối bỏ tôi một lần rồi, chẳng lẽ ông bà lại xua đuổi tôi nữa ư?".

Thế rồi, thưa ông chánh án, hắn ta giơ tay lên trước mặt tôi, tôi lấy danh dự của tôi mà thề trước luật pháp và nền Cộng hoà rằng hắn đánh tôi, và khi tôi chộp được cổ tay hắn, hắn rút trong túi áo ra một khẩu súng ngắn.

Tôi điên tiết lên và không còn biết gì nữa. Trong túi tôi có cái com-pa; tôi đánh hắn, đánh đến khi nào tôi còn đánh được.

Thế rồi bà ta vừa gào lên: "Cứu tôi với! Ám sát!" vừa bứt râu tôi. Đường như tôi cũng đã giết bà ta. Còn tôi, tôi có biết những gì tôi đã làm trong lúc ấy không?

Đoạn, khi trông thấy cả hai nằm sóng soài dưới đất tôi ném họ xuống sông Xen, không hề suy nghĩ.

*

Bị cáo ngồi xuống. Trước lời thổ lộ ấy, vụ án đã được rời lại vào buổi họp tiếp theo...

TRẦN THÀNH ÁI dịch

THÁNH ẰNG-TOAN

Tặng X.Sác-mơ

Người ta gọi lão là Thánh Ằng-toan, vì tên lão là Ằng-toan, và có thể cũng vì tính tình lão vui vẻ, tươi tắn, biết pha trò, ăn nhiều và uống tợn, và lão là một kẻ săn đuổi các cô đầy tớ rất khoẻ, mặc dù tuổi đã ngoài sáu mươi.

Lão là một nông dân to lớn vùng Cô⁽¹⁾, da sạm, ngực nở, bụng phệ, đôi chân dài ngoằng, tưởng chừng như quá bé để có thể mang tấm thân đồ sộ của lão.

Goá vợ, lão sống một mình cùng với chị ở và hai người giúp việc trong trang trại mà lão là người điều hành khôn khéo, kỹ lưỡng trong việc tính toán quyền lợi khéo léo trong việc làm ăn và chăn nuôi, và việc canh tác đất đai. Hai thằng con trai và ba cô con gái đã lập gia đình nơi khá giả, hiện sống ở gần đấy, và mỗi tháng một lần chúng đến dùng bữa tối với lão. Sức lực của lão nổi tiếng khắp

⁽¹⁾ Pays de Caux: một cao nguyên ở vùng Normandie phía Bắc sông Seine

các vùng lân cận, người ta thường nói, như một câu tục ngữ: "Hắn mạnh như thánh Ằng-toan".

Khi quân Phổ tràn vào, Ằng-toan đang ở ngoài quán rượu, lão hứa là sẽ diệt gọn một binh đoàn, vì tính lão ưa phóng đại như một người Nooc-mãng-di chính cống, vừa hơi hèn nhát vừa khoe khoang. Lão gõ gõ ngón tay xuống chiếc bàn gỗ, làm ly tách nhảy nhót lung tung, và la lên đồ mặt tía tai, đôi mắt lém lỉnh, trong một cơn giận giả tạo của con người vui tính: "Tôi phải diệt chúng nó mới được, mẹ kiếp." Lão tin chắc rằng quân Phổ sẽ không bao giờ đến Tan-vin được; Nhưng từ khi hay rằng chúng đã kéo đến Rô-tô rồi, lão không còn bước ra cửa nhà nữa, và luôn luôn ngó chừng ra đường qua chiếc cửa sổ nhỏ ở nhà bếp, để trông chờ bọn lính giương lê điểu qua.

Một buổi sáng nọ, lúc lão đang ăn xúp cùng với những người giúp việc, thành linh cửa bật mở, và ông xã trưởng, thấy Si-cô bước vào, dẫn theo một người lính đội mũ sắt đen, có chóp nhọn bằng đồng. Ằng-toan đứng bật dậy; và mọi người giương mắt nhìn lão, đinh ninh rằng lão sẽ cưa hắn ra thành trăm mảnh; Nhưng lão đành lòng bắt tay viên xã trưởng; viên xã trưởng nói với lão: "Phần anh tên này đây, Ằng-toan ạ. Chúng đến hồi đêm. Nhất là đừng làm chuyện gì ngốc nghếch, vì chúng dọa sẽ xử bắn và sẽ đốt tất cả nếu xảy ra một chuyện nhỏ nào. Báo với anh thế nhé. Hãy cho hắn ăn, hắn có vẻ tử tế đấy. Thôi chào anh, tôi còn phải đến nhà người khác nữa. Mọi người ai ai cũng có phần cả". Đoạn ông ta đi ra.

Lão Ấng-toan mặt xám ngoét, nhìn tên lính Phổ. Đó là một gã thanh niên béo phịch, và trắng bóc, mắt xanh, tóc hoe, râu mọc đến tận lưỡng quyền, trông hần có vẻ khù khờ, rụt rè và ngây thơ. Ông lão lém lỉnh người Noóc-măng-di lập tức nhìn thấu tim gan anh ta, và lão tự tin ra dấu bảo anh ta ngồi xuống. Đoạn lão hỏi: "Anh muốn ăn xúp không?".

Người khách lạ không hiểu, Ấng-toan bồng dạn đi lên, và lão đẩy một đĩa xúp đẩy đến dưới mũi anh ta và nói: "Này, tọng cái này đi, đồ con heo".

Anh lính trả lời: "Ya"⁽¹⁾ và bắt đầu ăn ngấu nghiến, trong khi lão chủ đắc thắng, cảm thấy rằng danh dự của mình đã được phục hồi, lão nháy mắt với bọn người ở, họ nhân nhó một cách kỳ lạ, vì vừa sợ hãi vừa muốn cười phá lên.

Khi người lính Phổ đã ngốn sạch đĩa thức ăn, Ấng-toan dọn cho anh ta một đĩa khác, và anh ta cũng thanh toán nốt; nhưng anh ta từ chối đĩa thứ ba, mà lão chủ muốn ép anh ăn: "Nào, hãy tọng các thứ này vào bụng đi. Mày sẽ mập ra, nào, con heo của tao ơi". Lão lập đi lập lại như thế.

Và anh lính chỉ hiểu rằng lão muốn ép mình ăn cho thoả thích, nên anh cười với vẻ hài lòng, vừa ra dấu rằng anh đã no.

⁽¹⁾ Tiếng Đức, có nghĩa là "vâng"

Lúc đó, Ằng-toan đã trở nên hoàn toàn thân mật, vừa vỗ vào bụng anh ta vừa kêu lên: "Có gì trong cái bụng phệ của con heo tôi thế!". Nhưng bỗng lão phá lên cười ngặt nghèo, cười đỏ mặt đến độ suýt té vì co giật, và không thể nói tiếp được. Một ý nghĩ chợt loé lên trong đầu lão, làm lão thôi cười: "Chính thế, chính thế, thằng Ằng-toan và con heo của mình!". Và, đến lượt cả ba người giúp việc phá lên cười.

Ông già khoái chí đến độ cho mang rượu mạnh, loại rượu ngon, để thết mọi người. Họ cụng ly với anh lính Phổ, anh ta tặc lưỡi để làm vừa lòng mọi người, để diễn tả rằng anh thấy món này thật là thú vị. Và Ằng-toan hét vào mặt anh: "Sao? Rượu ngon hả? Ở nhà mày có được uống như thế không, con heo?".

Kể từ đó, lão Ằng-toan không bao giờ đi ra khỏi nhà mà không dắt theo người lính Phổ. Lão đã tìm thấy công việc của mình ở đó: báo thù, một cuộc báo thù của những tay lém lỉnh. Và cả vùng đã chết khiếp vì sợ, cũng cười ngặt nghèo sau lưng những kẻ chiến thắng về màn kịch của Ằng-toan. Quả thật, về việc đùa cợt, lão không có người địch lại. Chỉ có lão mới có thể sáng chế ra những việc như thế. Đồ quỷ ranh mãnh, coi chừng!

Lão đến các gia đình lân cận, đều đặn mỗi ngày vào buổi trưa, tay khoác tay cùng với người lính Phổ, và lão vỗ vai anh giới thiệu với mọi người bằng một thái độ vui vẻ: "Này, đây là con heo của tôi, các vị xem hộ giùm nó đã mập ra chút nào chưa?".

Và họ cười đùa vui vẻ: "Cái gã Ăng-toan này vui thật"

- Mình bán nó cho cậu đấy, Xê-de ạ, giá ba đồng pít-tôn.

- Thôi được, Ăng-toan ạ, mình lấy, và mình mời cậu đến nhắm món dồi với tớ.

- Mình ấy à, mình chỉ muốn đôi bàn chân của hân.

- Hãy sờ thử bụng hân xem, cậu sẽ thấy chỉ toàn là mỡ.

Và mọi người nháy mắt với nhau, tuy nhiên họ không dám cười quá lớn, vì sợ rằng anh lính Phở cuối cùng rồi sẽ đoán ra rằng mọi người chế giễu anh ta. Duy chỉ Ăng-toan, lúc nào cũng bạo dạn, ông bẹo nó vào đùi của anh và kêu lên: "Chỉ toàn là mỡ", ông vỗ vào mông và gào: "Cả chỗ này toàn là da heo", lão nhắc bổng anh ta lên bằng đôi tay của một ông già vạm vỡ, có thể mang nổi một chiếc đe, và tuyên bố: "Nó nặng trăm ký không thua".

Và lão đã quen với việc xin ăn cho con heo của mình ở khắp mọi nơi nào lão cùng anh ta đặt chân tới. Đó là thú vui chính, thú tiêu khiển chủ yếu hàng ngày của lão. "Hãy cho hân những gì mà các bạn muốn hân đớp tất tậ". Và mỗi người cho anh ta bánh mì và bơ, khoai tây, ra-gu nguội, dồi, mọi người nói: "Bằng thịt của anh đấy, và đã chọn kỹ".

Anh lính gốc ghêch và điệu dăng phải ăn vì lịch sự, lòng cảm thấy phẫn chấn vì những sự quan tâm này; anh ngã bệnh vì không thể từ chối, và anh béo ra thật sự, bây

giờ bộ quân phục đã chật cứng; điều ấy làm Ằng-toan thích thú và lão cứ lặp đi lặp lại: “Con heo ạ, mày thấy đấy, phải làm cho mày một cái chuồng khác mới được”.

Vả lại, họ đã trở thành đôi bạn thân thiết nhất trần gian, và khi ông lão đi lo công chuyện ở lối xóm, anh lính Phở thấp tùng theo ông ta, vì một thú vui duy nhất là được gần bên ông lão.

Thời tiết trở nên khắc nghiệt; băng giá phủ đầy; mùa đông khủng khiếp năm 1870 dường như ném cùng một lúc tất cả tai ương xuống nước Pháp.

Lão Ằng-toan luôn chuẩn bị trước mọi việc, và biết tận dụng thời cơ; vì tiên đoán rằng phân chuồng sẽ thiếu cho vụ mùa xuân sắp tới, nên lão mua lại của một người hàng xóm đang túng bán, và họ thoả thuận với nhau là mỗi tối lão sẽ đánh xe chở mộ đi chở phân.

Vì vậy hằng ngày, khi gần xup tối, lão lên đường, và đi đến trang trại của gia đình ông, cách nửa dặm đường, con heo của lão lúc nào cũng đi theo. Và ngày nào cũng có một bữa tiệc vô béo cho nó. Cả xứ đổ xô đến đó như người ta đi lễ ngày chủ nhật.

Tuy nhiên, anh lính bắt đầu thận trọng, và khi mọi người cười to, anh trợn tròn đôi mắt lo âu, đôi khi sáng lên một ánh mắt căm giận.

Thế là một tối nọ, khi đã ăn hả hê, anh từ chối ăn thêm một miếng nữa; và anh cố đứng dậy để đi về. Nhưng Ằng-toan giữ anh ta lại bằng một cú vịn cổ tay, và lão đặt

đôi bàn tay hộ pháp lên vai anh ta, và ấn anh ngồi xuống, mạnh đến nỗi chiếc ghế bẹp gí dưới tấm thân của anh.

Một không khí vui nhộn bùng lên như bão táp; và Ăng-toan mặt mày hớn hở, đỡ con heo của lão dậy, giả bộ như băng bó cho anh ta; đoạn lão tuyên bố: "Bởi vì mày không muốn ăn nữa, nên mày phải uống, thể có Chúa!". Và người ta đi mua rượu.

Anh lính tròn tròn cặp mắt hung dữ; nhưng dù vậy anh vẫn uống; chừng nào họ còn mời, anh còn uống, và Ăng-toan điều khiển được anh ta trong sự vui nhộn của những người chứng kiến.

Lão già người xứ Nooc-măng-di mặt mày đỏ như gấc, ánh mắt như đóm lửa, rót đầy rượu vào hai ly, vừa cụng ly vừa gào lên: "Chúc sức khoẻ mày!" Và anh lính Phổ, không nói không rằng, lần lượt trút từng ly một vào mồm.

Đây là một cuộc chiến đấu, một trận chiến, một cuộc báo thù! Ai uống nhiều nhất sẽ thắng, mẹ kiếp! Khi lít rượu đã cạn, cả hai không ai có thể còn uống được nữa. Nhưng không ai bại trận. Họ sánh vai nhau ra về, chỉ thế thôi. Ngay hôm sau, phải bắt đầu lại!

Hai người lão đảo đi ra và lên đường; họ đi bên cạnh chiếc xe chất đầy phân chuồng, do hai con ngựa kéo chậm chậm.

Tuyết bắt đầu rơi, và cánh đồng phủ một màu trắng thê lương toả sáng vào màn đêm không trăng âm đạm. Cái lạnh tấn công hai người, làm tăng thêm cơn say của họ, và

Ắng-toan bất bình vì không thắng được, nên giở trò nghịch ngợm bằng cách ẩy vai con heo của lão, để cho nó lộn nhào đầu dưới hố. Nhưng anh ta lùì lại tránh được; và một lần như vậy, anh nói một câu tiếng Đức bằng một giọng tức tối, làm cho lão nông dân cười sặc sụa. Cuối cùng, anh lính Phổ nổi nóng; và đúng vào lúc Ắng-toan ném vào anh một cú bất ngờ, anh đáp lại bằng một cú đấm khủng khiếp, làm lão nông dân vạm vỡ phải mất thăng bằng.

Lúc ấy, rượu mạnh đã làm lão bốc lửa, lão ôm ngang người anh lính, dùng đưa anh vài giây như người ta thường làm đối với trẻ con, và lão ném anh ta thẳng cánh xuống vệ đường. Đoạn, hả hê vì hành động trên, lão đứng khoanh tay và cười tiếp tục.

Nhưng anh lính nhanh nhẹn đứng lên, đầu để trần, vì chiếc mũ sắt đã văng mất, và anh rút gươm ra, nhảy bổ vào người Ắng-toan.

Thấy thế, lão chộp ngang roi quất ngựa, một cây roi to bằng cây ô-rô; thẳng chặc và dẻo như gân bò.

Anh lính Phổ tiến tới, đầu cúi xuống, gươm lăm le trước mặt, tin chắc rằng sẽ giết được kẻ thù. Nhưng lão già chộp gọn lưỡi gươm sắp đâm vào bụng lão lão gạt sang một bên, và nện một cú thẳng tay vào thái dương đối phương làm anh ta ngã gục xuống chân lão.

Đoạn, lão hốt hoảng, dờ dẫm vì kinh ngạc, lão đứng nhìn cái xác nằm xấp, ban đầu còn co giật, sau rồi bất

động. Lão cúi người xuống, lật nó qua, và xem xét một lúc. Đôi mắt anh lính Phổ nhắm nghiền, và một dòng máu nhỏ rỉ ra từ vết nứt ở cạnh trán. Mặc dù đêm tối, nhưng lão Äng-toan vẫn nhận ra được vết máu rơi trên mặt tuyết.

Lão đứng dậy, đầu óc rối loạn, trong khi chiếc xe cứ lăn bánh theo bước đi lạng lẽ của đôi ngựa.

Phải làm gì đây? Lão sẽ bị xử bắn! Họ sẽ đốt trang trại của lão, họ sẽ tàn phá vùng này. Làm gì? Làm sao giấu cái xác, giấu sự cố, và đánh lừa bọn Phổ. Lão nghe có tiếng người ở đằng xa, trong sự vắng lặng của một nơi đây tuyết phủ. Lúc ấy, lão thất kinh, và nhặt chiếc mũ sắt đội lên đầu nạn nhân; đoạn lão bế xác hán ta lên, lão chạy và đuổi kịp chiếc xe, và ném xác chết lên trên đồng phân. Một khi đã về đến nhà, lão sẽ tìm phương kế.

Lão đi chậm chậm, cố moi trong đầu, nhưng chẳng tìm ra được gì. Lão thấy, và cảm thấy mình sắp toi mạng. Lão đi vào trong sân. Một tia sáng rọi qua khe cửa trên gác, chị giúp việc vẫn chưa ngủ; lúc ấy lão vội vã cho xe lùi lại đến bên bờ chứa phân. Lão nghĩ rằng khi trút xe xuống, cái xác đặt phía trên sẽ rơi xuống dưới đấy; và lão dốc ngược càng xe lên.

Đúng như lão đã dự đoán, cái xác được vùi dưới lớp phân. Äng-toan dùng cây ba chĩa khoả bằng mặt, đoạn dựng nó bên miệng hố. Lão gọi một tên đầy tớ dẫn ngựa vào chuồng; đoạn lão về phòng ngủ.

Lão nằm xuống mà luôn nghĩ đến những việc phải

làm; nhưng không một ý tưởng nào loé lên trong đầu lão; nỗi sợ hãi lại càng tăng, khi lão nằm bất động trên giường. Họ sẽ xử bắn lão! Lão toát mồ hôi vì lo sợ; hàm răng lão va vào nhau; lão choàng dậy ngồi bó gối, vì không thể nằm yên trong chăn được.

Thế là lão đi xuống nhà bếp, lão lấy một chai rượu mạnh trong tủ, và trở lên. Lão uống hai ly to liên tục, làm cơn say mới đề lên cơn say cũ, mà cơn bồn chồn trong lòng lão vẫn không dịu xuống. Lão đã làm một vố xuẩn ngốc, mẹ kiếp.

Rồi lão đi đi lại lại, lão tìm kiếm những mưu chước, những lời giải thích, và những quỷ kế; và thỉnh thoảng, lão lại làm một tốp rượu mạnh để bụng dạ can đảm lên.

Nhưng lão vẫn không tìm ra gì cả. Không ra gì cả.

Khoảng nửa đêm, con chó giữ nhà của lão, một thứ chó sói lai mà lão đặt tên là "Ngón" cất lên tiếng tru thê lương. Lão Ắng-toan rợn người đến tận xương tủy; và mỗi lần con chó lại cất lên tiếng rú thảm não và lê thê ấy, thì một cơn rùng mình vì sợ sệt chạy khắp trên da thịt lão.

Lão gieo mình xuống chiếc ghế, đôi chân rùng rờ, 1
lão dờ dẫm, kiệt quệ khác khoải chờ đợi con "Ngón" lại bắt đầu tiếng kêu, và lão bị giày vò bởi tất cả những cơn giạt mình, mà nỗi kinh hoàng do chúng gây ra làm cho hệ thần kinh chúng ta rùng lên.

Đồng hồ ở dưới nhà điểm năm giờ. Con chó vẫn không im tiếng. Lão nông dân trở nên điên dại. Lão

choàng dậy đi ra mở xích, để không còn phải nghe nó rú nữa. Lão bước xuống, mở cửa, và bước đi ra trong màn đêm.

Tuyết vẫn không thôi rơi. Tất cả đều trắng xoá. Mấy gian nhà trong trang trại chỉ còn là một vệt đen ngòm. Lão đi đến chuồng chó. Con vật kéo lê chiếc xích. Lão thả nó ra. Lúc đó, con “Ngốn” nhảy dựng lên, và dừng lại đột ngột, lông dựng ngược, chân đứng thẳng, răng nhe ra, mũi hướng về phía đồng phân.

Ăng-toan run lấy bẫy từ đầu đến chân, nói lắp bắp: “Mày làm sao vậy, đồ chó bẩn?”. Và lão bước đến mấy bước, mắt sục sạo vào trong bóng đêm lơ mơ, bóng đêm nhợt nhạt trong sân nhà.

Lúc ấy, lão thấy một dáng người đang ngồi trên đồng phân!

Lão nhìn nó, lặng người vì kinh khiếp và lão thờ hồn hèn. Nhưng chợt lão nhận ra chiếc cán cây ba chĩa đang cắm xuống đất, cạnh lão, lão nhổ lên, và trong cơn điên dại vì sợ sệt, cơn điên dại thường biến những kẻ hèn nhát cũng trở nên dạn dĩ, lão nhảy bổ về phía nó, để xem xét.

Chính hắn, tên lính Phổ, hắn đã chui lên từ dưới đồng phân. Phân đã sưởi ấm hắn, và hồi sinh hắn. Hắn đã choàng dậy một cách vô ý thức, và hắn ngồi đó dưới lớp tuyết đang phủ lên người hắn mình mẩy hắn lấm lem những bùn và máu, hắn vẫn còn đờ đẫn vì cơn say, choáng váng vì cú đánh và kiệt sức vì vết thương.

Hắn nhận ra Ấng-toan, và quá thất kinh nên không hiểu chuyện gì, hắn gương đứng lên. Nhưng lão già, từ lúc nhận ra hắn, lão sôi bọt lên như con thú dại.

Lão nói líu ríu: “Chà! Đồ heo! Mày chưa chết! Mày sẽ đi tố cáo tao à... Chờ đấy... chờ đấy!”.

Và lão lăn xả vào tên lính Phổ, lấy hết sức của đôi tay, lão dùng cây ba chĩa về phía trước như cây giáo, và lão ấn mạnh vào ngực anh ta bốn mũi sắt nhọn, ngập đến cán.

Anh lính ngã ngửa người ra, vừa trút hơi thở cuối cùng, trong khi lão già rút vũ khí ra khỏi vết thương rồi lại đâm liên hồi vào bụng, vào bao tử, vào cổ họng, lão làm việc ấy như người mất trí, lão đâm vào cái xác còn thoi thóp từ đầu đến chân, máu chảy ra òng ọc.

Đoạn lão dừng tay lại, lão hụt hơi vì việc làm của lão quá quyết liệt, lão hít thở thật sâu, lòng cảm thấy nhẹ nhõm vì vụ thanh toán đã xong.

Lúc ấy, vì tiếng gà đã gáy vang trong chuông, và ngày mới sắp bắt đầu, lão bắt tay vào việc chôn xác nạn nhân.

Lão đào một cái hố trong đồng phân, và khi dụng đến đáy, lão lại đào sâu thêm nữa, lão làm việc ấy một cách hỗn độn, trong trạng thái cuồng bạo, với sự vận động điên cuồng của đôi tay và cả tấm thân của lão.

Khi cái hố đã khá sâu, lão lăn cái xác xuống dưới đó, và lão dùng cây ba chĩa xúc đất đắp lên, lão dùng chân nện một hồi lâu rồi đem phân về vị trí cũ, và lão mỉm cười khi

thấy tuyết dày đặc làm nổi công việc của lão, và xóa đi mọi dấu vết.

Đoạn lão cầm cây ba chĩa trên đồng phân, và trở vào nhà. Chai rượu còn một nửa đang ở trên bàn, lão tu một hơi cạn chai và ném mình xuống giường, và ngủ thiếp đi.

Lúc thức giấc, lão đã tỉnh rượu, đầu óc bình thản và sáng khoái, để có thể phân xét sự việc vừa qua, và dự đoán tình hình.

Một giờ sau, lão chạy khắp làng, và vừa hỏi khắp nơi tin tức của anh lính Phổ. Lão đi tìm các viên sĩ quan để hỏi tại sao họ bỏc anh lính của lão đi.

Vì mọi người đều biết mối quan hệ giữa hai người, nên không ai nghi ngờ gì lão; và thậm chí lão còn hướng dẫn cuộc tìm kiếm vì họ xác nhận rằng anh lính Phổ mỗi tối thường đi săn lùng phụ nữ.

Một viên hiến binh già đã về hưu, có một cô con gái đẹp, hiện đang làm chủ một quán trọ ở làng kế bên, bị bắt và bị xử bắn.

TRẦN THANH ÁI dịch

MỤ ĐIỀN

Tặng Rô-be đờ Bon-ni-e-rơ

Này, ông Ma-chơ Đăng-dô-lanh bắt đầu kể, mùa săn chim mỏ nhác làm tôi nhớ lại một giai thoại thảm thương về chiến tranh.

Các bạn đã biết cơ ngơi của tôi ở ngoại ô Cooc-may. Tôi sống ở đó lúc quân Phổ tiến vào.

Dạo ấy, cạnh nhà tôi có một bà như điên, đầu óc đã lú lẩn vì những vố bất hạnh. Ngày xưa, lúc hai mươi lăm tuổi, trong chỉ một tháng thôi, cha, chồng và đứa con sơ sinh của bà ta theo nhau chết cả.

Khi thần chết đã vào nhà ai một lần, thì nó luôn trở lại gần như tức thì, như thể nó đã quen lối.

Người phụ nữ trẻ đáng thương ấy bị quật ngã bởi phiền muộn, nằm liệt giường, hôn mê suốt sáu tuần lễ. Rồi sau đó, một thứ chán chường thâm lặng tiếp theo cơn khủng hoảng dữ dội đó, nên bà trở nên bất động, gần như không ăn uống gì, chỉ cử động đôi mắt mà thôi. Mỗi lần người ta muốn dựng bà dậy, bà thét la như thể sắp bị đem

đi giết. Vì vậy, họ để bà luôn luôn ở trong tư thế nằm, chỉ nhắc bà ra khỏi giường để bà làm vệ sinh và để thay nệm.

Một bà đầy tớ già luôn có mặt bên cạnh bà, thỉnh thoảng cho bà uống hoặc ngâm một ít thịt nguội. Cái gì đã xảy ra trong tâm hồn tuyệt vọng này? Người ta không bao giờ biết, vì bà không nói chuyện. Phải chăng bà nghĩ đến những người thân đã chết? Hay là bà tưởng nhớ vãn vợ, mà không có một kỷ niệm nào rõ rệt? Hay trí óc đã bị huỷ hoại của bà đã trở nên thụ động như nước hồ ao?

Trong mười lăm năm trời, bà sống khép kín và bất động như thế.

Rồi chiến tranh ập đến; và trong những ngày đầu tháng mười hai, quân Phổ tiến vào Cooc-may.

Tôi nhớ sự kiện này như thế nó vừa xảy ra ngày hôm qua. Trời băng giá ghê gớm, và chính tôi cũng phải nằm dài trên chiếc ghế phôi tôi, vì căn bệnh thấp khớp làm tôi tê liệt. Lúc ấy, tôi nghe tiếng bước chân nặng nề và nhịp nhàng của họ nện trên đường. Qua cửa sổ tôi trông thấy họ đi ngang.

Đoàn quân diễu hành dài vô tận, người nào cũng giống người nào, với động tác buồn cười đặc biệt của riêng họ, như những con rối. Rồi các vị chỉ huy phân công binh lính đến trọ ở nhà dân. Tôi nhận mười bảy người. Bà hàng xóm của tôi, mẹ diên ấy, nhận mười hai người, trong đó có một viên thiếu tá, một con người thô lỗ, dữ dằn và cau có.

Trong những ngày đầu, mọi việc diễn ra bình thường. Người ta đã báo cho viên sĩ quan ấy biết rằng người đàn bà ấy đang bệnh; và ông ta chẳng mấy quan tâm đến việc đó. Nhưng chẳng bao lâu sau, người đàn bà mà người ta chưa bao giờ gặp từ lâu nay, làm ông ta bức tức, ông hỏi thăm bệnh tình; người ta trả lời rằng bà chủ nhà đã nằm liệt giường từ mười lăm năm nay, sau một cơn muộn phiền dữ dội. Nhưng có lẽ ông ta chẳng tin gì chuyện ấy, và lại có ý nghĩ rằng người đàn bà mất trí đáng thương ấy không chịu rời khỏi giường vì lòng kiêu hãnh, để khỏi phải trông thấy binh lính Phổ, và khỏi phải trò chuyện với họ, khỏi phải tiếp xúc họ.

Ông ta yêu cầu bà tiếp đón ông; và người nhà của bà dẫn ông ta vào phòng. Ông ta hỏi bằng một giọng thật bất ngờ:

"Tôi yêu cầu bà ngồi dậy và từng lên để mọi người nhìn bà".

Bà nhìn ông ta với vẻ mặt mơ hồ, đôi mắt trống rỗng, và không đáp lại.

Ông ta lặp lại:

"Tôi sẽ không tha thứ tội hỗn láo đâu nhé. Nếu bà không tự nguyện từng lên, thì tôi sẽ bìm biện pháp bắt bà phải đi một mình".

Bà ta không nhúc nhích, vẫn nằm bất động, như thể bà không trông thấy hắn.

Hắn ta nổi khùng lên, và cho rằng sự im lặng ấy là biểu hiện của sự khinh bỉ tột cùng. Và hắn nói thêm:

"Ngày mai, nếu pà không chịu tưng lên..."

Đoạn hắn bỏ ra ngoài.

Ngày hôm sau, người tớ già thất kinh, muốn thay quần áo cho bà chủ; Nhưng bà ta bỗng gào thét lên, vừa vùng vẫy quyết liệt. Viên sĩ quan leo nhanh lên lầu, và người đầy tớ bỗng quỳ sụp xuống và la lên:

"Bà ta không muốn. Thưa ông, bà ta không muốn. Xin ông hãy tha thứ cho bà ấy; bà ta đã quá đau khổ rồi".

Hắn chợt bối rối; mặc dù đang giận dữ, nhưng hắn không dám sai lính kéo bà ta ra khỏi giường. Nhưng bỗng hắn cười phá lên và ra lệnh bằng tiếng Đức.

Và một chốc sau, người ta thấy một phân đội đi ra, họ khiêng một tấm khăn trải giường như người ta khiêng thương binh, trên đó, họ không hề thay đổi chi, và người đàn bà điên vẫn luôn im lặng, bình thản, và đứng đưng với mọi biến cố, chừng nào họ còn để cho bà ta nằm. Một người đi sau mang một gói quần áo phụ nữ.

Và viên sĩ quan vừa tuyên bố vừa xoa hai tay vào nhau:

"Chúng tôi sẽ ra tay nếu pà không chịu tự thay quần áo và tì đạo một tí".

Và người ta thấy đoàn người đi vào khu rừng I-mô-vin.

Hai giờ sau, khi có bọn lính trở lại.

Mọi người không còn gặp lại người đàn bà điên. Họ đã làm gì bà ta? Họ mang bà đi đâu? Mọi người không bao giờ biết điều ấy.

Bấy giờ tuyết rơi ngày đêm, chôn vùi cánh đồng và khu rừng dưới một lớp bột giá băng. Lũ chó sói tiến vào tận cửa mọi nhà mà tru tréo.

Ý nghĩ về người đàn bà mất tích luôn ám ảnh tôi và tôi đã chạy vạy mọi cách với nhà cầm quyền Phổ để biết tin tức của bà ta. Suýt tí nữa tôi bị đem đi xử bắn.

Mùa xuân trở lại. Đội quân chiếm đóng ra đi. Ngôi nhà của người láng giềng vẫn đóng im lìm; cỏ đã mọc đầy đặc trong các lối đi.

Người đầy tớ già đã chết trong mùa đông vừa qua. Không ai còn quan tâm đến vụ ấy nữa; chỉ mỗi mình tôi luôn nghĩ đến nó.

Họ đã làm gì người đàn bà ấy? Hay bà ta đã bỏ trốn vào rừng? Và người ta đã nhốt bà ở đâu đó, và giữ bà trong một bệnh viện, mà không biết gì về bà? Không một giả thiết nào làm dịu mối nghi ngờ của tôi; nhưng dần dần, thời gian cũng xoa dịu nỗi lo lắng của lòng tôi.

Thế rồi, vào mùa thu tiếp theo, chim mỗ nhác bay về hàng đàn; và vì căn bệnh thấp khớp để cho tôi được yên đôi chút, nên tôi cố lết ra đến khu rừng. Tôi đã giết được bốn năm con chim mỗ dài này, và một con rơi mất tầm vào một hầm đầy cành cây. Tôi buộc phải xuống đó để

nhặt con thú săn được. Tôi tìm thấy nó rơi gần một cái sọ người. Và thỉnh linh ký ức về người đàn bà điên áp đến trong ngực tôi như một cú đâm. Có lẽ có nhiều người khác đã chết trong khu rừng này, vào cái năm tai ương ấy; nhưng không hiểu tại sao, tôi tin chắc rằng, tôi cam đoan với các vị, tôi tin chắc rằng tôi đã gặp cái đầu của người đàn bà khốn khổ ấy.

Và tôi chợt hiểu ra, tôi chợt đoán ra tất cả. Bọn chúng đã bỏ bà ta trên chiếc khăn trải giường ấy, trong khu rừng lạnh lẽo và vắng vẻ; và vì trung thành với tư tưởng cố hữu của mình, bà ta để mặc cho cái chết mang mình đi, dưới lớp tuyết nhẹ như tơ, phủ đầy, và không thêm cử động chân tay.

Rồi lũ sói đến đánh chén xác bà ta.

Và chim chóc lấy tấm vải trải giường làm tổ.

Tôi giữ lại mẫu xương buồn thảm ấy. Và tôi mong muốn rằng con cháu chúng ta sẽ không bao giờ còn nhìn thấy chiến tranh nữa.

TRẦN THANH ÁI dịch

TRONG CHUYẾN ĐI

Tặng Gustave Toudouse

Khi rời Can thì toa tàu đã đầy; mọi người cùng trò chuyện, vì họ quen nhau cả. Khi đi ngang qua Ta-rút-công, có người nói: “Chính nơi đây đã xảy ra vụ giết người”. Và họ bắt đầu bàn luận về tên sát nhân kỳ diệu và không thể tóm được nó, từ hai năm nay, thỉnh thoảng hẳn cướp đi một mạng người đi đường. Mỗi người đều đưa ra nhiều giả thiết, nhiều ý kiến; các bà thì vừa nhìn ra màn đêm tối đen sau cửa kính vừa run, cứ nơm nớp sợ rằng một đầu người bất thần xuất hiện ở cửa. Và họ lại kể những chuyện kinh dị về những cuộc gặp gỡ xúi quẩy, những cuộc chạm trán với người điên trên một chuyến tàu nhanh, những giờ phút mặt đối mặt với một tay khả nghi nào đó.

Cánh đàn ông ai cũng có một giai thoại để tự hào về mình, người nào cũng đã từng làm cho tên bất lương nào đó phải khiếp đảm, đo ván, và đành thúc thủ, trong những tình huống diệu kỳ, với một sự mưu trí và gan dạ đáng khâm phục. Một vị bác sĩ nọ, cứ hàng năm lại đến nghỉ đông ở miền Nam nước Pháp, đến lượt ông cũng muốn kể một câu chuyện.

*

Tôi thì, ông ta nói, tôi chưa bao giờ may mắn được thử nghiệm lòng can đảm của mình trong những vụ tương tự như thế; nhưng tôi quen một người đàn bà, bà khách hàng của tôi, nay đã chết rồi, bà ta đã gặp một chuyện lạ lùng nhất, và cũng là một chuyện huyền diệu nhất, cảm động nhất trên đời.

Đó là một phụ nữ Nga, nữ Bá tước Ma-ri Ba-ra-nốp, một phụ nữ cao to, có một vẻ đẹp mê hồn. Các vị biết đàn bà Nga đẹp như thế nào rồi, hoặc ít ra đối với chúng ta là như thế, với chiếc mũi xinh xắn, cái miệng thanh tao, lại con mắt gần nhau có một màu sắc khó tả, một màu vàng xanh vừa xám, và với một vẻ duyên dáng lạnh lùng đến sắt đá! Họ có một cái gì đấy vừa dữ dằn vừa quyến rũ, vừa cao ngạo vừa dịu dàng, vừa tình cảm vừa nghiêm khắc rất dễ thương đối với đàn ông Pháp. Nghĩ cho cùng, có thể đó chỉ là sự khác biệt về chủng tộc và phong cách đã làm cho tôi thấy ở họ nhiều đặc điểm đến thế.

Từ nhiều năm nay, vị bác sĩ của bà ta đã thấy bà bị đe dọa bởi một chứng bệnh ở phổi, và đã cố gắng cho bà đến miền Nam nước Pháp; nhưng bà kiên quyết từ chối rời khỏi Pê-téc-bua. Thế rồi, mùa thu năm ngoái, thấy bà nguy ngập, bác sĩ phải báo cho chồng bà biết, ông ta lập tức ra lệnh cho bà phải đến Măng-tông⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Một thị trấn Pháp, nằm trên bờ biển Địa Trung Hải, sát biên giới Ý.

Bà đáp xe lửa, một mình một toa, những người phục dịch thì ở một toa khác. Bà ngồi tựa cửa, vẻ hơi buồn, ngấm nhìn cảnh đồng quê, làng mạc lướt qua, lòng cảm thấy quá lẻ loi, lạc lõng trong cuộc đời không con cái, gần như không họ hàng thân thích, với một ông chồng không còn tình yêu, một ông chồng đã vứt bà vào một xó trần gian như thế, chẳng thèm đến với bà, như thể người ta thường ném một tên đầy tớ bệnh tật vào nhà thương.

Khi đến mỗi ga, người đầy tớ tên I-van đến hỏi xem bà có cần gì không. Đó là một gia nhân già tận tụy một cách mù quáng, sẵn sàng thi hành mọi mệnh lệnh mà bà ban ra. Đêm xuống, con tàu chạy hết tốc lực. Bà không thể ngủ được, vì uể oải đến cực độ. Chợt bà nghĩ đến chuyện đếm số tiền mà chồng bà đã trao lại vào giờ phút chót, số tiền vàng của Pháp. Bà mở chiếc xách tay nhỏ ra, và trút lên đầu gối dòng kim loại óng ánh ấy.

Nhưng thỉnh thoảng luồng gió lạnh quất vào mặt bà. Bà kinh ngạc ngẩng đầu lên. Chiếc cửa vừa mở ra. Nữ bá tước Ma-ri thất kinh ném vội chiếc khăn choàng lên đồng tiền vương vãi trên áo váy, và chờ đợi. Vài giây trôi qua, rồi một người đàn ông xuất hiện, đầu để trần, tay bị thương, mồ hôi hỏn hển, vận y phục chỉnh tề. Hắn đóng cửa lại, ngồi xuống, nhìn bà bằng ánh mắt long lanh, đoạn lấy khăn băng cổ tay đang chảy máu lại.

Người phụ nữ trẻ ấy cảm thấy điếng hồn vì sợ. Chắc chắn rằng gã đàn ông này đã thấy bà đang đếm tiền, và hắn đến để cướp và giết bà đây.

Hắn nhìn bà đắm đắm, vừa thờ hồn hển, gương mặt căng thẳng, có lẽ sẵn sàng nhảy bổ vào bà.

Chợt hắn nói:

"Thưa bà, xin bà đừng sợ"

Bà không trả lời gì cả, vì không thể mở miệng ra được, và nghe ngực đập liên hồi, tai ù lên.

Hắn tiếp:

"Tôi không phải là kẻ bất lương, thưa bà".

Bà vẫn không nói chi cả nhưng trong một cử chỉ đột ngột, khi hai đầu gối khép lại, số tiền vàng chợt tuôn xuống thảm, như nước tuôn từ máng xối.

Gã đàn ông kinh ngạc nhìn dòng suối kim loại ấy, và thình lình hắn cúi xuống để nhặt chúng lên.

Hoảng hốt, bà vội đứng lên, ném xuống sàn cả gia sản của mình, và bà chạy đến cửa để nhảy bổ xuống đường. Nhưng hắn hiểu bà định làm gì, hắn nhào người đến, ôm lấy bà, rồi ấn bà ngồi xuống, và giữ cổ tay bà. "Hãy nghe tôi nói, thưa bà, tôi không phải là kẻ bất lương, và bằng chúng là tôi nhặt số tiền này để trả lại cho bà. Nhưng tôi sẽ mất mạng, nếu bà không giúp tôi vượt qua biên giới. Tôi không thể nói với bà nhiều hơn nữa được. Một giờ nữa đây, chúng ta sẽ đến ga nước Nga, một giờ hai mươi phút nữa, chúng ta sẽ vượt qua biên giới của Đế chế. Nếu bà không cứu tôi, tôi sẽ chết mất. Tuy nhiên, thưa bà, tôi không hề giết người, trộm cắp, không hề làm điều gì trái

với danh dự. Tôi xin thế với bà như vậy. Tôi không thể nói với bà nhiều hơn nữa được".

Và hân quý xuống nhặt tiền vàng vung vãi dưới băng ngồi và tìm kiếm những đồng tiền lẫn lóc đằng xa. Đoạn, khi chiếc xách tay nhỏ bằng da đã đầy trở lại, hân trao lại cho bà, không nói một tiếng, và hân quay lại ngồi vào một xô trong toa xe.

Cả hai người không ai cử động. Bà ngồi bất động và câm lặng, vẫn còn đống hồn vì sợ, nhưng dần dần bà cũng tỉnh táo lại. Còn hân, hân không động đậy không nhúc nhích; hân ngồi thẳng người, đôi mắt nhìn đăm đăm, mặt mày nhợt nhạt như thể chết rồi. Thỉnh thoảng, bà ném về phía hân một ánh mắt đột ngột, rồi vội vã quay sang chỗ khác. Đó là một gã đàn ông khoảng ba mươi tuổi, rất đẹp trai, có dáng dấp của một người quý tộc.

Con tàu vẫn chạy trong bóng tối, ném vào màn đêm những tiếng kêu xé tai, đôi khi nó chậm bước lại, rồi vọt lên hết tốc độ. Nhưng thỉnh thoảng nó hãm đà: rúc còi nhiều lần, rồi dừng phát lại.

I-van hiện ra ở cửa để nhận lệnh.

Nữ bá tước Ma-ri dò xét người khách đồng hành kỳ lạ một lần nữa, rồi với giọng run run bất chợt, bà nói với người đầy tớ:

"I-van, bác quay lại với bá tước đi. Tôi không cần bác nữa".

Người đầy tớ chưng hửng, mở to đôi mắt. Lão áp úng:

"Nhưng... thưa lệnh bà".

Bà nói tiếp:

"Không, bác sẽ không đến đó nữa. Tôi đã đổi ý. Tôi muốn bác ở lại nước Nga. Đây, đây là lộ phí đi về. Đưa mũ và áo khoác của bác đây".

Người gia nhân già hốt hoảng vội giở mũ và cởi áo măng tô ra, lão luôn tuân lệnh mà không trả lời chi, vì đã quen với những ý muốn bất ngờ và những cơn trở chứng không thể cưỡng lại được của các chủ nhân. Và lão ra đi, nước mắt đầy tròng.

Con tàu lại lên đường, tiến về hướng biên giới.

Thế rồi nữ bá tước Ma-ri nói với người bên cạnh:

"Những thứ này dành cho ông, thưa ông. Ông là I-van, người hầu của tôi. Tôi chỉ ra một điều kiện cho việc tôi làm: đừng bao giờ trò chuyện với tôi, đừng nói với tôi một tiếng nào, dù là để cảm ơn hoặc để làm gì đi nữa".

Kẻ lạ mặt gật đầu không nói một lời.

Chẳng mấy chốc con tàu lại dừng nữa, và các nhân viên mặc đồng phục lên tàu. Nữ bá tước chìa các giấy tờ cho họ xem bà vừa chỉ người đang ngồi thẳng góc toa xe, vừa nói:

"Đó là I-van, gia nhân của tôi, giấy thông hành của anh ta đây".

Con tàu lại lên đường.

Suốt đêm ấy, họ ngồi mặt đối mặt với nhau, cả hai đều nín lặng.

Rạng sáng, khi đoàn tàu vào nhà ga nước Đức, kẻ lạ mặt bước xuống, rồi đứng ở cửa và nói:

“Hãy tha lỗi cho tôi, thưa bà, vì không giữ lời hứa; nhưng tôi đã lấy mất người đầy tớ của bà, nên đúng lý ra tôi phải thế chỗ anh ta. Bà có cần gì không?” .

Bà lạnh lùng đáp:

“Đi tìm cô hầu phòng cho tôi”.

Hắn đi ngay rồi biến mất.

Khi xuống một quây nước gần đây, bà thoáng thấy anh ta ở đằng xa đang nhìn bà. Rồi họ đến Măng-tông.

II

Vị bác sĩ im lặng một giây, rồi nói tiếp.

Một hôm, khi tiếp bệnh nhân ở phòng mạch, tôi thấy một gã thanh niên cao to bước vào và nói:

“Thưa bác sĩ, tôi đến hỏi bác sĩ tin tức của nữ bá tước Ma-ri Ba-ra-nốp. Mặc dù bà ta không hề biết tôi, nhưng tôi là bạn của chồng bà”.

Tôi trả lời:

"Bà ấy không qua khỏi được. Bà ta sẽ không trở về Nga nữa".

Và đột nhiên người đàn ông này oà lên khóc nức nở, rồi anh ta đứng dậy và lảo đảo đi ra như người say.

Ngay tối hôm ấy, tôi báo cho bà biết rằng có một kẻ lạ mặt đến hỏi thăm tôi về tình hình sức khoẻ của bà. Bà lộ vẻ xúc động và kể cho tôi nghe cả câu chuyện mà tôi vừa kể cho các vị. Bà nói thêm:

"Người đàn ông ấy, mà tôi chẳng hề quen biết, hiện đang theo đuổi tôi như hình với bóng, cứ mỗi lần bước ra ngoài là tôi đều gặp phải anh ta; anh ta nhìn tôi một cách kỳ lạ, nhưng không hề trò chuyện với tôi".

Bà suy nghĩ, đoạn nói thêm:

"Này, tôi đánh cược rằng anh ta đang ở dưới cửa sổ tôi".

Bà rời chiếc ghế dài, đến vén màn cửa và quả nhiên, bà chỉ cho tôi thấy người đàn ông đã đến tìm tôi, anh ta đang ngồi ở một chiếc ghế đá ven đường, đôi mắt hướng về khách sạn. Thấy chúng tôi, anh ta đứng lên và bỏ đi không ngoái đầu lại một lần.

Thế là tôi chứng kiến một câu chuyện lạ lùng và đau khổ, một mối tình cảm lặng của hai con người không hề quen biết nhau.

Anh ta, anh ta yêu bà bằng một tấm lòng tận tụy của một con vật được cứu mạng, biết ơn và trung thành cho đến chết. Hằng ngày, anh ta đến hỏi tôi:

"Bà ấy có đỡ không?", vì hiểu rằng tôi đã đoán ra anh ta là ai. Và anh ta khóc lóc thảm thiết khi thấy bà ấy mỗi ngày cứ yếu ớt hơn, xanh xao hơn.

Bà nói với tôi:

"Tôi chỉ nói chuyện với anh ta có một lần, với con người lạ lùng ấy, nhưng tưởng chừng như tôi đã quen anh ta từ hai mươi năm nay".

Và khi họ gặp nhau, bà đáp lại cái chào của anh bằng một nụ cười nghiêm nghị và quyến rũ. Tôi cảm thấy bà rất hạnh phúc, người đàn bà bị ruồng rẫy và biết mình sắp chết ấy, tôi cảm thấy bà rất hạnh phúc vì được yêu như thế, với một sự kính trọng và bền bỉ như thế, với một sự thơ mộng dạt dào như thế, với một lòng trung thành sẵn sàng làm mọi chuyện. Và tuy vậy, luôn luôn giữ tính khí bướng bỉnh của người đàn bà cuồng nhiệt, bà ta tuyệt vọng từ chối gặp anh, biết tên tuổi anh, bà tiếp chuyện với anh. Bà nói: "Không, không, như thế sẽ làm hỏng tình bạn kỳ lạ này. Hai chúng tôi phải xa lạ với nhau".

Còn anh ta, chắc rằng anh ta cũng là một loại Đông ki-sốt, vì anh chẳng làm gì để tiếp cận bà, anh ta muốn giữ đến cùng lời hứa hẹn phi lý là không bao giờ nói chuyện với bà ta, mà anh đã hứa trên xe lửa.

Trong những giờ phút kiệt quệ, bà thường đứng lên khỏi ghế dài bà đến hé màn để xem anh ta có ngồi dưới cửa sổ phòng bà không. Và khi đã thấy anh ta vẫn ngồi bất động trên ghế đá, bà trở lại nằm xuống, đôi môi nở một nụ cười.

Một buổi sáng nọ, khoảng mười giờ bà chết. Lúc tôi bước ra khỏi khách sạn, anh ta chạy lại tôi, mặt mày bồn loạn, anh ta đã biết tin bà ta. Anh nói:

"Tôi muốn được nhìn bà ấy một giây, trước mặt ông".

Tôi nắm tay anh ta và trở vào nhà.

Khi đến trước giường của người chết anh nắm lấy bàn tay của bà và hôn lên đấy một hồi lâu, rồi anh ta vùng bỏ chạy như người mất trí.

*

Vị bác sĩ lại im lặng, rồi nói tiếp:

Quả đây là một câu chuyện gặp gỡ trên xe lửa lạ lùng nhất mà tôi được biết. Cũng phải nói rằng bọn đàn ông chúng ta là những kẻ điên rồ đến nực cười".

Một phụ nữ thì thào:

"Hai kẻ ấy không điên rồ đến như ông tưởng đâu.

Họ là, họ là..."

Nhưng bà ta không thể nói được nữa, vì bà oà lên khóc. Để trấn tĩnh bà, mọi người bèn thay đổi câu chuyện, nên không ai biết được bà ta định nói gì

TRẦN THANH ÁI dịch

BEC-TƠ

Ông bạn già của tôi (đôi khi người ta có bạn già hơn mình rất nhiều) là bác sĩ Bo-nê thường mời tôi đến Riom chơi với ông một thời gian. Tôi chưa hề biết vùng Ô-véc-nơ là gì, nên tôi quyết định đến thăm ông ta vào khoảng giữa mùa hè năm 1876.

Tôi đến đấy, trên một chuyến xe sáng, và khuôn mặt đầu tiên mà tôi bắt gặp trên bến nhà ga là khuôn mặt của vị bác sĩ. Ông ta vận đồ xám, đầu đội mũ đen, tròn, bằng da mềm, vành rộng chóp mũ rất cao, và túm lại như ống khói lò sưởi, một thứ mũ của vùng Ô-vec-nơ thực thụ, làm ta có cảm giác như đó là một gã đốt than. Ăn vận như thế, viên bác sĩ có vẻ như một thanh niên già cỗi, với thân hình mảnh mai trong bộ vét màu sáng, và cái đầu to tướng bạc trắng.

Anh ta ôm chầm lấy tôi với nỗi vui mừng lộ rõ ra mặt mà người dân tỉnh lẻ thường có mỗi khi thấy bạn bè thân thiết lâu ngày đến chơi, và vừa dang tay ra anh vừa kêu lên đầy tự hào: "Đây là Ô-véc-nơ!". Tôi chỉ thấy phía trước mặt là một dãy núi mà những đỉnh của nó giống như

những chóp cụt, có lẽ ngày xưa chúng là những ngọn núi lửa.

Đoạn, đưa ngón tay lên chỉ hàng chữ được vẽ lên mặt tiền của nhà ga, anh trịnh trọng nói: "Riom, quê hương của các thẩm phán, niềm tự hào của nền pháp luật, và có lẽ đúng hơn, là quê hương của thầy thuốc".

Tôi hỏi: "Sao vậy?"

Anh trả lời vừa cười: "Tại sao à? Anh hãy đảo ngược tên của nó lại, và anh có chữ: "mori" có nghĩa là chết... Anh bạn trẻ ạ, chính vì thế mà tôi đóng đô ở xứ này. Và đặc ý vì câu khôi hài của mình, anh ta vừa xoa tay vừa kéo tôi đi.

Khi đã uống xong một tách cà phê sữa, chúng tôi đi thăm thành phố cổ. Tôi ngắm nghía ngôi nhà của viên được sĩ, và những ngôi nhà nổi tiếng khác, màu đen, xinh xắn như những món hàng mỹ nghệ, với mặt tiền bằng đá được chạm trổ. Tôi ngắm nghía bức tượng Mẹ Đồng Trinh, bà tổ của giới hàng thịt, và về đề tài này thậm chí tôi còn nghe được cả một câu chuyện về cuộc phiêu lưu buồn cười, mà tôi sẽ kể lại vào một hôm khác. Đoạn, bác sĩ Bo-nê bảo tôi: "Bây giờ, tôi xin anh năm phút để ghé thăm một nữ bệnh nhân, và sau đó tôi sẽ dẫn anh lên đồi Sa-ten Guy-dông, để cho anh thấy tổng quan của thành phố, và cả rặng núi Puy-đờ Đôm⁽¹⁾ trước khi ta dùng bữa.

⁽¹⁾ Một địa danh nổi tiếng, sát thành phố Clermont Ferran

Anh có thể đứng đợi tôi ở vỉa hè, vì tôi lên một tí rồi xuống ngay thôi.

Anh ta để tôi đứng đợi trước một khách sạn tỉnh lẻ cổ kính, u ám, im lìm, lặng lẽ và ảm đạm. Hơn nữa, đối với tôi, cái khách sạn này có một vẻ mặt thảm hại đặc biệt, và chẳng mấy chốc tôi đã khám phá ra nguyên nhân. Tất cả những cửa sổ lớn của tầng một đều được che phân nửa, bởi những tấm sáo bằng gỗ dày. Chỉ có phần trên còn để mở, như thể người ta muốn ngăn cản những kẻ bị giam cầm trong cái hộp đá khổng lồ ấy không được trông ra đường.

Khi viên bác sĩ trở xuống, tôi cho anh biết nhận xét của tôi. Anh trả lời: "Anh không lầm đâu, con người đáng thương bị nhốt trong ấy không bao giờ được nhìn thấy những gì đang diễn ra ở bên ngoài. Đó là một bà điên, hoặc đúng hơn, là một người ngớ ngẩn, hoặc đúng hơn nữa, là một người giản đơn, mà, dân Nooc-măng-đi các anh thường gọi là "kẻ dở hơi".

"Chà! thế này, đây là một câu chuyện bi ai, và đồng thời cũng là một bệnh trạng kỳ lạ. Anh có muốn tôi kể lại chuyện này không?"

Tôi ưng thuận ngay. Anh ta nói tiếp:

"Thế này. Cách nay hai mươi năm, ông bà chủ khách sạn này, là thân chủ của tôi, có một đứa con, một bé gái như tất cả những bé gái khác. Nhưng chẳng bao lâu sau, tôi nhận thấy rằng, nếu cơ thể của cô bé phát triển tuyệt vời, thì trí thông minh của cô ta lại trở ra.

Cô bé biết đi rất sớm, nhưng cô tuyệt đối không nói được. Ban đầu, tôi cứ ngỡ là cô ta điếc; nhưng sau đó, tôi xác định rằng cô ta có khả năng nghe hoàn hảo, nhưng không hiểu gì hết. Những tiếng động mạnh làm cô giật mình, hoảng hốt, nhưng cô không hiểu vì sao.

Cô lớn lên; cô lộng lẫy và cảm lạnh, cảm lạnh vì thiếu trí thông minh. Tôi đã cố bằng mọi cách để nhét vào đầu cô một tia sáng trí tuệ mong manh; nhưng không có cách nào thành công. Tôi đã tưởng rằng cô ta đã có thể nhận ra người nuôi dưỡng mình; Nhưng một khi đã dứt sữa, cô không còn nhận ra mẹ cô nữa. Cô không bao giờ biết nói tiếng: "Mẹ!" cái tiếng mà những đứa bé tập tễnh nói lần đầu tiên trong cuộc đời, và những người lính thì thào lần cuối cùng trong cơn hấp hối trên bãi chiến trường. Đôi khi, cô ta cố bập bẹ, oa oa, ngoài ra không biết gì khác hơn".

Khi đẹp trời, cô cười luôn miệng, vừa thốt lên những tiếng kêu khê khàng mà ta có thể ví với tiếng líu lo của chim chóc; khi trời mưa, cô ta khóc lóc và rên rĩ một cách náo nức, ghê rợn, giống như tiếng tru tréo của loài chó khi có người vừa lìa đời.

Cô bé thích lăn lộn trên cỏ theo kiểu của các con thú non, và vụt chạy như một bà điên; và mỗi sáng, khi thấy ánh nắng tràn vào phòng, cô bé vui mừng vỗ tay. Khi người ta mở cửa sổ phòng cô, cô nằm trên giường vừa vùng vẫy và vỗ tay, để người ta thay đồ cho cô ngay tức khắc.

Mặt khác, dường như cô không thể phân biệt được mọi người trong nhà, giữa mẹ cô và chị ở, giữa cha cô và tôi, giữa bác đánh xe và chị bếp.

Tôi quý cha mẹ cô ta, những người quá đôi bất hạnh, và gần như ngày nào tôi cũng đến thăm họ. Tôi cũng rất thường ăn tối ở nhà họ, và điều đó cho phép tôi nhận thấy rằng Bec-tơ (người ta đặt tên cho cô là Bec-tơ) dường như nhận ra các món ăn, và thích món này hơn món kia.

Dao ấy, cô ta được mười hai tuổi. Nhưng cô ta đã đầy đặn như một cô gái mười tám tuổi, và cao lớn hơn tôi.

Vì thế, tôi chợt nghĩ đến việc kích thích tính háo ăn của cô, và bằng cách này, tôi thử nhét vào đầu cô khái niệm về những sự dị biệt nho nhỏ, những sự khác nhau về vị giác, về mùi vị, nếu không nhờ ở lý trí thì ít ra cũng có thể nhờ bản năng để giúp cô phân biệt được, và những thứ ấy sẽ có thể tạo thành một thứ hoạt động vật chất của tư duy.

Sau đó, khi khơi dậy những đam mê của cô ta, và khi chọn lựa kỹ càng những thứ đam mê nào có thể giúp ích chúng tôi, chúng tôi sẽ có thể đạt được một thứ phản ứng ngược lại từ cơ thể đến trí tuệ, và dần dần nâng lên hiệu quả hoạt động âm thầm của não bộ của cô.

Vì vậy, một hôm, tôi đặt trước mặt cô ta hai đĩa, một đựng xúp, một đựng kem va-ni thật ngọt. Và tôi cho cô ta lần lượt nếm thử từng đĩa một. Đoạn, tôi để cô tự do chọn lựa. Cô ta ăn đĩa kem.

Trong một khoảng thời gian ngắn, tôi biến cô trở thành một người rất tham ăn, tham ăn đến độ dường như trong đầu cô không có gì khác ngoài ý nghĩ, hoặc đúng hơn, lòng ham muốn được ăn. Cô nhận diện các món ăn một cách tuyệt vời, cô chìa tay ra với những món mà cô thích, và ăn ngấu ăn nghiêng. Khi người ta lấy thức ăn đi thì cô khóc lóc. Thế rồi, tôi nghĩ đến việc dạy cô đến phòng ăn khi nghe tiếng chuông rung. Công việc này mất nhiều thời gian; tuy nhiên tôi cũng đã đạt được. Rõ ràng rằng trong trí óc mơ hồ của cô có một mối quan hệ hỗ tương giữa âm thanh và vị giác, nghĩa là một mối liên quan giữa hai giác quan, giác quan này kêu gọi giác quan kia, và vì thế, đó là một thứ liên tưởng - nếu ta có thể gọi cái thứ gạch nối bản năng giữa hai cơ quan chức năng này là ý tưởng.

Tôi còn đưa những thí nghiệm của tôi xa hơn nữa và tôi đã dạy cô ta - với biết bao là khó nhọc! nhận ra giờ ăn trên mặt đồng hồ treo tường.

Trong một thời gian khá lâu, tôi bất lực trước việc gây cho cô ta niềm thích thú với các chiếc kim đồng hồ, nhưng tôi cũng thành công trong việc giúp cô lưu ý đến tiếng chuông điểm giờ. Biện pháp áp dụng thật đơn giản: tôi đem giấu cái chuông rung và khi chiếc búa nhỏ bằng đồng điểm mười hai giờ, thì mọi người đứng lên đi ngồi vào bàn ăn.

Chẳng hạn, tôi đã cố gắng một cách vô vọng để dạy cho cô đếm tiếng gõ. Mỗi khi cô nghe âm thanh ấy cô bỏ

nhào về phía phòng ăn; Nhưng rồi dần dần, cô cũng hiểu được rằng những tiếng chuông ấy không có cùng một ý nghĩa đối với bữa ăn, và mắt cô được đôi tai hướng dẫn, luôn luôn dán chặt vào mặt đồng hồ.

Khi nhận thấy thế, mỗi ngày vào giữa trưa và sáu giờ chiều, tôi cẩn thận đến đặt ngón tay vào con số 12 và 6, liền ngay khi thời điểm mà cô chờ đợi đã đến; và chẳng mấy chốc tôi nhận ra rằng cô ta chăm chú theo dõi sự di chuyển của những chiếc kim bằng đồng mà tôi đã thường cho nó quay trước mặt cô.

Cô ta đã hiểu? Đúng hơn, tôi phải nói rằng: Cô ta đã nắm bắt được. Tôi đã thành công trong việc cấy vào đầu cô sự hiểu biết, hoặc đúng hơn, cảm giác về giờ giấc, cũng như người ta đã thành công khi tập cho cá chép ăn mỗi ngày, đúng vào một giờ nhất định, mà không dùng đến đồng hồ.

Một khi đã đạt được kết quả ấy, thì tất cả đồng hồ có sẵn trong nhà đều làm cô ta chăm chú cực kỳ. Cô ngồi suốt ngày để nhìn chúng, lắng nghe chúng, và chờ đợi giờ ăn đến. Thậm chí đã xảy ra một việc khá buồn cười. Bộ phận đánh chuông của chiếc đồng hồ kiểu Lui XVI treo ở đầu giường cô ta bị rối, cô ta nhận ra điều đó. Cô chờ đồng hồ báo mười giờ từ hai mươi phút trước đó, mắt dán chặt vào chiếc kim. Nhưng khi cây kim đã qua khỏi con số mà cô không nghe thấy gì, cô bỗng hốt hoảng, hốt hoảng đến độ cô ngồi phệt xuống, có lẽ trong lòng bị xáo trộn bởi những xúc động dữ dội, như khi ta đứng trước những

tai ương vô vãn, và cô ngồi lì trước cái đồng hồ với một lòng kiên nhẫn kỳ lạ, cho đến mười một giờ, để nhìn xem cái gì sẽ xảy ra. Dĩ nhiên là cô lại không nghe thấy gì; thế là cô ta bị xâm chiếm hoặc bởi một cơn nổi giận điên cuồng của kẻ bị đánh lừa và bị nhụt chí, hoặc bởi một nỗi kinh hoàng của một sinh vật bị hốt hoảng trước một sự việc huyền bí đáng sợ, hoặc bởi lòng nôn nóng điên cuồng của một con người đam mê gặp phải mọi chướng ngại nào đấy, cô bèn chộp lấy cái kẹp cờ than lò sưởi và đập chiếc đồng hồ mạnh đến nỗi chỉ trong một giây, nó đã bể ra thành từng mảnh.

Vậy là não bộ của cô hoạt động, tính toán, dĩ nhiên là bằng một cách mơ hồ, và trong một giới hạn rất hẹp, vì tôi không thành công trong việc giúp cô ta phân biệt con người như cô đã phân biệt giờ giấc. Để cho cô có một sự vận động trí tuệ, tôi phải khêu gợi đến những đam mê của cô, với ý nghĩa vật chất của từ này.

Chẳng bao lâu, chúng tôi đã có một chứng cứ khác, nhưng than ôi thật là khủng khiếp.

Cô ta trở nên lộng lẫy; đó quả thật là một mẫu người lý tưởng, một thứ nữ thần sắc đẹp đáng kinh ngạc và ngốc nghếch.

Bấy giờ cô ta mười sáu tuổi, và hiếm khi nào tôi được thấy một thân hình hoàn hảo, một đường nét uyển chuyển và cân đối đến như vậy. Tôi nói đó là một nữ thần sắc đẹp, vàng, một nữ thần sắc đẹp tóc vàng đầy đặn, tràn đầy sinh lực, với đôi mắt to trong sáng và vô tư, xanh như hoa gai,

và chiếc miệng rộng với đôi môi tròn mọng, một cái miệng của kẻ háu ăn, của kẻ đam mê nhục dục, một cái miệng dành cho những nụ hôn.

Thế là, một buổi sáng nọ, cha cô ta đến nhà tôi với gương mặt lạ thường, và vừa ngồi xuống, không kịp đáp lại lời chào của tôi, ông ta nói:

“Tôi đến nói với ông một việc vô cùng hệ trọng. Ta có thể... có thể gả Bec-tơ được không?”

Tôi giật nảy người vì kinh ngạc, và kêu lên:

“Gả Bec-tơ? Nhưng không được đâu ông ta nói tiếp: “Vâng... tôi biết... Nhưng thưa bác sĩ, ông hãy nghĩ xem... chính vì... có lẽ... chúng tôi đã hy vọng... nếu cháu nó có con... có thể đó sẽ là một cú chấn động mạnh mẽ, một niềm hạnh phúc lớn lao và... biết đâu rằng trí óc của cháu sẽ thức dậy trong tình mẫu tử?”.

Tôi vô cùng bối rối. Đúng vậy. Có thể cái điều quá mới lạ này, cái bản năng đáng khâm phục của các bà mẹ vẫn luôn pháp phông trong con tim của loài thú cũng như của phụ nữ, cái bản năng đã khiến con gà mái lao mình vào trước mõm chó để bảo vệ đàn con, bản năng ấy sẽ dẫn đến một cuộc cách mạng một sự đảo lộn trong cái đầu ù lì này, và sẽ làm cho bộ máy bất động của trí tuệ này hoạt động.

Và lại tôi cũng nhớ ngay một kinh nghiệm bản thân. Vài năm trước đây, tôi có nuôi một con chó săn nhỏ, nó ngốc nghếch đến nỗi tôi chẳng nhờ vả được gì ở nó. Rồi

nó có con, và trong một thời gian ngắn, nó trở nên bình thường như những con chó bình thường khác.

Vừa thoáng nhận ra khả năng này, lập tức trong lòng tôi nảy nở niềm mong muốn gả Bec-tơ, không phải vì tình bạn của tôi đối với cô ta và cha mẹ cô, mà vì tính tò mò khoa học. Chuyện gì sẽ xảy ra?

Đó là một bài toán lạ-kỳ!

Vì thế, tôi trả lời cha cô ta:

"Có lẽ ông có lý... ta có thể thử xem. Thử... nhưng... nhưng... ông sẽ không bao giờ tìm được một cậu thanh niên nào chấp nhận tình trạng này".

Ông ta hạ giọng nói:

"Tôi đã có người"

Tôi kinh ngạc và ấp úng: "Một người sạch sẽ?... một người trong giới của ông chứ?... "

Ông ta trả lời: "Vâng, hoàn hảo"

- Chà! Và... tôi có thể biết tên anh ta được chứ?

- Tôi đến đây để nói cho ông biết điều đó, và để tham khảo ý kiến ông. Đó là ông Cát-tông duy Boa đờ Luy-xen.

Tôi suýt kêu lên: "Thằng khốn nạn đó à? Nhưng ghìem lại được, và sau một lúc im lặng, tôi nói chậm rãi:

"Vâng, khá lắm. Tôi chẳng thấy điều chi bất lợi".

Người đàn ông tội nghiệp ấy siết chặt tay tôi, và nói: "Chúng tôi sẽ gả cháu vào tháng tới".

Ông Gát-tông duy Boa đồ Luy-xen là một tay vô loại trong một gia đình giàu có, vì đã ăn hết số tiền thừa kế do cha để lại, và đã mang nợ nần do nghìn cách chi tiêu thô鄙, nên hắn ta tìm một phương kế mới bất kỳ nào, để moi tiền.

Và hắn đã tìm ra cách này.

Bảnh trai, tràn trề sinh lực, nhưng lại tác táng, một hạng người trác táng dề tiện ở tỉnh lẻ, hắn hứa hẹn sẽ trở thành một người chồng hờm hĩnh mà người ta sẵn sàng tống khứ ngay sau đó với một món tiền cấp dưỡng.

Hắn đến ngôi nhà này để tán tỉnh và xum xoe trước mặt cô gái trẻ đẹp nhưng dân dộn này, nhưng lại có vẻ hợp nhãn hắn. Hắn mang hoa đến, hôn tay cô, ngồi xuống dưới chân cô, và nhìn cô bằng đôi mắt triu mến; Nhưng cô chẳng để ý gì đến sự săn đón của hắn, và không hề phân biệt được hắn ta với những người khác đang sống chung quanh cô ta.

Rồi đám cưới được tiến hành.

Anh có biết trí tò mò của tôi tập trung ở đâu không?

Ngày hôm sau tôi đến thăm Bec-tơ, để rình xem trên gương mặt cô ta có thể hiện điều gì rung động trong lòng không. Nhưng tôi vẫn thấy cô giống như mọi hôm, lúc nào cũng chỉ quan tâm đến chiếc đồng hồ và bữa ăn. Còn hắn, ngược lại, hắn có vẻ mê mẩn, và tìm cách kích thích sự vui vẻ và âu yếm của vợ bằng những trò vật vãnh và nũng nịu mà người ta thường làm với những tình nhân trẻ.

Hắn cũng chẳng tìm được gì khác hơn.

Thế rồi tôi bắt đầu lui tới thường xuyên với cặp vợ chồng mới, và chẳng mấy chốc tôi nhận ra rằng người đàn bà trẻ đẹp ấy biết nhận ra chồng mình, và thường ném về phía anh ta những tia mắt thèm khát mà trước kia cô ta chỉ có đối với những món ăn ngọt.

Cô theo dõi những động tác của chồng, phân biệt bước chân của hắn trên cầu thang hay trong phòng bên cạnh, và vỗ tay khi hắn bước vào phòng, gương mặt đổi sắc của cô ánh lên một ngọn lửa khát khao và hạnh phúc sâu sắc.

Cô ta yêu hắn bằng cả thể xác lẫn tâm hồn, cái tâm hồn tàn tật đáng thương ấy, với cả con tim, con tim tội nghiệp của loài thú biết ơn.

Đó quả thật là một hình ảnh đáng khâm phục và ngây ngô của sự đam mê bình dị, của thú đam mê xác thịt, nhưng thánh thiện, như khi tạo hoá đã đặt nó vào các loài sinh vật trước khi loài người làm cho nó phức tạp và biến dạng đi bằng tất cả những sắc thái của tình cảm.

Nhưng hắn nhanh chóng chán nản cái sinh linh đẹp đẽ và nồng nhiệt, nhưng câm lặng ấy. Ban ngày, hắn chỉ còn ở bên cô vài giờ đồng hồ, vì cho rằng dành cho cô trọn đêm là đã đủ rồi.

Và cô bắt đầu đau khổ.

Cô chờ đợi hắn, từ sáng đến tối, mắt luôn dán chặt vào chiếc đồng hồ treo tường, bây giờ cô ta không còn

quan tâm đến giờ ăn nữa, vì hắn luôn ăn ở ngoài, ở Clec-mông, ở Sa-ten Guy-đông, ở Roa-da, ở bất cứ nơi nào để không phải trở về nhà.

Mọi ý nghĩ khác, mọi ham muốn khác, mọi chờ đợi khác, mọi hy vọng mơ hồ khác đều biến mất trong đầu cô; và những lúc mà cô không nhìn thấy hắn, trở thành khoảng thời gian đau khổ tột cùng. Chẳng bao lâu sau, hắn ta không về nhà ngủ nữa. Hắn ở suốt đêm bên sông bạc ở Roa-da với bọn gái chơi, và chỉ trở về nhà khi bình minh vừa hé dạng.

Cô không chịu lên giường nằm trước khi hắn trở về. Cô ngồi bất động trên ghế, mắt như mòng lung vào những chiếc kim bé tí bằng đồng đang xoay, xoay chậm chạp và đều đặn, quanh mặt số bằng sứ.

Cô ta nghe tiếng vó ngựa xa xăm và bật đứng lên, rồi, khi hắn bước vào phòng, bằng một cử chỉ ma quái, cô đưa ngón tay chỉ lên đồng hồ, như thể muốn nói với hắn: "Anh nhìn xem kìa, trễ quá rồi". Và hắn bắt đầu sợ hãi trước người đàn bà dần dần nhưng đưa tình và ghen tuông này. Hắn ta phát cáu lên như những kẻ thô lỗ khác thường làm. Một tối nọ, hắn đánh cô ta.

Người ta đến tìm tôi. Cô ta vừa la hét vừa vùng vẫy, trong một cơn khủng hoảng ghê gớm của nỗi đau của lòng căm giận, và của đam mê, tôi biết gì nhỉ? Người ta có thể đoán ra được những gì đang diễn ra trong khối óc thô thiển này không?

Tôi chích cho cô ta một mũi mọc-phin để trấn tĩnh cô; và tôi cấm cô gặp lại hân ta, vì tôi hiểu rằng cuộc hôn nhân ấy chắc chắn sẽ đưa cô đến cái chết.

Thế là cô ta điên. Vâng, ông bạn thân mến ạ, người đàn bà điên độn ấy đã điên. Cô ta luôn nghĩ đến hân, và chờ đợi. Cô chờ đợi hân không thôi, suốt ngày, suốt đêm, dù là đang thức hay thiếp ngủ, ngay cả trong lúc này. Vì thấy cô gầy đi, gầy đi nhiều, và vì ánh mắt buồn bã của cô không hề rời khỏi mặt đồng hồ, nên tôi phải cho người đem tất cả dụng cụ đo thời gian ra khỏi nhà.

Như thế là tôi tước mất của cô khả năng đếm giờ giấc, khả năng tìm kiếm không ngừng nghỉ, trong những ký ức tối tăm mông mụi, cái lúc mà ngày xưa hân thường trở về. Về lâu về dài, tôi hy vọng là sẽ giết chết trong cô những kỷ niệm, sẽ dập tắt cái ánh sáng leo lét của trí tuệ mà tôi đã khổ công nhen nhúm.

Và một hôm, tôi đã làm thử một thí nghiệm. Tôi tặng cô ta chiếc đồng hồ đeo tay của tôi. Cô ta cầm lấy, xem xét nó một hồi lâu; rồi cô bắt đầu kêu lên một cách ghê rợn, như thể cái dụng cụ nhỏ bé này bất thần đánh thức cái trí nhớ đã bắt đầu thiếp ngủ của cô.

Ngày nay, cô ta gầy gò đi, gầy gò đến đáng thương, đôi mắt lõm sâu nhưng vẫn long lanh. Và cô cứ đi đi lại lại luôn trong phòng, như những con thú bị nhốt trong chuồng.

Tôi cho người rào các cửa sổ lại, treo các tấm sáo thật

cao và đính chặt các ghế ngồi xuống sàn nhà, để không cho cô nhìn ra ngoài đường xem hắn ta trở về chưa!

Ồ! Cha mẹ cô thật đáng thương! Họ phải sống một cuộc đời khốn khổ biết đường nào!

Chúng tôi đi đến ngọn đồi; anh bạn bác sĩ quay người lại và nói với tôi: "Anh hãy nhìn Ri-om từ đây xem".

Thành phố âm đạm này có vẻ như những đô thị xưa. Phía sau là một cánh đồng trải rộng hút tầm mắt, xanh rờn, có cây cối mọc um tùm và rải rác những ngôi làng và đô thị, và đắm chìm trong một màn hơi nước mịn màng xanh xanh, làm cho chân trời thêm quyến rũ. Phía bên phải, xa xa là những dãy núi trải dài, với một loạt những đỉnh núi tròn trịa hoặc phẳng lì như sóng gợn.

Viên bác sĩ bắt đầu điếm qua các làng mạc và các ngọn núi, vừa kể lại lịch sử của chúng cho tôi nghe.

Nhưng tôi không nghe thấy gì cả, tôi chỉ nghĩ đến người đàn bà điên ấy, tôi chỉ thấy mỗi mình cô mà thôi. Đường như cô ta đang lượn lờ trên khắp vùng đất này, như một hồn ma.

Và bất thần tôi hỏi:

"Còn hắn thì sao? Người chồng ấy?".

Anh bạn tôi hơi ngạc nhiên, và sau một lúc do dự, anh trả lời:

"Hắn ta sống ở Roa-da với số tiền trợ cấp của gia đình cô ấy. Hắn sung sướng, hắn vui chơi phè phỡn".

Lúc chúng tôi chậm chậm trở về, lòng trĩu nặng, cả hai đều lặng lẽ, thì một chiếc xe ngựa kiểu Anh từ sau lưng vụt nhanh qua mặt chúng tôi, do một con ngựa nòi kéo.

Viên bác sĩ nắm lấy cánh tay tôi và nói:

“Hắn kia kìa!”

Tôi chỉ còn thấy một chiếc mũ bằng nỉ xám, đội trễ xuống một bên tai nằm trên đôi vai rộng, rồi biến mất vào trong đám bụi mù.

TRẦN THANH ÁI dịch

TÌNH THÔN DÃ

Chuyến xe lửa vừa rời thành phố Giên⁽¹⁾ đi về hướng Mạc-xây⁽²⁾, men theo bờ biển khúc khuỷu lởm chởm đá, nhẹ lướt giữa biển cả núi non như con rắn sắt bấu víu vào bờ biển cát vàng, nơi những lượn sóng nhấp nhô vỗ vào, trông như mảnh lưới bạc; và bỗng chui vào cửa miệng đen ngòm của những con đường hầm, như con thú chui vào hang.

Trong toa xe cuối cùng, một phụ nữ to lớn và một thanh niên ngồi đối diện nhau, không nói một câu, và chốc chốc lại nhìn nhau. Có lẽ cô ta đã hai năm tuổi, cô ngồi cạnh cửa ngắm phong cảnh. Cô là một nông dân vùng Pi-ê-mông⁽³⁾, đôi mắt đen huyền, ngực đồ sộ, đôi má núng nính. Cô đã cho đám hành lý của mình vào dưới băng ngồi bằng gỗ, và ôm trên gối một chiếc giỏ.

⁽¹⁾ Gênes: thành phố cảng của nước Ý, nằm trên bờ Địa Trung Hải.

⁽²⁾ Marseille: thành phố cảng lớn của nước Pháp, nằm trên bờ Địa Trung Hải. Tác giả tả con đường từ Gênes đi Marseille, băng qua Nice, Grasse, là những vùng chuyên canh hoa có mùi, dùng làm nước hoa nổi tiếng thế giới hiện nay.

⁽³⁾ Piémont: vùng đất Tây Bắc nước Ý, thủ phủ của Turin

Chàng thanh niên khoảng hai mươi tuổi, gầy gò, đen xạm, cái đen của người cày sâu cuốc bẫm ngoài trời. Bên cạnh chàng, trong chiếc khăn mù-soa là tất cả gia tài của chàng: một đôi giày, một áo sơ-mi, một chiếc quần và một áo vét. Dưới băng ngồi chàng cũng đã cất một vài thứ: một xèng, một cuốc buộc chung nhau bằng một sợi dây. Chàng sang Pháp tìm việc làm.

Mặt trời đã lên cao, toả cơn nóng rực xuống vùng biển; lúc ấy vào cuối tháng năm, và những mùi thơm ngậy ngất bay lượn lơ, chui vào toa xe qua các cửa kính để trống. Những cây cam, chanh đang kỳ ra hoa, toả lên không trung êm ả những mùi thơm ngọt ngào dịu dàng, mãnh liệt, làm ngậy ngất, chúng hoà lẫn hương thơm ấy với mùi hoa hồng, mọc khắp nơi như cỏ dại dọc theo đường, trong những khu vườn trù phú trước những túp lều tồi tàn, và cả trong cánh đồng.

Đây là quê hương của hoa hồng, trên bờ biển này! Chúng ngự trị vùng này bằng mùi thơm mãnh liệt và êm ái của chúng, chúng biến không khí thành kẹo ngọt, tuyệt vời còn hơn cả rượu vang, và làm ta ngậy ngất như thứ men ấy vậy.

Xe lửa từ từ chạy, như để nán lại trong khu vườn này, trong trạng thái êm ả này. Nó cứ dừng lại luôn, ở những ga xếp, trước vài ngôi nhà sơn trắng, đoạn tiếp tục lên đường với dáng điệu thông dong, sau khi đã rúc còi một hồi lâu. Không ai lên toa xe ấy cả. Ta có thể nói rằng mọi người đều say ngủ, không dám thay chỗ ngồi trong buổi sáng mùa xuân nóng nực hôm nay.

Người phụ nữ mập mạp kia thỉnh thoảng lại nhắm mắt, rồi chợt mở ra, khi chiếc giở của chị tụt xuống khỏi gối, chực rơi xuống sàn. Chị nhanh nhẹn chụp lại, rồi nhìn ra ngoài trong vài phút, rồi lại tiếp tục lim dim. Những giọt mồ hôi rịn ra trên trán chị, và chị thở một cách khó nhọc, như thể đang chịu đựng một sức ép khủng khiếp.

Từ nãy giờ, chàng trai gục đầu và ngủ một giấc ngon lành như mọi người dân quê khác.

Thình lình, khi xe vừa ra khỏi một ga xép, chị nông dân chợt tỉnh giấc, và vừa mở giở, chị vừa lôi ra một miếng bánh mì, vài quả trứng luộc, một vò rượu và mấy quả đào, những quả đào chín mọng trông phát thèm, và chị bắt đầu ăn.

Đến lượt chàng trai chợt thức giấc, và chàng nhìn chị, chàng nhìn từng miếng ăn của chị di chuyển từ đầu gối lên mồm. Chàng ngồi khoanh tay, mắt nhìn đăm đăm, đôi gò má lõm xuống, miệng mím chặt.

Còn chị, chị ăn uống như mọi phụ nữ xô xẻ háu ăn, chốc chốc lại uống một ngụm rượu để dễ nuốt hơn, rồi dừng lại để thở một chút.

Chị thanh toán tất, nào bánh, nào trứng, nào đào, nào rượu. Và từ lúc chị dùng xong bữa, chàng trai lại nhắm mắt. Lúc ấy, vì cảm thấy khó chịu, chị bèn cởi lỏng áo ngực, và chàng trai bỗng nhìn tiếp.

Chị không hề quan tâm đến điều ấy, và cứ tiếp tục mở nút cúc áo váy. Sức căng của ngực chị làm lần vải tung ra,

để lộ một mảnh vải trắng và khoảng da thịt nằm giữa cặp vú.

Khi cảm thấy thoải mái hơn, chị bèn nói một câu bằng tiếng Ý: "Trời nóng đến nỗi không thể thở được nữa".

Chàng trai bèn trả lời bằng thứ ngôn ngữ ấy và cũng bằng cách phát âm ấy: "Thời tiết thật tốt để đi chơi".

Chị hỏi: "Anh người Pi-ê-mông?"

- Tôi người Át-xti.

- Còn tôi ở Ca-dan.

Họ là láng giềng của nhau. Họ bắt đầu trò chuyện.

Họ nói hàng lô hàng lốc những chuyện không đâu, như người ta thường nói ở nông thôn, và lại phù hợp với những đầu óc chậm chạp và không định hướng. Họ nói về quê họ. Họ cùng quen biết nhiều người. Họ kể tên ra, và mỗi khi họ khám phá ra thêm một người quen chung nào thì họ càng trở nên thân thiện hơn. Họ nói nhanh hơn, vội hơn, với các âm cuối ồn ào⁽¹⁾ và ngữ điệu của người Ý. Đoạn họ tìm hiểu về nhau.

Chị đã lập gia đình; chị đã có ba cháu, hiện nhờ cô em nuôi hộ, vì chị đã tìm ra một chỗ nuôi vú em, một chỗ làm tốt ở nhà một bà người Pháp, tại Mác-xây.

Còn chàng, chàng đang tìm việc làm. Người ta đã

⁽¹⁾ Chỉ cung cách nói thoải mái, thân mật không cần giữ ý.

mách cho chàng biết rằng chàng cũng có thể tìm được việc ở đó vì hiện nay người ta đang xây cất nhiều.

Rồi họ lại im lặng.

Mặt trời càng lúc càng nóng kinh khủng, nó rơi thẳng xuống nóc toa xe như mưa trút. Một đám bụi mù bay la đà đằng sau xe, bay cả vào trong toa; và mùi thơm của cam và hoa hồng làm thêm ngáy ngất, và dường như nó càng đậm đặc, càng nặng nề hơn.

Hai vị hành khách lại lìm dìm ngủ.

Họ lại mở mắt ra gần như cùng một lúc. Mặt trời nghiêng dần xuống biển cả, trút xuống mặt nước xanh biêng biếc một trận mưa rào ánh sáng chói chang, không khí mát mẻ hơn, dường như cũng nhẹ nhàng hơn.

Chị vú thở hổn hển, chiếc áo ngực mở tung, đôi gò má mềm nhũn, cặp mắt lơ đãng; và chị nói bằng một giọng mệt nhọc:

"Từ hôm qua đến nay, em chưa cho bú. Bây giờ em cảm thấy choáng váng như sắp chết".

Chàng chẳng trả lời gì cả, vì chẳng biết nói chi, chỉ nói tiếp:

"Khi dư sữa như em, mỗi ngày phải cho bú ba bận, nếu không thì khó chịu lắm, như thế mang đá trước ngực; nó làm em khó thở, và tay chân rụng rời. Thật là khổ sở khi dư sữa như vậy".

Chàng nói: "Vâng, khổ thật. Chị sẽ bị mệt nhiều đấy?"

Thật vậy, chị ta có vẻ ốm nặng vì bị mệt mỏi và đau điếng người. Chị thì thầm: "Chỉ cần ấn mạnh vào bên trên để sữa phun ra là được. Thật buồn cười khi nhìn cảnh ấy. Nhưng không ai tin đâu. Ở Ca-dan, các ông bà hàng xóm thường xúm lại nhìn em".

Chàng nói: "Chà, thật vậy"

- Vâng, thật vậy. Em sẽ cho anh xem được thôi. Nhưng như thế chẳng giúp gì cho em. Chẳng làm chảy ra được bao nhiêu sữa đâu.

Và chị im lặng.

Đoàn xe dừng lại ở một trạm. Một người đàn bà đứng gần thanh chắn đường, tay bồng một đứa bé đang khóc. Bà ta gầy còm, rách rưới tả tơi.

Chị vú nhìn bà. Chị nói bằng một giọng thương cảm: "Kia là một người nữa mà em có thể giúp được. Và ngay đứa bé cũng có thể giúp em. Nay, em không giàu đâu, bởi vì em đang bỏ nhà, bỏ người thân, bỏ thằng con út bé bỏng để đi làm mướn. Nhưng em sẽ biếu năm quan để được bé kia bú hộ mười phút, để em bớt đau. Được vậy, em như được sinh ra lần nữa".

Chị lại im lặng. Rồi chị dùng bàn tay nóng hổi của mình xoa đi xoa lại vầng trán ướt đầm mồ hôi.

Và chị rên rỉ: "Em hết chịu nổi nữa rồi. Em sắp chết mất". Và bằng mọi cử chỉ vô ý thức, chị mở tung chiếc áo váy ra.

Chiếc vú bên phải hiện ra căng phồng to tướng với cái núm vú nâu xạm. Và người đàn bà tội nghiệp cầu nhàu: "Ai dè, lạy Chúa, tôi phải làm sao bây giờ?".

Xe lửa lại lên đường và tiếp tục băng qua những vườn hoa toả ngát hương thơm vào trời chiều ấm áp. Đôi khi người ta gặp thuyền đánh cá dường như mơ màng trên mặt biển xanh biếc, in bóng xuống mặt nước cùng với cánh buồm trắng xoá, im lìm, như thể có một con tàu khác đang lộn đầu xuống biển.

Chàng thanh niên lúng túng nói: "Nhưng... thưa bà... tôi có thể... giúp bà".

Chị trả lời bằng giọng nói nức nhen: "Vâng, nếu anh muốn. Em sẽ mang ơn anh rất nhiều. Em không thể chịu nổi nữa, em không chịu được nữa".

Chàng quỳ xuống trước mặt chị; và chị nghiêng người về phía anh, tay cầm chiếc núm nâu cho vào miệng anh, như người vú đang nuôi cháu bé. Khi chị dùng tay nâng vú, một giọt sữa chảy ra ở đầu núm. Chàng uống lấy vội vã, mồm ngoạm chặt đầu vú nặng trĩu như ngoạm một trái chín. Và chàng bú một cách hao hao và đều đều.

Chàng choàng đôi cánh tay quanh lưng chị, để kéo chị lại gần chàng hơn; và chàng uống từng ngụm sữa, động tác như trẻ em.

Chợt chị lên tiếng: "Bên này thế là được rồi, bây giờ tới cái bên kia".

Và chàng ngoan ngoãn chuyển sang vú bên kia. Chị đặt đôi bàn tay lên lưng chàng trai, và bây giờ chị hít thở rất thoải mái, rất sung sướng, vừa thưởng thức mùi hương của hao hoà lẫn gió quyện vào toa tàu.

Chị nói: “Bây giờ đã dễ chịu lắm rồi”.

Chàng không trả lời, và vẫn cứ uống mãi cái dòng suối da thịt ấy, và nhắm nghiền mắt lại, như để tận hưởng hương vị của nó.

Nhưng chị nhẹ nhàng ấy người chàng ra:

“Thế là được rồi. Em cảm thấy khá hơn rồi. Em tỉnh lại rồi”.

Chàng đứng dậy, dùng lưng bàn tay chùi mép.

Chị vừa nói vừa cho cặp vú căng tròn vào trong áo váy:

“Ông đã giúp em một việc rất đáng nhớ đời, thưa ông”. Và chàng đáp lại bằng một giọng biết ơn:

“Chính tôi mới là người cảm ơn, thưa bà, vì đã hai ngày nay, tôi chưa được ăn gì cả!”.

TRẦN THANH ÁI dịch

MỘT TRANG SỬ CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ

Mọi người đều biết câu nói nổi tiếng của Pát-can về hạt cát đã làm thay đổi vận mệnh hoàn cầu khi kết thúc số phận của Crom-oeo⁽¹⁾. Vì thế, trong rủi may vô vàn của những biến cố đang ngự trị loài người và thế gian, thì một việc khá nhỏ nhặt, cái cử chỉ tuyệt vọng của một người đàn bà đã quyết định số phận của Châu Âu vì nó đã cứu mạng chàng trai Na-pê-lê-ông Bô-na-pác, người trở thành Na-pô-lê-ông Đại đế sau này.

Đây là một trang sử chưa ai biết đến (vì tất cả những gì có liên quan đến cuộc đời của nhân vật phi thường này đều là lịch sử), một thảm kịch thực sự theo kiểu Coóc-xơ, suýt nữa đã trở thành bi thảm cho chàng sĩ quan trẻ, lúc ấy đang nghỉ phép ở quê hương xứ đảo của mình.

Câu chuyện sau đây hoàn toàn có thực. Tôi viết nó ra đây gần như nguyên văn lời kể lại, không hề thay đổi chi,

⁽¹⁾ Nguyên văn câu nói của Pascal như sau: "Cromwell sắp tàn phá cộng đồng cơ đốc giáo; Hoàng gia đã sụp đổ, và dòng họ ông ta sẽ đời đời hùng mạnh, nếu không có một hạt cát nằm trong đường tiết niệu của ông ta. Ngay cả La Mã cũng run sợ ông ta; nhưng vì viên san nhỏ bé ấy đã nằm trong đó, nên ông ta qua đời, dòng họ ông ta bị hạ bệ, mọi việc lại yên ổn và nhà vua lại lên ngôi". (Chú thích của người dịch)

không hề bỏ bớt chi, cũng không hề cố gắng thi vị hoá, hoặc bi kịch hoá nó. Tôi chỉ ghi lại những sự việc rời rạc, trần trụi, giản dị với tất cả những tên nhân vật và những hành động của họ, và những lời nói mà họ đã thốt ra.

Một câu chuyện kể lại được thêm thắt có lẽ là sẽ làm mọi người thú vị hơn, nhưng đây là lịch sử, và ta không thể thay đổi được lịch sử. Tôi lấy những chi tiết này trực tiếp từ một người duy nhất có thể biết chúng từ gốc, và những chứng cứ của ông ta đã dẫn dắt cuộc điều tra công khai về những sự việc này vào năm 1853 nhằm mục đích bảo đảm việc thực hiện di chúc do vị Hoàng đế bị dày ở đảo Xanh-tê-len để lại.

Thật vậy, ba ngày trước khi mất, Na-pô-lê-ông đã thêm vào di chúc của ông một bản bổ sung, bao gồm các khoản sau đây:

"Tôi để lại 20.000 quan cho một người dân ở Bô-cô-nha-nô, người đã cứu tôi khỏi tay bọn cướp tìm cách ám sát tôi;

"10.000 quan cho ông Vít-da-vô-na, kẻ duy nhất trong gia đình này đã về phe tôi;

"10. 000 quan cho ông Giê-rôm Lê-vi;

"100. 000 quan cho ông Cốt-ta;

"20.000 quan cho tu sĩ Rê-cô".

Trong những giờ phút cuối cùng này, những kỷ niệm thời trai trẻ đã chợt hiện về trong đầu ông; sau biết bao

năm tháng và biết bao cuộc phiêu lưu thần kỳ, ấn tượng do những thử thách đầu tiên trong đời để lại, vẫn còn khá mãnh liệt để theo đuổi ông đến giờ phút hấp hối; và đây là hình ảnh xa xa đang ám ảnh ông: khi ông quyết định để lại những món quà cao quý cho người thuộc hạ tận tụy, mà tên tuổi của anh đã biến mất trong trí nhớ đã kém cỏi của ông, và cho những người bạn đã giúp đỡ ông trong những tình huống khủng khiếp.

Vua Lui XVI vừa mất. Lúc ấy, đảo Coóc-xơ do tướng Pao-li cai quản. Đó là một con người quả cảm và tàn bạo, một con người bảo hoàng tận tụy, hấn cãm ghét Cách mạng Pháp, trong khi Na-pô-lê-ông Bô-na-pác, một viên sĩ quan pháo binh trẻ tuổi, lúc ấy đang nghỉ phép ở A-giắc-xi-ô, lại dùng thể lực của bản thân và gia đình để tuyên truyền cho những tư tưởng mới.

Thời ấy, trong xứ sở hoang dã này chưa có các quán cà-phê, và tối tối Na-pô-lê-ông lại tập hợp các chiến hữu của mình tại một phòng ngủ, nơi họ bàn bạc và vạch ra các đề án, đưa ra những biện pháp, nhận định tình hình tương lai, vừa uống rượu và ăn quả phi-gơ.

Một sự đổ kỵ đã nảy sinh giữa chàng sĩ quan trẻ và tướng Pao-li. Nó xảy ra như sau: Pao-li khi nhận được lệnh chiếm giữ đảo Ma-dơ-len, liền giao nhiệm vụ này cho đại tá Xê-da-ri, vừa dặn dò ông ta, theo lời đồn đại, cố làm hỏng công việc. Na-pô-lê-ông vừa được phong chức Trung tá chỉ huy đội vệ quốc quân trong trung đoàn của đại tá Ken-da, tham gia vào chiến dịch này, và đã phản đối quyết

liệt chống lại cách thức tiến hành, và công khai tố cáo các chỉ huy của mình đã cố tình làm chiến dịch thất bại.

Một ít lâu sau đó, các vị uỷ viên Cộng hoà, trong đó có Xa-li-xê-ti, được cử tới Bát-xi-a. Khi được tin họ đến, Na-pô-lê-ông muốn gặp họ, và để tiến hành cuộc tiếp xúc, anh đã gọi một tay chân tin cậy của mình, một thuộc cấp trung thành tên Xan-tô-bô-nê-li, tục gọi là Rít-xi-ô từ Bô-cô-nha-nô đến làm người dẫn đường.

Cả hai đi ngựa hướng về Coóc-xơ, nơi tướng Pao-li đang ở, vì Na-pô-lê-ông muốn trình diện với ông ta khi đi qua; và vì không biết rằng vị chỉ huy của mình đang tham gia vào một âm mưu chống lại nước Pháp, nên thậm chí anh còn bảo vệ ông ta chống lại những tiếng xầm xì tỏ vẻ nghi ngờ, và nỗi hiềm khích đã lớn giữa họ, mặc dù khá gay gắt, vẫn chưa hề bùng nổ.

Chàng thanh niên Na-pô-lê-ông xuống ngựa trong sân nhà của Pao-li, và giao ngựa cho Xan-tô Rít-xi-ô trông coi, chàng muốn đến ngay lập tức chỗ vị tướng. Nhưng khi chàng đang trèo lên cầu thang, một người đứng gần đấy cho chàng hay rằng ngay lúc đó đang diễn ra một cuộc họp giữa các thủ lĩnh chủ chốt của đảo Coóc-xơ, tất cả bọn họ đều thù địch với tư tưởng Cộng hoà. Chàng ta lo ngại, tìm hiểu khi nào những kẻ âm mưu sẽ tan cuộc họp. Khi có người đi ra, chàng tiến đến gần và hỏi: "Sao rồi?". Hắn ta lại tưởng rằng chàng là đồng minh, trả lời: "Xong rồi! Chúng ta sắp tuyên bố độc lập và sẽ tách khỏi nước Pháp, với sự trợ giúp của nước Anh". Phẫn nộ, Na-pô-lê-ông nói

con giận dữ, và dậm chân, chàng la lên: “Đây là một hành động phản bội, một sự sỉ nhục!”, khi mọi người tới, vì tiếng ồn ào thu hút sự chú ý của họ. Đó chính là những người bà con họ hàng xa gần của gia đình Bô-na-pác. Họ hiểu rõ mối hiểm nguy mà chàng sĩ quan trẻ đang lao vào, vì Pao-li là người luôn sẵn sàng thanh toán mọi trở ngại, nên họ vây quanh chàng, đẩy chàng xuống cầu thang và bắt chàng lên ngựa.

Chàng đi ngay trở về A-giác-xi-ô. Xan-tô Rít-vi-ô luôn đi theo hộ vệ. Khi đêm vừa xuống, họ đến làng Acca-dờ-vi-va-ri-ô, và ngủ ở nhà cha xứ A-ri-gi, người họ hàng của Na-pô-lê-ông. Chàng thông báo cho cha xứ biết những sự kiện vừa mới xảy ra, và xin ý kiến ông ta, vì ông là người thẳng thắn và giỏi phán xét, được mọi người trên đảo kính trọng.

Ngay từ tờ mờ sáng hôm sau, họ lại lên đường, và đi bộ suốt ngày, và tới đến họ đến cổng làng Bô-cô-nha-nô. Tại đây, Na-pô-lê-ông chia tay với người dẫn đường, và bảo anh ta là sáng mai mang ngựa đến đón mình ở ngã tư đường; đoạn chàng đến thôn Pô-gi-ô-la để xin ngủ nhờ tại nhà Phê-lích. Tuy-dô-li, một thuộc hạ và là bà con của chàng, vì nhà anh ta ở nơi khá vắng vẻ.

Trong lúc đó, tướng Pao-li đã biết được việc Na-pô-lê-ông đã đến thăm, cũng như những lời lẽ dữ dội của chàng khi khám phá ra âm mưu nên ông giao cho Ma-ri-ô Pê-ran-di nhiệm vụ đuổi theo chàng, và bằng mọi giá ngăn cản không cho chàng về A-giác-xi-ô hoặc Bát-xi-a.

Ma-ri-ô Pê-ran-di về đến Bô-cô-nha-nô vài giờ trước Na-pô-lê-ông, và đến nhà của Mô-re-li, một gia đình có thể lực, là thuộc hạ của tướng quân. Chẳng mấy chốc họ biết rằng chàng sĩ quan trẻ đã đến làng, và chàng sẽ ngủ đêm tại nhà của Tuy-dô-li; lúc ấy viên thủ lĩnh của bọn Mô-re-li, một con người kiên nghị và đáng sợ, khi biết được lệnh của tướng Pao-li, liền hứa với sứ giả của ông ta rằng Na-pô-lê-ông sẽ không thể thoát được đâu.

Khi trời vừa sáng, ông ta đã cắt cử đồ đệ canh gác tất cả các con đường, các góc ngách, Bô-na-pác được chủ nhà tiễn chân đi gặp Xanh-lô Rít-xi-ô; nhưng Tuy-dô-li lại bệnh, đầu còn trùm khăn, nên chia tay với chàng ngay sau đó. Khi chàng vừa còn lại một mình thì một người đàn ông xuất hiện, báo cho biết là trong một lữ quán gần đó có các bộ hạ của tướng quân đang trên đường trở về Coóc-xơ. Na-pô-lê-ông đến gần họ, và thấy họ đang tề tựu: "Nào, chàng nói với họ, hãy đi tìm thủ lĩnh của các anh đi, các anh đã làm một chuyện rõ đẹp mặt". Nhưng lúc đó, bọn Mô-re-li tràn vào nhà, nhẩy bổ vào chàng bắt chàng làm tù binh và lôi đi.

Xan-tô Rít-xi-ô đang chờ chàng ở ngã tư đường, lập tức hay tin chàng bị bắt; và anh ta chạy ngay đến nhà một thuộc hạ của Bô-na-pác, tên là Vít-da-vô ra, anh ta biết rằng hán có thể giúp anh ta, và nhà hán gần nhà của Mô-re-li, nơi Na-pô-lê-ông sắp bị giam.

Xan-tô Rít-xi-ô hiểu được sự cực kỳ nghiêm trọng của tình hình: "Nếu chúng ta không cứu anh ấy được ngay lập

tức, anh ta nói, anh ấy sẽ chết. Có thể anh ấy sẽ chết trong vòng hai giờ đồng hồ tới đây".

Lúc ấy Vít-da-mô-na đến tìm bọn Mô-re-li, khéo léo thăm dò chúng và vì chúng giấu giếm ý đồ thực sự của chúng, nên anh ta phải hết sức khéo léo và thuyết phục mới khiến chúng hứa cho phép chàng đến nhà anh ta dùng một món gì đấy, trong lúc chúng canh giữ ngôi nhà.

Còn chúng, có lẽ để giấu kín ý đồ, nên chấp nhận đề nghị trên, và thủ lĩnh của chúng, người duy nhất biết được ý nguyện của tướng quân, giao cho chúng canh gác khắp nơi, và trở về nhà để chuẩn bị hành trang lên đường.

Chính lúc vắng mặt này đã cứu mạng người tù binh vài phút sau đó.

Trong lúc đó, với sự tận tụy bản năng của người dân đảo Coóc-xơ, với đức tính bình tĩnh diệu kỳ và một tấm lòng quả cảm. Xan-tô Rít-xi-ô chuẩn bị việc, giải thoát cho người bạn đồng hành của mình. Anh rủ thêm hai thanh niên nữa, cũng can đảm và trung thành như anh; đoạn, anh bí mật dẫn họ đến một khu vườn nằm cạnh ngôi nhà của Vít-da-vô-na, và giấu họ sau một bức tường. Còn anh thì thản nhiên đứng trước mặt bọn Mô-re-li, và xin phép được chia tay với Na-pô-lê-ông, bởi vì chúng sắp giải chàng đi.

Ân huệ nào được chấp thuận; và khi mặt đối mặt với Bô-na-pác và Vít-da-nô-va, anh vạch ra các phương án vừa đôn đốc việc tẩu thoát, vì một chút chậm trễ thời cũng có thể vô cùng tai hại cho chàng... Lúc ấy cả ba đã chui vào

chuông ngựa, và Vít-da-vô-na, đứng trên ngưỡng cửa, nước mắt lưng tròng, ôm hôn vị khách của mình và nói: "Xin Chúa hãy cứu lấy ông, hồi ông bạn khốn khổ ơi, chỉ có Chúa mới có thể giúp ông được".

Vừa leo qua, Na-pô-lê-ông và Xan-tô Rít-xi-ô đã gặp hai thanh niên nằm phục sẵn bên cạnh tường; đoạn cả ba cùng bỏ chạy về hướng con suối ở gần đấy, nằm khuất trong các lùm cây. Nhưng họ đã lọt vào tầm mắt của bọn Mô-re-li. Khi phát hiện ra họ, chúng đổ xô ra đuổi bắt, vừa la toáng lên.

Thế là tên thủ lĩnh Mô-re-li nghe được, khi hắn ta trở lại, và lúc đã rõ cơ sự, hắn lao ra với một diện mạo dữ dằn đến độ vợ hắn, là người theo phe Tuy-dô-li, kẻ đã cho Bô-na-pác ngủ nhờ đêm qua, phải quỳ xuống ôm chân chồng mà van nài, cầu xin hắn tha mạng cho Na-pô-lê-ông. Hắn giận điên người, đẩy vợ ra, và phóng ra ngoài, còn chị vợ vẫn quỳ dưới đất, vội nắm lấy chân hắn bằng đôi cánh tay quắp chặt. Bị đánh đập, bị quật ngã sóng xoài, nhưng chị vẫn không buông, chị kéo chồng lại và hắn ta cũng ngã quỵ xuống bên cạnh chị.

Nếu không có sức mạnh và lòng can đảm của người đàn bà ấy, thì đời Na-pô-lê-ông kể như xong. Vì thế cả giai đoạn lịch sử hiện đại sẽ bị thay đổi. Ký ức của loài người sẽ không phải ghi nhớ tên những chiến thắng lẫy lừng! Hàng triệu sinh linh sẽ không phải chết dưới họng súng đại bác!⁽¹⁾. Bản đồ Châu Âu sẽ không còn như ngày

⁽¹⁾ Napoléon xuất thân từ sĩ quan pháo binh

nay! Và ai biết được rằng hôm nay chúng ta sống dưới chế độ chính trị nào?

Vì bọn Mô-re-li đã đuổi kịp những kẻ chạy trốn, Xan-tô Rít-xi-ô rất quả cảm, anh tựa lưng vào thân một cây dẻ, mặt đối mặt với bọn chúng, vừa quát hai thanh niên kia mang Bô-na-pác-đi. Nhưng chàng không chịu bỏ người dẫn đường của mình lại, còn anh này thì vừa ghì súng vào kẻ thù vừa quát tháo âm ỉ:

"Các cậu kia, có mang anh ấy đi không nào, cứ tóm lấy anh ta, trói tay trói chân lại"

Thế rồi: họ đã chuẩn bị đuổi kịp, bị bao vây, bị bắt giữ; và một đồng đảng của Mô-re-li tên là Ô-pô-ra-tô vừa chìa họng súng vào thái dương của Na-pô-lê-ông vừa la: "Kẻ nào phản bội Tổ quốc phải chết!". Nhưng đúng ngay lúc đó, người đã cho Bô-na-pác ngủ trọ, Phê-lích Tuy-dê-li, được một phái viên của Xan-tô Rít-xi-ô báo tin vừa kịp đến nơi, dẫn theo một đoàn người thân có vũ trang đầy đủ. Thấy rõ nguy cơ, và nhận ra người đang đe dọa tính mạng của vị khách mình là em vợ, anh vừa giương súng vừa la lên:

"Ô-nô-ra-tô, Ô-nô-ra-tô, việc ấy phải giải quyết giữa hai ta".

Tên nọ sừng sốt, chân chừ không dám bắn. Lợi dụng lúc hỗn độn, Xan-tô Rít-xi-ô để cho hai bên đánh nhau hoặc tranh luận với nhau, còn mình thì bế thốc Na-pô-lê-ông, lúi xềnh xệch chàng đi vào rừng chồi, nhờ sự giúp sức của hai thanh niên kia, mặc cho Na-pô-lê-ông phản đối.

Một phút sau, tên thủ lĩnh Mô-re-li, khi đã thoát khỏi tay vợ, và đang trong cơn thịnh nộ, rồi cũng nhập bọn được với đồng đảng của hắn. Tuy nhiên, nhóm chạy trốn đã băng qua núi non, sông suối, bụi rậm. Khi đã ở trong vòng an toàn, Xan-tô Rít-xi-ô cho hai thanh niên đến cầu Uýt-xi-a-ni tìm ngựa, và hẹn gặp lại vào ngày hôm sau. Lúc chia tay, Nô-pô-lê-ông đến bên họ và nói:

"Tôi sắp trở lại nước Pháp, các anh có muốn theo tôi không? Dù cho số phận của tôi ra sao đi nữa, các anh cũng phải chia sẻ với tôi".

Họ đáp:

"Sinh mạng của chúng tôi thuộc về ông; ở đây, ông muốn làm gì chúng tôi thì làm; nhưng chúng tôi không thể rời làng mạc được".

Thế là hai thanh niên gián dị và tận tụy bèn quay lại Bô-cô-nha-nô tìm ngựa, trong lúc Bô-na-pác và Xan-lô Rít-xi-ô tiếp tục cuộc hành trình vất vả trong rừng núi hoang vu với tất cả mọi giao lao, làm cho chuyến đi lại càng thêm nhọc nhằn.

Giữa đường, họ dừng lại để ăn đôi ba miếng tại nhà Măng-xi-ni, và tối đến, tại nhà Pốt-dô-li ở Uýt-xi-a-ni, một đồng đảng của gia đình Bô-na-pác. Thế là ngày hôm sau, khi thức dậy, Nô-pô-lê-ông thấy ngôi nhà bị một toán người có vũ trang bao vây. Đó là tất cả dòng họ và bạn bè của chủ nhà, họ sẵn sàng theo chàng cũng như sẵn sàng chết vì chàng.

Ngựa đã chờ sẵn ở gần cầu, và toán người lên đường, họ hộ tống kẻ đào tẩu cho tới tận vùng lân cận của A-giác-xi-ô. Đêm đến, Na-pô-lê-ông đi vào thành phố, và tạm lánh ở nhà viên thị trưởng, ông Oiăng-giê-rôm Lê-vi. Ông ta giấu Na-pô-lê-ông trong một chiếc tủ âm vào tường. Một thận trọng không hoài công, vì ngày hôm sau cảnh sát đến. Chúng lục lọi khắp nơi, nhưng không tìm thấy chi, đoạn lạng lẽ rút lui, vì bị viên thị trưởng đánh lừa bằng cách khéo léo giả bộ nổi cơn thịnh nộ, khi cuống quýt giúp tay cho cảnh sát tìm kiếm gã thanh niên nổi loạn.

Ngay đêm đó, Na-pô-lê-ông được đưa xuống một chiếc thuyền chèo và được đưa sang bờ bên kia vịnh. Anh được gửi gắm cho gia đình Cốt-ta, ở làng Bát-lê-li-ca, và được che giấu trong rừng chồi. Chuyện Na-pô-lê-ông bị vây trong tháp Ca-pi-te-lô một câu chuyện cảm động do các nhà hướng dẫn du lịch phát hành, là một chuyện ly kỳ hoàn toàn, do trí tưởng tượng, cũng giống như những tin tức mà bọn kỹ nghệ gia dị hợm này cung cấp.

Vài ngày sau, đảo Coóc-xơ tuyên bố độc lập, nhà của Bô-na-pác bị phong tỏa, và ba người chị của chàng phải đến nhờ sự che chở của cha xứ Rê-cô.

Rồi một chiếc chiến hạm Pháp làm nhiệm vụ đón những người thân Pháp cuối cùng trên bờ biển, rước Na-pô-lê-ông lên tàu, và chở về chính quốc người chiến sĩ bị đuổi bắt, bị truy nã, người mà sau này trở thành hoàng đế

và một tướng lĩnh thần kỳ, mà vận rủi may của ông ta đã làm trái đất nghiêng ngả.

TRẦN THANH ÁI dịch

TÊN LÍNH HẦU

Nghĩa trang hôm ấy đầy sĩ quan, trông giống như một cánh đồng đang độ nở hoa. Mũ kê-pi và quần chèn đồ, quân hàm và phù hiệu, gươm kiếm, dây lễ phục choàng vai của Bộ Tham Mưu, áo khoác kiểu có nẹp ngang của bộ binh và khinh kỵ binh, điều qua giữa những hàng mộ với những chiếc thập tự trắng có, đen có, đang dang rộng những đôi tay thê thảm, những đôi tay bằng sắt, bằng đá hay gỗ, trên thế giới của những người đã khuất.

Người ta vừa an táng vợ viên Đại tá vùng Li-mu-danh. Bà ta bị chết đuối hai ngày trước đây, khi đi tắm.

Việc chôn cất đã xong, ông cố đạo đã ra về, nhưng viên Đại tá được hai sĩ quan điều vẫn còn đứng trước huyệt, trong đó ông còn trông thấy chiếc quan tài gỗ chứa đựng thi hài người vợ trẻ mà giờ này đã thối rữa.

Đại tá đã luống tuổi, dáng người cao to và gầy, bộ ria mép đã bạc trắng. Ba năm trước đây, Đại tá cưới cô con gái của một người bạn, là Đại tá Xooc-ti, lúc ấy đã qua đời.

Viên Đại úy và Trung úy là hai người nâng vị chỉ huy

của mình, họ cố gắng dìu ngài Đại tá đi. Ông cưỡng lại, đôi mắt đăm lẹ, nhưng vì ông dừng cảm nén lòng nên nước mắt không trào tuôn, và ông thì thầm: "Không, không, thêm một chút nữa." Đôi chân ông khuy xuống, ông cương quyết nán lại nơi này, bên bờ huyết, mà giờ này đối với ông hình như thăm thẳm như vực sâu, nơi đây đã chôn lấp trái tim và cuộc đời của ông, là tất cả những gì còn lại với ông trên trần thế.

Chợt tướng Ooc-mông đi lại nắm cánh tay viên Đại tá và gần như lôi ông đi:

"Nào, ông bạn già thân mến, không nên ở lại đây nữa". Lúc ấy viên Đại tá mới chịu vâng lời và trở về nhà.

Khi mở cửa phòng, ông thấy có một bức thư trên bàn làm việc. Vừa cầm lên, suýt tí nữa ông ngắt đi vì kinh ngạc và xúc động. Ông nhận ra nét chữ của vợ mình. Bức thư mang tem bưu điện, được đóng dấu ngày hôm ấy.

Ông bóc thư và đọc:

"Thưa cha.

"Xin phép cha cho con còn được gọi như thế, như ngày xưa. Khi cha nhận được thư này thì con đã chết và nằm yên trong lòng đất. Lúc ấy có thể cha sẽ tha thứ cho con.

"Con không muốn tìm cách làm cha xúc động, và làm nhẹ đi lỗi lầm của mình.

Con chỉ muốn nói lên một sự thật hoàn toàn và đầy đủ với tất cả tấm lòng thành của một người đàn bà mà một giờ sắp tới đây sẽ quyên sinh.

“Khi cha cưới con làm vợ vì tấm lòng quảng đại bao dung, thì con cũng đã hiến đời con cho cha vì lòng biết ơn; và con đã yêu cha bằng tất cả tấm lòng của đứa con gái bé nhỏ. Con yêu cha như con đã từng yêu cha ruột của con, gần như thế; và một hôm, khi con ngồi trên đùi cha, khi cha hôn con, con đã buột miệng gọi cha bằng cha. Đó là tiếng gọi từ đáy lòng, xuất phát từ bản năng, và tự phát. Thật vậy, đối với con, cha quả là một người cha, không là gì khác hơn một người cha. Cha đã cười, và nói với con: “Hãy cứ gọi ta như thế nhé, con ạ. Ta lấy làm hài lòng lắm”

“Chúng ta đã đến thành phố này, và xin cha tha lỗi, con đã si tình. Ô! con đã nén lòng mình lại trong một thời gian dài, gần hai năm trời, cha hãy đọc kỹ, gần hai năm trời, và rồi con đành lùi bước, con trở thành người đàn bà tội lỗi, người đàn bà hư thân.

“Còn anh ấy? Cha sẽ không đoán ra được đâu. Con rất yên tâm về chuyện đó? Bởi vì chung quanh con luôn có mười hai sĩ quan hầu cận mà cha thường gọi là mười hai vâng tinh tú.

“Thưa cha, xin cha đừng tìm cách biết tên anh ấy và cũng đừng ghét bỏ anh. Anh đã làm những gì mà bất cứ ai ở vào hoàn cảnh anh đều làm như thế và con chắc chắn rằng anh ấy cũng yêu con bằng tất cả con tim của mình.

"Nhưng, xin cha hãy lắng nghe, một bữa nọ hai con hẹn nhau ở ngoài đảo chim Mỏ Nhác, một hòn đảo nhỏ sau cối xay gió, mà cha cũng biết. Con phải bơi sang đảo, còn anh ấy sẽ chờ con trong bụi rậm, và chúng con sẽ ở lại đó đến tối, để khi về, không ai trông thấy. Con vừa đến với anh ấy, thì lúc đó con thấy Phi-líp, người lính hầu cận của cha, từ trong lùm cây đi ra. Hắn ta tình rập chúng con; con cảm thấy điếng người, và thắng thốt la lên. Lúc đó, anh ấy nói với con: "Em hãy đi đi, hãy bơi khe khẽ, để anh ở lại đây với thằng này."

Con bơi về, mà lòng xúc động đến nỗi suýt chết đuối. Con trở về nhà cha, và chờ đợi điều khủng khiếp đến.

"Một giờ sau, con gặp Phi-líp trong hành lang phòng khách, hắn nói nhỏ với con: "Thưa bà, tôi sẵn sàng đợi lệnh của bà, nếu bà cần chuyển thư". Lúc ấy con hiểu ngay rằng hắn đã bán mình, và anh bạn con đã mua hắn.

"Thật vậy, con đã trao cho hắn nhiều thư từ tất cả thư từ của con. Hắn mang thư đi và đem thư trả lời về.

"Việc ấy kéo dài khoảng hai tháng. Chúng con tin tưởng hắn ta, cũng như chính cha cũng đã tin tưởng ở hắn.

"Và thưa cha, đây là việc đã xảy ra. Một hôm, con bơi sang cũng đảo ấy, nhưng lần này, chỉ một mình con thôi. Con bắt gặp hắn. Hắn đợi con ở đó, và cho con biết rằng nếu con không thoả mãn những ham muốn của hắn, hắn sẽ tố cáo với cha về việc của chúng con, và sẽ nộp cho cha những bức thư mà hắn đã đánh cắp của con.

“Ôi! Thưa cha, cha của con, con sợ quá, nỗi sợ hãi hèn nhát, đáng xấu hổ. Con sợ nhất là cha, một người cha vô cùng phúc hậu, và bị con dối gạt; con sợ cho cả anh ấy - có thể cha sẽ giết anh ấy - và có thể cho con nữa. Con hốt hoảng, chết lặng người. Con tưởng rằng có thể mua hán một lần nữa, hán ta, tên khốn kiếp ấy cũng yêu con nữa. Ôi, thật nhục nhã!

“Chúng con yếu đuối đến nỗi đâm ra bối rối còn hơn cha. Và khi người ta đã một lần rơi xuống hố, người ta còn rơi xuống sâu, sâu mãi. Con có biết những gì con đã làm không? Lúc ấy con chỉ hiểu rằng một trong hai người hoặc cha hoặc anh ấy và con sẽ chết - và con đã hiến thân cho tên súc sinh ấy.

“Cha thấy đấy, thưa cha, rằng con không hề tìm cách lẩn tránh tội lỗi.

“Thế rồi, thế rồi, những gì lẽ ra con phải thấy trước, đã đến. Hắn chiếm đoạt con mỗi khi hắn thèm khát, vừa khủng bố con. Hắn trở thành tình nhân của con, cũng như anh ấy, đều đặn mỗi ngày. Thật khủng khiếp quá, và sự trừng phạt ghê gớm quá, phải không cha?

“Lúc ấy, con tự nhủ: Phải chết. Lúc còn sống, con không thể thú nhận cùng cha một tội lỗi như thế, thì khi chết rồi, con dám nói tất cả. Con không thể nào làm khác hơn là chọn lấy cái chết, không gì có thể giúp con rửa sạch tội lỗi được. Con đã quá nhơ nhuốc. Con không còn có thể yêu thương và được thương yêu nữa. Con có cảm giác dường như chỉ cần bắt tay với mọi người xung quanh, là con đã có thể làm nhơ bẩn họ.

“Chóc nữa đây, con sẽ đi bơi, và sẽ không về nữa.

”Bức thư này con nhờ tình nhân con gửi đến cho cha. Anh ấy sẽ nhận được thư sau khi con chết, và sẽ chuyển đến cho cha, mà không hay biết gì cả, và như vậy là nguyện ước cuối cùng của con được thực hiện. Khi cha từ nghĩa trang về nhà, cha sẽ đọc được thư.

“Vĩnh biệt cha, con chẳng còn gì để nói với cha nữa cả. Cha hãy làm gì tùy cha muốn, và xin cha hãy tha thứ cho con”.

Viên Đại tá lau vùng trán đầm mồ hôi. Bất ngờ ông lấy lại được bình tĩnh, sự bình tĩnh của những ngày lăn lộn trên chiến trường.

Ông bấm chuông.

Một gia nhân xuất hiện.

”Cho Phi-líp lên đây”. Ông bảo.

Đoạn ông mở ngăn kéo của bàn làm việc.

Ngay sau đó, hắn ta bước vào phòng. Đó là một quân nhân cao to, bộ râu mép màu đỏ hung, vẻ mặt ranh mãnh, đôi mắt nham hiểm.

Viên Đại tá nhìn thẳng vào mặt hắn.

“Anh cho tôi biết ai là tình nhân của vợ tôi.

- Nhưng, thưa Đại tá...

Viên Đại tá rút từ ngăn kéo để hờ ra một khẩu súng ngắn.

“Nào, nhanh lên, anh biết rằng tôi không thích đùa.

- Vậy thì, thưa Đại tá... đó là Đại úy Xanh-tan-be.”

Vừa nói xong câu ấy, một ánh lửa loé lên, đập vào mắt hắn và hắn ngã sấp xuống với một viên đạn xuyên vào giữa trán.

TRẦN THANH ÁI dịch

HẠNH PHÚC

Trước khi lên đèn là giờ uống trà. Ngồi biệt thự nằm chênh vênh trên bờ biển. Mặt trời vừa lặn còn để lại trên nền trời màu ửng hồng, lấm tấm những đám bụi vàng trên đường đi qua. Và Địa Trung Hải, mặt phẳng lì, không một gợn sóng, còn phản chiếu dưới ánh thái dương vừa tắt, giống như một tấm kim loại nhẵn nhụi và mênh mông.

Xa xa, phía bên phải, những rặng núi nhấp nhô in lên chán trời Tây ửng nhạt hình dáng đen thẫm của chúng.

Mọi người đang bàn tán về tình yêu. Họ tranh luận về đề tài muôn thuở này.

Họ lặp đi lặp lại những điều mà người ta đã thường nói từ lâu. Nỗi buồn man mác êm ả của buổi chiều tà làm câu chuyện khoan thai hơn, làm tâm hồn họ như chùn xuống; và tiếng "tình yêu" không ngừng được nhắc đến, khi bằng một giọng đàn ông ồn ào, khi bằng một giọng đàn bà nhỏ nhẹ, dường như nó tràn ngập cả gian phòng khách bé nhỏ, nó lượn lờ như thể loài chim, và lớn vồn như thể hồn ma.

Người ta có thể yêu nhau trong suốt một thời gian dài không?

“Được”, một vài người lên tiếng.

“Không”, một số khác phủ nhận.

Họ phân tích nhiều trường hợp, họ vạch ra những giới hạn, họ nêu ra nhiều dẫn chứng; và tất cả đàn ông cũng như đàn bà, đều cảm thấy lũ lượt những kỷ niệm bỗng hiện về, khiến họ như nghẹn ngào, những kỷ niệm mà họ không thể nào kể ra cho ai nghe, nhưng nó cứ chực trào lên trên đôi môi. Họ dường như rất xúc động, và cứ bàn tán mãi về cái điều bình dị và tuyệt luân này, một sự hoà hợp triu mến và huyền diệu giữa hai sinh vật, với một xúc cảm sâu xa và một nỗi quan tâm nồng nhiệt.

Bỗng có người kêu lên, đôi mắt vẫn nhìn đắm đắm về chốn xa xăm:

“Ồ? Nhìn kia? Đàng kia, cái gì thế?”

Trên mặt biển, tận nơi chân trời, một khối xám xịt khổng lồ và mờ mờ, bỗng hiện ra.

Các bà đứng lên và ngơ ngác nhìn vật kỳ lạ kia, mà họ chưa bao giờ gặp.

Ai đó nói:

“Đảo Cooc-xơ đấy! Một năm ta có thể nhìn thấy nó độ hai ba lần, trong những điều kiện khí hậu đặc biệt; khi không khí hoàn toàn trong suốt không che khuất nó bởi màn hơi nước phủ lên những vật xa xăm.

Họ nhận ra những đỉnh núi mờ mờ, và cho rằng thấy tuyết trên đỉnh. Mọi người ngạc nhiên, bối rối, gần như

hoảng hốt trước sự xuất hiện đột ngột của một thế giới khác, trước cái bóng mưa vừa thoát ra khỏi lòng đại dương này. Có thể những người vượt qua các đại dương bí ẩn như Cô-lông cũng đã gặp quang cảnh lạ lùng như thế này.

Khi ấy một ông đã luống tuổi, từ nãy giờ vẫn im lặng, bỗng lên tiếng:

"Này, tôi biết trên hòn đảo vừa xuất hiện sừng sững trước mặt ta kia, như thể để trả lời những điều mà chúng ta bàn luận tự nãy giờ, và để nhắc tôi một kỷ niệm lạ thường, tôi biết một trường hợp đáng khâm phục về một mối tình bền bỉ, một mối tình hạnh phúc phi thường.

Câu chuyện như sau:

*

Cách đây năm năm, tôi đi du ngoạn ở Cooc-xơ. Đối với chúng ta, hòn đảo hoang dã này ít được biết đến và còn xa xôi hơn cả châu Mỹ, mặc dù đôi khi ta vẫn thấy nó từ bờ biển nước Pháp, như thể hôm nay đây.

Các vị hãy tưởng tượng một thế giới đang còn trong thời kỳ hỗn mang, một biển núi mênh mông, bị chia cắt bởi những con suối hẹp cuộn cuộn những thác ghềnh. Không một cánh đồng, nhưng có vô số những dãy núi đá và những giồng đất khổng lồ được bao phủ bởi những bụi biển hoặc những rừng dẻ và thông. Đó là một vùng

đất sơ khai, chưa hề có bàn tay người khai phá, hoang vu, mặc dù thỉnh thoảng người ta cũng thấy vài ngôi làng, giống như những bãi đá tảng, nằm trên đỉnh núi. Không canh tác không kỹ nghệ, không một công trình nghệ thuật nào. Ta không bao giờ gặp một mảnh gỗ, được bào dẽo nào, một phiến đá có chạm khắc nào, ta không bao giờ biết đến những hồi ức ngây ngô hoặc tình tế của tổ tiên về những nghĩa cử tốt đẹp. Đó cũng chính là điều đập vào mắt ta nhiều nhất ở cái xứ sở kỳ diệu và khắc nghiệt này; sự lạnh lùng muôn thuở đối với sự tìm kiếm những hình thức có sức hấp dẫn con người mà ta gọi là nghệ thuật.

Nước Ý, nơi mà mỗi một cung điện là một kiệt tác chứa đựng nhiều kiệt tác khác nơi mà gỗ, đá, sắt thép minh chứng tài nghệ của con người, nơi mà những vật dụng cổ xưa bé nhỏ trong các căn nhà cũ kỹ càng có thể biểu hiện được sự quan tâm thiêng liêng đến cái đẹp; đối với tất cả chúng ta, đó là tổ quốc thiêng liêng mà mọi người yêu quý, bởi vì nó chứng minh và cho chúng ta thấy sự cố gắng, sự vĩ đại, sức mạnh và sự toàn thắng của sức sáng tạo của con người.

Và đối diện với nó, đảo Cooc-xơ hoang dã vẫn giữ nguyên hình như những ngày đầu. Con người sống ở đó trong các căn nhà thô kệch, họ đứng dưng với tất cả những gì không liên quan đến cuộc sống của họ, hoặc đến những mối hiểm khích giữa các dòng họ với nhau... Và họ cứ tồn tại cùng với những nhược điểm và những phẩm chất của những giống người hoang dã. Họ tàn bạo, thù địch, khát máu một cách vô ý thức. Nhưng họ cũng hiếu khách, rộng

lượng, tận tụy, ngây ngô. Họ sẵn sàng mở rộng cửa đón tiếp những khách qua đường, và sẽ đáp lại bất cứ một biểu hiện tình cảm nào bằng một tình bạn trung thành.

Thế là trong suốt một tháng, tôi lang thang ngang dọc qua hòn đảo kỳ diệu này, với cảm giác rằng mình đang ở tận cùng trời cuối đất, không có một nhà trọ, một quán ăn, một con đường nào cả. Ta phải dùng những con đường mòn của lửa thổ để đến những ngôi làng nằm cheo leo trên sườn núi, và chênh vênh trên những vực thẳm ngoằn ngoèo, từ đó tối tối, ta có thể nghe tiếng thác đổ liên tục, âm ỉ và sâu lắng vọng lên. Ta gõ cửa một nhà nào đấy xin chỗ nghỉ đêm và cái ăn qua ngày. Ta nghỉ ăn ở chiếc bàn mộc mạc, và ngủ dưới mái nhà đơn sơ. Sáng hôm sau, ta siết tay chào tạm biệt chủ nhân khi ông ta dẫn ta đến tận ranh làng.

Một buổi tối nọ, sau mười giờ đi bộ, tôi gặp một căn chòi nhỏ, nằm đơn độc trong một thung lũng hẹp cách biển một dặm đường. Hai triền dốc núi là rừng rậm rạp, cùng với những tảng đá lở và những cây đại thụ, như thể hai bức tường thành u ám vây kín cái thung lũng buồn da diết này.

Xung quanh túp lều, vài luống nho, một khu vườn con con. Xa hơn một chút, vài cây dừa cao to là nguồn lương thực, một kho báu của cái xứ nghèo xơ xác này.

Người ra đón tôi là một phụ nữ đã già, khác khổ và đặc biệt sạch sẽ. Người đàn ông đang ngồi trên chiếc ghế rơm, đứng lên chào tôi, đoạn ngồi xuống, không nói một lời. Vợ ông ta nói với tôi:

“Xin ông thứ lỗi cho. Ông ấy bây giờ đã nghênh ngang nặng rồi. Tám mươi hai tuổi mà”

Bà ta nói bằng một thứ tiếng Pháp chuẩn mực.

Tôi ngạc nhiên hỏi bà:

“Bà không phải là người ở đây chứ?”

Bà trả lời:

“Không, chúng tôi là người đất liền. Nhưng chúng tôi sống ở đây đã năm mươi năm nay.”

Một cảm giác nao nao và sợ hãi xâm chiếm lòng tôi khi nghĩ đến quãng thời gian năm mươi năm sống trong cái xó xỉnh tăm tối này, hoàn toàn cách biệt với nơi phồn hoa đô hội. Một con chó chăn gia súc già trở về, và mọi người bắt đầu bữa ăn tối với món xúp đặc duy nhất, mà họ nấu lẫn khoai tây, mỡ và bắp cải với nhau.

Khi bữa ăn tối ít ỏi chấm dứt, tôi đã ngồi trước cửa, lòng quặn thắt vì vẻ tĩnh mịch của quang cảnh nơi đây, và đau nhói, vì nỗi lo âu đôi khi xâm chiếm lòng người lữ khách trong những chiều ẩm đảm, ở những nơi cô tịch. Đường như tất cả đều sắp kết liễu: sự sống và vũ trụ. Ta bỗng nhận ra nỗi khốn khổ ghê hồn của cuộc sống, sự cô quạnh của mọi người, cái hư vô của tất cả, và nỗi đơn độc của cõi lòng, luôn tự vỗ về và tự lừa dối bằng những mộng mơ, cho đến khi già từ cuộc sống.

Bà già đến gần bên tôi, và bị ray rứt bởi tính tò mò luôn tiềm ẩn tận đáy lòng của những kẻ nhẵn nhụi:

- Thế ông từ Pháp tới à? - Bà nói

- Vâng, tôi đi du lịch.

- Có lẽ ông là người Pa-ri?

- Không, tôi ở Nãng-xi.

Dường như một cơn xúc động lạ thường khuấy động lòng bà. Làm thế nào mà tôi có thể thấy, hoặc đúng hơn là cảm thấy, được điều ấy, tôi cũng không biết nữa.

Bà chậm rãi lập lại:

"Ông ở Nãng-xi à?"

Người đàn ông xuất hiện ở cửa, lạnh lùng như những người điếc khác.

Bà nói tiếp:

"Không sao đâu, ông ấy không nghe đâu".

Ngưng vài giây, bà nói tiếp:

"Vậy thì ông biết nhiều về dân Nãng-xi không?"

- Biết chứ, gần như tất cả.

Còn gia đình ở Xanh-ta-le-dơ?

- Vâng, tôi biết rõ. Họ là bạn của cha tôi.

- Tên ông là gì?

Tôi nói tên họ của tôi. Bà nhìn tôi đắm đắm rồi nói bằng giọng khe khẽ do những kỷ niệm xa xa gọi lại:

"Vâng, vâng, tôi nhớ rõ. Còn dòng họ Bri-dơ-ma, họ ra sao rồi?"

- Tất cả đều chết hết.

- Chà! Còn dòng họ Xiêc-mông, ông biết họ chứ?

- Vâng, người cuối cùng hiện nay là Đại tướng.

Lúc ấy, bà thốt lên; run run vì xúc động, vì bồn chồn, vì một thứ tình cảm lộn xộn, mãnh liệt và thiêng liêng, vì một nhu cầu được thổ lộ, được nói lên tất cả, được nói về những điều mà bà giữ kín tận đáy lòng cho đến lúc đó, và về những người mà khi nhắc đến tên của họ, thì tâm hồn bà điên đảo:

"Vâng, Ăng-ri Xiêc-mông, tôi biết ông ấy rõ. Ông là em ruột tôi"

Tôi bỗng giương mắt nhìn bà, hoảng hốt vì ngạc nhiên. Và tôi chợt nhớ lại:

Ngày xưa, vụ ấy đã gây ra một xì-căng-đan ồn ào trong giới quý tộc xứ Cloren. Một thiếu nữ trẻ đẹp và giàu có, cô Xuy-dan đơ Xiêc-mông và một viên hạ sĩ quan khinh kỵ binh của lữ đoàn do cha cô chỉ huy cùng nhau bỏ trốn.

Đấy là một thanh niên đẹp trai, con một nông dân, nhưng rất thích hợp trong bộ lễ phục xanh, cậu ta đã quyến rũ con gái viên Đại tá mình... Có lẽ nàng đã gặp anh, đã để ý, đã yêu anh, khi thấy anh đi duyệt binh trong lữ đoàn. Nhưng làm thế nào nàng nói chuyện được với

anh, làm thế nào họ có thể gặp nhau, và phải lòng nhau được? Làm thế nào nàng dám thổ lộ với chàng là nàng yêu chàng? Không bao giờ người đời biết được chuyện ấy.

Trước đó, mọi người không dự đoán được, linh cảm được gì cả. Một tối nọ, khi vừa xong buổi tập, chàng biến mất cùng với nàng. Mọi người đổ xô tìm họ, nhưng chẳng gặp. Từ đó, người ta không bao giờ nhận được tin họ, và xem như là nàng đã chết.

Còn tôi thì lại tìm thấy nàng ở trong thung lũng thảm hại này.

Và đến lượt tôi thốt lên:

“Vâng, tôi nhớ rõ lắm. Bà là tiểu thư Xuy-dan.”

Bà gật đầu. Những giọt nước mắt từ từ tuôn ra nơi khoé mắt. Lúc ấy, bà đưa mắt chỉ cho tôi lão già đang ngồi bất động trên ngưỡng cửa của túp lều tồi tàn, bà nói:

“Anh ấy đấy!”

Và tôi hiểu ngay rằng bà vẫn luôn yêu “anh ấy”, và vẫn còn nhìn “anh ấy”, bằng đôi mắt đắm đuối.

Tôi hỏi :

“Thế bấy lâu nay bà vẫn hạnh phúc chứ?”

Bà trả lời bằng một giọng nói xuất phát từ tận đáy lòng:

“Ồ! Có chứ, rất hạnh phúc. Anh ấy đã đem lại hạnh phúc cho tôi. Tôi chả nuôi tiếc chi cả.”

Tôi ngắm nghía bà, lòng buồn bã, kinh ngạc, thán phục bởi sức mạnh của tình yêu. Nàng con gái giàu sang này đã đi theo người đàn ông thôn dã này. Và bản thân nàng cũng trở thành thôn dã. Nàng đã tạo cho mình một cuộc đời không chút điểm lệ, xa hoa, quý phái; nàng đã chịu nén mình theo lối sống giản dị. Và nàng vẫn còn yêu chàng. Nàng trở thành một người đàn bà quê mùa, đầu đội mũ vải, mặc váy vải thô. Nàng ăn bằng đĩa đất nung, trên bàn gỗ, ngồi ghế rơm, dùng xúp báp cải nấu lộn với khoai tây và mỡ. Nàng ngủ trên ổ rơm bên cạnh chàng.

Nàng không nghĩ đến gì khác, ngoài chàng! Nàng không nuối tiếc những ngọc ngà châu báu, những quần, là áo lụa, những sang trọng đài các, những nệm ấm chăn êm sức nồng nước hoa. Nàng chỉ cần có chàng; nàng chẳng muốn gì hơn, miễn sao có chàng ở bên cạnh.

Khi còn xuân xanh mơn mớn, nàng đã chối bỏ cuộc đời và thế gian, và cả những người đã nuôi nấng nàng, đã thương yêu nàng. Nàng đã đơn độc cùng chàng đến chốn thung lũng hoang dã này. Và chàng là tất cả đối với nàng, tất cả những gì mà người đời luôn mong muốn, ước mơ, chờ đợi, hy vọng. Chàng đã vun đắp cả cuộc đời nàng tràn đầy hạnh phúc.

Nàng không thể nào tìm thấy một cuộc đời hạnh phúc hơn.

Và suốt đêm, nằm nghe tiếng thở ồm ồm của anh lính già ngủ trên tấm phản, bên cạnh người phụ nữ đã cùng anh đi đến tận trời cuối đất, tôi suy nghĩ về cuộc phiêu lưu kỳ

lạ và đơn giản này, về hạnh phúc trọn vẹn này, một hiện tượng vô cùng hiếm hoi.

Và khi mặt trời lên, tôi ra đi, sau khi siết chặt tay già từ đôi uyên ương già.

*

Người kể chuyện im tiếng. Một bà nói:

"Chẳng hề chi, bà ta có một lý tưởng quá dễ dãi, những nhu cầu quá sơ khai, và những đòi hỏi quá giản đơn. Đó chỉ là một mù điên".

Một bà khác chậm rãi nói:

"Nhưng mặc, bà ta có hạnh phúc".

Và đằng kia, tận nơi chân trời, đảo Cooc-xơ đắm chìm trong màn đêm, từ từ trở về biển cả, xoá mất bóng dáng hùng vĩ của nó xuất hiện khi nãy như để kể lại câu chuyện của một cặp tình nhân bình thường, đã từng ẩn náu bên bờ hoang đảo.

TRẦN THANH ÁI dịch

MỤC LỤC

Món gia tài	<i>Trọng Đức dịch</i>	5
Boa - ten	<i>Trọng Đức dịch</i>	109
Món trang sức	<i>Trọng Đức dịch</i>	122
Một đứa con	<i>Trọng Đức dịch</i>	137
Viên Mỡ Bò	<i>Hương Minh dịch</i>	152
Thằng ăn mày	<i>Hương Minh dịch</i>	216
Cái ô	<i>Hương Minh dịch</i>	224
Trả thù	<i>Vũ Đình Bình dịch</i>	238
Món tư trang	<i>Trung Hiếu dịch</i>	247
Cô Fifi	<i>Trung Hiếu dịch</i>	259
Kẻ lang thang	<i>Trung Hiếu dịch</i>	280
Đứa con bỏ rơi	<i>Trung Hiếu dịch</i>	301
Con quỷ	<i>Lê Hồng Sâm dịch</i>	316
Sáng trăng	<i>Lê Hồng Sâm dịch</i>	328
Bố của Ximông	<i>Lê Hồng Sâm dịch</i>	337
Người gác rừng	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	352

Cuộc phiêu lưu của Oan-tơ-xnáp	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	366
Một kẻ giết cha mẹ	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	380
Thánh Ảng-toan	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	391
Mụ điên	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	404
Trong chuyến đi	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	410
Béc – tơ	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	420
Tình thôn dã	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	436
Một trang sử chưa được công bố	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	444
Tên lính hầu	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	456
Hạnh phúc	<i>Trần Thanh Ái dịch</i>	463

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 8 222 135

E-mail : nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Guy de Maupassant

VIÊN MỖ BÒ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM SÔNG HỒNG

Biên tập:

PHÒNG VHNN

Vẽ bìa:

TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in:

HẢI ĐĂNG

In: 600 cuốn, khổ 13x19cm, tại Công ty Cổ Phần In Sao Việt
Giấy đăng ký KHXB số: 47-229-2006/CXB
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2006.



Những tác phẩm kinh điển thế giới

G. De Maupassant

Truyện ngắn chọn lọc

Viên mỡ bò



Những tập kinh điển - viên mỡ



1 006091 300493

53.000 VNĐ

GIÁ: 53.000Đ